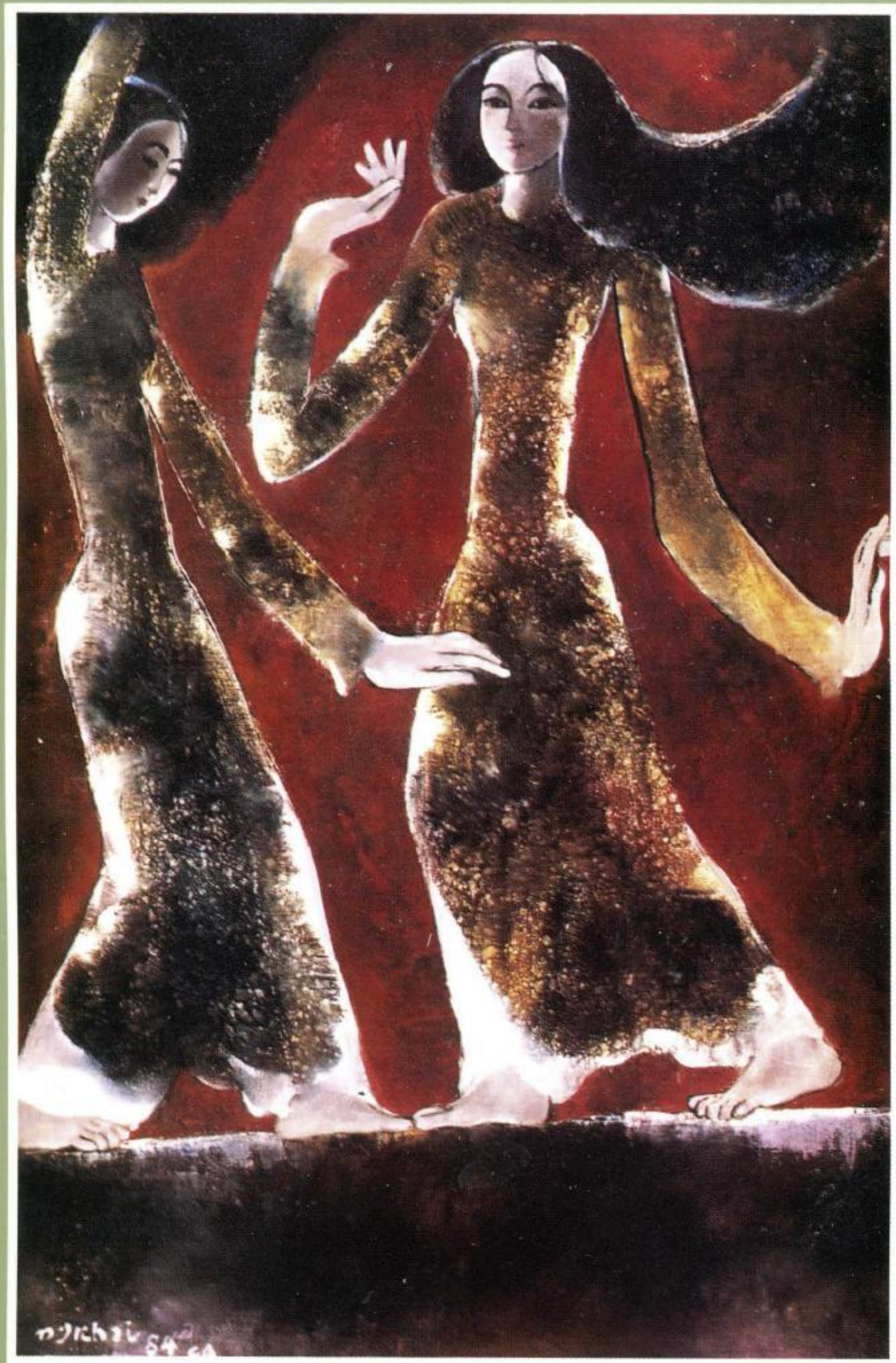
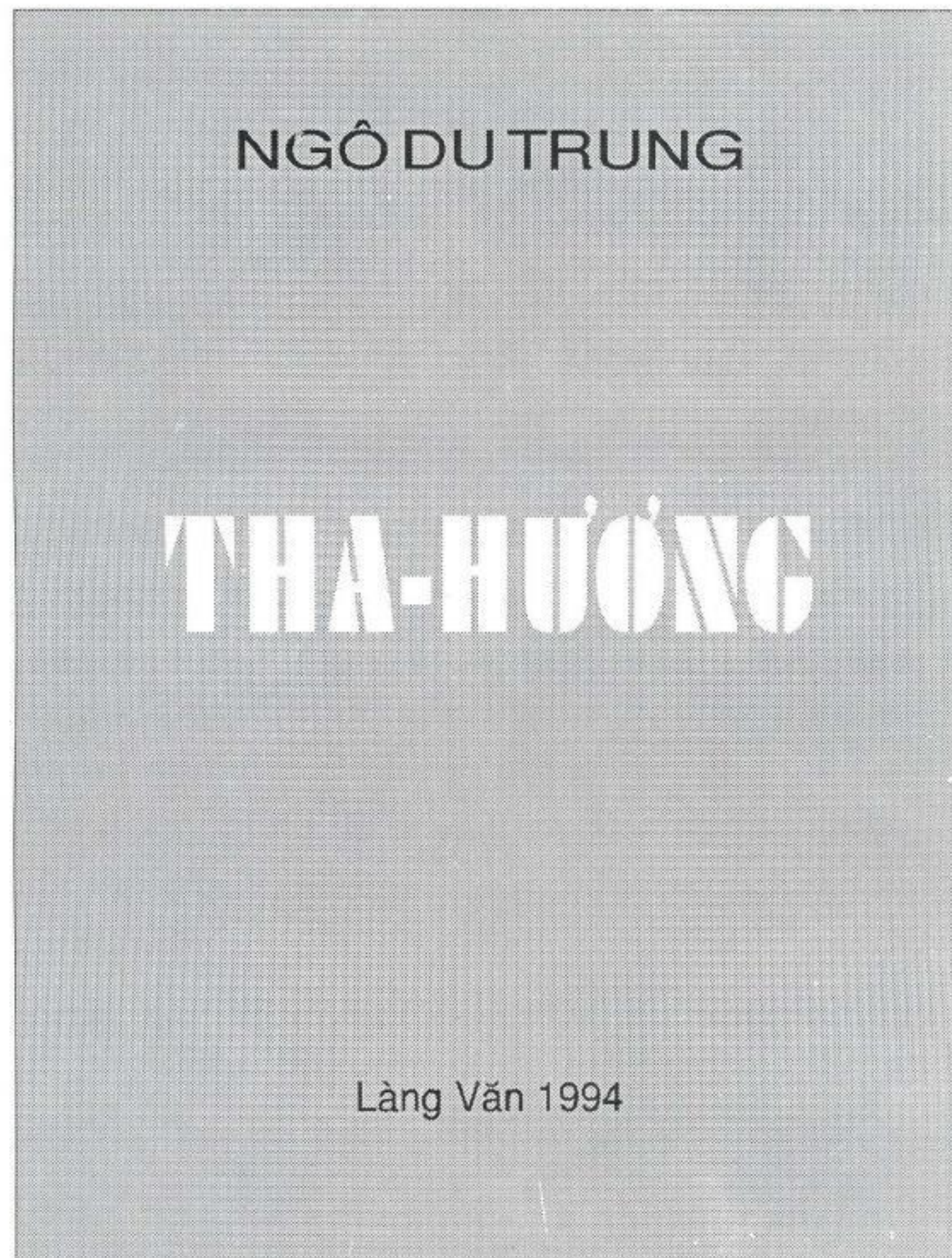


làng văn

124
Tháng 12.94



Đã phát-hành khắp nơi
tập truyện ngắn mới nhất của
NGÔ DU TRUNG



giá 10 mỹ-kim (14 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

(độc-giả dài hạn được bớt 10%)

làng văn

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 11 - No 124 - December 1994

Bộ 11 - số 124 - tháng 12, 1994

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Trái đất 30 ngày qua.....	6
Trong làng.....	7
Vụ án văn-học Văn Nương	9
Nhà văn An Khê qua đời, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	8
Ngoài ngõ.....	11
Tin Việt-nam.....	13
Thư Sài-gòn, Vũ Đa Cao.....	18
Tin tị-nạn.....	19
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	23
Phù-tang tạp-lục, Vi-An.....	27
Thuật phong-thủy, Lê Văn Lân.....	31
Lá thắm đề thơ, Hương-giang Thái Văn Kiểm.....	37
Thu cảm, thơ Cao Tiều.....	39
Vụ án văn-học Con Rồng Cháu Tiên, Đào Đức Chương.....	41
Quê-hương, thơ Huỳnh Liễu Ngan.....	42
Thơ: Rẽ lối thu về, Nguyễn Sĩ Long; Hoài âm, Trương Chi.....	46
Tịch-mịch, thơ Hồ Công Tâm.....	48
Phong-trào văn-đoàn ở Nam-kỳ thời tiền-chiến, Xuân Tước.....	49
Mùa thu dĩ-vãng, thơ Hoài Nam.....	50
Máng cỏ đi hoang, Nguyễn Duy Tâm.....	52
Lễ cuối năm, thơ E.P.....	53
Nơi tôi gục xuống, thơ Hà Mặc Nhân.....	54
Huyền-thoại tuổi thơ, Trương Mỹ Vân.....	56
Thơ: Sợi tóc rụng xuống, Phạm Tâm Phố; Đường riêng, Vạn Giã; Nguyễn, Nguyễn Duy Tâm; Đêm thánh, Trần Văn Lệ.....	57
Tháng giêng tháng bảy buồn như nhau, Hoàng Nga.....	58
Hai mùa thu, thơ Nguyễn Trọng Lượng.....	61
Nghề đi ở mướn thời đổi mới, Văn Thanh.....	62
Thơ: Mai em về Sidney, Phạm Văn Hội; Tôi xin chút nắng, Lê Trung Tân.....	64
Thơ: Nhớ quê, Trần Ngân Tiếu; Nợ, Trần Thạch Thảo.....	67
Nền dề-dặt khi dùng Aspirin, Nguyễn Xuân Lê.....	68
Bệnh lẩn; Aspirin và bệnh lẩn, Nguyễn Hưng.....	69
Xóm cũ: Nhận tháp Tuy-hòa, Phan Long Yên.....	71
Xác đã ướp, thân chưa yên, Lãng Nhân.....	73
Cuộc đời vô-định, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	75
Lá thư, thơ Văn Nương.....	79
Trở về từ cõi sáng, Nguyễn Phong.....	81
Thơ: Đời buồn như chiếc lá, Lê Kiểm Cung; Thu lạnh, Nguyễn Khanh.....	82
Cuộc đời ái-tình và sự-nghiệp Stalin, Đặng Văn Nhâm.....	84
Mưa thu, thơ Nguyễn Văn Ngọc.....	88
Đàn trăng quạt bướm, truyện dài Hồ Trường An	89
Độc-giã thác mắc	96
Thơ: Thấy mình, Phạm Quang Ngọc; Anh ngắm hình em, Nguyễn Đức Tùng.....	98
Chuyện lạ xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	100
Diễn-đàn độc-giã.....	105
Đầu làng cuối xóm, Mô (Làng Văn).....	106
Thơ: Thu tha hương, Nguyễn Bấy Lộc; Tình thu, B.H.T.; Nói với bảy cá mùa thu, Cung Vũ; Cảm ơn, Thiên Di; Gian-nan, Hoàng Chính.....	107
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	109

Bìa: Xuân-nữ, sơn dầu của Nguyễn Khai

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà - Bút Chi - Cao Tiều - Đan Quế
Đào Huy Đán - Đào Trường Phúc - Hà Huyền Chi
Hoàng Chính - Hoàng Du Thụy - Hồng Huy
Kiên Trung - Kha Huyền - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Hưng - Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thăng - Tự Tình
Thái Văn Kiểm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị - Tuệ Nga
Trần Mộng Lâm - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích
Vi An - Văn Nương

Cộng-tác:

Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tứ
Diễn Khánh - Diệu Tân - Dương Kim
Đặng Văn Nhâm - Đặng Thị Quế Phương - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Huỳnh Liễu Ngan - Hoàng Nga
Hồ Ông - Lê Thụy Vi - Ngô Du Trung
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Việt - Nguyễn Tư - Nguyễn Thị Vĩnh
Nguyễn Hữu Nhật - Phạm Hoàng Hộ - Phan Thịnh
Phan Nguyễn Minh Minh - Phùng Nhân - Quỳ Hương
Sơn Tùng - Thủy Trang - Thủy Sơn - Trần Ngân Tiếu
Trần Quang Hải - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Vân - Vi Vi - Việt Chi
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui Nguyễn Tấn Phú - Hiếu Đệ - Nguyễn Khai
Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung
Thái Tuấn - Hồ Đắc Vũ - ViVi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Úc: Phạm Quang Ngọc
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Đan-mạch: Bà Đặng Nhâm
Hoa-kỳ: Trương Sỹ Lương
Việt Phương (Texas):
Võ Thắng Tiết (Nam California); Linh Phương (Florida)
Nguyễn Hùng (Bắc California)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)
Canada: Nguyễn Bá Đình (Montréal); Lê Sơn (Vancouver)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam, Trần Cao-
Linh, Bình Nguyễn Lộc, An Khê, Ngọc Khởi.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-dại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 45 quan; Úc: 10\$; Bắc Âu: 40 krone;
Các nước khác: 7 mỹ-kim

Thẻ-lệ mua báo: trang 108 / Giá quảng-cáo: trang 120

tin văn

Kiên Trung phụ-trách



HOA KỲ: ĐẢNG DÂN CHỦ THÂM BẠI

Đảng Cộng Hoà Mỹ đã giành được thắng lợi lịch sử trong cuộc bầu cử lưỡng-viện Quốc hội và Thống đốc các tiểu bang đầu tháng 11.94 vừa qua.

Lần đầu tiên từ 40 năm nay, quyền kiểm soát cả Thượng viện lẫn Hạ viện lọt vào tay những vị dân-cử Cộng hòa; ngoài ra đảng này còn nắm được 30 trong số 49 ghế thống-đốc tiểu-bang.

Đảng Cộng-hòa, và một số ứng-cử-viên Dân-chủ bị rơi đài, cho rằng kết quả cuộc bầu cử là một thông-điệp quan trọng của dân Mỹ gửi đến cho Tổng thống Clinton (Dân chủ). Tuy-nhiên, nhìn từ khía cạnh khác, sự thảm-bại của đảng Dân-chủ là vì khối tài-phiệt Hoa-kỳ cần phải bẻ gãy toàn bộ "tay chân" của Tổng thống Clinton, hầu chống lại dự-án Bảo-hiểm Y-tế, vốn đụng chạm trực-tiếp đến quyền-lợi của tư bản Mỹ.

Đảng Cộng-hòa trong khi ca-khúc khải-hoàn vẫn không quên chỉ-

trích TT Clinton về khả-năng nội trị của ông. Tân Chủ tịch Hạ viện, dân-biểu Newt Gingrich, nhận xét "Hoa Kỳ có một nền văn minh trong đó những đứa con nít 12 tuổi đã có con, 15 tuổi giết nhau, 17 tuổi chết vì bệnh liệt kháng và 18 tuổi lãnh những tấm bằng chứng đọc không ra. Dân Mỹ cần một xã hội an toàn, những trường học tốt, những thành phố sạch sẽ, những gia đình lành mạnh. Họ cũng cần một chính quyền bớt quan liêu, bớt xâm phạm cá nhân và những nhà cai trị quyết đoán, hữu hiệu, cứng rắn với tham nhũng và dĩ nhiên... biết giảm thuế cho dân."

Ông Chủ-tịch này quên rằng đảng dân-chủ mới lấy lại ghế tổng-thống được... hai năm. Cái di-sản nội-trị tồi-tệ do chính đảng Cộng-hòa để lại!

Trong vài khuôn mặt được cộng-đồng Việt-nam đặc-biệt chú ý trong cuộc bầu-cử, có Nghị-sĩ Dân-chủ Charles Robb, con rể của cựu TT Johnson đã đánh bại cựu Trung-tá Oliver North (Cộng-hòa). Qua các

cuộc thăm dò, ông North chiếm hẳn ưu-thế khoảng vài tuần trước ngày bầu-cử. Vì vụng-về đụng chạm nặng với giới truyền-thông, ông đã bị cả báo-chí, truyền thanh lẫn truyền hình công-kích dữ-dội và cuối cùng rước lấy thảm-bại.

Hai cậu con trai của cựu TT Bush, một đắc cử ở Texas (ông George William Bush), một thất cử ở Florida.

KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀO NĂM 2010

Ngày 15.11 vừa qua, 16 nước Á châu cùng với Hoa Kỳ và Gia nã đại đã đồng ý thành-lập một khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế giới bao gồm hai quốc gia Bắc Mỹ và các nước châu Á Thái bình dương. Thỏa thuận được công bố tại Jakarta (Nam dương) trong hội nghị quốc tế về Hợp tác Kinh tế vùng châu Á Thái bình dương (Asia Pacific Economic Cooperation - APEC).

Các nước tiên tiến (Hoa Kỳ, Gia nã đại và Nhật bản) có 16 năm (tính từ hội nghị Apec tại Jakarta), sẽ dần dà gỡ bỏ những hàng rào ngăn trở quan hệ mậu dịch trong vùng. Các nước đang phát triển (thí dụ như Trung cộng, Nam dương...) sẽ được gia hạn thêm 10 năm nữa để làm việc này.

Cuộc hội nghị và việc hình thành vùng mậu dịch tự do Thái bình dương xác nhận thêm một vấn đề thuộc loại chuyện đã rồi của thời sự thế giới. Đó là việc các nước tiên tiến đã lần lượt đồng ý với nhau là gác chuyện nhân quyền qua một bên để lo buôn bán cái đã. Hội nghị được tổ chức tại Nam dương, giữa tiếng vang những cuộc biểu tình của dân Đông Timor (vùng bị Nam dương chiếm đóng) và tiếng súng của quân đội Nam dương đàn áp những người Timor đòi quyền sống, thế mà không có vị nguyên thủ quốc gia nào đếm xỉa đến cả.

Cần nhắc thêm là cả Hoa Kỳ lẫn Gia nã đại vừa ký kết làm ăn lớn với



TT Bill Clinton (đảng Dân-chủ) nghiêng rằng chịu-đựng sự thảm-bại của đảng ông tại cả Thượng lẫn Hạ-viện. Kế-hoạch cải-cách Y-tế coi như phá sản toàn diện.

Trung cộng, không đặt điều kiện nhân quyền làm trọng.

NGA: TT BORIS YELTSIN TẬP-TRUNG QUYỀN LỰC

Sau năm tuần lễ xáo sắp lại chính phủ và thay đổi hệ thống cai trị, TT Boris Yeltsin đã nắm trọn trong tay hệ thống quyền lực chính trị nước Cộng hoà Nga. Những nhân vật nặng ký trong chính phủ, kể cả Thủ tướng Viktor Chernomyrdin, bị giảm quyền.

Sử dụng tối đa những quyền hạn của Tổng thống (được quy định trong Hiến pháp mới, ban hành hồi năm ngoái), Yeltsin đã đẩy sang một bên những thành phần đối kháng, bổ nhiệm những người thân cận vào những chức vụ quan trọng. Trong tháng 10, TT Yeltsin ra lệnh điều tra vụ đồng rúp phá giá. Hội đồng điều tra phức tạp trình thẳng cho Tổng thống, cách chức bộ trưởng Tài chính, buộc Thống đốc Ngân hàng quốc gia từ chức.

Trung tuần tháng 11, TT Nga bổ nhiệm tân bộ trưởng Tài chính, hai phó thủ tướng (một chuyên trách cải cách kinh tế) và bộ trưởng bộ Phụ trách công tác tư hữu hoá kinh tế quốc doanh. Tất cả các nhân vật mới đều là người của Tổng thống, có người lạ hoắc, Thủ tướng chưa gặp bao giờ.

Nếu tính lại từ khi có hiến pháp mới, Yeltsin quả đã tận dụng quyền lực, ông cai trị toàn bằng sắc lệnh (năm 1993 ông ban hành tới 2.235 sắc lệnh của tổng thống). Dưới mắt tây phương, Yeltsin đã trở thành một kiểu Sa hoàng Nga, và rõ ràng là không dân chủ. Tuy nhiên, chẳng phải dân Nga luôn luôn đòi hỏi phải có một nhà lãnh đạo cứng rắn hay sao?

IRAQ CÔNG NHẬN KUWAIT

Đầu tháng 11, Iraq công bố công nhận chủ quyền, lãnh thổ và nền độc lập của quốc gia Kuwait, một việc Saddam đã thề độc không bao giờ

làm.

Thái độ "biết điều" của Iraq thực ra đã xuất phát từ một sự tính toán. Tuyên bố được đưa ra vào thời điểm Hội đồng Bảo An LHQ thực hiện xét lại các biện pháp phong tỏa kinh tế Iraq. Sau gần bốn năm tính từ ngày bại trận, các biện pháp phong tỏa kinh tế đã làm Iraq kiệt quệ. Trong khi đó, Ba-tư đang rục-rịch tấn-công sang biên-giới Iraq. Dân Iraq sau khi đã ăn hoả-tiên Mỹ, bây giờ lại bị hoả-tiên Scud của Ba-tư bắn sang.

Sự "phục thiện" của Saddam cũng do từ sự xúi bẩy bên ngoài, đạo diễn chính là Nga, chủ nợ lớn nhất của Iraq. Chấm dứt, hay nói lỏng, phong tỏa kinh tế sẽ giúp Iraq có cơ hội bán dầu hoả để có điều kiện trả nợ Nga.

Trong lúc các "cố vấn" của Iraq là Nga, Pháp và Trung Cộng (tất cả đều sẽ hưởng lợi khi Iraq phục hồi kinh tế) đề nghị quốc tế đáp ứng nường tay với Iraq vì thiện chí đã được bày tỏ, Hoa Kỳ vẫn tỏ ra lạnh lùng. Mỹ xác nhận đây là "bước đầu tiên", Iraq còn phải tuân thủ tất cả mọi quyết nghị của Liên hợp quốc - bao gồm chấm dứt đe dọa biên giới Kuwait, giảm kho vũ khí, chấm dứt vi phạm nhân quyền và thả hết tù nhân Kuwait - trước khi lệnh phong tỏa kinh tế được hủy bỏ.

TRẬN CHIẾN TẠI BOSNIA LẠI NỔ LỚN

Cuối tháng 10, đầu tháng 11.94, quân đội của chính phủ Bosnia (phần lớn là người Hồi giáo) đã thắng thế trên nhiều mặt trận, đẩy lùi được phe người Serb. Quân chính phủ đã đổi cách đánh, dùng chiến thuật du kích để chống lại ưu thế từ trước tới nay của phe Serb về cơ động và vũ khí. Với vũ khí do Ba-tư tiếp viện và chiến thuật mới, cộng thêm sự hợp tác của quân đội Croatia, quân chính phủ Bosnia đã chiếm lại một số đất.

Phe người Serb hiện đang gặp khó về tiếp vận. Bất lợi vì quân bị trải mỏng trên một diện tích quá lớn, họ còn bị thiếu thốn xăng và phụ tùng - cần cho xe tăng và pháo binh, từ khi biên giới Serbia bị đóng cửa.

Thắng lợi của phe Bosnia đã làm các thành viên NATO đang có quân bảo vệ hoà bình ở Bosnia e ngại, nhất là khi Hoa Kỳ đã quyết định ngưng cấm tiếp vận vũ khí cho Bosnia. Họ sợ rằng phe Hồi giáo sẽ thừa thắng xông lên trả thù dân thường người gốc Serb, đồng thời chiến cuộc sẽ trở nên dữ dội hơn. Mặt khác, những ý kiến lạc quan cho rằng những thất bại mới sẽ giúp phe Serb nhìn ra vị trí của mình để chịu



Xe tăng của quân Serb bao vây Gorazde

chấp nhận một giải pháp hoà bình. Tuy-nhiên, tin giờ chót cho thấy khó có thể lạc quan vì quân Serb lại phản công mạnh trên tất cả các mặt trận.

Ngày 19.11, Serb đã dùng phi-cơ oanh-kích các vị-trí của chính-phủ ở vùng Đông Bắc Bosnia, làm cháy một chúng-cư dành cho người tị-nạn, gây thương-tích cho ít nhất 15 người Bosnia. Một chiếc máy bay của quân Serb đã bị bắn hạ trong vụ không-tập.

Phản-ứng của NATO là tuyên-bố sẽ ném bom vào quân Serb.

Ngày 21.11, trái với truyền-thống chỉ dọa suông thôi theo thói quen "chỉ nói, không làm" (*No Action, Talk Only*), khối NATO đã tập-trung 30 chiếc phản-lực-cơ của Anh, Pháp, Mỹ và Hoà-lan, cất cánh từ căn-cứ không-quan của khối này đặt tại Ý, oanh-kích các bệ phóng hoả-tiễn địa-không và phi-trường Udbina của không-quân Serb nằm trong lãnh-thổ Croatia. Đây là vụ không-tập lớn nhất kể từ khi thành-lập khối NATO. Các phi-công báo-cáo rằng, phi-đạo và giao-đạo của phi-trường này đã bị cày nát, ít nhất phải 30 ngày nữa mới sửa xong.

PALESTINE: ARAFAT CẦU VIỆN RABIN

Thực tế tại Palestine đã cho thấy vai trò lãnh tụ của Yasser Arafat muôn vàn khó khăn hơn mọi người tưởng. Kẻ thù không thương đã đành, cả đến dân trong nước cũng chia đôi, nhóm thân nhóm ghét. Arafat vừa phải đấu tranh với Do Thái để đòi thêm quyền, vừa lãnh đủ những khó khăn trong việc quản trị kinh tế, hành chánh, tài chánh, y tế trong vùng tự trị. Một trong những nỗi khổ lớn nhất của Arafat là đối đầu với các nhóm đối lập quá khích tại Palestine. Mới đây, ông ta đã phải than "trăm dâu đổ đầu tằm" khi phe cực đoan (nhóm Hồi giáo Jihad và Hamas trong vùng Gaza) liên tiếp khủng bố bằng bom cột trong người, nhắm vào lính Do thái và cả lực lượng cảnh sát Palestine.

Những vụ nổ bom đã làm Do Thái nổi giận, đóng cửa biên giới, tạo thêm thất nghiệp cho hàng chục ngàn người Palestine hàng ngày vẫn vào Do Thái làm ăn sinh sống, tạo thêm sự phẫn nộ giữa người Palestine với Arafat.

Tránh không được, đầu tháng 11, Yasser Arafat đã phải ra lệnh lùng bắt các phần tử quá khích của nhóm Jihad và tăng cường các biện pháp an ninh như cấm biểu tình, tụ họp.

Bất-chấp lệnh cấm của Arafat, dân Palestine ủng-hộ trùm khủng-bố Hamas và đạo quân Jihad tiếp-tục biểu-tình bạo-động, đốt xe, phá sập một hí-viện, tràn-ngập một trạm kiểm-soát biên-giới của Do-thái và ném đá Tổng hành-dinh cảnh-sát Palestine.

Ngày 18.11, cánh Hamas và Jihad tổ-chức một buổi lễ "cầu-nguyện" tập-hợp 6000 dân Palestine, chuẩn-bị bạo-động toàn diện. Chính-phủ Palestine đã mang 1000 cảnh-sát bao-vây nhà thờ Hồi-giáo ấy và yêu-cầu đám đông giải-tán trong trật-tự sau khi tan lễ. Đám đông đã dùng gạch đá, gây sát tấn-công cảnh-sát Palestine. Cuối cùng, cảnh-sát được lệnh phản-công sau nhiều đợt cảnh-cáo vô-hiệu-quả. Hậu-quả: 13 người Palestine chết, 200 bị thương, và trận chiến chống Do-thái trở thành trận nội-chiến chống Arafat.

Ngày 19.11, quân-đội Do-thái đã bắn chết 4 thanh-niên trong số 300 người Palestine tràn-ngập một trạm kiểm-soát của Do-thái trong vùng biên-giới Gaza.

Trong cơn khốn khó, thủ lãnh PLO đã phải dựa vào "đồng minh" Do-thái, vốn là kẻ cừu thù. Chính phủ Do Thái đang xem xét những biện pháp để cải thiện kinh tế trong vùng Gaza và tăng cường uy tín cho Arafat. Trong tháng này, chính quyền tự trị sẽ được giao quyền quản trị hoạt động du lịch và an sinh xã hội, đến cuối năm, công tác y tế và thuế vụ cũng sẽ được bàn giao.

Mặt khác, Arafat vẫn được đa-số dân Palestine ủng-hộ. Ngày 21.11,

hơn 10.000 dân Palestine đã biểu-tình bất bạo-động để ủng-hộ chính-quyền tự-trị của Arafat.

Một cuộc nội-chiến ngay trong lòng khối Palestine khó thể tránh khỏi bùng nổ trong sớm chiều, và hai cánh khủng-bố thế-giới này sẽ tàn-sát lẫn nhau, với sự hỗ-trợ của Do-thái ở một bên và Ba-tư ở bên kia.

DÂN THỤY ĐIỂN CHẤP NHẬN GIA NHẬP KHỐI ÂU CHÂU

Trung tuần tháng 11.94, dân Thụy điển đã bỏ phiếu đồng ý chấp nhận gia nhập Liên hiệp Âu châu (EU - European Union) trong cuộc trưng cầu dân ý.

Con số người dự trưng cầu dân ý và tỉ lệ phiếu cho thấy dân Thụy điển không mặn mòi gì với việc tham gia vào Liên hiệp. Số phiếu thuận chỉ được 52%, phiếu chống 47%, với 80% dân số tham gia bỏ phiếu, tính ra trong mười công dân thành niên của Thụy điển chỉ có 4 người thích EU.

Vòng quanh Tây Âu, người ta ghi nhận không phải chỉ có dân Thụy điển lãnh đạm với EU. Năm ngoái, cuộc bầu cử Quốc hội Âu châu, một cơ chế chưa có quyền hành gì nhiều, đã chẳng có mấy ai tham dự. Hình ảnh một Âu châu thống nhất không hấp dẫn lắm với những người dân thường như đối với giới chính trị gia và thương mại. Dân Đan mạch đã chấp nhận EU với điều kiện. Dân Pháp và Đức, hai cột trụ của khối EU, tỉ lệ dân bỏ phiếu thuận cũng rất khít khao với tỉ lệ chống. Chỉ ở các quốc gia nghèo, như Phần lan và Áo, số thuận với EU mới khá hơn chút đỉnh. Hiện Na-uy còn đang lưỡng lự với việc gia nhập EU. Năm 1972, dân Na-uy đã bỏ phiếu chống.

CU BA: ĐẬU QUÍ HƠN ĐẠI BÁC

Xăm vào cuội ra, Raul Castro, em trai của nhà độc tài râu xồm Fidel, đang bước ra sân khấu chính

trị Cuba trong vai tuồng “cải cách”. Đầu tháng 10.94, Raul đã thành công trong việc mở lại chợ nông sản tự do, nơi nông dân có thể mang bán các sản phẩm với giá thị trường, một hình thức đã bị ông anh Fidel dẹp hồi năm 1986.

Thật ra Raul không tử tế gì khi hô hào khẩu hiệu “Đậu quan trọng hơn đại bác”. Là tư lệnh Quân đội cách mạng, Raul hiểu rất rõ nếu cứ để cho dân đói mãi, có ngày ông ta sẽ phải dùng lực lượng “cách mạng” dưới tay mình vào việc đàn áp dân chúng. Mặt khác, nuôi bảo cô một lực lượng 180.000 lính trên đảo Cuba mà kẻ thù ở mãi tận đâu là một sự tốn kém không kham xiết. Quân đội Cuba đã từ lâu nhích dần qua lãnh vực làm kinh tế, khởi đầu bằng việc đi làm nông trường, sau đó lần sang dịch vụ khách sạn, du lịch. Phe tây phương, nhất là Hoa Kỳ chưa vui vẻ lắm trước những chuyển biến của Cuba. Raul, một tín đồ cộng sản

thuần thành, dù có thực hiện cải cách, vẫn không bao giờ đi quá bước. Cũng có quan niệm cho rằng Hoa Kỳ quá cẩn thận, Raul và các tướng lãnh Cuba đang “làm kinh tế” sẽ thấy không dễ để duy trì một hình thức “tư bản độc tài.”

Mặt khác, trong phiên họp của Đại hội đồng Liên hiệp quốc đầu tháng 11 vừa qua, 101 quốc gia đã bỏ phiếu ủng hộ quyết nghị hủy bỏ lệnh phong tỏa kinh tế Cuba. Chỉ có Hoa Kỳ và Do Thái bỏ phiếu chống (48 quốc gia tránh mặt không bỏ phiếu).

Đây là lần thứ ba trong vòng ba năm nay một quyết nghị loại này được đưa ra. Năm ngoái, quyết nghị được 88 phiếu thuận, 4 phiếu chống.

TÍCH-LAN CÓ NỮ TỔNG THỐNG

Đương kim Thủ tướng Tích-lan, bà Chandrika Kumaratunga đã đắc cử về vang trong cuộc bầu cử Tổng thống tổ chức đầu tháng 11.94. Mặc dù có một đối thủ, bà Srimala Dissanayake của đảng Quốc gia Đoàn kết, được khá nhiều cảm tình của quần chúng do việc chồng bà này bị thiệt mạng trong một vụ nổ bom khủng bố (24.10), số phiếu dành cho Kumaratunga đã đạt tới kỷ lục 62% tổng số phiếu bầu.

Nữ Tổng thống Kumaratunga tuyên bố thắng lợi của bà chứng tỏ nhân dân đã giao cho chính quyền trách nhiệm tiếp tục tìm kiếm hoà bình cho đất nước chấm dứt cuộc nội chiến giữa các chủng tộc.

Nội chiến vẫn tiếp diễn tại Tích-lan, ngay sau cuộc bầu cử, quân chính phủ đã hạ sát hai du kích người Tamil.

Nội chiến tại Tích-lan là một chuyện dài. Chủng tộc thiểu số Tamil (có khoảng 3 triệu người trong tổng số 17 triệu dân Tích-lan) từ lâu đã lên án chủng tộc đa số Sinhalese kỳ thị họ. Nhóm du kích Hồ tướng Tamil đấu tranh bằng bạo lực đòi hỏi một vùng đất độc lập thuộc miền đông bắc (gần Ấn độ).

Trong 11 năm nội chiến, đã có khoảng 35 ngàn người ở cả hai phe thiệt mạng.

Bà Kumaratunga, 49 tuổi, xuất thân từ một gia đình có truyền thống chính trị, cả cha lẫn mẹ đã từng làm Thủ tướng (cha bị ám sát chết năm 1959, sáu tháng sau đó mẹ được bầu lãnh đạo quốc gia).

ẤN ĐỘ: DỊCH SỐT RÉT TỆ HƠN DỊCH HẠCH

Từ tháng 10 đến nay, dịch sốt rét đã hoành hành dữ dội ở vùng tây Ấn độ, khu vực tiểu bang Rajasthan, làm thiệt mạng hơn bốn ngàn người.

Dịch sốt rét có vẻ khủng khiếp hơn trận dịch hạch vừa qua. Con số người chết và người bị nhiễm bệnh cao hơn gấp bội. Tổng giám đốc cơ quan Y tế quốc gia công bố con số 70.000 người Ấn mang vi trùng sốt rét. Theo chính phủ, bệnh rất dễ điều trị vì thuộc loại Plasmodium Vivax malaria, hiện có thuốc chữa kiến hiệu. Tuy nhiên, các bác sĩ trong vùng lại phát giác ra nhiều trường hợp nguy hiểm hơn của bệnh sốt rét ác tính do ký sinh trùng Falciparum làm tổn hại não.

Nguyên nhân dẫn đến dịch sốt rét có thể do việc đào kinh dẫn thủy nhập điền và từ những cơn mưa dầm trong mùa đã làm gia tăng số muỗi độc.

AI CẬP: BÃO LỬA GIẾT HÀNG TRĂM NGƯỜI

Khoảng sáu trăm dân thị trấn Durunka (tỉnh Assiut miền nam Ai cập) đã thiệt mạng khi thị trấn chìm trong một trận lụt lửa sáng sớm ngày 2.11.

Những trận mưa lũ những ngày trước đó trong vùng đã làm nước lũ từ những đồi bao quanh thị trấn đổ xuống khu dân cư. Nước lũ xô ngã những xe chở xăng dầu của quân đội. Dầu tràn ra bốc cháy vì sét hoặc vì dây điện chạm phát hoả, làm nổ các bồn chứa xăng gần đó. Dòng nước lửa tràn xuống thị trấn thành



Xăm vào cuội ra, tướng Raul Castro, em ruột Fidel Castro, tay trùm cộng-sản đã đưa Fidel lên ngôi trước đây, chuẩn-bị kế vị ông anh ruột già-nua.

những cơn sóng cao đến hai mươi thước. Trong số những người chết, có những người bị chôn sâu dưới nhiều lớp bùn, nhiều người bị cháy thành than.

Chính phủ Ai cập đã nhanh chóng gửi vật phẩm cứu trợ đến vùng xảy ra tai họa và trợ cấp "đền bù" cho mỗi gia đình bị thiệt hại khoảng một trăm mỹ kim.

TT HAITI XIN GIẢI CHỨC LINH-MỤC

Linh-mục Công-giáo Aristide, đương kim tổng-thống dân-cử của Haiti đã nộp đơn cho Tòa Thánh La-mã xin từ chức linh-mục.

Nguồn tin thân-cận của TT Aristide tiết-lộ rằng Tổ-chức Holy See của La-mã muốn hai chức lãnh-đạo giáo-quyền và thế quyền Haiti nên thuộc về hai người thay vì tập-trung vào một người. Tuy-nhiên nguồn tin từ Vatican xác-định "không hề áp-lực TT Aristide từ-chức linh-mục."

Dù dưới áp-lực hay tự nguyện, Linh-mục Jean-Bertrand Aristide phải chờ Tòa Thánh La-mã chấp-thuận cho trả chức. Cũng nên nói thêm, nhiệm-kỳ tổng-thống của ông cũng sắp mãn, và ông tái xác-định sẽ không tranh cử nhiệm-kỳ kế.

DU-KÍCH MỄ-TÂY-CƠ CHUẨN-BỊ ĐÁNH TIẾP

Hôm 19.11, ông Marcos, lãnh-tu du-kích-quân Zapatista ở miền Nam Mễ-tây-cơ công-bố quyết-định "sẽ tiếp-tục chiến-đấu" để đòi chính-phủ Mễ phải cải-cách và mở rộng dân-chủ.

Ngày 1.1.1994 trước đây, nông-dân vùng Mayan đã nổi dậy với gậy-gộc và vũ-khí thô-sơ, đã bị đàn-áp đẫm máu. Hai bên thỏa-thuận đình chiến ngày 12.1. Hiện nay, nông-dân đã đoàn-ngũ-hóa và nhận viện-trợ của các tổ-chức du-kích khác trên toàn-quốc Mễ-tây-cơ, sẵn-sàng nổi dậy lần thứ hai để đòi quyền làm chủ ruộng đất.



Núi phun ra vàng

Khoa-học-gia Fraser Goff, thuộc Phòng Thí-nghiệm Quốc-gia Los Alamos tại New Mexico (Hoa-kỳ) cho biết, trung-bình mỗi ngày núi lửa Galeras ở Columbia phun ra 4,5 kí-lô vàng ròng. Ông đã mang phân kim và lấy được 20 kí vàng ròng từ phún-xuất-thạch do núi vàng phun ra.

Động đất

Một trận động đất xảy ra tại Kota Kinabalu thuộc tiểu-bang Sabah (Đông Mã-lai) đã phá vỡ hội-nghị cấp bộ-trưởng quốc-gia này. Các ông tổng bộ trưởng đã ùn ùn tháo chạy ra khỏi tòa cao-ốc mà các ông đang ngồi họp để tránh nguy-hiểm. Không ai bị thương-tích trầm-trọng, chỉ trật gân, bầm da sơ sơ trong lúc di-tản chiến-thuật.

Ngoài ra, các trận động đất nhẹ đã xảy ra tại East Timor, Nam Phi, Đài-loan, Chí-lợi và Costa Rica.

Bão nhiệt-đới

Một đợt sóng thần chưa kịp đặt tên đã ập vào bờ biển miền Nam Ấn-độ, sát hại 92 người tại các tiểu-bang Pradesh và Tamil Nadu. Thành-phố Madras bị mất điện và điện-thoại hoàn-toàn vì các trụ điện và trạm điện-thoại bị gió quật gãy gàn hết hoặc bốc đi mất.

Đại-phong Verne, Wilda và Zelda nhóm gần quần-đảo Mariana ở Thái-bình-dương, tiến tới gần miền Nam Nhật-bản thì giảm dần cường-độ rồi tan dần khi gặp dòng nước lạnh.

Một trận đại phong tại Phi-luật-tân sát-hại 8 người, làm cho 40.000 người khác không nơi cư-trú. Ruộng nương và các vườn dừa tại miền

trái đất ba mươi ngày qua

Nam Manila bị tổn-thất nặng-nề.

Bão lốc và gió xoáy

Một trận cuồng-phong cộng-hưởng với gió xoáy nhóm tại tiểu-bang Maryland, Hoa-kỳ đã làm tróc nóc hàng trăm dãy nhà phố và cơ sở thương-mại nhỏ tại Baltimore.

Lụt

Tại Ai-cập, hàng trăm người đã chết trong trận mưa lũ đầu-tiên xảy ra tại quốc-gia này sau 60 năm khô hạn liên-tiếp.

Tại Athens (thủ-đô Hi-lạp), 8 người chết đuối trong một trận mưa tầm-tã kéo dài suốt 3 giờ, bất-ngờ trút xuống thành-phố; 67 người khác chết trên toàn-quốc, cũng vì nước lũ.

Ngoài ra, nhiều nước tại Âu-châu cũng bị mưa đông gây tổn-thất về nhân-mạng và tài-sản.

Tại Zair, nước lụt sát hại 40 người tại Bukavu, cuốn 20 chiếc xe hơi đi mất-tích.

Tại Hoa-kỳ, trận lụt ở Texas đã sát-hại 19 người. Sông San Jacinto còn bị ô-nhiễm vì các ống xăng và dầu thô bị vỡ.

Hạn hán

Hạn-hán tiếp-tục làm hại miền đông Úc-dại-lợi, và các trận mưa nhỏ không thấm vào đâu. Đập Warragamba, nguồn nước chính của thành-phố đã cạn mất 60%. Chính-quyền địa-phương vùng Sydney, thủ-phủ tiểu-bang New South Wales đã ra lệnh nghiêm-cấm sử-dụng nước để tưới cỏ, tưới hoa, rửa nhà, rửa đường, v.v. Toàn bộ hoa cỏ trong các công-viên thành-phố đều khô-héo từ 90% đến 100% trước lệnh cấm này.



trong làng

RA MẮT “MÙA ĐÔNG QUẠNH VẮNG” TẠI MONTRÉAL

Văn-phòng *Làng Văn và Tự-Do* tại Montréal sẽ tổ-chức sinh-hoạt ra mắt tuyển tập truyện ngắn *Mùa đông quanh vắng* của Nguyễn Bá Dĩnh vào tối thứ bảy, 17.12.1994 tại nhà hàng Hương Quê, số 7102 St-Laurent, Montréal.

Buổi sinh-hoạt do họa-sĩ Vi Vi làm trưởng ban tổ-chức, BS Trần Văn Dũng điều-khiển chương-trình, với sự góp mặt của nhiều văn, thi-hữu từ hai tòa-soạn *Làng Văn và Tự-Do* (đều ở Toronto) về dự.

Quý độc-giả của *Làng Văn và Tự-Do* muốn tham-dự, xin liên-lạc Văn phòng *Làng Văn* Montréal, số (514) 342-6706. Đóng góp chi-phí tổ-chức: 25\$ (gồm cả dạ tiệc).

Về cuốn sách, đây là văn-phẩm đầu tay của Nguyễn Bá Dĩnh, do *Làng Văn* ấn-hành, sau hai tập thơ đã trình làng. Khi viết truyện, anh trải rộng tình-cảm sang cõi giới của đời sống thực, nơi quê nhà hay trên quê người. Nó là sự trăn-trở của một người nhiệt-thành trong cuộc sống, hăm-hở xây-dựng những nền-móng

của hạnh-phúc, cho mình và cho những người chung quanh. Hạnh-phúc đơn-giản và nhỏ-bé như một tiếng cười trong sáng trẻ thơ. Truyện của Nguyễn Bá Dĩnh thành hình trong hoàn-cảnh ấy, cũng giản-dị như một giọt sương lăn nhẹ vào đời. Một hạt sương mai âm-thầm ngưng-tụ, cố sức làm tươi cuộc đời để chuẩn-bị đón ánh triều-dương...

NGUYỆT-SAN NGHỆ-THUẬT RA MẮT TẠI MONTRÉAL

Nguyệt san *Nghệ-thuật* do nhạc sĩ Lê Đình làm Chủ biên, đã tổ-chức ra mắt thân-hữu và độc-giả hôm 30.10 tại quán Văn, Montréal.

Buổi sinh-hoạt qui-tụ khoảng 100 văn-nghệ-sĩ và độc-giả. Chương-trình do đạo-diễn Hồ Đắc Vũ điều-khiển. Trong phát-biểu của quan-khách, thi-sĩ Nguyễn Bá Dĩnh, trưởng Văn-phòng *Làng Văn & Tự-Do* tại Montréal đã ca-ngợi nỗ-lực của anh em *Nghệ-thuật* để đóng-góp sức mạnh trên mặt trận báo-chí quốc-gia.

Trong phần văn-nghệ, các cô Yến Thu và Yến Thy (ái-nữ của Nhạc-sĩ Lê Đình) đã cùng các danh tài Trang Hồng Lan (ngâm thơ), Lê Duy, Huy Phương, Mai Thi, Tuyết Anh, Vy Hùng, Xuân Thảo, Bích Ngân và Thành Tín trình bài các bài thơ nhạc đã đăng trên tạp-chí này. Tiết-mục nổi bật là cặp song ca Yến Thu, Yến Thy qua bài *Điệp khúc đêm*, thơ Thủy Trang do Lê Đình phổ nhạc. Họa-sĩ kiêm thi-sĩ Vi-Vi cũng đã làm người dự ngạc-nhiên thích-thú, khi anh trở tài ca-sĩ qua bài *Đàn bà* của Song Ngọc.

Chương-trình ra mắt thật hào-húng, đã tạo cho thành-phố Montréal một sinh-khí văn-nghệ mới, sau khi “giặc” giao-lưu bị cộng-đồng quốc-gia quét sạch.

VY HÙNG BÀY ÁNH TẠI MONTRÉAL

Nhạc-sĩ Vy Hùng đã trình làng một công-trình sáng-tạo tay trái

(hay tay phải?) của anh, qua cuộc triển-lãm nhiếp-ảnh kéo dài từ 26.11 đến 4.12.1994 tại phòng triển-lãm Nguyễn Tài, số 6700 St-Vallier, Montréal.

Trong dịp này, Vy Hùng cho bày hơn 100 bức ảnh nghệ-thuật, qua các đề-tài chân-dung, gia-đình, bưu-ảnh, phong-cảnh, thiên-nhiên, hoa cỏ, thời-tiết,...

Cuộc triển-lãm do tạp-chí *Đi tới* và Vy Hùng thực-hiện.

HOÀNG HẢI THỦY SANG MỸ

Ngày 9.11 vừa qua, nhà văn Hoàng Hải Thủy đã cùng nội-tướng rời Việt-nam sang định-cư tại tiểu-bang Virginia, Hoa-kỳ, qua chương-trình ODP, với tư-cách cựu nhân-viên của cơ-quan USIS tại Sài-gòn trước 1975.

Từ những năm 50 cho đến ngày Sài-gòn bị Cộng quân cưỡng chiếm, Hoàng Hải Thủy đã làm say-mê hàng triệu độc-giả miền Nam tự-do, qua bút-pháp độc-đáo, đầy chất hào-hoa và trữ tình, trong mấy chục tác-phẩm gồm nhiều thể-loại khác nhau, phóng-sự như *Vũ-nữ Sài-gòn*, tiểu-thuyết như *Bảy giờ tháng mấy* và tiểu-thuyết phóng-tác như *Kiều-giang* (Jane Eyre), *Đỉnh gió hú* (Wuthering heights), *Chiếc hôn tử biệt* (A Kiss Before Dying), *Vụ án họ Trình* (The Bellamy Trial), *Đi tìm người yêu* (The Citadel), *Hồng-ngọc* (Topaz),... và nguyên bộ truyện gián-điệp James Bond 007 mà cho đến nay vẫn được in lại và bán khá chạy tại hải-ngoại.

Sau ngày phân đất tự-do còn lại rơi nốt vào tay cộng-sản, nhà văn Hoàng Hải Thủy bị bắt và nằm tù hai lần. Lần thứ nhất, ông bị giam tại trại Phan Đăng Lưu từ tháng 11.1977 đến tháng 10.1980. Lần thứ hai bị giam tại Phan Đăng Lưu, chuyển sang Chí-hòa rồi cưỡng-bách lao-động tại Z-30A Xuân-lộc, từ tháng 5.1984 đến tháng 2.1990. CSVN ghép ông vào hai tội “chống-phá cách-mạng” và “lén-lút gửi tác-

phẩm ra nước ngoài."

Độc-giả Việt-nam tại hải-ngoại được đọc lại Hoàng Hải Thủy qua một ký-sự trong tuyển-tập *Tắm mát ngọn sông đào* (khoảng 1980), và các bài viết của ông từ quốc-nội gửi ra, ký các bút-hiệu Công-tử Hà-đông, Con trai bà Cả Đợi, Văn Kỳ Thanh và Yên Ba.

Tiếp-xúc với đại-diện *Làng Văn* tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, nhà văn Hoàng Hải Thủy cho biết, ngay sau khi tạm ổn-định cuộc sống, ông sẽ bắt tay làm việc ngay để hoàn-tất hai tác-phẩm mới *Tại ngục vịnh Kiêu* và *Hoài-niệm cuộc đời*, ghi lại những kỷ-niệm trong chuỗi ngày lao-tù và cuộc sống đọa đày tại quê nhà. (DTP)

"VỀ VANG DÂN VIỆT" RA MẮT TẠI ÂU CHÂU

Đầu tháng 10.94, tuyển tập "*Về Vang Dân Việt*" của nhà báo Trọng Minh đã ra mắt cộng đồng Việt tại Pháp, Đức, Bỉ và Hòa Lan.

Buổi ra mắt đầu tiên tại Âu châu diễn ra tại hội trường Maison des Associations (quận 13, Paris), ký giả Lê Hằng (Nguyễn thị Khánh Hòa), Lê Chân và nhà thơ Đỗ Bình tổ chức.

Tại Đức, tác giả Trọng Minh đã gặp gỡ cộng đồng Việt ở Frankfurt đêm 30. 9 và đại diện cơ sở Liên kết Người Việt Đông Âu và các hội đoàn sáng chủ nhật 2. 10.

Buổi ra mắt thứ ba (11.10) được tổ chức tại Lille (bắc Pháp), những ngày sau đó "*Về Vang Dân Việt*" đã đến với người Việt sinh sống tại Bỉ và Hòa Lan.

Sáng ngày 14.10, tác giả đã cùng tuyển tập ra mắt các hội đoàn và cộng đồng Việt ở Marseille (miền nam Pháp).

Trong tất cả các buổi ra mắt sách, tác giả đã được người tham dự khen ngợi công trình và sốt sắng hưởng ứng lời kêu gọi góp phần giới thiệu những khuôn mặt làm về vang dân Việt ở hải ngoại.

BÍCH XUÂN RA MẮT THƠ "BAO GIỜ EM QUÊN"

Nhà thơ Bích Xuân đã ra mắt tập thơ "*Bao giờ em quên*" tại Maison des Associations (quận 13, Paris, Pháp) ngày 23.10.94. Buổi ra mắt thơ có nhiều văn thi sĩ ở Pháp như Hoài Việt, Hồ Trường An, Trần Đại Sỹ, Huyền Châu, Tô Vũ, Từ Nguyên,... đến dự và phát-biểu. Buổi ra mắt thơ còn có một chương trình văn nghệ phụ diễn đặc sắc.

Tập thơ trình bày lạ (in trên giấy nhiều màu), gồm những bài thơ do tác giả sáng tác từ 1988 đến nay, có phụ bản tranh, nhạc và do Từ Nguyên đề tựa. Theo tác giả, tập thơ in ra để lưu niệm và tặng bạn hữu. Liên lạc: Bích Xuân, 21 avenue Stephen Pichon, 7503 Paris, France.

TÁC-PHẨM MỚI TRONG THÁNG

Như đã thông-báo trước đây, trong tháng qua, ngoài cuốn *Mùa đông quanh vắng* của Nguyễn Bá Đình, *Làng Văn* đã in xong các cuốn:

- *Mùa thu cuối cùng*, tuyển tập truyện ngắn của Hoàng Chính.

Tác-giả vốn là một tên tuổi quen-

thuộc của độc-giả *Làng Văn*, thành danh qua các bài thơ hiện-thực, đã in thành tập, nhan đề *Nửa đêm nghe mẹ thở dài* (Làng Văn, 1991).

Mùa thu cuối cùng là tuyển truyện xã-hội, trình-bày những vấn-đề sống thực trong đời sống chung quanh.

- *Phù-tang tạp lục*, ký của Vi An (Lê Quốc), bình bút *Làng Văn* qua cột mục cùng tên, đăng mỗi kỳ trên báo. Văn mạch của Vi An trôi chảy, giọng văn dí-dỏm, vui-tươi. *Phù-tang tạp-lục* đạt được một lúc hai mục-đích, vừa giúp độc-giả giải-trí thoải-mái, vừa giúp mở-mang kiến-thức.

Trong tháng 12.94 và 1.95, *Làng Văn* sẽ trình làng các cuốn:

- *Tiếng Việt tuyệt vời*, nhận-định văn-học của Đỗ Quang Vinh,

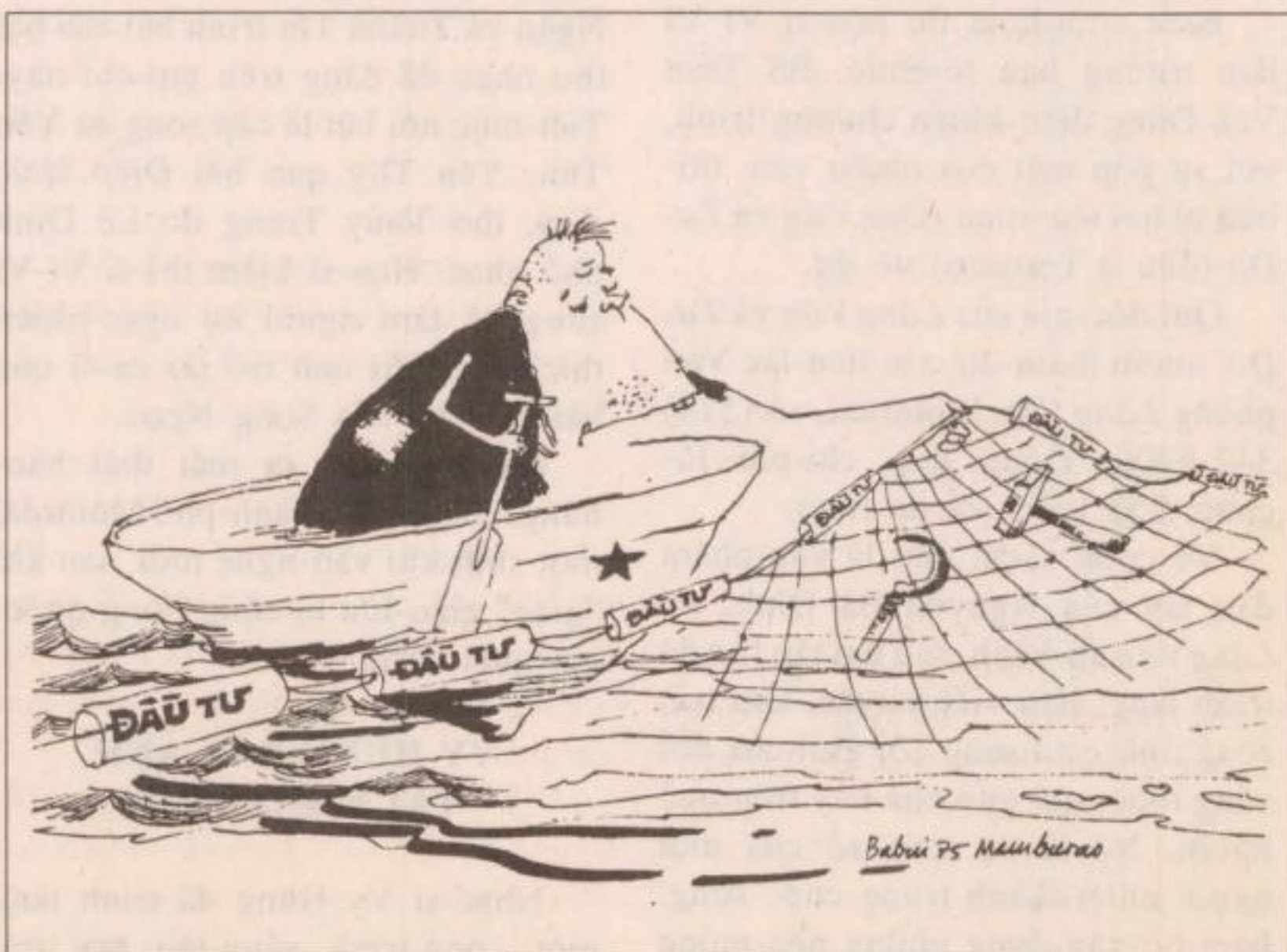
- *Những điểm nóng trên thế-giới sau Chiến-tranh lạnh*, tổng-kết và nhận-định thời-sự của Đào Trường Phúc.

- *Món quà cưới*, tuyển truyện Gia-nã-đại, Hồng Huy tuyển dịch.

- *Đêm xanh huyền-hoặc*, tuyển-tập truyện ngắn của Hồ Trường An.

- *Bãi gió còn trắng*, truyện ma đồng quê miền Nam của Hồ Trường An.

- *Tuyển-tập Truyện ngắn giải Vãn-học nghệ-thuật Làng Văn 1992*.



Vụ Án Văn-Học

Vân Nương



Nữ-sĩ Vân Nương (75 tuổi)
ảnh chụp tại Pháp năm 1993

. Vân Nương bị gán ghép vào TTKH.

. Với mục-dịch gì, Thế Phong - cha đẻ ra tên "Trần Thị Khánh" để ghép cho TTKH năm 1974 - nay cải danh "nàng" thành "Trần thị Vân Chung" (tức Vân Nương)?

Trong một tập hồ-sơ gửi cho *Làng Văn*, nữ-sĩ Vân Nương, tức quả-phụ Lê Ngọc Chấn, đã lên tiếng cực-lực bác-bỏ những điều bịa-đặt trong cuốn TTKH, *Nàng là ai?* của "Thế Nhật", vừa được xuất-bản tại Việt-nam. Bà yêu-cầu *Làng Văn*, một tờ báo có đường dây "chui" phát-hành rất mạnh vào quốc-nội, giúp bà lên tiếng làm sáng-tỏ vấn-đề.

Về chuyện TTKH, cho đến nay vẫn còn là một bút-hiệu bí-mật. Nhiều người đã suy-đoán, gán-ghép lung-tung, nhưng chưa ai dám khẳng-định. Gần đây, các ông Thế Phong và Trần Nhật Thu đã viết chung một cuốn sách nhan-đề như trên, ký tên chung là "Thế Nhật", trong đó đã gán-ghép bút danh TTKH cho nữ-sĩ Vân Nương.

Nữ-sĩ Vân Nương tên thật Trần Vân Chung, bút hiệu khác là Lê Phương Đông và Viễn Phố, sinh năm 1919 tại Thanh-hóa, trước 75 hoạt-động trong Thi-đàn Quỳnh Dao, hiện sống cùng các con ở Pháp và vẫn đều-đặn góp thơ cho *Làng Văn* trong mười năm qua. Phu-quân của bà là luật-sư Lê Ngọc Chấn, một trong những lãnh-tụ của Việt-nam Quốc-dân-đảng, nguyên Tổng-trưởng Quốc-phòng thời Đệ I Cộng-hòa, cựu Đại-sứ VNCH tại Anh-quốc. Sau 1975, ông Lê Ngọc Chấn bị VC bắt đi lao-động cải-tạo, cuối-cùng mất tại Sài-gòn. Nữ-sĩ Vân

Nương cùng các con sang Pháp.

Nữ-sĩ Vân Nương làm thơ từ năm 1946; đã in các tập *Tơ sương* năm 1965 và *Con đường lý-tưởng* năm 1990.

Thế Phong là nhà văn Không-quân VNCH. Hai mươi năm trước, trong cuốn *Lược sử văn-nghệ Việt-nam* (Vàng Sơn, Sài-gòn 1974), Thế Phong từng cho biết TTKH tên thật là Trần Thị Khánh, và người yêu của bà là thi-sĩ Thâm Tâm. TTKH là chữ viết tắt của "Thâm Tâm" và "Khánh."

Nay ông viết cuốn TTKH, *Nàng là ai* theo lời kể của bà Thư Linh, năm nay 70 tuổi, sang Mỹ trong thành-phần đoàn-tụ gia-đình (ODP) được một năm thì xin trở lại Việt-nam. Bà Thư Linh hiện sống tại Sài-gòn và vừa được xuất-bản tập *Những giòng thơ hoa*.

Trong cuốn sách mới, Thế Phong nói lại các chữ tắt của TTKH như sau: chữ T đầu viết tắt họ Trần của nữ-sĩ Vân Nương; chữ T kế viết tắt bút hiệu Thanh-Châu, người yêu của TTKH, một cán-bộ văn-nghệ hiện còn sống tại Hà-nội; và chữ Kh viết tắt của chữ ... "khóc". Nghĩa là nàng họ Trần và chàng Thanh Châu cùng khóc cho mối tình dang-dở của mình!

Nữ-sĩ Vân Nương chứng-minh rằng những điều bà Thư Linh nói, và Thế Phong viết, không chính-xác. Ngay cả việc những chi-tiết nhỏ như

"quen với Vân Nương" cũng đã sai. Bà Thư Linh mới gặp nữ-sĩ Vân Nương năm 1978, nhưng lại bảo với Thế Phong rằng hai bên đã quen nhau từ 1945. Vân Nương bắt đầu làm thơ năm 1946, trong khi bài *Hai sắc hoa Ti-gôn* của TTKH ký năm 1937. Bà Thư Linh cũng không quên hạ tuổi Vân Nương cho hợp với lời thơ TTKH, thường thở-than náo-nuột về đời sống hững-hờ bên cạnh người chồng luống tuổi (trong khi ông Lê Ngọc Chấn chỉ hơn nữ-sĩ Vân Nương vài tuổi thôi).

Mặt khác, chính bà Thư Linh trong một bức thư gửi nữ-sĩ Vân Nương ngày 20.9.1994, cũng trách Thế Phong đã "*dựng nên nhiều chi-tiết*", "*có nhiều chỗ họ hư-cấu*", "*nói tầm-bậy*". Bà Thư Linh cho biết, bà đã thức trắng mấy đêm vì giận Thế Phong đã bịa thêm nhiều chuyện tình-ái lãng-nhãng, trong khi bà chỉ nêu ra một chi-tiết: "TTKH là nữ-sĩ Vân Nương."

Tuy-nhiên, cái chi-tiết "xương sống" này cũng sai hoàn-toàn. Nữ-sĩ Vân Nương khẳng-định: "Vân Nương không phải là TTKH", nhất là một TTKH tình-ái lãng-nhãng, dâm-tình, "gặp" lại người yêu cũ là cán-bộ V, sau khi chồng vừa chết.

Sự vu-khống của bà Thư Linh và Thế Phong đã lãng-nhục mấy gia-đình trong cuộc, khiến nữ-sĩ Vân Nương tủi-hổ trước vong-linh của phu-quân, ngượng-ngùng với các con. Bà muốn hủy mình, lấy cái chết để minh-oan cho vụ án văn-học nhơ-nớp này. ●

Nhà Văn An Khê Qua Đời Tại Pháp

Nguyễn Hữu Nghĩa

Nhà văn An-Khê, một cây bút quen-thuộc đối với độc-giả *Làng Văn*, đã qua đời tại Marignane, miền Nam nước Pháp, hôm 9.11 vừa qua, thọ 72 tuổi.

Ông tên thật là Nguyễn Bính Thịnh, nguyên thiếu-tá quân-lực Việt-nam Cộng-hòa.

An Khê bắt đầu viết năm 1950, được hai năm thì nhập-ngũ. Theo bài "25 năm vinh-nhục trong nghề làm báo" in trong cuốn *Vui buồn nghề nghiệp* của Phạm Thăng và nhiều tác-giả (*Làng Văn*, 1993), trong thời-gian hai năm khởi nghiệp, ông chỉ "làm những bài thơ sầu bi vớ-vẩn, những truyện ngắn không hay không dở dăng trên vài tờ báo ở Sài-gòn với tính-cách không nhận tiền nhuận bút."

Đạo đó, ông có bài đăng trên các báo *Độc Thuyết* của Trần Ngọc Trai và tuần-báo *Đời Mới* của ký-giả Văn Lang Trần Văn Ân (ký tên con gái đầu lòng là Cô Văn Nga, hoặc Cửu Lang).

Năm 1952, ông nhập-ngũ, đóng ở miền Trung. Năm 1957, ông bị thương tàn-phế cánh tay mặt trong trận An Khê, được thăng thiếu-tá và giải ngũ.

Trở lại nghề viết báo, ông vẫn dùng bút hiệu Cửu Lang để viết truyện dã-sử, Nguyễn Bính Long để viết truyện gián-điệp, Trương Thanh Văn để viết truyện trinh-thám, Văn Nga để viết tình-cảm xã-hội. Cũng từ đó, bút-hiệu "An Khê" ra đời để kỷ-niệm trận đánh đã lấy mất của ông khả-năng cánh tay mặt, ký dưới

truyện dài *Người vợ hai lần cưới*, tác-phẩm đã đưa tên tuổi An Khê lên đài danh-vọng. Tác-phẩm này sau được Thái Thụy Phong soạn thành kịch-bản *Hai chuyến xe hoa* cho đoàn cải-lương Thanh Minh Thanh Nga và được Hoàng Anh Tuấn quay thành phim, dưới tựa cũ là *Người vợ hai lần cưới*. Cả tuồng cải-lương lẫn phim truyện này được khán-giả chen nhau xem chật rập trong mấy năm liền, trở thành một hiện-tượng trong làng văn, làng báo.

Các tác-phẩm nức tiếng kế tiếp của An Khê là *Bơ-vơ*, đăng trên báo *Tia Sáng* (Nguyễn Trung Thành), *Thiếu-phụ không dĩ-vãng*, *Người yêu không thể cưới*, *Vợ kẻ khác*, *Bèo giạt hoa trôi*, *Bông lúa Sa-mo*, *Gừng cay muối mặn*, *May rủi một chồng*, *Máu loang biển hồ*, *Sóng tình*, *Tình tuyệt-vọng*, *Con ma để yêu*, *Đồng Nợ-nạn*, *Vợ người tử-tội*, *Cưới chồng*, v.v.

Nhưng tác-phẩm làm cho ông hãnh-diện và an-ủi nhất, là *Tâm-sự cô gái mù*, đăng trên báo *Dân Tiến*. Nhờ đọc tiểu-thuyết này mà người chồng phụ-bạc của cô gái động lòng hối-hận, liên-lạc với tòa báo để nhờ đưa đến đoàn-tụ với người vợ lâm nạn tật nguyên.

Trong thời-gian này, ông viết thường xuyên từ 8 đến 13 *feuilletons* cho các nhật-báo, và trong 25 năm, ông đã hoàn tất 250 cuốn tiểu-thuyết đủ loại.

Tại hải-ngoại, ông đến với độc-giả *Làng Văn* qua loạt bài viết về những ngày bị Pháp giam-cầm tại



Khám Lớn Sài-gòn và đày ra Côn-đảo. Loạt hồi-ký này sau đó đã được in sách, nhan-đề "*Từ Khám Lớn đến Côn-đảo*", được độc-giả đón-nhận ấm-áp, và cũng là cuốn sách duy nhất của An Khê viết và xuất-bản sau 1975.

Hồi-ký của An Khê, với bút-pháp mới, lối văn diễm-đạm và cái nhìn đầy nhân-tính, đã đưa ông vào dòng văn-học trường-cửu có tính-cách phục-vụ nhân-loại, vượt khỏi thế-giới văn-chương giải-trí, vốn chỉ được xem như một phương-tiện mưu-sinh, chóng bị quên lãng.

Từ Khám Lớn đến Côn-đảo đề cao khí-phách của những chiến-sĩ cách-mạng trong lao-tù, vừa phẫn-đấu chống thực-dân Pháp, vừa phải vật lộn để sống còn trong nanh-vuốt của cán-bộ cộng-sản đệ tam, đệ tứ. Ngoài giá-trị văn-chương, tác-phẩm này còn xác-định khí-độ của một chiến-sĩ quốc-gia trong nghịch-cảnh bạo-tàn...

Trong những ngày cuối của cuộc đời, nhà văn An Khê đã dùng trọn khoảng thời-gian để tranh-đấu và giúp-đỡ các anh em thương-phế-bình tại quê nhà.

Ông đã qua đời vì băng-não, gục xuống máy chữ trong lúc đang soạn một trang thư can-thiệp cho các thương-phế-bình tại Việt-nam.

Nguyễn Bính Thịnh đã chết, một cái chết cao đẹp; và tên tuổi An Khê sẽ sống mãi trong văn-học-sử Việt-nam. ●

ngoài ngõ



Kiên Trung phụ-trách

ĐÀI KỶ-NIỆM VIỆT-NAM TẠI THỦ-ĐÔ GIA-NÃ-ĐẠI SẮP HOÀN-THÀNH

Theo thư ngõ của Ủy ban Xây dựng Đài Kỷ niệm Việt-nam tại Thủ đô Gia nã đại, quỹ xây dựng đài đã quyên được trên 45.000 gia kim. Bốn mươi ngàn đã được chuyển cho tòa Đô-chính để chuẩn bị xây cất.

Thư ngõ của Ủy ban cũng công bố việc chọn mô hình và tổ chức đấu thầu thiết kế, xây cất và đúc đồng. Theo Ủy ban, đồ án đã được Hội đồng thành phố Ottawa chấp thuận và lễ khởi công đã được tổ chức ngày 15.10.

Kế hoạch của Ủy ban dự tính ngày khánh thành sẽ là 30.4.95, đánh dấu 20 năm kể từ khi hai triệu người Việt bắt đầu rời quê hương đi tìm tự do.

Ủy ban kính mời đồng bào về Ottawa dự lễ khánh thành, sẽ được tổ chức long trọng. Có thể liên lạc với Văn phòng Liên hội Người Việt Gia nã đại tại số điện thoại (613) 230-8282 để biết thêm chi tiết và được giúp giữ chỗ phòng tại khách sạn.

Việc có được một đài kỷ niệm cho người Việt giữa thủ đô Gia nã đại có ý nghĩa vinh dự và quan trọng cho cộng đồng, Ủy ban kêu gọi đồng bào tiếp tục hưởng ứng đợt gây quỹ thứ ba - từ nay tới ngày khánh

thành- để trang trải các chi phí thực hiện. Theo Ủy ban, hiện còn cần thêm 30.000 gia kim nữa.

Hưởng-ứng lời kêu gọi trên, một nhóm nữ thương-gia Việt-nam tại Toronto, do các bà Võ Đô (Tiệm vải Việt-nam), Nguyễn Ánh Hồng (Thẩm-mỹ-viện Hollywood) cùng bà Hoàng Thanh Thắng (Hội Cao-niên) đứng ra vận-động, đã tổ-chức một bữa ăn gây quỹ (19.11) và quyên-góp trong cộng-đồng thu được tất cả 20.000 gia-kim, đóng-góp vào quỹ xây-dựng tượng đài.

Như vậy, kể cho tới nay, quỹ xây-dựng còn thiếu khoảng 10.000 gia-kim, để kịp hoàn-tất tượng đài trước ngày khánh thành 30.4.1995 sắp tới.

TORONTO: CHỐNG PHÁI ĐOÀN VẬN-ĐỘNG TIẾP-THỊ CỦA VC

Ngày 9.11, Trung tâm Nghiên Cứu Phát Triển Quốc tế (IDRC) Gia nã đại và Hội đồng Thương Mại Đô-thị Toronto (*Board of Trade of Metropolitan Toronto*) đã tổ chức một buổi hội thảo ăn trưa tại trụ sở Hội đồng Thương-mại thành phố ở First Canadian Place, Toronto với thành phần tham dự gồm các doanh gia người Gia nã đại và bốn nhân vật "trí thức" Việt cộng trong phái-đoàn vận-động tiếp-thị (*marketing*).

Thành phần đoàn VC gồm có Võ Tòng Xuân (Viện phó viện Đại-học Cần thơ), Lê Đăng Roanh (Viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương), Võ Quý (Viện Đại học Hà nội) và Phạm Chi Lan (Tổng thư ký Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam).

Các hội đoàn chính trị, xã hội và cộng đồng người Việt Toronto đã tổ chức biểu tình chống các thuyết khách VC. Bên ngoài trụ sở Hội-đồng Thương-mại, khoảng 150 người Việt chặn cửa ra vào. Người biểu tình mang cờ VNCH, biểu ngữ, loa phóng thanh, tuần hành trong trật tự. Một số người Việt và thân hữu Gia nã đại đã vào phòng họp với tư cách

tham dự viên. Cả ở trong và ngoài phòng họp, người qua đường và khách tham dự đã được phân phối các tài liệu tố cáo vi phạm nhân quyền của VC và phân tích những lợi hại cho doanh gia ngoại quốc khi đầu tư vào VN.

Cuộc biểu tình bên ngoài được sự đồng tình của nhiều người bản xứ trong lúc ở bên trong, ban tổ chức phải cắt tối đa phần chất vấn để tránh cho đoàn VC bị quay. Hình ảnh cuộc phản đối của cộng đồng Việt được nhiều đài truyền hình địa phương truyền đi.

Được biết trước Toronto, phái đoàn du thuyết của VC đã đến Montréal và Ottawa, tuy nhiên chưa có tin tức về các hoạt động của các hội đoàn tại những nơi này.

HỘI THẢO NHÂN QUYỀN TẠI OTTAWA

Ủy ban Tranh Đấu Nhân Quyền Cho Việt nam vùng Ottawa và Liên hội Người Việt Gia nã đại sẽ tổ chức hội thảo nhân quyền tại Ottawa.

Hội thảo mang tên *Vietnam: Human Rights vs. Trade* (Việt nam: Nhân quyền đương-đầu với Mậu dịch) sẽ bắt đầu từ 14 giờ đến 18 giờ ngày 10.12.94 tại trụ sở Quốc hội Gia nã đại (Parliament Hill, Room 209, West Block, Ottawa).

Chương trình gồm có hai bài thuyết-trình chính:

- Diễn giả David Phillips (chủ tịch Congressional Human Rights Foundation) nói về *Nhân quyền ở Việt-nam*.

- Ông Đỗ Quý Kỳ (Chủ tịch Hội Chuyên gia Việt Nam) với đề tài *Nhân quyền và Mậu dịch*.

Trong phần thảo luận, các tham luận viên sẽ khai-triển các chủ đề sau:

- Trường hợp Đoàn Viết Hoạt.
- Trường hợp các diễn viên trong nước bị bắt vì đóng phim ngoại quốc.
- Khung cảnh đầu tư tại Việt-nam.
- Thuyền nhân Việt-nam và hoàn cảnh tị nạn toàn cầu.

TORONTO: ĐÀI PHÁT-THANH NGƯỜI VIỆT TORONTO

Một chương-trình Việt-ngữ vừa khởi sự phát-thanh tại Toronto hôm 20.11 vừa qua. Đó là đài *Người Việt Toronto* do ký-giả phát-thanh Việt Tiến, nguyên biên-tập-viên đài BBC Luân-đôn, phụ-trách.

Chương-trình được phát nửa giờ mỗi tuần trên làn sóng AM-1540 từ 9 giờ tối Chủ-nhật, gồm có tin thế-giới, tin Việt-nam, tin Gia-nã-đại, tin cộng-đồng; các vấn-đề thời-sự; giải-trí, ca-nhạc, điểm phim, giới-thiệu sách-báo và quảng-cáo thương-mại.

Mọi chi-tiết về chương-trình *Người Việt Toronto*, xin liên-lạc Việt Tiến, điện-thoại số (416) 539-9648. Địa-chỉ liên-lạc: 1338 Queen St. West, Unit 3, Toronto, Ontario M6K 1L4, Canada.

HỘI THẢO “GIA ĐÌNH VÀ GIÁO DỤC”

Tại Montreal, hội thảo “*Vai trò của gia đình trong việc giáo dục thiếu nhi Việt Nam*” đã được tổ chức ngày 30.10.94.

Diễn giả trong hội thảo gồm bà Nguyễn Tiến Cảnh, bà Trương Anh Đào, giáo sư Đỗ Quý Toàn, ông Đinh Ngọc Bôi và ông Richard Laroche.

Hội thảo được Cơ sở Khuyến học và Phát huy Văn hoá Việt Nam (với sự hỗ trợ của các tổ chức tôn giáo và hội đoàn Việt ở Montreal) tổ chức, là một trong những sinh hoạt hữu ích cho cộng đồng trong giai đoạn hội nhập.

ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO VN TẠI HOA KỲ

Đại hội thường niên kỳ 2 của Phật giáo Việt-nam Thống nhất Hải ngoại tại Hoa kỳ đã nhóm xong. Trong quyết nghị của Đại hội, có các các điểm đáng chú ý là:

- Long-trọng xác nhận: “Xin đứng sau lưng Hội đồng lương viện

để hỗ trợ, tham gia hay làm bất cứ điều gì mà Thượng tọa Huyền Quang chỉ thị, tuy nhiên, xin được đạo đạt niềm ưu tư và ba ý kiến trình lên Hội đồng lương viện:

. Xin cho Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất Hải ngoại tại Hoa kỳ và các châu được cử phái đoàn đại diện về tham dự.

. Xin Hội đồng lương viện có văn thư yêu sách nhà cầm quyền Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam trả tự do cho tất cả các tăng ni, Phật tử hiện còn bị giam trong nhà tù, trại cải tạo hay quản chế, để chư vị tham gia Đại hội VIII và phục vụ Giáo hội như trước năm 1975.

. Trước khi đại hội VIII được tổ chức, xin Hội đồng lương viện có văn thư yêu sách nhà cầm quyền Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam hoàn trả mọi cơ sở, chùa, việc của giáo hội bị cưỡng chiếm sau năm 75, để giáo hội có cơ sở vật chất tiến hành Phật sự sau đại hội. ...

- Khoản 2, điều 5 (về các sư trong giáo hội do VC thành lập năm 1982, trước nay vẫn được gọi là sư quốc doanh) bản quyết nghị viết:

“Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất Hải ngoại tại Hoa Kỳ luôn tỏ lòng tôn kính chư tôn đức tăng ni đã vì những hạnh nguyện riêng biệt mà tham gia Giáo hội Phật giáo Việt-nam do nhà nước cộng sản thành lập năm 1982. Nhưng, trước xu thế lịch sử thế giới đang thay đổi, chuyển động, trước hiện trạng đạo đức suy thoái và nghèo khó ở Việt nam, cũng như vì tiền đồ của đạo pháp và dân tộc, Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống nhất Hải ngoại tại Hoa kỳ xin lên tiếng kêu gọi chư tôn đức tăng, ni trong Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam hãy tìm cách hợp nhất với Giáo hội dân lập, là Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất, cùng góp tay phục vụ quần sanh và cứu nguy đạo pháp”.

VẤN CHUYỆN

...CHÙA VÀ CỜ

Chuyến du-thuyết hải-ngoại của

Hoà-thượng Thích Thanh Từ có vẻ như không được suôn-sẻ lắm.

Tại Toronto, phái-đoàn du-thuyết của Hoà-thượng đã gây nhiều tai-tiếng, như vụ “khuyến-cáo” các chùa nên hạ cờ VNCH, bỏ bớt cờ Phật-giáo (của Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất), nại lý-do “sợ Nhà nước Việt-nam làm khó dễ Hoà-thượng sau chuyến công-tác.”

Cũng tại Toronto, khi được Phật-tử hỏi thăm về vụ các nhà sư bị giam-cầm trong nước, Hoà-thượng Thanh Từ trả lời rằng Hoà-thượng vốn thanh-tu từ nhỏ, không biết gì về chuyện “ngoài đời”.

Sau khi rời Gia-nã-đại, Hoà thượng Thích Thanh Từ đến Hoa Kỳ, cũng để thuyết pháp. Vài chuyện rắc-rối tương-tự lại xảy ra, lần này ở Tampa (Florida).

Theo tin của báo chí địa phương, một số Phật tử đến chùa Minh Đăng Quang (Tampa) nghe giảng đã bị “chủ chùa” kêu cảnh sát đến đuổi ra vì “tội” mang theo cờ VNCH.

Bản tin MC (Florida) viết “Nhiều Phật tử đặt dấu hỏi là Hoà-thượng xuất ngoại với “sứ mạng” gì, và họ tỏ ra rất dè dặt. Một số Phật tử đến nghe thuyết pháp đã mang theo cờ quốc gia. Sư Bửu Minh đã cho một người đàn bà xưng là chủ chùa bước ra xĩa xối chụp mũ những người này là đến phá chùa, rồi kêu cảnh sát bắt.”

Vì chuyện rắc rối này, chương trình tại chùa Minh Đăng Quang đã chấm dứt ngay sau phần thuyết giảng, bỏ phần tiếp xúc giữa Hoà-thượng và Phật tử.

Vẫn theo tin MC, Hoà-thượng Thanh Từ qua Tampa do sự móc nối của sư Hạnh Đạt, trú-trì chùa Long Vân Orlando, một nhân vật trước đây đã cấm Phật-tử treo cờ quốc gia tại chùa của ông.

LÀM ĂN TẠI VIỆT-NAM: KÉO NHAU RA TÒA

Tòa-án Québec tại Montréal đang thụ-lý một vụ kiện-tụng giữa Nha-sĩ Trương Minh Phúc và một số nha-

sĩ Gia-nã-đại thuộc Đại-học Nha-khoa Montréal, liên-quan đến việc làm ăn tại Việt-nam.

Nội-vụ bắt nguồn từ việc Trương Minh Phúc, sau nhiều chuyến về thăm Việt-nam, đã đứng ra thành-lập một tổ-chức tại Québec, lấy tên là "Hội Nha-sĩ Vận-động Phục-hồi ngành Nha-khoa tại Việt-nam", giấy phép do chính-phủ Québec cấp ngày 14.5.1993. Mục-dịch của hội này là "tăng-cường sự hợp-tác giữa hai quốc-gia (Gia-nã-đại và Cộng-sản Việt-nam) trong lãnh-vực y-tế nha-khoa, cụ-thể bằng việc đưa về Việt-nam những dụng-cụ kỹ-thuật và tài-liệu giáo-khoa của ngành này, đồng-thời bảo-trợ cho các sinh-viên nha-khoa từ Việt-nam sang Gia-nã-đại thực-tập tại các đại-học Québec.

Cuối năm 1993, Monique Michaud, nha-sĩ cùng đứng tên lập hội với Trương Minh Phúc, đã theo ông này sang Việt-nam để bắt đầu thực-hiện dự-án. Hai người lục-đục vì bất đồng ý-kiến - không hiểu vì vấn-đề tiền-bạc hay chính-trị - ngay trong thời-gian còn lưu-trú tại Việt-nam. Tháng 9.1994, Trương Minh Phúc nhờ luật-sư lập hồ-sơ kiện Monique Michaud và một nha-sĩ khác trong hội, ông Daniel Kandelman, ra tòa. Đơn kiện nói rằng, vì Monique "tự ý rời Việt-nam, về Gia-nã-đại trước" khiến Trương Minh Phúc mất uy-tín đối với nhà cầm-quyền CSVN; đồng-thời tố-cáo Monique và Daniel lạm-dụng danh-nghĩa của Hội để xé lẻ làm ăn riêng với VC. Phúc đòi Monique và Daniel bồi-thường 15.000 gia-kim cho Hội và 35.000 gia-kim cho cá-nhân ông ta.

Chưa rõ vụ kiện sẽ ngã ngũ ra sao, nhưng cái tôn-chỉ "phục-vụ nhân-đạo" được quảng-cáo ban đầu xem ra không còn được các bên liên-hệ đề-cao như trước! ●

**SAO CHỤP VÀ GỬI CÁC
TRANG TIN-TỨC VỀ
NƯỚC, LÀ GÓP SỨC
HÓA-GIẢI CHỦ-TRƯỞNG
BỤNG-BÍT CỦA CS**



tin việt-nam

. Dương Thượng Ngã phụ-trách

sông Lòng Tàu, làm đổ 200 tấn dầu xuống nước.

NGOẠI-TRƯỞNG MỸ BỎ Ý-ĐỊNH CÔNG-DU VN

Ngoại trưởng Mỹ, ông Warren Christopher đã quyết-định không ghé Việt-nam trong khi tháp-tùng Tổng thống Bill Clinton trong chuyến công-du Á-châu tháng 11.94 vừa qua. Ông giải-thích với báo *Los Angeles Times*: "Tình-thế chưa sẵn-sàng để tôi ghé qua Việt-nam."

Trong khi đó, Văn-phòng đặc-trách Á-châu và Thái-bình-dương của bộ Ngoại-giao Mỹ loan-báo, các văn-phòng liên-lạc giữa Hà-nội và Hoa-thịnh-đốn sẽ mở cửa hoạt-động vào cuối năm nay, 1994.

HÀ-NỘI GIAM TÀU DẦU TÂN-GIA-BA, ĐÒI TIỀN

Hôm 3.11, CSVN đã hạ lệnh bắt giữ chiếc Neptune Aires của hãng Neptune Orient Lines Ltd. thuộc Tân-gia-ba, đòi bồi-thường 20 triệu mỹ-kim. Lý-do là tàu này đung gây một cầu tàu trong thương-cảng Sài-gòn và đổ 1.650 tấn dầu cặn xuống dòng sông.

Đây là tai-nạn đổ dầu xuống sông lần thứ nhì trong năm. Tháng 5 vừa qua, một tàu dầu Việt-nam đã đung vào một tàu hàng Đài-loan trên

VIỆT-KIỀU TẠI CAO-MIÊN Ồ-AT HỒI-HƯƠNG ĐỂ TRÁNH NẠN "CÁP DUỒN"

Kể từ đầu năm 1994 đến nay, đã có ít nhất 38.000 người Việt tại Cao-miên bỏ của chạy lấy thân về Việt-nam để tránh nạn "cáp duồn" (chém chết người Việt). Hầu hết các đồng-bào này đã từng sinh sống trên đất Miên hơn 30 năm nay, đã có nhà cửa ruộng vườn, hoặc làm chủ các doanh-nghiệp cỡ trung. Nhiều thanh thiếu-niên ra đời trên đất Miên và nổi tiếng Miên sõi hơn tiếng Việt. Nay thì họ phải bỏ tất cả để chạy chết, khi Quốc-hội Miên thông-qua một đạo luật di-trú có tính-cách kỳ-thị rõ-rệt.

Đạo luật này cho phép chính-phủ có toàn quyền trục-xuất hay giam vào trại tập-trung tất cả những người không phải là công-dân Cao-miên. Trong khi đó, quốc-gia này không hề có một đạo luật nào qui-định thế nào là một công-dân. Đại đa-số quân-đội và người Miên nhiệt-liệt ủng-hộ Quốc-hội và chính-phủ Miên trong việc ban-hành đạo luật. Họ đã chờ cơ-hội này trong mấy chục năm qua: cơ-hội để tàn-sát người Việt, thả xác trôi sông về Việt-nam như họ đã từng làm trong thời Lon Nol

trước đây.

Toàn thể Quốc-hội Cao-miên, thuộc đủ mọi xu-hướng chính-trị và đối-lập đã nhất trí bỏ phiếu thuận để thông qua đạo luật. Chỉ có một phiếu chống duy nhất của một dân-biểu người Miên gốc Chăm, ông Yayha Ahmed. Ông này tuyên-bố hoàn-toàn ủng-hộ việc trục-xuất người Việt, nhưng vì sợ chính-phủ Miên sẽ dùng đạo luật này đuổi luôn người Chăm nên ông bỏ phiếu chống.

Tình-trạng kỳ-thị người Việt gần được cổ-động công-khai tại Cao-miên hiện nay. Nhiều chính-khách nổi tiếng, trong đó có cựu thủ-tướng Son Sann, thủ-lãnh khối Phật-giáo Dân-chủ, đã từng dùng đề-tài “đánh đuổi người Việt” làm đề-tài tranh-cử, và được cử-tri ào-ạt đồn phiếu cho.

Các chính-khách khác tỏ ra ưa người Tàu hơn, vì theo họ, người Tàu biết khuất-phục, còn người Việt thì không. Cả thủ-đô Nam-vang đang rạo-rức bàn về việc thành-lập một hay nhiều trại tập-trung khổng-lồ, gom tất cả người Việt vào đó để khi cần tàn-sát thì không còn một con đở nào sống-sót.

Mặc dù Thủ-tướng Ranariddh Sihanoul gửi thư cho Liên-hợp-quốc, cho biết không hề có ý tập-trung người Việt, nhưng một viên chức cao-cấp của Cao-ủy Tị-nạn LHQ cho biết, chính-phủ Nam-vang đã tiếp-xúc với ông ta để bàn về một mô-thức thiết-lập các trại tập-trung.

Trước hiểm-họa đó, Ngoại-trưởng Việt Cộng Nguyễn Mạnh Cầm - một trong những thủ-phạm đã lừa dân Việt sang Miên lập khu “kinh-tế mới” sau khi bộ-đội CSVN chiếm trọn nước Miên năm 1978 - đã chỉ phản-ứng một cách thờ-ơ, chiếu lệ, bằng cách gửi một công-hàm ngoại-giao cho bộ Ngoại-giao Miên, bày-tỏ “sự quan-tâm và lo-ngại sâu-sắc” về vấn-đề. Hà-nội không hề đưa ra một kế-hoạch nào, kể cả dùng áp-lực nhân-quyền quốc-tế để giải nguy cho người Việt tại Miên, hay tổ-chức thành-lập các trại

tiếp-cư đón-tiếp đồng-bào trở về lánh nạn.

Không ai biết rõ hiện có bao nhiêu người Việt trên đất Miên. Chính-phủ Nam-vang cho biết “có khoảng hơn 100.000 người.” Các nguồn tin độc-lập cho biết khoảng từ 400.000 đến 600.000; trong khi Khờ-me đồ khăng-định: “có hơn 4 triệu người Việt sống lén-lút trên đất Miên, nói tiếng Miên như người Miên và làm đủ mọi nghề.”

Một vụ thăm-sát đại qui-mô có thể sẽ xảy ra trong sớm chiều, nếu quốc-tế không để mắt theo dõi và can-thiệp kịp thời. Chưa ai quên rằng dân Miên đã có thành-tích tàn-sát gần 3 triệu người cùng chủng-tộc trên “Killing Fields” cách nay chưa đầy 20 năm!

HÀ-NỘI VẪN TIẾP-TỤC XUẤT-CẢNG GẠO

Trong khi nạn lụt miền Tây đã làm thiệt-hại 1 triệu tấn gạo, Hà-nội đã vội-vàng cho chở gấp 50.000 tấn gạo dự-trữ từ Nam ra Bắc, nói là để chống lại việc tăng giá gạo.

Một mặt kêu gào thế-giới viện-trợ cứu lụt, một mặt CSVN vẫn tiếp-tục xuất-cảng gạo. Để chống lại lời tố-cáo về vụ bán gạo cho ngoại-quốc không khi dân miền Tây lâm nạn đói, Thông-tấn-xã VC loan tin hôm 3.11 rằng đã nhà nước đã thu thêm được 1,4 tấn gạo sau vụ gặt Đông Xuân so với năm ngoái nên vẫn còn dư-dả để xuất-cảng.

TÒA THÁNH LA-MÃ PHONG CHÚC HỒNG-Y CHO TGM PHẠM ĐÌNH TỤNG

Tòa-thánh La-mã đã phong chức Hồng-y cho Tổng Giám-mục Phạm Đình Tụng. Hà-nội đã lạnh nhạt chấp-nhận tin này, và phàn-nàn rằng Tòa Thánh đã đơn-phương hành-động chứ không tham-khảo ý-kiến nhà nước CSVN trước khi phong chức.

Hồng-y Phao-lô Giu-se Phạm Đình Tụng sinh năm 1919 tại Ninh-

bình, theo học Tiểu Chủng-viện Hoàng-nguyên và Đại Chủng-viện Xuân-bích, Hà-nội, thụ-phong linh-mục năm 1949.

Tháng 5.1990 khi Hồng-y Trịnh Văn Căn qua đời, Tòa Thánh cử Linh-mục Phạm Đình Tụng lúc đó làm Giám-mục địa-phận Bắc-ninh, kiêm-nhiệm Tổng Giám-quản Tông-tòa Hà-nội.

BẮT GIAM TĂNG-SĨ ĐI CỨU TRỢ ĐỒNG-BÀO BỊ LỤT

Cảnh-sát và công-an VC đã bắt giam 64 tăng-sĩ và 302 Phật-tử đang trên đường mang phẩm-vật cứu-trợ đi giúp đồng-bào lâm nạn lụt ở miền tây Nam-phần.

Đoàn xe của Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất gồm 10 chiếc chở đầy thực-phẩm, chăn màn và thuốc men đã bị tịch-thu. Khoảng 100 công-an đã đột-kích chùa Từ Hiếu, Chợ-lớn ở quận 8 Sài-gòn, tịch-thu thêm toàn bộ phẩm-vật cứu-trợ trị giá khoảng 100 triệu đồng tiền Hồ.

Phần lớn phẩm-vật này do sự đóng-góp của Phật-tử ở hải-ngoại, quyền giáo theo chỉ-dụ của Hoà-thượng Thích Huyền Quang, gửi về cứu-trợ đồng-bào lâm nạn. Đoàn xe do Thượng-tọa Thích Long Trí, trú-tri chùa Viên-Giác, Hội-an đứng ra điều-động. Trong số tăng-sĩ bị bắt, ngoài Thượng-tọa Thích Long Trí còn có các thượng-tọa Không Tánh, Nhật Ban, Đại-đức Trí Lực,...

Sau khi các hãng thông-tấn quốc-tế loan tin về vụ bắt-bớ, bộ Ngoại-giao Hà-nội đã lên tiếng phủ-nhận. Hà-nội xác-định “không hề có vụ bắt-bớ nào”, nhưng “các hoạt-động cứu-trợ cần phải thông qua Mặt Trận Tổ-quốc chứ không phải ai muốn làm gì thì làm.”

THUYỀN ĐÁM, 13 NGƯỜI DÂN MẤT-TÍCH

Một thuyền đánh cá xuất-phát tại Đà-nẵng đã bị bão nhận chìm ngoài khơi. Trong 16 ngư-dân trên thuyền,

chỉ có 3 người được cứu thoát, số còn lại bị sóng cuốn đi mất-tích.

Chuyến lửa về quê hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước mạnh-mẽ hơn nữa, ngoài số sách báo do tòa-soạn gửi trực-tiếp, xin quí độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người tự gửi thêm một phần, qua lối bưu-điện về nước. Có thể gửi trọn tờ báo, hoặc bản sao (*photocopy*). Mỗi lá thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin gửi về các địa-chỉ sau đây (thay-đổi hàng tháng):

Võ Minh Châu
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Vietnam

Quang Đầu
7 Phan Đình Phùng
Hà-nội, Vietnam

Phong Lê
20 Lý Thái Tổ
Hà-nội, Vietnam

Diệp Minh Tuyên
432 Nguyễn Thị Minh Khai
Quận 3, TP/HCM, Vietnam

Vũ Tuất Việt
432 Nguyễn thị Minh Khai
Q. 3, TP/HCM, Vietnam

Hoàng Dạ Vũ
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Vietnam

Dương Trọng Dật
432 Nguyễn thị Minh Khai
Q. 3, TP/HCM, Vietnam

Nguyễn Hồng Phong
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Vietnam

Hữu Thịnh
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Việt-nam

Đặng Văn Nhưng
7 Phan Đình Phùng
Hà-nội, Vietnam

Nhà in Quân-đội 2
65 Hồ Văn Huê
Phủ-nhuận, TP/HCM, Vietnam

Vũ Thượng
432 Nguyễn Thị Minh Khai
Q.1, TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
68 Bạch Đằng, Phường 24
Quận Bình-thành, TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
473C Bạch-đăng, Phường 2
Quận Bình-thành, TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
14 Nguyễn Huy Tự, Ph. Đakao
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
121 Hai Bà Trưng
Q.1, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
26 Nguyễn Thi
Q. 5, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
57 Trần Hưng Đạo
Q. 5, TP/HCM, Vietnam

Tạp-chí Cộng-Sản
1 Nguyễn Thượng Hiền
Hà-nội, Vietnam

Tạp-chí Cộng Sản (cơ-sở miền Nam)
19 Phạm Ngọc Thạch
Q.3, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
241 Phan Đình Phùng,
Q. Phú-nhuận, TP/HCM, Vietnam

Cần Phát
180B Võ Thị Sáu, Ph. 7
Q. 3, TP/HCM, Vietnam

UN Phonekad
80B Nguyễn Du
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Victor Company
2 Đồng Khởi
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex
181 Hàm-nghi
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex
70 Hồ Tùng Mậu
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex
20D Lê Thánh Tôn
Cần-thơ, Vietnam

Viettronimex
74 Nguyễn Huệ
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex
6 Phạm Văn Hai
Q. Tân-bình, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex Đồng-đa
122 Hàng Trống
Hà-nội, Vietnam

Viettronimex
190 Lò Đức
Hà-nội, Vietnam

Hanel Hải-phòng
11 Trần Hưng Đạo
Hải-phòng, Vietnam

Huetronics
133 Trần Hưng Đạo
Huế, Vietnam

Viettonimex Đà-nẵng
2A Pasteur
Đà-nẵng, Vietnam

Mekontronics
81 Phan Đình Phùng
Cần-thơ, Vietnam

Trung-tâm Ngoại-ngữ
506 Ngô Gia Tự
Q. 5, TP/HCM, Vietnam

Nhà máy bia Halida
167B Minh Khai
Hà-nội, Vietnam

Công-ty TNHH Đất Việt
145 Pasteur
Q. 3, TP/HCM, Vietnam

Phonelink
180 Trần Hưng Đạo
Q. 5, TP/HCM, Vietnam

Phonelink
146 Pasteur
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Phonelink
230 hai Bà Trưng
Q.1, TP/HCM, Vietnam

Trung-tâm Ngoại-ngữ
1 Công-xã Pa-ri
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Công-ty du-lịch Gia-định
455 Bạch-đăng, Q. Bình-thành
TP/HCM, Vietnam



Ca-na-đa tiếp-tục cho Việt-nam hưởng qui-chế tối-huệ-quốc

Mới cuối tháng 11 tây mà Sài-gòn đã có màu sắc rực-rịch đón Noel, coi bộ còn hồ-hởi hơn cả các nước Thiên chúa giáo Âu Mỹ! Nhiều hiệu buôn ở phố Bôn-na đã chưng dọn cây Noel có đèn màu chớp chớp. Có tiệm còn chơi sang, tìm mua đâu được cái hang đá nhỏ nhỏ có Chúa Hải-đồng, cùng thánh Giu-se và mẹ Maria quì bên máng cỏ, có cả ba vua cỡi lạc-đà từ xa đi tới. Các món này mà sống-sốt được từ 75 cho tới mùa "đổi mới" hiện nay, quả là hiếm quý. Lâu nay tư nhân đâu được chưng tượng Chúa tượng Phật trong nhà. Nay nhờ Đảng mở cửa đón "U ết Dê" (USD) nên các sinh-hoạt có màu sắc tôn-giáo được nhà nước nới tay tạm thời thả lỏng cho bày biện tí-tí gọi là thêm-thất chút màu sắc dân-chủ. Đô-la muôn năm!

Phải chỉ các nhà lãnh-tụ thế-giới kiểu ông Thủ-tướng quai chèo Jean Chrétien của Ca-na-đa chịu khó xin phép nhà nước ta cho vào ngục tối

thư sài- gòn

Vũ Đa Cao
phụ-trách

thăm các tầng nì, linh-mục, mục-sư đang bị giam-cầm, có khi nhờ đó mà các nhà tu-hành này lại được nhà nước vì nhu-cầu bày hàng dân-chủ, mở cửa phóng-thích tất cả chẳng. Tiếc là ngài Thủ-tướng càn vàng lá ngọc chỉ ngồi chơi xơi nước ở Bắc-bộ-phủ, bủa-xua các ông bà lớn rồi-rích, rồi tuyên-bố cho nước Việt-nam cộng-sản tiếp-tục được hưởng qui-chế "tối-huệ-quốc" (nghĩa là được miễn nhiều thứ thuế và nhập hàng xả cảng).

Không biết trước khi sang Việt-nam, ông thủ quai chèo có được các đoàn-thể người Việt tị-nạn tại Ca-na-đa nhấn gửi, thỉnh-cầu vận-động nhân-quyền cho Việt-nam và ông có hứa-hẹn gì không, mà không thấy ông thủ đả-động gì tới vụ này cả. Nếu ông đã hứa-hẹn mà không làm, thì cái giá mấy chục triệu đô-la mậu-dịch để đổi lấy danh-dự của phái-đoàn Can-na-đa, thì thật tình là rẻ mạt. Các quan cán-bộ nhà nước ta có quyền hát cái bản mặt lên và yên-tâm tiếp-tục trấn-lột dân-chúng, đàn áp tăng-lũ và tín-đồ. Ca-na-đa mà còn không nói gì thì quả tình nước ta dân-chủ một đồng, những kẻ thói mồm quốc-tế đừng có mà chõ vào!

Mặt khác, dân Việt-nam trước nay không hề trông-cậy gì vào các ông bà lãnh-đạo xứ Ca-na-đa. Phủ bệnh phủ, huyện bệnh huyện. Từ thời chiến cho tới thời mạt-rệp tại nước ta, Ca-na-đa vẫn thân nhà nước

Hà-nội hơn là thân dân-chúng Việt-nam. Ông Thủ quai chèo lần này sang thăm nhà nước Việt-nam với nhiệm-vụ duy nhất và rõ-ràng, là đi tìm thị-trường giúp nước ông cứu-vãn kinh-tế. Dân nước ông không hề xuất quỹ cho ông và 9 ông quan đầu tỉnh sang Việt-nam để... tranh-đấu cho nhân-quyền. Điều đó rất sáng-tỏ!

Huy-chương vàng Á vận hội về Thái cực đạo

Cho dù bị đè-nén trăm chiều dưới guồng máy xã-hội chủ-nghĩa, dân-tộc ta vẫn cứ sản-xuất được nhiều thanh-niên xuất-chúng, làm rạng-rỡ giống-nòi. Mới đây nhất là những cái huy-chương chói-lọi do giới trẻ Việt-nam mang về từ Á-vận-hội lần thứ 12 tại Hiroshima (Nhật-bản).

Á-vận-hội năm nay có 42 nước Á-châu với 7.300 lực-sĩ tham-dự. Bắc Hàn không dự, nhưng có thêm 5 nước mới từ khối Liên-sô cũ là: Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkmenistan và Uuzbekistan. Cao-miên cũng có mặt sau 20 năm vắng bóng.

Đặc-biệt trong màn diễn-hành, quốc-gia Jordan có cô công-chúa lực-sĩ cầm cờ đi đầu. Trông cô cứ hơn-hớn xuân tình, hỏi ra mới biết nàng tranh giải về môn ky-mã.

Phía Nhật, cả Thiên-hoàng, Thiên-hậu, Thái-tử, công-nương cùng công-chúa đều có mặt trên khán-đài danh-dự, trước 44.000 khán-giả đứng ngồi chật cả vận-động-trường.

Chương-trình thi đấu kéo dài hai tuần, gồm 34 môn thể-thao và 337 huy-chương vàng.

Trong phái-đoàn Việt-nam, võ-sĩ Thái-cực-đạo (Tae Kwon Do) Trần Quang Hà đã hạ võ-sĩ Nhật Yamashita trong trận bán-kết và võ-sĩ Nam-dương Tekwan Beraan trong trận chung-kết, ôm về cho đất mẹ cái huy-chương vàng Thái cực đạo hạng 58 kí.

Về môn Không-thủ-đạo (Karate), nữ võ-sĩ Việt-nam đoạt huy-chương

bạc hạng 53 kí. Võ-sĩ Trần Văn Thông đoạt huy-chương bạc hạng 60 kí. Kể ra sau bao nhiêu năm chiến-tranh, giới trẻ Việt đánh nhau vẫn “chì” hơn các môn khác!

Tổng-kết số huy-chương như sau:

- Trung Cộng: 137 vàng, 92 bạc, 60 đồng.

- Nam Hàn: 63 vàng, 53 bạc, 63 đồng.

- Nhật-bản: 59 vàng, 68 bạc, 80 đồng.

Tiếp theo là các các nước Kazakhstan, Uzbekistan, Ba-tư, Đài-loan, Ấn-độ,... CSVN được xếp hạng 19.

Sẵn đây kể luôn vài chuyện bên lề Á-vận-hội 1994 được đồng-bào trong nước kháo nhau một cách khoái chí:

Chủ-tịch Á-vận-hội năm nay là Hoàng tử Fahad Ah Sabah của nước Kuwait. Trước giờ ra quân, ông hoàng lỡ hứng chí tuyên-bố, lực-sĩ Kuwait nào đoạt được huy-chương vàng sẽ được thưởng một cái xé hộp đồ-luých láng coóng. Nói là “lỡ” là vì, theo lực-sĩ Mabrouk của quốc-gia này, ông hoàng trông qua trông lại lượng sức, thấy đoàn tuyển thủ nước nhà yếu cơ quá, huy chương đồng chưa chắc đã dám mơ, nói chi tới huy-chương vàng! Nào ngờ, trước viễn-ảnh cái xé quá ngon lành, các lực-sĩ Kuwait “chơi” tận mạng và lấy luôn một lúc 3 cái huy-chương vàng khiến cậu hoàng con méo cả mặt.

Các nước Trung Cộng, Đài-loan, Uzbekistan,... đều treo giải thưởng rất cao cho các lực-sĩ đoạt huy-chương trong phái-đoàn của họ. Riêng Nhật-bản, vì là nước đứng ra tổ chức nên phải đề-cao tinh-thần thể-thao, không thưởng một yen nào cả. Hậu-quả, quốc-gia này đã bị xếp dưới cả Nam Hàn, là nước thua Nhật rất xa tại Thế-vận-hội 1992 mới đây. Ai dám bảo là vi-ta-min “T” không hiệu-nghiem!

Cháy khách-sạn

Khách-sạn Lê Lai, nằm trên

đường Lê Lai, quận I, ngay trung-tâm thành-phố đã phát hỏa. Khách-sạn đang trong tình-trạng sửa-chữa. Lửa từ đâu bén vào phen-cốt quây quanh khu sửa-chữa trên lầu năm.

May mắn là cái nhà sầm này nằm sát vách với khách-sạn hiện-đại New World hiện có nhiều ngoại-kiều trú-ngụ nên sở Phòng cháy Chữa cháy thành-phố đã tận lực cứu chữa. Tuy-nhiên, khách trọ bên New World (hầu hết là Hoa-kiều) cũng bị một phen hoảng-kinh hồn-vía, máu-méo chạy chết. Có người tháo ra đường trong tình-trạng gần như lỏa-thể. Nhiều người mất cả tư trang, giấy tờ tùy thân. Không ai chết, chỉ vài người bị xây xát trong lúc hoảng chạy. Khách-sạn New World bị hư-hỏng một phần vật-chất khá nặng, một bên vách bị cháy xém, và lửa liếm vào khung cửa, màn cửa làm hỏng tất cả 12 phòng.

Nhà nước đang điều-tra nguyên-nhân gây ra vụ cháy. Nhiều nguồn tin cho rằng đây là một vụ khủng-bố, tiếp theo vụ ném lựu-đạn tấn-công các thương-khách Hoa-kiều tại bến Bạch-đăng vừa qua. Kẻ phóng-hỏa nhắm vào khách-sạn New World, và khách-sạn Lê Lai chỉ là điểm xuất-phát, vì nó nằm sát New World.

Nhà nước chưa có câu kết-luận, nhưng du-khách ngoại-quốc đã nhốn-náo, đồn-đãi rằng, Sài-gòn hiện nay giống y như Sài-gòn thời chiến. Trước kia, những vụ khủng-bố nhắm vào người Mỹ, và ngày nay nhắm vào người Hoa.

Trước áp-lực công-chức

Đảng mang bò vàng ra tế thần

Tháng qua, nhà nước Việt-nam đã mang một con “bò vàng” ra tế thần để xoa dịu sự công-phẫn của quần-chúng Hà-nội, và tránh tiếng trước tai-mắt của báo-chí quốc-tế.

Con bò tế ấy là Nguyễn Tùng Dương, cảnh-sát lưu-thông. Dương đã bắn chết một thanh-niên tên Nguyễn Việt Phương, 23 tuổi, để cướp 50 triệu đồng tiền Hồ ngay

trạm kiểm-soát dưới chân cầu.

Vụ giết người cướp của công-khai này đã châm ngòi phản-uất trong công-chúng.

Dân-chúng Hà-nội trước nay vẫn uất-ức trước những vụ giết người của công-an. Nhiều gia-đình có thân-nhân sống bằng nghề kinh-doanh, đột-nhiên bị cảnh-sát bắt giam. Sáng hôm sau, thân-nhân được gọi tới đồn để lãnh xác vì người nhà của họ “bị cảm” chết. Chỉ trần xì mỗi cái xác, nhiều khi quần-áo đất tiền cũng bị lột sạch. Tiền bạc, hàng-hóa tất-nhiên mất trắng. Người dân thấp cổ bé miệng không dám kêu vào đâu. Gõ vào cánh cửa nào cũng nguy-hiểm. Cửa nhà quan lạnh-lùng đóng chặt, nhưng cửa nhà dân sẽ bị gõ lại trong đêm vắng, và sẽ thêm nhiều người “bị cảm”...

Trước làn sóng căm-phẫn dâng cao, vì lần này dân-chúng bắt được quả-tang công-an cảnh-sát công-khai giết người, nhà nước Hà-nội đã phải câu-lưu hung-phạm. Dân-chúng biểu-tình đòi đưa Dương ra tòa xét xử chứ không được giam ngăm rồi thuyên-chuyển đi nơi khác (có khi còn được lên chức, nhờ thừa tiền của để đút-lót).

Cuối cùng, số phận của Dương bị trên định đoạt, và y trở thành con vật tế thần.

Một phiên tòa nhóm công-khai tại Hà-nội, với hàng ngàn dân-chúng bu quanh theo dõi, nhiều người leo cả lên nóc nhà, cây cối chung quanh để trông cho rõ.

Bản án tiền chế từ Trung-ương đảng được Tòa án nhân dân công-bố: tử hình.

Thế là cái nôi súp-de sôi bỏng được mở nắp cho xì hơi. Dân-chúng vỗ tay hoan-hô và hể-hả ra về. Cái chế-độ đã đẻ ra hàng triệu tên công-an ác-ôn tương-tự như Nguyễn Tùng Dương an-nhiên tồn-tại.

Một người dân Hà-nội hồ-hởi nói với phóng-viên AFP: “Công-lý đã thắng!” Đáng buồn thay, cái thứ “công-lý” này chỉ với tới gót giày của loại công-an tép riu gác đường mà thôi!

Nguyễn Hữu Thọ lại “lên chức”

Luật-sư Nguyễn Hữu Thọ, con hạc gỗ của đảng Cộng-sản Việt-nam đã bị Đảng lấy lại chức chủ-tịch Mặt Trận Tổ-Quốc, giao cho Lê Quang Đạo. Thọ được “nâng lên” hàng chủ-tịch... danh-dự.

Kể ra, Thọ cũng khá thọ trong cái nghề làm bù-nhìn của ông ta. Cuối thập-niên 50, đang ăn trên ngai trước với nghề thầy cãi tại miền Nam, Thọ được đảng CSVN vời ra đứng đầu Phong-trào Bảo-vệ Hoà-bình ngay trên phần đất không có chiến-tranh. Bị mật-vụ nhà Ngô vô vô áp, Thọ được Đảng tổ-chức đánh tháo, rồi dẫn tuốt vô khu, làm Chủ-tịch bù-nhìn của Mặt Trận bù nhìn Giải Phóng Miền Nam. Khi Mặt Trận này lập “Chính-phủ Cách-mạng Lâm-thời Cộng-hòa Miền Nam Việt-nam”, Thọ được phong làm

chủ-tịch (tương-đương với quốc trưởng) với Huỳnh Tấn Phát làm thủ-tướng. Vậy là chỉ trong mười năm, chức bù nhìn được thăng cấp tới ba lần.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi chiếc xe tăng T-54 của CS Bắc Việt đụng sập cánh cổng dinh Độc-lập của Việt-Nam Cộng-Hòa, thì những vòng xích sắt của nó cũng đồng-thời nghiền nát cái gọi là “nước” Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam do Thọ làm chủ-tịch.

Sau khi chính-phủ ma của Huỳnh Tấn Phát đã tiêu-diêu miền cực-lạc, Thọ được gán vào chức phó chủ-tịch bù-nhìn của Quốc-hội bù nhìn nước Việt-nam thống-nhất, gọi là Cộng-hoà xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam. Khi Trần Văn Trà và cánh miền Nam rục-rịch nổi dậy, Thọ được thăng lên chức đệ nhị phó chủ-tịch bù nhìn Nhà nước. Lần này thì Đảng tính lầm. Nguyễn Lương Bằng, đệ nhất

phó chủ-tịch lăn cổ ra chết trước cả Tôn Đức Thắng, khiến Thọ tự động lên chức đệ nhất phó chủ-tịch. Rồi Tôn Đức Thắng cũng đi gặp các bác, Thọ lại từ từ leo lên ghế chủ-tịch Nhà nước, tương-đương với Quốc trưởng. Vậy là thêm một lần nữa, Nguyễn Hữu Thọ ngồi ghế quốc trưởng bù nhìn. Lần này thì Đảng chơi chưa. Trên nguyên-tắc được minh thị trên giấy trắng mực đen, khi chủ-tịch qua đời, phó chủ-tịch lên thay. Vậy mà Đảng và Nhà nước hề nhau gán thêm chữ “quyền” vào trước chức chủ-tịch của Thọ: *Quyền Chủ-tịch Nhà nước*. Chữ “quyền” ở đây có nghĩa là... không có quyền gì cả, anh chỉ là bù-nhìn. Thảm thay, cái chức “chủ-tịch nước” vốn đã là bù nhìn rồi, Đảng ta cẩn-thận lắm thay mà cũng trào-lộng lắm thay. *Quyền bù-nhìn!*

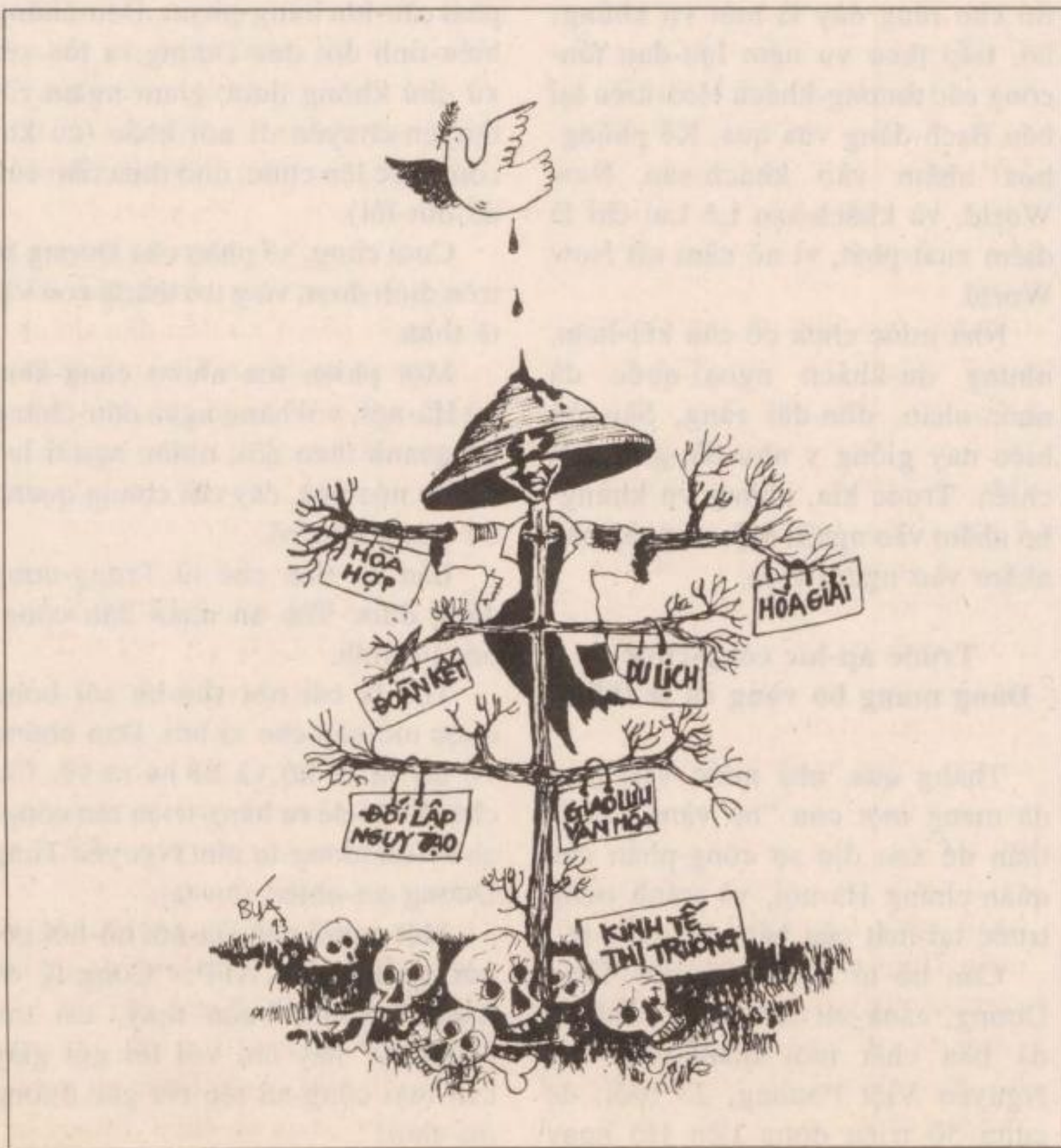
Ít lâu sau, Đảng sắp-xếp xong nhân sự, mời ông chuyên-gia bù-nhìn đi xuống, làm chủ-tịch bù-nhìn của Mặt Trận Tổ-Quốc, cái quái thai lộn kiếp của đảng Cộng-sản Việt-nam. Có người bảo, gọi cái tổ-chức này bằng bất cứ tên gì - kể cả nhà thổ, bãi rác, kho hàng... - đều đúng, ngoại-trừ hai chữ “Mặt Trận.” Vậy mà cũng không yên. Mới đó, Thọ đã bị đôn lên chức “chủ-tịch danh-dự.” Bù-nhìn *danh-dự*.

Công tâm mà xét, quả là ông “lành” thật. Con chó giữ nhà mà bị chủ co chân đá, ít nhất nó cũng kêu “oảng!” một tiếng. Còn ông thì không. Bù-nhìn không có mồm.

Khi Đảng và Nhà nước “cải-tạo công-thương-nghiệp” miền Nam, bù-nhìn Nguyễn Hữu Thọ đang làm phó chủ-tịch nước, không hề nhú mảy. Bù-nhìn không có tim.

Ông xuất-thân con nhà luật, lại a-tòng bọn cướp chà-đạp pháp-quyền. Bù-nhìn không có liêm-sĩ.

Người ta làm bù-nhìn, đặt đứng giữa ruộng dưa để xua dọa chim-chóc, bảo-vệ mùa-màng. Bù-nhìn còn có ích. Còn Nguyễn Hữu Thọ, ông ta chỉ làm lợi cho nước cho dân khi nằm xuống, trải thân ra bón đất. Và ngày ấy đã gần kề!



tin tị-nạn

Kiên Trung phụ-trách



CHI TIẾT VỀ VỤ ĐÀN ÁP CƯỜNG BỨC HỒI HƯƠNG Ở HƯƠNG CẢNG

Làng Vãn số 123 (tháng 11. 93) đã đưa tin nhà cầm quyền Hương Cảng áp dụng biện pháp mạnh để bắt người ở trại cầm High Island nhằm cưỡng bức hồi hương (ngày 19.9.94). So sánh với vụ đàn áp tháng 4. 94 tại Whitehead, vụ 19.9.94 có mức độ quyết liệt và dã man hơn.

Thông tin viên *Làng Vãn* từ Hương Cảng vừa gửi về bản tin chi tiết, xin lược trình dưới đây.

Cuộc hành quân của chánh quyền, mà thuyền nhân tại Hương-cảng gọi là "lực lượng khủng bố" khởi diễn từ 6 giờ sáng ngày 19.9 khi thành phần gồm cả "hải, lục, không quân, cảnh sát, nhân viên Trừng-giáo" bao vây trại High Island. Mục tiêu của họ là bắt 21 người chống cưỡng bức hồi hương trong trại Bắc High Island. Thuyền nhân đối phó với cuộc tấn công bằng cách biểu tình ngồi, một số leo lên nóc nhà. Có 48 người, trong số đó cả những người không nằm trong danh sách cưỡng bức, tự nguyện tự sát chống cưỡng bức.

Những người này thắt dây dài vào cổ với nhau, chuẩn bị sẵn vạt tre vót nhọn để đâm bụng hay cắt mạch máu. Từ ba giờ chiều, cảnh sát bắn khói cay lên đầu thuyền nhân. Sau ba đợt khói cay, cảnh sát tiến vào, dùng dùi cui đập lên đầu người tị nạn. Có hai thiếu nữ bị đánh đã tự cắt mạch máu, bị cảnh sát dùng túi ni lông bịt kín bắt mang đi. Đến 5 giờ chiều cảnh sát rút lui, vẫn chưa bắt được người. Suốt trong thời gian náo động, thuyền nhân trại Nam

biểu tình, hô khẩu hiệu ủng hộ trại Bắc.

Ngày 20. 9, cảnh sát trở lại với số lượng đông hơn (56 xe, gần 1000 cảnh sát viên) phong tỏa toàn trại. Cảnh sát trên mặt đất, lực lượng Thủy Cảnh dưới sông và trực thăng trên trời liên tiếp khủng bố tinh thần thuyền nhân. Thuyền nhân ở trại Nam đông loạt biểu tình, giương cờ VNCH tuần hành trong trại. Buổi chiều, cảnh sát xông vào trại, bắt đưa số thuyền nhân tự sát vào khu biệt giam Maynee thay vì đưa đi cấp cứu. Sau đó, tất cả lực lượng cảnh sát tiến vào trại, một số dùng nhiều cách, từ phao bơm đến thang máy bay để bắt những người trên nóc nhà, số lớn dùng dùi cui đập đánh, xua người biểu tình vào các nhà vòm, cách ly họ với những người trên nóc nhà. Phụ nữ, người lớn tuổi, trẻ con bị đập không phân biệt. Có thuyền nhân đã giạt được mặt nạ của cảnh sát, nhận diện được cả trưởng trại High Island trong số này. Đến 5 giờ chiều, tất cả số thuyền nhân "quyết tử" còn cố thủ trên các nóc nhà bị bắt khiêng xuống, hầu hết trong tình trạng bị thương tích (do tự sát) hay hôn mê vì hơi cay xịt thẳng vào mặt. Số người này bị đưa đi hay giam vào nhà đá.

Đến 6 giờ chiều, lực lượng khủng bố lại tấn công lùng bắt, mục đích là tìm cho đủ những người trong danh sách bị cưỡng bức và thân nhân. Cuộc tấn công kéo dài đến nửa đêm, cảnh sát, nhân viên Trừng-giáo đánh đập dã man bất kỳ người nào họ gặp trong trại, có 60 người bị thương tích nặng.

Tin của thông tin viên *Làng Vãn* cũng cho biết, một Ủy ban tranh đấu đã ra đời trong trại cầm High Island, mang tên Ủy ban Bảo Vệ Quyền Tị Nạn và Chống Cường Bức Hồi Hương. Ủy ban khẩn thiết kêu gọi thuyền nhân trong trại và đồng bào hải ngoại đoàn kết ủng hộ chống cưỡng bức hồi hương trong trận quyết liệt sau cùng.

THUYỀN NHÂN VN KIỆN CHÍNH PHỦ HƯƠNG CẢNG, ĐÒI BỒI THƯỜNG TÀI SẢN

Thuyền nhân Phạm Bá Quát, người dính hoãn việc định cư của mình để đòi hỏi chính phủ Hương Cảng trừng trị những người đã hành hung thuyền nhân trong cuộc đàn áp tháng 7.94, đã đâm đơn kiện Cải Huấn Cục (Correctional Services Department) Hương Cảng đòi bồi thường tài sản. Ông Quát khiếu nại rằng trong khi dùng vũ lực chuyển gia đình ông khỏi trại Whitehead, Nhân-viên Trừng-giáo đã làm mất toàn thể tài sản, tư trang của gia đình ông gồm tiền mặt và đồ dùng cá nhân trị giá hơn 5.000 ngàn đô la Hương Cảng. Ông Quát được luật sư của tổ chức Refugee Concern đại diện. Luật sư của chính phủ đã xin trì hoãn phiên xử đến đầu tháng 11 để chuẩn bị hồ sơ. Kết quả phiên xử này có thể sẽ trở thành một tiền lệ, dẫn đến hàng trăm vụ kiện do các thuyền nhân bị chuyển trại đứng đơn.

HƯƠNG CẢNG TUYÊN BỐ CHẤM DỨT CÔNG VIỆC THANH LỘC

Thông báo của chính quyền Hương Cảng cho biết từ tháng 6. 88 đã có 71.700 thuyền nhân đến Hương Cảng, và họ đã tiến hành thanh lọc 59.000 người (theo tinh thần Chương trình Hành động Toàn Diện CPA). Kết quả chỉ có 6.700 người được coi là tị nạn chính trị (đậu), 2.800 người được tái xét (sau khi đã bị loại) và chấp thuận cho đi

định cư. Cũng theo thông báo, hiện còn một số ít trường hợp còn đang được cứu xét hay tái xét.

Tỉ lệ của những con số chính thức kể trên là 16%, cho thấy công việc thanh lọc đã được thực hiện đúng như mọi người đã nhận định là cầu thả, chiếu lệ, nhiều định kiến và nhằm chủ trương đuổi người tị nạn trở về với cộng sản Việt-nam.

Điều hợp viên Tị nạn Việt-nam của chính quyền Hương Cảng cho biết việc thanh lọc được coi là đã chấm dứt (1.11.94) và ai không đồng ý kết quả thì cứ đi kiện, nhưng "quá khứ đã chứng minh rằng việc kiện thưa không có nhiều kết quả."

THÁI LAN: TT TRÍ LĂNG CẢM ƠN CÁC TỔ CHỨC TRANH ĐẤU

Trong một thư gửi từ Phanat Nikhom (Thái Lan), TT Thích Trí Lăng, đã cảm ơn các vị lãnh đạo Phật giáo và các tôn giáo, các tổ chức nhân quyền, các tổ chức của cộng đồng Việt và đồng bào hải ngoại về việc đã can thiệp cho ông được tái xét và công nhận tị nạn. Trước đó ông đã bị Thái lan biệt giam từ tháng 7.93.

Cũng cần nói thêm trường hợp của TT Thích Trí Lăng và TT Thích Thông Đạt (Nam Dương) chỉ là cá biệt; hiện ở Thái lan, Hương Cảng, Phi luật tân... còn hàng chục tu sĩ bị từ chối quyền tị nạn. Trong cuộc điều trần gần đây trước Quốc hội Hoa Kỳ, TT Thông Đạt đã đưa ra một danh sách gồm 13 tu sĩ ở Thái lan, 2 tu sĩ ở Hương Cảng và Phi luật tân bị bác đơn thanh lọc.

THÁI LAN : TẾT TRUNG THU CUỐI CÙNG TẠI SIKIEW?

Cộng đoàn Công Giáo Sikiew vừa gửi lời cảm ơn quý vị ân nhân tại Gia nã đại và Hoa Kỳ đã giúp cho đồng bào tị nạn tại đây một tết Trung thu ý nghĩa.

Tường trình của Linh mục Peter Surin Prasomphol và sư-huynh

Nguyễn Văn Thi thông báo, trong 20 ngày đầu tháng 9, sinh hoạt của trại đã vui nhộn với những hoạt động chuẩn bị cho tết Trung thu gồm làm đèn, phát quà, thánh lễ tạ ơn, thi thể thao, đồ vui.... Có 1300 lồng đèn được làm, 1200 phần quà cho người nghèo toàn trại, 252 phần quà cho trẻ em từ 1 đến 2 tuổi, 1100 phần quà cho trẻ em 3-5 tuổi, 52 phần quà cho các em không có thân nhân... *"toàn trại thực sự cảm thấy được khích lệ tinh thần và thấm đượm tình yêu thương đoàn kết của quý vị ân nhân dành cho chúng tôi."*

Hiện Cộng đồng Công giáo Sikiew đang lo đến việc tổ chức ngày Tết cổ truyền cho thuyền nhân. Trong trại còn khoảng 4.500 tị nạn (hơn 1500 người không thân nhân). Số đồng bào này đang mong mỗi sự quan tâm của đồng bào hải ngoại, nhất là trong hoàn cảnh bi đát của những ngày cuối cùng của chương trình CPA.

Danh sách các ân nhân đã tặng quà cho Tết Trung Thu Sikiew như sau:

Toronto: Anh Xuân Chánh và các con (Toronto) 50 mỹ kim, chị Phan Thu Hà (Toronto) 30 gia kim. Montreal: chị Võ Như Ngọc 50 gia kim.

Sherbrooke: Ninh Đình Quốc 10 gia kim, Nguyễn Thế Minh 10 gia kim, Lê Hoàng Bạch Yến 20 gia kim, Nguyễn Văn Phước 50 gia kim, Nguyễn Văn Dũng 5 gia kim, Trần Văn Sáu 10 gia kim, Trần Bảo Lộc 7 gia kim, Nguyễn Đức Quang 30 gia kim, Nguyễn Trung Long 200 gia kim, Sơn, Hoà, Uyên 16 gia kim.

Hoa Kỳ: anh Hoang D. Vo 5 mỹ kim.

(Số tiền quà trên đã chuyển thành mỹ kim và được anh Trần Văn Nhã gửi cho LM Peter Namwong ngày 30.8.94).

UB CỨU NGƯỜI VƯỢT BIỂN BÁO ĐỘNG VỀ TRƯỜNG HỢP TRẺ EM KHÔNG THÂN NHÂN

Cuối tháng 10.94, TS Nguyễn

Đình Thắng (Ủy ban Cứu người vượt biển) đã phổ biến một thư ngỏ gửi các Hội đoàn, nhóm, cá nhân đề nghị những việc phải làm gấp cho các trẻ không thân nhân trong các trại tị nạn Đông Nam Á.

Thư ngỏ báo động các biện pháp siết thắt đời sống tại các trại đã ảnh hưởng nặng nề đến các em như việc đóng cửa các trường học, hủy bỏ các chương trình giáo dục, cắt các khoản tài trợ cho giáo dục trong trại. Nghiêm trọng hơn, theo thư ngỏ, là việc Cao Ủy Tị Nạn và các quốc gia liên hệ đã thông báo "đón mọi nỗ lực vào việc hồi hương toàn bộ số trẻ không thân nhân trước cuối năm 94".

Ủy ban Cứu người vượt biển đề nghị hai việc cần thiết:

- Can thiệp cho các trường hợp không thể hồi hương (gồm các trẻ em có cha mẹ đã định cư, đang ở tù chính trị và trẻ không còn nơi nương tựa ở VN).

- Ngăn chặn không để đời sống các em bị siết thắt hơn nữa, không để các chương trình y tế, giáo dục và an sinh dành cho các em bị cắt giảm thêm.

Ủy ban Cứu người vượt biển cho biết đã thu thập khoảng 50 hồ sơ trong tổng số 200 trường hợp các em trong ba thành phần kể trên (1). UB đề nghị:

- Các hội đoàn, nhóm, cá nhân hãy gánh vác việc thu thập thêm và can thiệp cho các trường hợp còn lại

- Các hội đoàn, nhóm, cá nhân vận động với quốc tế, các quốc gia và Cao ủy để ngăn chặn không cho họ thực hiện các biện pháp cắt giảm hay hủy bỏ các chương trình giáo dục, y tế, an sinh cho trẻ em.

Ủy ban Cứu người vượt biển đề nghị các hội đoàn, nhóm, cá nhân thay vì chuyên chú vào việc cứu trợ, ủy lạo, hãy dành một phần nỗ lực vào hai việc vừa kể.

ÚC: QUỐC HỘI RA LUẬT BẮT TÁI CỨU XÉT THANH LỌC

Khi Thượng viện Úc ban hành Tu

chính án về luật Di trú (ngày 18.10.94) cộng đồng Việt tại Úc đã thắng lớn.

Tu chính án được ban hành có điều khoản đòi hỏi Cao-ủy Tị-nạn LHQ giải quyết tình trạng thanh lọc bất công với thuyền nhân Việt-nam. Điều khoản này do cộng đồng Việt Úc châu đề nghị các dân biểu đối lập đưa vào luật di trú, với lý do việc thanh lọc bất công chính là nguyên nhân đưa đến việc các thuyền nhân ở Galang vượt trại trốn sang Úc.

Trước đó, Tổng trưởng Di Trú Úc Bolkus đề nghị tu chính luật Di trú nhằm mục đích ngăn chặn thuyền nhân trốn từ các trại Đông Nam Á sang Úc, dự định sẽ quy định rằng từ sau 1.9.94, thuyền nhân trốn từ các trại sang Úc sẽ không được xin tị nạn nếu đã bị bác thanh lọc ở trại xuất phát. Điều khoản bổ sung mới được ban hành, ngược với ý đồ của Bolkus, lại buộc chính phủ Úc phải can thiệp mạnh mẽ đòi hỏi Cao-ủy Tị-nạn LHQ tái thẩm định vấn đề thanh lọc và tái cứu xét các hồ sơ bị thanh lọc bất công. Tổng trưởng Di trú còn được yêu cầu phải báo cáo Quốc hội về nỗ lực của Úc và các kết quả tái cứu xét của Cao-ủy Tị-nạn LHQ.

Trước đây, Úc là quốc gia luôn luôn che đậy cho Cao-ủy Tị-nạn LHQ và phản đối mọi nỗ lực cải thiện thanh lọc.

Tin từ Úc châu cho biết cộng đồng Việt tại đây đang khẩn trương lập các hồ sơ, nhất là các hồ sơ những người có thân nhân tại Úc để yêu cầu chính phủ can thiệp với Cao Ủy.

VĂN PHÒNG CAO ỦY TỊ NẠN LIÊN HIỆP QUỐC TRẢ LỜI CÁC DÂN BIỂU MỸ

Ngày 30. 9, Cao-ủy Tị-nạn LHQ đã phúc đáp thư của 51 dân biểu Hoa Kỳ về việc thanh lọc bất công tại các trại tị nạn (xem tin LV số 123). Thư phúc đáp do ông Werner Blatter, giám đốc văn phòng Vụ Á châu và Thái bình dương vẫn trợ trên khẳng

định thanh lọc hoàn toàn công bằng nhờ có sự giám sát chặt chẽ của Cao-ủy Tị-nạn LHQ (!). Trong thư, ông ta lờ hẩn các vấn đề tham nhũng, sách nhiễu ái tình mà thủ phạm là một số luật sư và nhân viên Cao-ủy Tị-nạn LHQ do dân biểu Leslie Byrne nêu ra.

Tuy nhiên, thư của văn phòng Cao-ủy Tị-nạn LHQ xác nhận đã nhận được một danh sách do Bộ Ngoại Giao Hoa-kỳ kiểm lọc và chuyển lại cho chúng tôi vào đầu tháng mười để tái cứu xét. Danh sách này do cộng đồng người Việt tại Mỹ thu thập và cho là bị từ chối quyền tị nạn một cách bất công. Như thế, phủ Cao-ủy Tị-nạn LHQ đã chính thức công nhận có bất công, và đồng thời xác nhận vai trò và hiệu quả công việc của cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ.

Ông Blatter cũng xác định sẽ hợp tác với phái đoàn Quốc Hội Mỹ đi quan sát tình hình thanh lọc và đời sống ở các trại (yêu cầu do bà Leslie Byrne đưa ra trong thư) nếu có sự chấp thuận của các quốc gia sở tại.

KẾT QUẢ CHIẾN DỊCH VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ CHO THUYỀN NHÂN VIỆT-NAM

Bức thư của các dân biểu Hoa Kỳ gửi Cao Ủy trưởng Cao-ủy Tị-nạn LHQ vừa kể là một kết quả của chiến dịch vận động quốc tế của cộng đồng Việt hải ngoại. Cuộc vận động mang tên Chiến Dịch Vận Động Thế Giới kỳ II, nhằm kêu gọi thế giới can thiệp giải quyết vấn đề thuyền nhân trong công bằng và nhân đạo trước quyết định cưỡng bách hồi hương và chấm dứt tị nạn VN cuối năm 95 của Cao-ủy Tị-nạn LHQ và các quốc gia Đông Nam Á. Kết quả các hoạt động khắp thế giới của chiến dịch (18.9 đến 9.10) được ghi nhận như sau:

Hoa Kỳ:

- Bộ Ngoại Giao đồng ý trên nguyên tắc sẽ liên lạc thường xuyên với cộng đồng Việt-nam. Thứ trưởng Ngoại-giao hứa sẽ đưa vấn đề tham

những và sách nhiễu tổng tình ra buổi họp với Cao-ủy Tị-nạn LHQ đầu tháng 10.

- Các dân biểu, nghị sĩ gửi thư cho Cao-ủy Tị-nạn LHQ và TT Mỹ yêu cầu chấm dứt cưỡng bách hồi hương và tái xét thanh lọc bất công (xem tin trên).

- Một số dân biểu đồng ý tổ chức điều trần trước Quốc hội về các vấn đề sách nhiễu tình và tiền trong thanh lọc.

- Một số dân biểu chấp nhận tham gia phái đoàn thăm các trại tị nạn.

- Hội đồng An ninh Quốc gia hứa sẽ nhắc nhở Bộ Ngoại Giao trong giải quyết các bất công trong thanh lọc.

Âu châu :

- Quốc Hội Âu châu (12 nước cộng đồng kinh tế châu Âu) đã ra quyết nghị yêu cầu Hương Cảng ngưng cưỡng bách hồi hương và các quốc gia Âu châu nhận thêm tị nạn Việt.

- Nghị viện Âu châu (Conseil de L'Europe) hứa sẽ ra quyết nghị bênh vực thuyền nhân và khuyến cáo Cao ủy lưu tâm đến các khuyến cáo của nghị viện trước đây về vấn đề thuyền nhân.

- Luật sư Pettiti (Hiệp hội Nhân Quyền Pháp) và Bác sĩ Bernard Kouchner (Quốc hội Âu châu) hứa sẽ can thiệp, bảo trợ trẻ em không thân nhân, trẻ em bị bạo hành.

- Quốc hội Âu châu cũng cam kết sẽ đặc biệt theo dõi các hoạt động của Cao-ủy Tị-nạn LHQ và sẽ đặt vấn đề nhân quyền trong mọi quan hệ kinh tế với CSVN.

- Ông Leo Tinderman (cựu Thủ tướng Bỉ) hứa sẽ lên tiếng phản đối chính phủ các quốc gia Đông Nam Á về việc đàn áp thuyền nhân, ông cũng sẽ ghé thăm trại tị nạn Hương Cảng trong chuyến công du tới và đồng ý cho một phái đoàn người Việt tháp tùng.

- Dân biểu Martens (Bỉ, trưởng khối Đại chúng Thiên chúa giáo, Quốc hội Âu châu) hứa sẽ đưa ra một quyết nghị bênh vực thuyền

nhân và vận động cho một phái đoàn Việt-nam đi thăm các trại tị nạn Đông Nam Á.

Các kết quả vừa kể do một phái đoàn trên 30 người đại diện các tổ chức tôn giáo, nhân quyền, cộng đồng, y sĩ... người Việt tại Hoa Kỳ, Gia nã đại, đã vận động từ Hoa Thịnh Đốn đến Âu châu trong Chiến Dịch Vận Động kỳ II.

Chiến dịch cũng phổ biến tập tài liệu *Vietnamese Boat People, A Cry to Humanity* và *Report on Corruption in the Screening Process under the Comprehensive Plan of Action*, cung cấp nhiều chứng cứ cụ thể về nỗi thống khổ của thuyền nhân trong địa ngục tạm cư. Theo BS Nguyễn Ngọc Kỳ, công tác của Chiến Dịch còn được tiếp tục.

TRUY TỔ PHỦ CAO ỦY TỊ NẠN LIÊN HIỆP QUỐC

Một người Việt có lòng trước thảm trạng của tị nạn Việt nam tại các trại Đông Nam Á trong những ngày quyết định việc đóng cửa trại và giải quyết dứt khoát vấn đề thuyền nhân đã đưa ra một "Cáo trạng cho Cao-ủy Tị-nạn LHQ". Bản cáo trạng được phổ biến đến báo chí và các tổ chức nhân quyền, đấu tranh cho người tị nạn VN.

Cáo trạng tố cáo Phủ Cao Ủy đã đi ngược lại trách-vụ của mình là bảo vệ, cứu giúp người tị nạn và ổn định cuộc sống cho họ. Làm sai thiên chức, hoạt động đầy định kiến đưa đến những sai lầm và bất công trong thanh lọc, dung túng và trực tiếp thực hiện những hoạt động tham nhũng, hối mại quyền thế, Phủ Cao-ủy Tị-nạn LHQ đã đưa thuyền nhân Việt-nam đến thảm cảnh trong các trại tị nạn.

Bản cáo trạng đề nghị:

- khiêu nại hoặc truy tố phủ Cao-ủy Tị-nạn LHQ trước toà án quốc tế về việc làm sai trách nhiệm và thiên chức, gây tổn thất sinh mạng, vật chất và tinh thần cho thuyền nhân Việt-nam.

- truy tố những kẻ phạm tội đòi

hối lộ, sách nhiễu tình và tiền trước toà án địa phương và quốc tế

- đòi hỏi phủ Cao-ủy Tị-nạn LHQ phải làm đúng trách nhiệm, xét lại toàn bộ các kết quả thanh lọc, hay ít nhất, các kết quả thanh lọc của cựu quân cán chính VNCH, những người có liên quan đến Hoa Kỳ, những người thuộc các sắc tộc, tu sĩ, văn nghệ sĩ, và thân nhân của các người trên vì họ thuộc phạm vi "tị nạn" theo định nghĩa của công ước quốc tế về người tị nạn.

Góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại có báo đọc để theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quý thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình "độc-giả góp tem, Làng Văn tặng báo", chi-tiết như sau:

. Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (20 gia-kim).

. Tiền tem để gửi một năm báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (46 gia-kim).

Lưu ý: Vì chế-độ kiểm-duyet gắt-gao của một số trại khiến báo-chí bị thất-lạc rất nhiều, gây phiền phức không ít cho tòa soạn. Làng Văn chấm dứt chương-trình thân-nhân gửi tem, tòa soạn tặng báo và gửi trực-tiếp theo địa chỉ yêu-cầu.

Từ nay, độc giả và thân hữu tặng tem, sẽ tòa soạn tùy nghi phân-phối báo sang các trại theo các đường dây an-toàn.

DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ VÀ THÂN-HỮU GÓP TEM GỬI BÁO SANG CÁC TRẠI TỊ-NẠN, NĂM 1994

Vi An (Nhật) tặng LM Nguyễn Trọng Tước một năm báo; Nguyễn Văn

(Hoa-kỳ) tặng một năm; ÔB Nguyễn Đức Tùng (Gia Nã Đại) tặng một năm; Trần Hương và Nguyễn Lâm (Hoa-kỳ) tặng một năm; Trần Mỹ Phương (Hoa-kỳ) tặng 2 số báo mỗi kỳ trong một năm; Nguyễn Hạnh (Gia Nã Đại) tặng một năm; Nguyễn Văn Thông (Hoa-kỳ) tặng 2 số báo mỗi kỳ trong một năm; Trịnh Hội (Hương-cảng) tặng một năm; Phan Khương Thái (Đức) tặng một năm; Gia-dinh Phương (Thụy-sĩ) tặng một năm; Doãn Thị Ngọc Thanh (Úc) tặng một năm; Trần Kim Vân (Hoa-kỳ) tặng 6 số báo mỗi kỳ trong một năm; Lê Thị Diễm Ái (Hoa Kỳ), tặng một năm; Bà Bành thị Ngọc Diệu & Ngọc Lưu (Downsview) tặng 2 số báo mỗi kỳ trong một năm; Tí Thư (Montréal) tặng 10 số báo mỗi kỳ trong một năm; Thu Tâm (Hoa-kỳ) tặng 2 số báo mỗi kỳ trong một năm; Ông Đinh Huỳnh, Cali tặng một năm báo; Cao Hoàng Nhân tặng 1 năm báo.

CÁC ĐỊA-CHỈ CẦN BIẾT KHI GỬI THƯ CAN-THIỆP GIÚP ĐỒNG-BÀO TỊ-NẠN

United Nations High Commissioner for Refugee (UNHCR)
Case Postale 2500
CH-1211 Genève 2 Dépôt
Switzerland

American Federation of Labor and Congress of Industrial Organizations
315 16th St., N.W.
Washington, D.C. 20006
U.S.A.

Boat People S.O.S.
P.O.Box 2652, Merrifield
VA 22116, USA
Phone & Fax: (703) 204-2662

Legal Assistance for Vietnamese Asylum Seekers (LAVAS)
P.O. Box 2606, Merrifield
VA 22116, USA

NHẮN TIN CHUNG

Số tem quý thân-hữu và độc-giả giúp gửi báo sang các trại năm 1994 nay đã hết. Tòa-soạn mong-mỗi quý bạn tiếp-tục góp sức, để đồng-bào tại các trại tị-nạn có thêm báo đọc. Đa tạ.

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

Đại lộ đẹp nhất thế giới

Du-khách các nước tới Paris, hầu như không ai không từng đi bộ lang thang trên Élysées, niềm tự-hào của dân Pháp. Đã đẹp còn muốn đẹp hơn. Pháp bỏ ra 240 triệu quan để tân-trang con đường nức tiếng này.

Trong 240 triệu quan dự chi, có tới 20 triệu đã được dành để cải tiến bộ mặt của con đường. Được tiếng là đại lộ đẹp nhất thế giới nên người ta không thể nào đưa vào đó những vật liệu hay dụng cụ tầm thường.

Trồng thêm cây, thì phải là giống *platane* (một loại ngô đồng), chỉ có 228 cây mà tốn tới 6 triệu quan. Thêm 55 chiếc băng ngồi thì mỗi chiếc 21.000 quan. Trồng 70 trụ đèn thì mỗi trụ 126.000 quan. Dựng 41 cột đèn lưu thông 3 màu thì mỗi cột 80.000 quan,... nghe cứ mà lạnh mình!

Cái gì cũng mới khi đại lộ lừng danh này chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI, thậm chí lễ khánh thành cũng theo một cung cách khác thường.

Xưa rồi kiểu cắt băng khánh thành. Là con đường chính của "kinh đô ánh sáng" nên ông thị trưởng khánh thành bằng cách bấm nút điện một cái, một luồng ánh sáng màu bích ngọc thẹn thò, ngập ngừng xen qua các tàn cây rồi lần lần lan đi từ đầu phố đến cuối đường. Ánh sáng xanh ôm-ấp cành lá, mon trón mặt tiền các hiệu buôn,



vuốt ve đường nét các tháp tượng và biến chuyển theo độ sáng không gian và cường độ của đám đông khách bộ hành. Từ quảng-trường Concorde nhìn lên công trường Charles de Gaulle, người ta thấy Khải Hoàn Môn ứng hồng đằng sau một tiền cảnh màu lục tượng chừng như trong cõi mộng mơ, một giấc mơ ngấn ngủ vì công trình chiếu sáng đặc biệt đó chỉ là một "cử chỉ văn hóa" và kéo dài đến ngày 20.10.94 mà thôi! Sau đó, đại lộ sẽ trở lại với phương thức chiếu sáng như cũ, dĩ nhiên là có tăng cường.

Toàn cảnh của đại lộ đã bớt đi nét ồn ào. Những con đường nhỏ song song với đại lộ đã biến thành mặt lề rộng gần 22 thước dành cho khách bộ hành. Các bãi đậu xe nay cũng đã "độn thổ" hết, dân Mỹ gọi là *underground parking*, xe đậu ngay dưới lòng đường.

Tuy là đại lộ của một thành phố văn minh hiện đại nhưng cũng còn thoáng thấy những nét cổ kính, với những sạp báo mang kiểu kiến trúc của năm 1900, và với các cột quảng cáo sân khấu kịch trường, dấu vết của những năm đầu thế kỷ. Các cột

quảng-cáo này bề ngoài trông vẫn như xưa, nhưng ngày nay bên trong làm rỗng, cho điện-thoại công-cộng, nhất... trụ lương tiện. Chỉ còn một mối âu lo to lớn chưa ai giải quyết nổi là những vết của kẹo cao su (*chewing gum*) trên lề đường lát đá hoa cương của khách nhân du...

Để quần chúng Paris và du khách ghé qua thưởng ngoạn đại-lộ nhân dịp khánh-thành, từ thứ bảy đầu tháng 10, cấm xe lưu-thông trên đại lộ kể từ 18 giờ đến 1 giờ sáng, dành trọn con đường thanh-thang cho người đi bộ. Đây là lệnh cấm đường khá bất ngờ vì trước nay chỉ cấm khi có một sinh hoạt đặc-biệt hay một lễ kỷ niệm nào đó của thủ đô.

Đại lộ cấm xe, khách bộ hành chiếm lĩnh lòng đại lộ làm cho thị dân thủ đô mơ màng cảm tưởng đúng như tên gọi của đại lộ (mà báo chí cộng sản Việt Nam có lần nhầm): cánh đồng Élysées (*Champs Élysées*).

Một sáng kiến độc đáo của ông thị trưởng J. Chirac - qua thăm dò dư luận được 63% dân chúng Paris tán thành - là có nên cấm xe hàng tuần trên đại lộ hay không. Nhưng, điều này vượt quá thẩm quyền của tòa thị chính, vì cấm đường không phải là chuyện đơn giản. Nó sẽ đề ra một chục vấn-đề khác, như trật tự lưu thông khu vực, an ninh và vệ sinh đường phố, v.v.

Ồi! Chuyện đường sá xứ người!

Trung tâm chỉ huy nguyên-tử bị cắt điện

Đêm 21.9.1994, trung tâm chỉ huy chiến lược các lực lượng nguyên-tử Nga đóng gần Mạc-tư-khoa đột nhiên bị cắt điện! Biến cố gì đây? Báo động đỏ? Cả trung-tâm nhón-nháo như sắp tận-thế đến nơi.

Tướng Igor Sergueyev - chỉ huy trưởng trung tâm - hét ầm trong điện-thoại suốt một giờ đồng hồ để tìm hiểu nguyên nhân mất điện. Trong lúc đó, Tổng thống Yeltsin, Bộ trưởng Quốc-phòng, Tham mưu trưởng và những nhân viên điều

hành của trung tâm đều mất liên lạc với các căn cứ hỏa tiễn. Đến lượt cả nước Nga khiếp-đảm. May mà thời-kỳ Chiến-tranh lạnh đã qua, không thì cả nước đã ngỡ rằng “đế-quốc Mỹ” sắp-sửa tràn-ngập nước họ.

Nguyên nhân mất điện, cuối-cùng cũng tìm ra. Thật là đơn-giản, Trung tâm này thiếu nợ tiền điện lâu quá không trả - hóa-đơn lên tới 115 triệu quan Pháp - nên nhà đèn Mosenergo ra lệnh cắt điện.

Ông tướng Trung-tâm thoát đầu đập bàn quát-tháo âm-ĩ, sau phải đổi “tông” năn-nỉ ỉ-ôi suốt 86 phút, Mosenergo mới chịu cho điện tạm chạy qua trong khi chờ thanh-toán. Ôi, thời-kỳ bao cấp vàng son đã qua. Hề kinh tế thị trường thì tiền trao cháo múc, không tiền thì điện không qua. Ông Thủ-tướng Nga sau đó gọi điện-thoại “xát xà-phòng” nhưng giới thẩm quyền của Mosenergo nhất-quyết là họ làm đúng, vì đã gửi công-văn cảnh-cáo Trung-tâm nguyên-tử trước khi cúp điện.

Ông tướng Trung-tâm văng ra đủ thứ ngôn-từ không có trong tự-điển Nga để giải-thích rằng cúp điện bậy-bà như vậy là xâm-phạm nền an-ninh quốc-gia. Ông không đả-động tới vụ không trả tiền điện đúng hạn coi đó là chuyện thuộc về phạm-vi... kinh-tế.

Thật ra, Trung tâm cũng có máy phát điện dự phòng, nhưng phải mất đến 20 phút sau người ta mới ề-ạch cho nổ máy được, và chạy được một chút, cái máy lại ì thẩn xác ra như một khối sắt vô-tri. Và “họa vô đơn chí”, người ta lại truy ra vụ xăng-nhớt dự-trữ cho máy điện đã... bốc hơi gần hết. Thượng tá Vorobyov, Trưởng phòng Ngân sách bộ Quốc phòng cho biết: “Trong quỹ cạn hết tiền rồi!” Hối, đến bao giờ thì có tiền trả, ông tá thiếu-não buông thông: “Không bao giờ! Còn cả chục gánh nợ trên toàn quốc của Bộ binh và Hải quân, chứ không riêng gì của Trung-tâm nguyên-tử! Đại loạn tới nơi rồi!”

Tính ra thì đây không phải lần đầu-tiên một trung-tâm nguyên-tử

bị mất điện. Đã nhiều phen ở miền trung nước Nga, các căn cứ hỏa tiễn bị mất điện trong nhiều giờ, thậm chí cả mấy ngày nữa !

Nạn cắt điện không phải chỉ xảy ra tại ở Nga, ở Ukraine cũng có.

Mới đây, vì nợ quá nhiều tiền điện nên công ty hỏa xa đông-nam Ukraine bị cúp điện “đột xuất”, xe lửa phải nằm giữa đồng mất 4 tiếng đồng hồ. Người phụ trách ngành hỏa xa cười cười, giải thích tỉnh bơ: “Biết làm sao bây giờ bà con? Hành khách không chịu mua vé, chỉ thích đi lậu thì chúng tôi đào đầu ra tiền để trả tiền điện ?”

Chết vì bom đệ II thế chiến

Đúng nửa thế-kỷ sau khi chiến-tranh tàn-lụi, vẫn có những người chết vì Thế-chiến thứ II.

Một quả bom trường kỳ mai phục đã nổ ở Berlin-Friedrichshain làm thiệt mạng 3 người thợ và 17 người bị thương. Máy đào đất đã xấn xuống quả bom “lép” do oanh tạc cơ Đồng-minh ném xuống từ năm mươi năm trước. Bom nổ cắt đứt ống dẫn khí đốt, gây ra cơn hỏa hoạn kéo dài hàng mấy giờ.

Biến cố này làm cho dân chúng tại hiện trường nhớ lại những kỷ niệm khủng khiếp thời xa xưa, đồng thời cũng cho thấy có một nguy cơ đang rình-rập tại Đông Bá-linh, nơi đang có nhiều công trình xây cất sau khi nước Đức thống nhất. Người ta đã phát-giác và tháo ngòi nổ nhiều quả bom trong mấy tháng gần đây. Nhưng, đâu phải lúc nào cũng can thiệp kịp thời.

Hồi mùa hè năm 1983, một quả bom 1.000 kí đã nổ tung trong một sân trường ở Bá Linh, cũng may là lúc đó học sinh đang nghỉ hè.

Năm 1987, một trái bom khác nổ ở phi trường Warzburg, và cùng trong năm này, một vụ nổ khác ở Malheim trên sông Rhin làm thiệt mạng 1 người và 12 người khác bị thương nặng.

Mỗi năm, ở Đức có hàng chục kẻ bất hạnh trúng bom. Thế nhưng, tại

nạn đó không giảm mà cứ tăng lên dần, vì càng ngày các chốt an toàn của ngòi nổ càng bị sét rỉ ăn mòn. Chỉ cần trẻ con hay người làm vườn dụng khê vào là “Ầm!” một tiếng, tan-hoang hết.

Trong vòng ba năm từ 1942 đến 1945, có khoảng 100.000 trái bom ném xuống các thành phố lớn như Hambourg, Bá Linh. Thời đó, bom chế-tạo tệ hơn bây giờ, nên số bom “lép” nhiều vô số. Nó không nổ ngay, mà nằm ngủ yên ở đâu đó, chờ kẻ vẩn số mó vào.

Hậu-quả của chiến-tranh, quả thật là không ai lường nổi!

Nữ kẻ chưa tác quái, gà cò đã đá lẫn nhau

Trong chính trị có những điều tưởng chẳng ra gì lại dẫn đến những biến cố tai hại. Nhiều khi chỉ kẹt một sợi tóc mà dòng thế sự lồi thoi ngay. Đây cũng là trường hợp của chính phủ Pháp qua vụ cấp chiếu khán cho nhà văn nữ Taslima Nasreen.

Nội các chung sống Ballardur đang bù đầu nhúc óc với những chuyện lồi thoi khác như cuộc tranh luận tiền bầu cử trong nội bộ đảng Tập-hợp vì nền Cộng-hòa, giữa Thủ tướng và ông Thị trưởng Paris, vụ bê bối liên quan đến ngôi nhà ở Saint Tropez của ông Bộ trưởng Kỹ nghệ, vụ bài trừ tham nhũng trong chính quyền,... thì dùng một cái, lại xảy ra vấn đề cấp chiếu khán cho Nasreen.

Cái đầu của nữ văn sĩ này, bị những người Hồi-giáo Toàn-thống ở Bangladesh treo giá. Bà ta muốn lưu lại Pháp - quê hương của nhân quyền - trong một tuần lễ nhân lời mời xuất hiện trên truyền hình France-2. Thế-nhưng chiếu-khán của bà ta chỉ có giá-trị trong 24 giờ! Hai bộ liên hệ, lại là hai bộ khá quan trọng, Ngoại-giao và Nội-vụ, chơi trò giao ban, không bên nào chịu quyết-định trước. Ngoại trưởng tuyên-bố, ông chờ ý kiến của bộ Nội vụ. Bộ Nội vụ thì viện cớ đang bận bảo vệ an ninh cho Thiên-hoàng

Thiên hậu Nhật, không đủ người lo cho bà nhà văn lâu hơn. Chưa kể bộ này đang phải đối đầu với những nguy cơ từ phía Hồi-giáo Toàn Thống mấy tháng nay.

Tưởng đâu chỉ nói cho qua, nào ngờ trúng mùa bầu-cử, các bộ óc chính-khách “siêu-việt” của mọi phe xoáy vào đó mà quay Hành-pháp tới-bời hoa lá. Nào là “một quyết định ngu dân”. Nào là “người ta phải chịu nhục, vì nước Pháp hóa ra chỉ tôn trọng nhân quyền ở đâu môi chót lưỡi và đem nó ra làm trò cười khi liên hệ đến một phụ nữ”. Nào là “một cái cơ quá gở”. Nào là “một chuyện khôi hài”. Nào là “một cuộc vận hành rối loạn” (của chính phủ). Nào là “nước Pháp không thể là xứ sở của nhân quyền lúc có, lúc không trong 24 tiếng”. Nào là “một sự xúc phạm” không xứng danh với nước Pháp, vân vân và vân vân. Và trong cơn bão tố đả kích này, ông bộ trưởng Nội vụ Pasqua là người lãnh đường búa Thiên-lôi nặng nhất. Miệng lưỡi của giới truyền-thông kết án rằng, chính-phủ Pháp đã

khiếp sợ, muốn mơn trớn vuốt ve phe Hồi giáo toàn thống! Mỗi khi người ta sợ một kẻ thù, phải chăng là họ đang có phần thắng thế?

Đúng là nữ kê chưa tác-quái, cả bầy gà cồ đã xúm vào mổ đá lẫn nhau tương-bưng. Có chăng, nữ kê kia chỉ là cái cơ. Nguyên-nhân chính yếu, là mấy cái ghê-gộc vô-tri trong chính-quyền, nhưng gây ra vô vàn tội-lỗi!

Lỗi tại ai?

Ai bắn ai? Và nhất là tại sao bắn? Đó là những nghi vấn mà dư luận và cảnh sát tư pháp đang tìm câu giải đáp sau cuộc săn đuổi chết người ngay giữa thủ đô Paris đêm 5.10.94. Hậu-quả là 3 cảnh sát và một tài xế taxi nằm lại hiện trường. Như một phim loại toát mồ-hôi lạnh, đầy máu me và bạo-hành! Vai chính là hai sinh viên trai gái tuổi 19 và 22, lãnh tụ của Tổ chức Tuyên truyền Cách mạng (OPR), một đoàn thể, theo kết-quả điều-tra, chỉ gồm có hai người. Trụ sở của họ là một gian

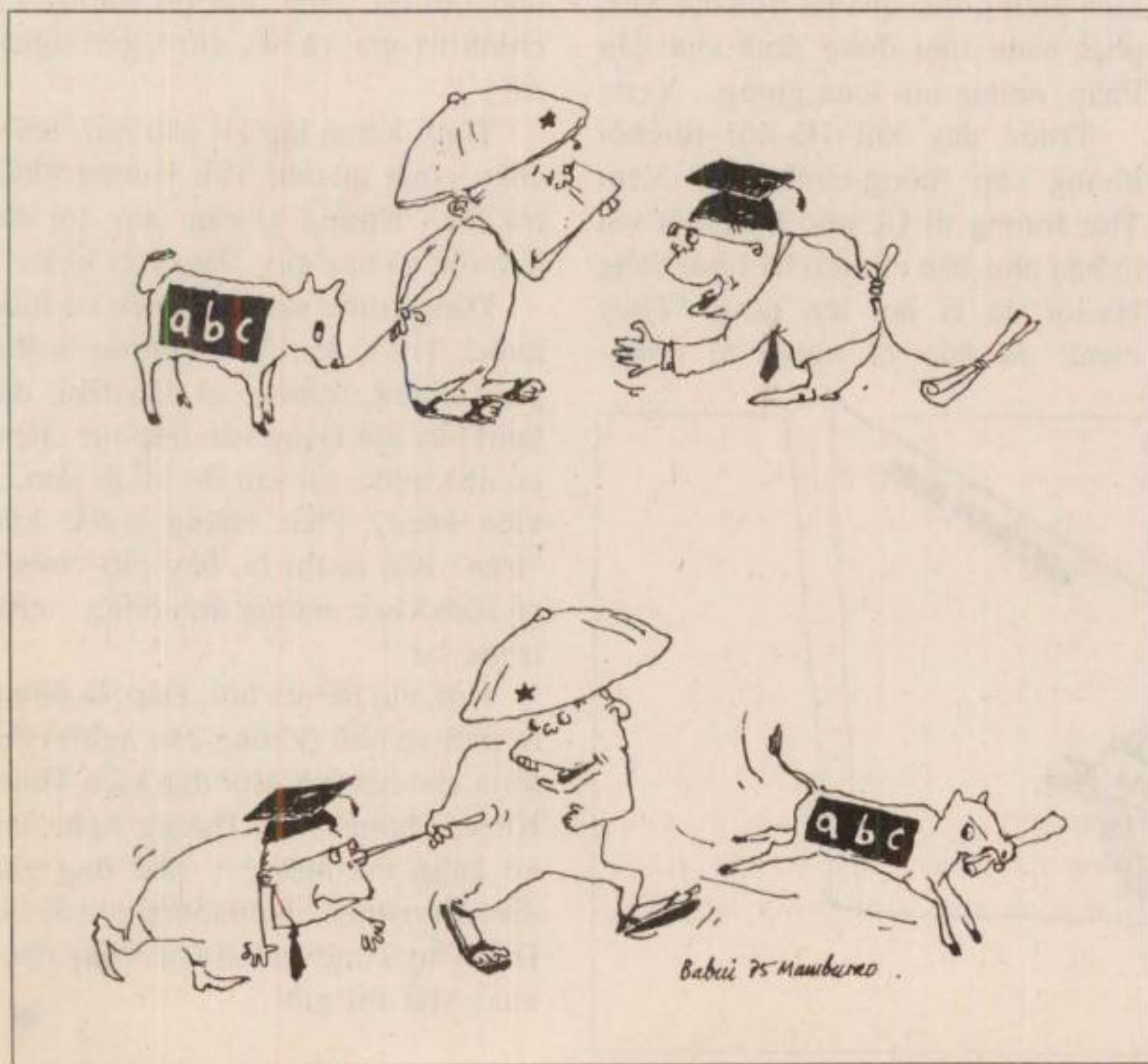
phòng hoang phế chiếm dụng ở Nanterre, ngoại ô tây-bắc Paris.

Quang-cảnh “bộ chỉ huy” của Tổ chức này trông chẳng khác một căn phòng sau trận động đất, cho thấy cô-cậu sống rất ư là bừa bãi. Chòm xóm láng giềng nói rằng, đôi bồ câu này kéo về đây xây tổ chẳng làm phiền gì ai nên người ta chẳng quan tâm. Vả chăng, bề ngoài của họ không có vẻ gì nguy hiểm. Chàng là con của một cặp vợ chồng ly dị, sống với cha và đã qua một năm đại học ngành Triết. Nàng là con một cô giáo khó tánh, đang bước vào đại học. Mẫu số chung của cô cậu là căm thù cảnh sát. Chính mối căm thù này đã liên kết họ với nhau. Đêm nói trên, hai người kéo đến kho tang vật ở cửa Pantin thuộc quận 19 của Paris, mặt trùm kín, bắn hơi gây mê, cướp súng của cảnh sát trực phiên.

Trên đường rút lui, cô cậu cướp một chiếc taxi đang chở một ông bác sĩ. Ông này sắp thuyết phục được hai hung thủ, nhưng bác tài xế lại nóng lòng lủi vào xe tuần tiểu của cảnh sát. Hai cô cậu trong khi tháo chạy nổ súng bắn chết tài xế taxi và 2 cảnh sát trên xe. Viên cảnh sát thứ ba bị bắn trúng bụng nhưng không chết, bắn trả nhiều phát trúng anh thanh-niên.

Cô cậu lại cướp một chiếc xe khác, dùng tài-xế làm con tin và tiếp tục tháo chạy. Mô-tô cảnh sát đuổi nà theo và thêm một nhân-viên nữa bị bắn hạ. Tuy vậy, cuối cùng cả hai cũng sa lưới pháp-luật. Bị thương nặng ở ngực và bụng, nam hung thủ chết tại bệnh viện. Nữ hung-thủ bị câu lưu nhưng giữ “quyền yên-lặng”, không nói nửa lời khiến công cuộc điều tra gần như bế-tắc.

Sau biến cố, lại giới truyền-thông và chính-khách, mổ-xẻ, đổ lỗi, bày ra trăm chuyện. Người ta qui trách cho nạn thất nghiệp, cho nỗi khổ của giới trẻ, cho sự suy tàn của ý thức hệ, vân vân. Người ta xúm vào mượn kẻ nổi loạn để tấn-công Hành-pháp. Không ai ngó ngàng tới xác chết của các cảnh-sát-viên mất mạng vì công-



vụ, hay của bác tài-xế vô can, và chưa hề thấy một ông bà chính-trị-gia hay nhà báo nào đâm ngực nhận lỗi đã làm ung-thối xã-hội, vì quyền-lợi riêng-tư của họ và phe-nhóm.

Khuynh hướng chống di-dân tại Áo

Sự thắng thế của đảng Tự-do tại Áo (FPO) đã tô đậm thêm biểu đồ đi lên của cánh cực hữu ở các nước Âu châu, sau các cuộc bầu cử vừa qua tại Bỉ và Ý. Thủ lãnh đảng Tự-do, ông Jorg Haider, tự nguyện đứng ra bênh vực cho những người thấp cổ bé miệng, tố cáo chính phủ hòa-hoãn quá sức trong vấn đề chống tội phạm. Ông kết án người tị nạn Đông Âu đổ xô vào Áo tạo ra cảnh bất an và nạn thất nghiệp (4,4%). Nhờ vậy, ông lôi-kéo được phần lớn cử tri thợ thuyền xưa nay vẫn ủng hộ đảng Xã hội Dân-chủ (SPO) của đương-kim thủ tướng. Trong cuộc vận động tranh cử, một cử tri giải thích với ông thủ tướng: “Lúc nào tôi cũng bỏ phiếu cho đảng Xã-hội Dân-chủ, nhưng lần này tôi chọn Tự-do. Khi nào tất cả những người ngoại quốc - gần 10% dân số Áo - đi hết, tôi sẽ lại bầu cho ông”.

Thế nhưng, không phải chỉ có lý do đơn thuần đó vì theo nhật báo độc lập *Der Standard*, phe cầm quyền thất bại là do quyền lực bị xói mòn, vận động tranh cử tồi tệ và các vụ tai tiếng tài chính : Hai đảng lớn

(đang cầm quyền SPO và OVP) không chịu cố gắng. Họ hành-xử như chính họ là chủ-nhân-ông của đất nước này, vì họ nắm chính-quyền đã hơn 40 năm qua.

Giờ đây, ở Áo không còn chính đảng lớn nào nữa mà chỉ có 3 chính đảng trung bình với lực lượng cân bằng nhau. Với uy tín mới đạt được, ông J. Haider sẽ làm thay đổi quang-cảnh chính trị nước Áo, một sự thay đổi đậm nét từ sau đệ nhị thế chiến đến nay.

Ở đâu cũng thế, kinh tế khó khăn, đời sống chật vật, sinh hoạt xã hội bất ổn, người dân bản xứ nhìn quanh nhìn quắt tìm một đối-tượng để đổ lỗi. Còn ai vô đó, ngoài những bộ mặt nhập cư, di-dân, tị-nạn! Thế là trăm đầu đổ đầu tằm. Chính vì vậy mà phong trào đầu trọc ở Đức lên mạnh, được nhiều viên chức chính-quyền ngấm-ngấm ủng-hộ.

RFI Hà-lội phỏng-vấn Dương Thu Hương

Thụy Khuê và Dương Thu Hương, một đồng một cốt lại đóng kịch phỏng-vấn qua lại trên đài RFI, phát bằng tiền đóng thuế của dân Pháp, nhưng nói toàn giọng... Vẹm.

Trước đây khi Hà-nội từ-chối không cấp thông-chiếu cho Vẹm Thu Hương đi Úc phó hội, một vài tờ báo phụ-bản của đài RFI nói tiếng Hà-lội đã la ầm lên rằng “*Thấy chưa, đã bảo là người ta phản-*

kháng!”

Cho đến khi Hà-nội cấp giấy cho Vẹm cái đi Tây, mấy tờ báo kia ú-ó, Thụy Khê bèn khơi mào cho thị cãi hộ.

Vẹm Thu Hương cho rằng nhờ có phản ứng của quốc-tế qua vụ Hà-nội không cấp chiếu khán cho thị đi Úc nên sau đó phải cấp *passport* cho thị đi Pháp!

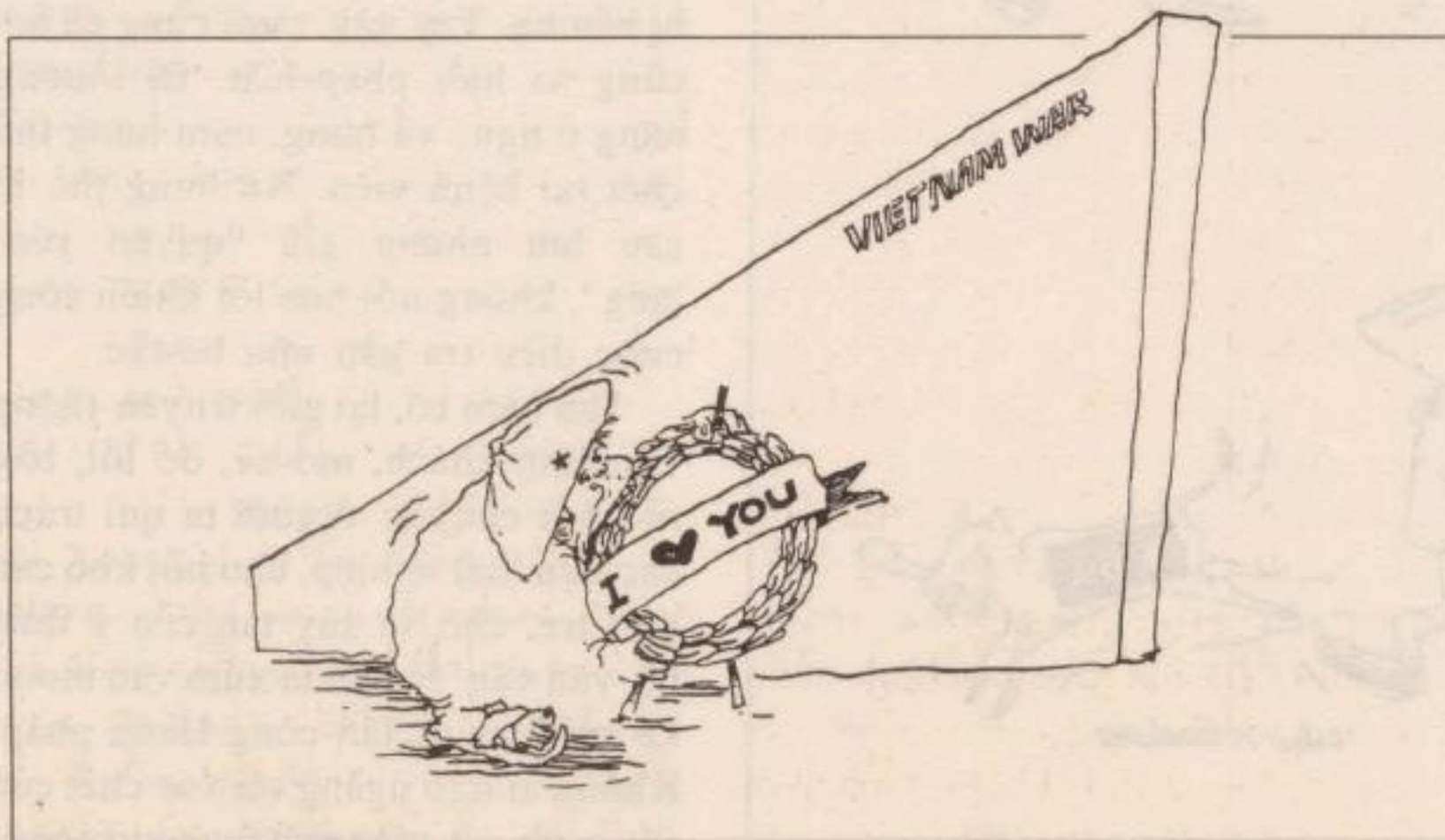
Thế “nà” thế “lào”? Cái ống loa của Hà Nội sang Tây gặp cơn lạnh đầu thu đâm ra rè ngang xương chằng? Chính mồm Thu Hương cũng trong buổi phát-thanh ấy cho biết, từ tháng 6, thị đã có giấy mời đi Pháp, sau đó mới có giấy mời đi Úc. Con nhà mã-tấu ăn nói ngược xuôi quen nết rồi chằng?

Thụy Khuê hỏi, sao lâu nay không thấy Thu Hương lên tiếng (ý nói: sao không thấy tiếp-tục “phản-kháng”, phải vậy chằng?) Thu Hương trả lời trật chia là thị không phải chính-trị-gia, không có tham-vọng cầm quyền, hay làm thủ-lĩnh. Hóa ra những người “lên tiếng” thì là chính-trị-gia, có tham-vọng... Trước kia Thu Hương đã từng gào-thét ồm-tồm, chắc lúc đó nường là chính-trị-gia, và bây giờ... giải-nghệ rồi?

Thụy Khuê lặp lại câu hỏi. Khó chạy vòng quanh, Thu Hương phải trả lời: “Những gì cần làm, tôi đã làm rồi, và bây giờ... làm việc khác.”

Đảng trước sau vẫn chẹn cổ nhà nước. Trước kia Thu Hương la-lối phản-kháng (những gì cần làm, đã làm) bây giờ Đảng vẫn tiếp-tục chẹn cổ nhà nước, tại sao thị lại đi làm... việc khác? Phải chăng trước kia “trên” bảo la thì la, bây giờ “trên” có lệnh khác, nường mới đóng ...cửa trước lại?

Hỏi, chỉ để mà hỏi. Đáp, là phun ra một số chữ (không cần nghĩa) để trám cho hết giờ. Hỏi đáp kiểu Thụy Khuê, Dương Thu Hương nghe lại nó cũng nhì-nhàng y như ông già điếc Harriman “hiệp thương” với Lê Đức Thọ, cũng tại đất Paris này năm xưa. Mất thì giờ!



phù-tang tap-lục

Vi-An

KuriSumasu

Mười năm sau khi thành lập dòng Tên và truyền giáo không thành công ở Ấn Độ, vị thánh Công giáo người Tây ban nha Francis Xavier theo đường biển tìm tới xứ mặt trời mọc để rao giảng Tin Mừng về nước Trời cho dân Nhật. Lễ Giáng Sinh, người Nhật gọi là KuriSumasu (phiên âm từ chữ Christmas), nhờ các vị thừa sai dòng Jesuit mà du nhập vào cõi Phù Tang từ đó.

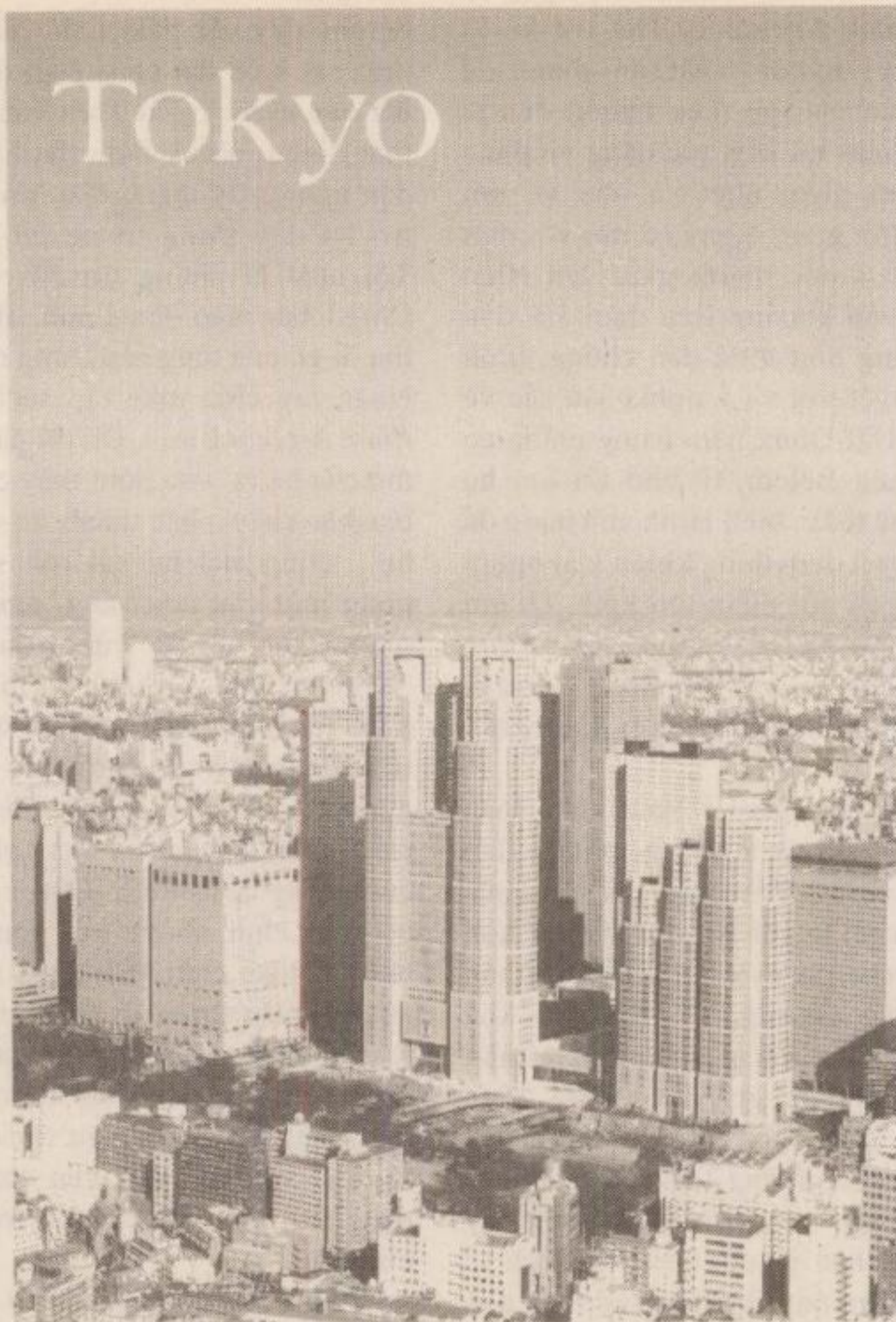
Thoạt mới đặt chân lên miền nam Nhật năm 1549, Xavier giảng đạo ở góc đường, đầu chợ nhắm vào đối tượng dân nghèo cùng các lộ nhân võ sĩ đạo. Rồi ông liên hệ được với một số lãnh chúa miền nam, bấy giờ đang mong muốn giao thương và học hỏi văn minh kỹ thuật Tây phương đang củng cố quyền lực. Một năm sau, nhờ sự giúp đỡ của họ, Xavier đến được Kyoto, nhưng vì không xin được giấy phép truyền giáo từ tay sứ quân trấn thủ kinh đô là Ashikaga Shogun nên Xavier đành trở về phía nam và lập ngôi nhà thờ đầu tiên tại tỉnh Yamaguchi, vùng tây nam Nhật bản. Xavier rời Nhật sang Tàu năm 1551 nhưng chưa đầy một năm sau thì chết.

Khi vị sứ quân lấy lòng Nobunaga (Tín Trường), người có công mở đầu cho đại cuộc thống nhất giang sơn trong thời Phù Tang chiến quốc, thâu phục được hầu hết mọi lãnh

chúa, tiến vào ngự trị kinh đô Kyoto năm 1568 thì do công lao trợ giúp và cố vấn cho ông này, các linh mục dòng Tên đã có một thời gian được tự do truyền đạo ở kinh đô, kể cả vùng đông bắc Nhật. Chính lãnh chúa đông bắc Masamune đã gửi sứ giả sang tận Roma triều kiến Giáo hoàng. Một bản phúc trình của Thừa sai Valignano năm 1582 cho thấy trên đất Nhật có khoảng 200 nhà thờ cùng 150 ngàn giáo dân, kết quả của trên 30 năm ròng rã khuyến đạo từ 75 tu sĩ dòng Jesuit. Nhưng đến thời kỳ cầm quyền của tông tộc Tokugawa (Đức Xuyên 1600-1686), do nổi e dè bởi ý tưởng bình đẳng của Thiên Chúa giáo, đã ra lệnh triệt để cấm đạo, cấm lễ Giáng Sinh năm 1612. Cuộc bách hại đạo Công giáo kéo dài trên 2 thế kỷ rưỡi, mãi tới

thời vua Minh Trị Meiji mới nổi lỏng; tuy nhiên số giáo dân theo thống kê năm 1880 chỉ có mỗi 30 ngàn người. Trong những năm đầu dưới thời Thiên hoàng Nhật Showa (Chiêu Hoà), chủ nghĩa ái quốc hẹp hòi và tinh thần phát-xít được cực lực cổ vũ. Chính phủ quân phiệt đã nghiêm ngặt ban hành nhiều sắc lệnh như cấm học hỏi ngôn ngữ ngoại quốc, cấm xài đồ ngoại quốc, v.v.. Lễ Giáng Sinh tất nhiên cũng bị qui kết như một "sản phẩm văn hoá đồi trụy" và bị cấm triệt để.

Tháng 8.45, Nhật thất trận. Lễ Giáng Sinh một lần nữa được trở lại xứ Hoa Anh Đào theo chân quân đội Mỹ. Dân chúng Nhật vừa thoát khỏi thời khốn khó điêu linh do chiến cuộc gây ra, hân hoan chào đón lễ Giáng Sinh như biểu hiệu của nền



văn minh Mỹ quốc. Thế rồi kể từ dạo ấy, người Nhật ăn mừng lễ KuriSumasu rập theo khuôn đúc lễ Christmas tại Mỹ, tức nặng về phần ăn chơi nhậu nhẹt và nhẹ về nội dung tôn giáo. Ngay cả đối với một số nhỏ thuộc nhóm giáo dân Nhật (hiện vào khoảng trên dưới 1% dân số) cũng như 99% dân chúng, hình ảnh tuyệt vời và ý nghĩa sâu sắc về Chúa Hài Đồng nằm trong máng cỏ nơi hang Bêlem, từ nhỏ tới lớn họ chưa hề thấy, biết. Hình ảnh hang đá phủ tuyết đêm đông khiến loài người phát sinh nỗi niềm tôn kính: *Ơi hỡi trần gian im tiếng đi mà cung kính, Chúa con sinh ra nơi máng cỏ hang lừa không hề có nơi tâm hồn người Nhật.*

Dẫu ngày nay ở Nhật hoàn toàn được tự do tín ngưỡng, nhưng đạo Thiên Chúa nhiều năm rồi vẫn chưa phát triển mạnh được trên mấy hòn đảo thuộc phạm vi cai quản của thần nữ Thái Dương. Có thể bởi khá nhiều lý do, ngoại tại và nội tại như một vài thức giả đã nêu ra. Tuy nhiên, thiết tưởng lý do chính yếu phải là tín ngưỡng Thần đạo (Shintô) đã ăn sâu vào tim óc, xương tủy người Nhật từ suốt quá trình lịch sử 3000 năm nay. Với đức Giê-su, dân Nhật sẵn lòng coi là một vị thần - cũng như họ đã biến đức Cô Đàm thành một vị thần; cả bên Phật giáo Thiền tông, tông phong vững vàng cỡ vậy mà sư tổ Thiên Đạt Ma còn bị họ “thần hoá” thành một ông thần chuyên nghề mua danh bán tước, ban phát lộc tài - người Nhật vui lòng tiếp nạp ngài vào hàng ngũ các vị thần họ đương thờ phượng cùng một cách với lối dung nạp lễ KuriSumasu vào sổ bộ những dịp lễ lạc hội hè Matsuri. Vốn không chủ trương một đấng trời duy nhất và thuần thực chữ Nhân, tôn giáo của đức Cô Đàm tạm dung hoà khá dễ dàng cùng quý thần linh bên Thần đạo. Do phụng thờ ngôi vị con một đức Chúa Trời, tôn chỉ quá rõ ràng không thể nhu nhược linh động, đạo Thiên Chúa đành loay hoay gỡ rối cái nan đề đau đầu trên giải đất

bé nhỏ đầy các thần linh. Những vị thừa sai hiện đại chắc phải đang nỗ lực cầu nguyện Ôn Trên ban xuống thật nhiều, nhiều hơn nữa hầu đám dân nghịch ấy thành tâm hối cải mà trở lại đạo trong tương lai chăng? Tội nhất là những tín đồ của đức Christ bên đạo Tin Lành. Họ thiết tha đi gõ cửa từng nhà, từng nhà dân Nhật, tay chìa mấy tập sách *Ngày Phán Xét Sau Cùng*. Gõ thì dân Nhật mở cửa hé ra, vừa dòm thấy cái hình bìa lửa cháy phạt thành Sô-đôm là họ... đóng cửa lại cái rột, sau khi phun một câu thật sảng, ngược với phong tục lễ độ của Hoà nhân: “Không cần!”, “Không có thì giờ!”. Đám dân đang mải mê làm ăn kiếm tiền, đang say sưa đuổi theo bả phù hoa vật chất sớm tối như dân Nhật chắc phải đợi lửa của ngày phán xét cuối cùng cháy tới... dít rồi may ra họ mới chịu nhảy! Lối sống kiểu người Nhật cuối thế kỷ 20 kể ra cũng lạ: Họ thích ăn lễ Giáng Sinh KuriSumasu, khoái làm lễ cưới rình rang trong nhà thờ dù không theo đạo, ưa đến đền xin xăm vào dịp Tết và chỉ chịu mò đến cửa chùa vào ngày làm bạn cùng ông... Sáu Tám mà thôi!

Đi hỏi bất cứ người Nhật nào về lễ KuriSumasu, bạn sẽ được nghe giải thích: Đó là ngày lễ gì dzui lắm, có thịt gà chiên bơ nè, có bánh ngọt đèn cây nè, có ông già mặc áo đỏ đội mũ Santa Kurosu (Santa Claus) xuất hiện trên... ti-vi nè, và có cả nhảy đầm, dung dăng dung dẻ nữa.

Ngay từ đầu tháng 12, tại các siêu thị, các cửa tiệm ăn uống, khách sạn.v.v., đã thấy trưng bày cây noël gắn đèn nhấp nháy, bản *Jingle Bell* vui tươi nghe văng vẳng suốt sáng tới chiều.

Tuần lễ kế cận Noël, bánh trái bày đầy siêu thị và chỉ có dịp này họ mới bán gà nguyên con, trên lưng lù gà bị trụng nước sôi vật lông trần trụi ấy có gắn mảnh giấy kim nhũ in hàng chữ “X’mas”. Không rõ bao nhiêu triệu con gà đã bị cắt tiết vào dịp lễ KuriSumasu ở Nhật nhưng có lẽ con số tử vong không thể nhiều

bằng bên Mỹ, nơi sản sinh ra “lễ gốc”. Đêm Giáng Sinh tiết trời lạnh giá nên thiên hạ không đổ xô ra chật đường, đi tới đi lui như ở Việt Nam. Một số người Nhật tìm tới các dạ hội được tổ chức nơi những khách sạn lịch sự, sẽ có hoà nhạc, nhảy đầm, vui chơi ăn uống. Những tiệm nhảy Disco tràn ngập khách và mọi căn phòng nơi các hotel trên toàn quốc không còn chỗ trống vì biết bao nhiêu cặp tình nhân trẻ tuổi đã ghi tên giữ phòng trước đó cả tuần để lấy chỗ bày tỏ ngôn ngữ thời đại của tình yêu trong đêm Chúa giáng trần.

KuriSumasu, ngoài đường phố vẫn vắng teo vắng ngắt như mọi đêm bình thường, chỉ trong nhà người Nhật là ấm cúng. Họ ngồi sưởi bên lò, vợ chồng con cái vừa nhai đùi gà chiên bơ nhồm nhoàm vừa xem truyền hình có ông già rậm râu Santa Kurosu đang làm hề rồi cười khắc khắc với nhau vui đáo để. Vùng đồng bằng Quan Đông vào đêm Noël đôi lúc có tuyết rơi, giáo dân Nhật chịu khó lặn lội đến nhà thờ dự lễ nửa đêm giữa hồi chuông giống thánh thót.

Tổng số giáo dân Việt tị nạn ở Nhật vào khoảng 2200 người (chiếm 36% nhân số người Việt). Tại các địa phương nơi có người Công giáo Việt cư ngụ, họ đã làm giáo dân, cha cụ người Nhật ngạc nhiên lẫn cảm động đến rơi nước mắt khi khéo tay tạo dựng các hang đá bằng giấy phết sơn đen, bên trong bày cảnh tượng tấp lều tranh, hài nhi Giê-su nằm nơi máng cỏ cạnh lù lừa, trẻ chăn, có ông Thánh Giuse và Mẹ Maria cùng 3 vua Đông phương đứng, ngồi chấp tay chiêm ngắm.

Lần đầu tiên trong đời, họ nhìn thấy tận mắt cảnh con Thiên Chúa sinh ra khó khăn, thấp hèn và thương thức tiếng hát ngọt ngào truyền cảm của các bà các cô trong ca đoàn Công giáo Việt với âm giọng Việt thanh, cao trình bày các bài Thánh ca mừng Chúa ra đời nghe như tiếng thiên thần réo rắt xướng ca Thiên Chúa vinh danh, chúng nhân an hoà vậy.

Đức Mẹ Quan Âm

Vào giai đoạn khởi đầu của trên 250 năm cấm đạo Thiên Chúa tại Nhật, hơn 600 Thừa sai dòng Tên bị bách hại, hàng chục ngàn tín đồ bị đóng cũi, kèm kẹp, bị đòn vọt bởi không chịu bước qua Thánh giá và tuyên hứa bỏ “đạo Tây tà”. Tại một vài làng thôn ở miền nam, nơi có số tín đồ Công giáo khá đông đảo, vì chính quyền kiểm soát quá nghiêm ngặt, giáo dân đành phải âm thầm hành đạo trong bóng tối, cố hết sức duy trì nền nếp tập truyền Công giáo do cha ông họ truyền khẩu cho. Vì phải lén lút, vội vàng, sự truyền khẩu giáo lý Công giáo của họ trở nên tam sao thất bản. Cho đến ngày nay, lễ nghi Công giáo của những nhóm người thuộc các vùng xa xôi hẻo lánh ở đảo Kyushu (Cửu Châu) vẫn mang sắc thái thời Trung cổ. Họ vẫn cử hành thánh lễ dưới sự dẫn dắt do các ông trùm đạo riêng của họ (không có linh mục), đọc những lời kinh sai lạc và dùng toàn các từ ngữ cổ xưa đến mức vô nghĩa, chính họ cũng không hiểu nổi nhưng vẫn cho là lời kinh thiêng liêng bởi ông bà họ đã truyền miệng lại. Dưới con mắt của các linh mục và tín đồ Công giáo hiện tại, họ đã trở thành những người dị giáo.

Cũng có rất nhiều tín đồ Công giáo hồi ấy đã tìm kế qua mặt quan quân chính quyền. Họ thờ phụng Thiên Chúa theo cách riêng. Giáo dân ở tỉnh Nagasaki (Trường Kỳ) đã biến chế tượng Phật Bà Quan Âm ra bức tượng một Nữ Vương áo trắng, tay bông hải nhi, nét mặt thật dịu hiền, chứa chan tình thương yêu nhân loại mà họ đặt tên là Đức Maria Kannon (Đức Mẹ Quan Âm). Nguyên thủy từ Ấn Độ, đức Quan Âm xưa kia mang hình hài đàn ông, hai bên có hai vị hộ pháp đầu voi mình người theo hầu. Vì ngài tượng trưng cho tình yêu bao la bác ái, cứu khổ cứu nạn chúng sinh nên chẳng bao lâu sau khi đạo Phật được truyền sang các nước Á châu khác, nhân dạng của ngài Quán Thế Âm

đã được chuyển thành hình tượng phụ nữ tay âm trẻ nhỏ với ý nghĩa ngài là một người mẹ yêu chúng sinh như tình yêu mẫu tử. Hình ảnh mẹ bông con ở một khía cạnh nào đó, có vẻ tương tự hình ảnh Đức Mẹ Maria âm hải nhi Giêsu nên khi ngộ biến phải tông quyền, giáo dân Nagasaki đã mượn nhân dạng đức Quan Âm để kính thờ Đức Mẹ Maria, người Mẹ nhân ái nhất trong lòng người Công giáo. Bề ngoài nhìn vào, chính quyền phong kiến Nhật cho rằng ấy là tượng Bạch Y Quan Âm, lẫn lộn với vô số tượng Phật Bà Kannon khác thường thấy nơi đất Nhật, do đó không hạch sách gì cả. Quả thật, Đức Mẹ Quan Âm

đã ra tay ban phúc bình an, đưa rất nhiều tín đồ Công giáo Nhật qua cơn khổ nạn.

Hai thế kỷ rưỡi sau, lúc các vị sứ giả của Chúa trở lại đất Phù Tang, dựng xây thêm nhiều nhà thờ mới. Con cháu mấy đời của những người Công giáo Nhật thờ đức Maria Kannon đã tìm đến nhà Chúa chỉ cốt nhìn cho được tượng Đức Mẹ Maria. Họ đã bật khóc rưng rức khi chiêm bái tượng Thánh Nữ. Bông con Thiên Chúa trên tay, tượng Maria âm hải nhi đúng là bức tượng mà ngày xưa ông tổ, bà cố của họ đã kính thờ. Đạo Công giáo có nhà thờ trưng bày tượng Đức Mẹ này đúng là “đạo gốc” của tổ tiên ông bà họ.



Thế chông-chênh của Thủ-tướng Nhật

Bình minh trăm mặt trời

Vào dịp thu sơ năm Bình Thành thứ 6 (1994), quân sư Ozawa phát thiệp mời toàn bộ đảng viên Tân đảng cùng các lãnh tụ cao cấp thuộc nhóm liên hiệp 8 đảng đối lập không cộng sản tới dự anh hùng đại hội nhằm dự thảo kế hoạch tổng phản công, giành lại chính quyền trong tương lai. Giữa đại hội, Tiểu Trạch quân sư bỗng lộ vẻ bí ai, lấy tay đấm ngực thùm thụp “Lỗi tại tôi! Lỗi tại tôi!”, tự nhận trách nhiệm đã để phe Liên đảng thua đau trong lần bầu thủ tướng, rồi đệ đơn xin từ chức... quân sư. Nhưng ngoại trừ một vài dân biểu loe ngoe lên tiếng chỉ trích nửa chừng, đa phần nội bộ đều yêu cầu ông Ozawa nên tiếp tục vai trò quân sư đảng mưu cầu đại sự. Cuối cùng, sau khi đã an tọa một cách nghiêm chỉnh trên ghế quân sư, ông Ozawa vừa phe phẩy cây quạt mo đuổi ruồi vừa sai thuộc hạ rót bia vào ly cho quần hùng cầm nơi tay để biểu quyết một vấn đề trọng đại: “Có đồng ý cho ra lò một đảng mới toanh, to bự hơn đảng Tự Dân hay không?” Cả hội trường bỗng nhiên bưng bưng

khí thế, hàng trăm cánh tay nâng ly bia lên cao, tiếng thét vang trời: “Nhất trí với quân sư! Nhất trí!” Tiếp đến là tiếng hô “Ít ki! Ít ki!” (Vô! Vô trăm phần trăm!) Rồi tiếng bia trôi vào họng nghe rột rột. Chỉ phút chốc, cả trăm ông mặt trời chọt mọc đỏ kè giữa hội trường, báo hiệu một bình minh rực rỡ của tiền đồ Tân Tân đảng.

Theo đúng kế sách “tán vụn thù, qui nhất bản” do quân sư Tiểu Trạch đề xuất, đầu tháng 11 vừa qua, hai đảng Nhật Tân và Công Minh lần lượt tự giải thể. Sự giải tán của đảng Công Minh, một đảng có trên 30 năm lịch sử, sẽ tác dụng như một đòn bẩy nhằm khuyến khích 6 đảng còn lại thuộc phe Liên đảng trên con đường tự tán để hợp nhất. Tổng cộng đã có 187 trang hào kiệt chịu qui phục dưới trướng quân sư Ozawa, chỉ còn đợi ngày 10 tháng 12 là ngày lành tháng tốt, sẽ làm lễ ra mắt đảng mới Tân Tân, chọn đảng trưởng đảng phó và chuẩn bị ăn tất niên luôn một thể.

Tin cấp báo bay về soái phủ, Thủ tướng Mura Yama nhú cặp lông mày chổi xể. Hơn lúc nào hết, ông Thôn Sơn nhận ra cái thế bấp bênh

của mình trên chiếc ghế thủ tướng Nhật, một chỗ ngồi nhờ gập dấp đảng Tự Dân tưng thế phải muối mặt đi với đảng Xã Hội vài chục móng của ông. Tính ra chính quyền Liên Lập vẫn có thể tồn tại cho đến hè sang năm, nhưng cương lĩnh hai đảng Xã Hội và Tự Dân khác nhau như chó với mèo. Theo gió trở cờ, ông đã phải tuân phục đường lối Tự Dân nhưng đảng viên Xã Hội dưới quyền đã lộ vẻ bất mãn ra mặt, lắm kẻ đòi ly khai; nay cộng thêm phong độ của quần hùng đối lập đang bốc cao, món “lộc thủ tướng” trời ban đột xuất chắc ông khó mà tận hưởng được!

Trung tuần tháng 11, Thôn Sơn thủ tướng to tiếng tán đồng chủ trương “cải cách đổi màu” do ông Kubo, bí thư đảng Xã Hội, đề ra. Ông nhấn mạnh rằng vì thời thế nay đã “đổi mới”, cái tên Xã Hội hết ăn khách rồi nên cần phải cho ra đời một đảng mới, cũng cốt các kè nhưng là các kè xanh. Theo ý ông Kubo, màu xanh ấy sẽ là xanh lơ, màu “love is blue”, màu hứa hẹn của đảng dự lập “Tự do Tân đảng”. Theo tin Thông tấn xã Kyoto, vì số đảng viên dự tuyển sắp được kết nạp vào đảng các kè xanh lơ hiện nghe đâu đã lên tới con số trăm nên cả hai thầy trò nhà Thôn Sơn vô cùng phấn khởi. Cả hai đều nhiều lần tỏ ý sẽ giải tán Hạ viện Nhật để tổ chức bầu cử lại vào trước dịp cuối năm Con Chó 94 này một khi dự luật bầu cử mới được thông qua. Đây là sự cải cách luật bầu cử lớn lao nhất kể từ 1947, theo đó 300 trong số 500 ghế Hạ viện sẽ thuộc hệ thống 1 đơn vị bầu cử 1 ghế thay vì 2 đến 6 ghế như trước để tránh tình trạng ăn thua sát ván và nạn mua bán phiếu.

Hiện tại quốc hội Nhật đang nỗ lực làm ngày làm đêm, xét duyệt cấp tốc để phê chuẩn đạo luật mới ấy. Nếu không có gì thay đổi, chắc chắn toàn dân Nhật sẽ lại lục đục đi bầu vào khoảng giữa tháng 12 và một tân chính phủ sẽ chào đời, vừa vắn ăn cái tiệc tân niên năm Ất Hợi.



Cả hội trường bỗng nhiên bưng bưng khí thế, hàng trăm cánh tay nâng ly bia lên cao, tiếng thét vang trời: “Nhất trí với quân sư! Nhất trí!” Tiếp đến là tiếng hô “Ít ki! Ít ki!” (Vô! Vô trăm phần trăm!) Rồi tiếng bia trôi vào họng nghe rột rột. Chỉ phút chốc, cả trăm ông mặt trời chọt mọc đỏ kè giữa hội trường, báo hiệu một bình minh rực rỡ của tiền đồ Tân Tân đảng.

Thuật Phong-Thủy

Lê Văn Lân

(kỳ 4)

Nhận định cảnh trí thiên nhiên: Non và Nước

Quan niệm về giang sơn: Trong bài trước, chúng tôi đã nói về cách lấy trực giác mà “đánh hơi” đại khái tính cách xấu tốt tự nhiên của một cơ sở địa ốc. Nhưng nhận định này còn phải bổ túc bằng những phương cách cụ thể hơn, dựa trên những nguyên tắc xác đáng về phong thủy.

Quan niệm Á Đông gọi cái môi trường sinh hoạt của một con người hay một quốc gia bằng một danh từ rất ý nghĩa: *giang sơn* (sông núi) hay *sơn hà* (núi sông), hay nôm na là *nước non*. Hình ảnh núi sông được phản ánh trong nghệ thuật hội họa qua *tranh sơn thủy*. Ta thấy những bức tranh Á Đông cổ hầu như không mấy khi vẽ tĩnh vật mà cảnh nhà cửa kiến trúc phải lồng trong khung cảnh núi sông, cây cỏ, điều thú... Người Á Đông quan niệm cảnh trí sinh hoạt phải mang cái hồn tự nhiên của vũ trụ, nghĩa là lúc thấp lúc cao chứ không thể bằng phẳng. Kiến trúc của Vạn Lý Trường Thành đã nói lên điều đó. Và trong *Chinh phụ ngâm*, cái uyển chuyển hùng vĩ của thiên nhiên đã được tỏ rõ:

Hình khe thế núi gần xa

Đất thoi lại nổi, thấp đà lại cao.

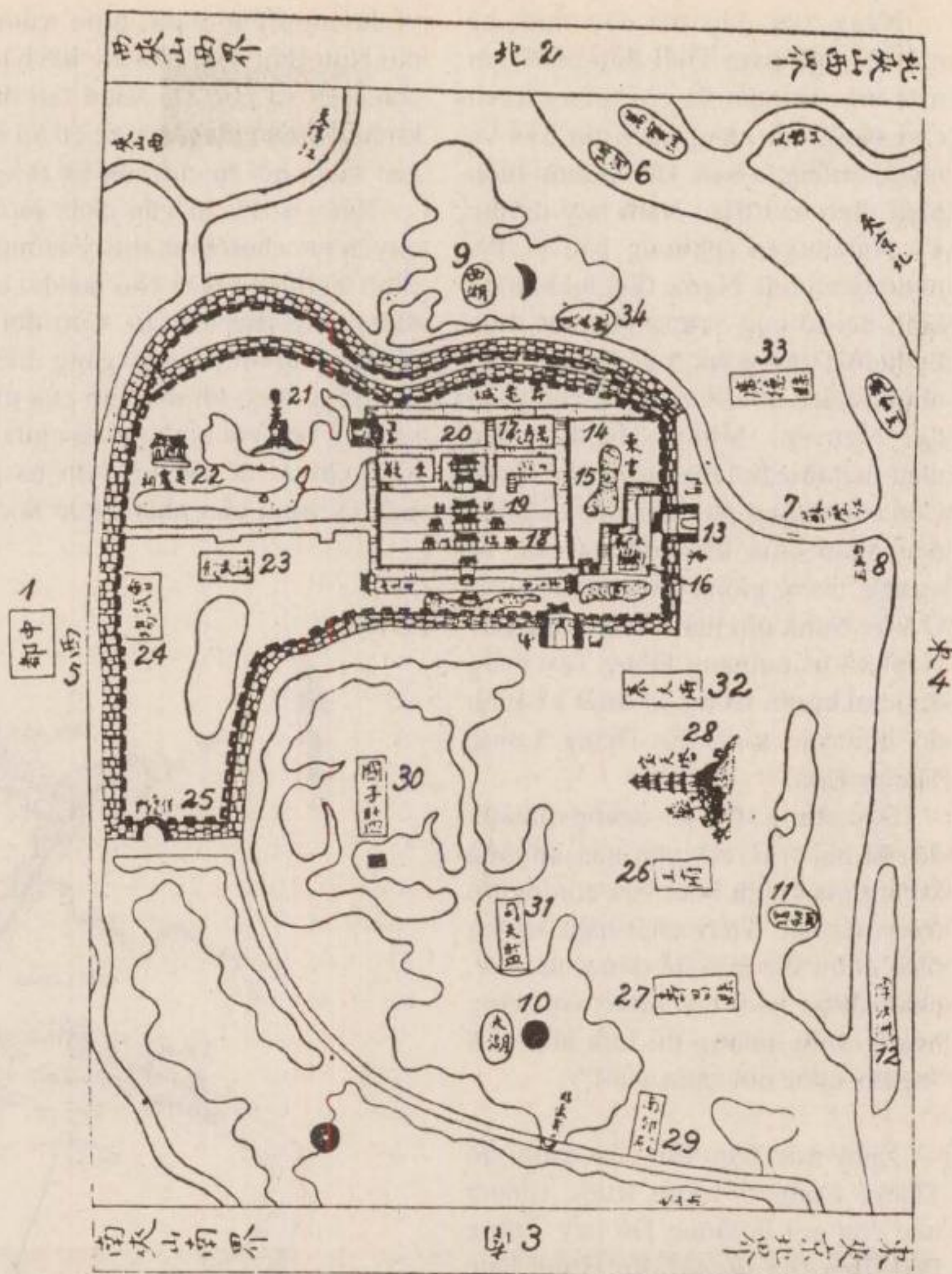
Hơn thế, người Á Đông còn tôn

giáo hoá quan niệm vũ trụ, tôn thờ các sức mạnh siêu nhiên như thờ Sơn thần, Thổ thần, Lôi thần, Long vương, Hà Bá... Do đó, chọn một địa điểm cho nhà đất hay cơ sở kinh doanh là chọn cảnh trí cho cái “giang sơn” được thu hẹp lại.

Tư thế “tay ngai”: Người Á Đông cho rằng tư thế ổn định nhất chỉ có thể đạt được khi ngồi trên một cái ghế hay cái ngai vững chãi. Cái ngai tượng trưng cho vị thế quyền uy. Trong ngành phong thủy về âm trạch (ngôi mộ), nơi yên nghỉ ngàn thu của con người phải được ổn định trong tư thế của một người ngồi trên

ngai với những đặc tính sau: Lưng ngai dựa vào phía bắc (tượng trưng bằng *hậu huyền vũ* tức *rùa đen* ở sau); tay ngai bên trái tựa vào phía đông (*tả thanh long*); tay ngai bên phải tựa vào phía tây (*hữu bạch hổ*); mặt trước day về hướng nam có một cái án để gác chân (*tiền chu tước*) và một giòng nước chảy (*minh đường*).

Quan niệm tư thế *tay ngai* coi là vững chãi vì được tả phù hữu bất đã in sâu trong vấn đề thiết kế dương trạch (nhà người sống) như kiến trúc các đền đài cung điện, phủ đệ của vua quan, hay cấu trúc về gia trang của dân giả.



Bản đồ thành Thăng-long

Ngày xưa, khi bắt đầu thiết kế một đô thị, quan Thái Bảo phải làm một việc tối cần, là coi tướng trạch cho vùng đất bằng cách đo đạc và nhắm hướng la bàn. Đồ án luôn luôn phải theo trục Bắc Nam hay đường Tý Ngọ tuyến (phương bắc là Tý, phương nam là Ngọ). Giở lại bản đồ kinh đô cổ của Trung Hoa, ta thấy kinh đô Trường An, Lạc Dương, hay những kinh đô đời sau của các triều đại Nguyên, Minh, Thanh... đều nhất luật thiết kế theo trục Bắc Nam. Còn các đường phố nhà cửa của dân đều phân chia theo đường dọc và ngang, trong giống như một bàn cờ. Ở Việt Nam, qui luật về trục dọc Bắc Nam và trục ngang Đông Tây cũng được tuân thủ trong sự thiết kế kinh đô như các kinh đô Thăng Long, Thuận Hoá.

Dọc (tung độ) và ngang (hoành độ) là hai trục cốt yếu của khoảng không gian sinh hoạt của con người trên mặt đất. Thầy chết nằm xuống phải chôn thế nào để đầu được gối, chân được gác, tay được vịn đang hoàng đúng hướng thì linh hồn mới “ngậm cười nơi chín suối”.

Xem xét bản đồ của kinh đô Thăng Long ở trang trước (thành này còn gọi là Đông Đô hay Trung Đô) theo *Địa dư chí* đời Hồng Đức (1490), ta thấy ở phía bắc (số 2) có 2 lớp thành, tọa lạc giữa sông Nhị (số 6) ở phía đông và sông Tô Lịch (số 7) ở phía tây. Sông Tô Lịch có một nhánh chạy làm bờ hào ở phía bắc rồi đổ ra Nhị Hà ở phía đông, chỗ có đền Bạch Mã. Thành Thăng Long không vuông vắn như thành Huế vì phải thiết kế theo địa thế thiên nhiên với sông ngòi, nhưng các kiến trúc trong thành như cửa Đoan môn (số 18), Thân Triều (19) và điện Kính Thiên (20) đều được thiết kế theo trục bắc nam. Đàn Nam Giao (số 29) nằm ở phía nam của thành Thăng Long.

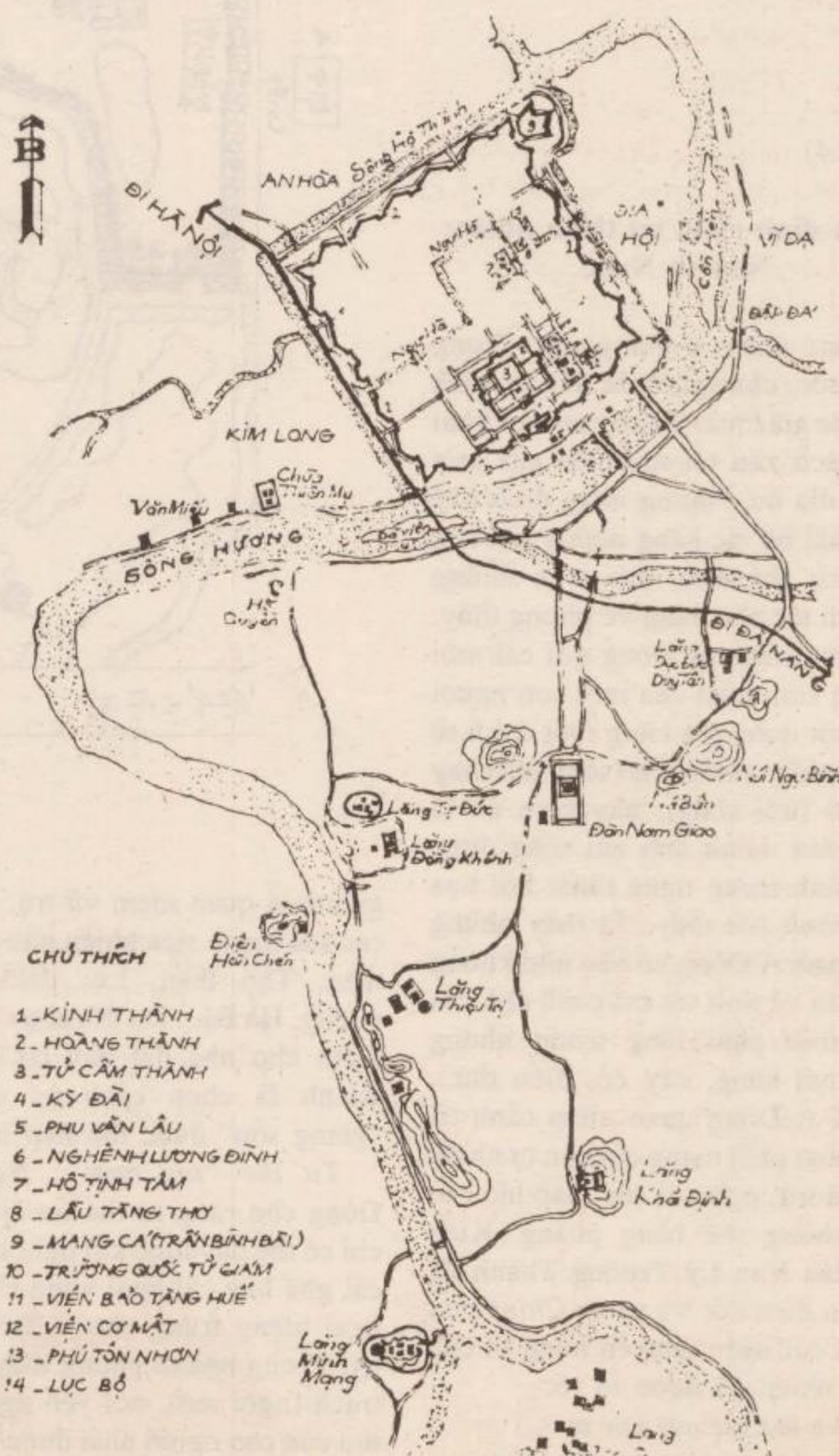
Còn ở Huế (xem bên cạnh) thì trung tâm đế đô là kinh thành nằm gọn ở bờ bắc sông Hương, mặt nhìn

về hướng đông nam, phía trước có núi Ngự Bình làm tiền án, hai bên có cồn Hến và cồn Dã Viên tạo thành hình *tả thanh long, hữu bạch hổ* châu vào điểm hội tụ của sơn kỳ thủy tú.

Ngày xưa, chỉ vua chúa mới đủ quyền lực chọn hình thế lý tưởng tạo cảnh trí thiên nhiên cho lâu đài cung điện, lăng tẩm của họ. Còn đối với dân thường thì cũng cố gắng thiết kế gia trang theo khuôn khổ của giang sơn thu hẹp với hình móng ngựa hay hình chữ U để che chở đủ ba phía sau, tả, hữu; còn phía trước là cổng

thì xây một bức bình phong. Các ngôi mộ cũng được xây theo hình móng ngựa như vậy. Ngày nay ở Huế vẫn còn tồn tại nhiều phủ đệ của các ông hoàng bà chúa kiến trúc theo phương cách trên.

Vào thời người thừa đất rộng, phong thủy thuật mang tính chất của ngành phong thủy thôn dã mà cảnh trí thiên nhiên bao gồm sông núi có thể tìm thấy ở nhiều thế đất khác nhau. Tùy theo con mắt của thầy phong thủy mà nhìn ra những thế đất đầu hổ, voi phục, cóc nhảy, bút



Bản-đồ thành Huế

ngiên, mẹ bồng con, rồng giỡn ngọc.v.v.. Nhiều làng mạc, thôn xóm vùng đồng bằng cũng nhại tư thế phong thủy bằng cách phía sau trồng cây lớn hay bụi tre để thay núi tựa lưng (chấm sơn), phía trước có một ao nhỏ (minh đường). Theo *Dương trạch kinh*, không nên trồng cây lớn trước cửa nhà, án ngữ hướng nam. Cây lớn phải để nó tha hồ mọc tự nhiên, không tỉa xén; càng sum sê xanh tươi càng tốt. Cây còn có công hiệu hoá giải cái xung khí từ những mảnh đất hay ngọn đồi nằm sai chỗ, có hướng xấu.

Đối với chúng ta ngày nay, khó mà chọn phong cảnh sơn thủy cho ngôi nhà mình ở vì những điều kiện thiết kế, luật lệ... không cho phép. Tuy nhiên, khi gặp trường hợp thuận tiện, chúng ta cũng nên nắm bắt một vài ý niệm cần thiết để áp dụng với địa hình địa vật.

Hai nhân tố cốt tủy là non (sơn) và nước (thủy) phối hợp thành cảnh trí thiên nhiên ngoại vi của ngôi nhà hay cơ sở kinh doanh. Phong thủy thuật có một số nguyên tắc nhận định về hai nhân tố này.

Nhận định về hình non thể đất Nhân tố: Sơn

Hình các con "non" theo ngũ hành: Người xưa quan niệm rằng núi non là đất tiên đất thánh ở. Núi non là nơi long mạch nổi lên cuộn cuộn, biểu tượng cho dương khí dồi dào. Hình Pháp Môn đã nhìn hình thể của đỉnh ngọn núi đôi theo ý nghĩa ngũ hành:

- Gò Hoả tinh có đỉnh dựng đứng, thẳng và nhọn.
- Gò Mộc tinh có chóp bằng và hơi hẹp.
- Gò Thổ tinh có chóp trải rộng bằng phẳng.
- Gò Kim tinh có chóp tròn và cao.
- Gò Thủy tinh, chóp có những rãnh sâu chứa nước.

Sự phân biệt trên có một ý nghĩa trong sự áp dụng về nguyên lý tương sinh, tương khắc với ngũ hành. Như

một người sinh tháng Hoả thì hợp với nhà cất ở cạnh gò Hoả tinh, còn người sinh tháng Mộc thì cất nhà hay mai táng ở gò Hoả tinh sẽ đem lại nhiều tai hại vì lửa sẽ đốt gỗ!

Gò núi cũng có thể hoà hợp hay xung khắc nhau tùy theo tính chất của chúng. Một thầy địa lý Tàu đưa ra một ví dụ lý thú về đất Hương Cảng: Đỉnh núi chánh của đảo này là núi Mộc tinh, nhưng dưới chân núi lại có một ngọn Thái Bình Sơn nhọn hoắt mang tính chất Hoả, do đó ở Hương Cảng, địa điểm có nhiều hỏa hoạn là khu Thái Bình sơn.

Hình các con "non" theo Cửu tinh: Hình thể núi non còn mang

một ý nghĩa khác theo 9 sao tử vi (Cửu tinh).

Bảng sao Cửu tinh được nhận định trùng hợp với 7 sao của chòm Bắc đẩu, trông giống như cái ghế hay cái chuỗi gáo quay chung quanh sao Bắc cực. Chuôi sao này vào lúc xẩm tối quay chỉ hướng nào thì ứng vào một thời của một mùa trong năm như mùa xuân thì quay hướng đông, mùa thu thì quay hướng tây... Bảy vì sao này theo tử vi lại cũng ứng vào nghề nghiệp của một người chịu ảnh hưởng của chúng.

Một người trong binh nghiệp mà cất nhà ở núi Phá Quân có chỗ lồi lõm (tức Kim tinh) thì sự nghiệp lụn



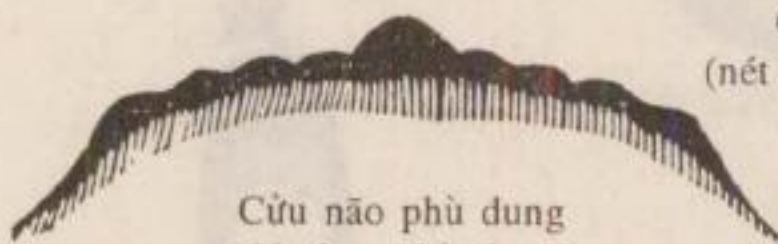
Hoa cái tam đài
(đài hoa ba chòm)



Cửu thiên phi bạch
(nét bút bay chín tầng trời)



Ngô-công tiết
(đốt con rết)



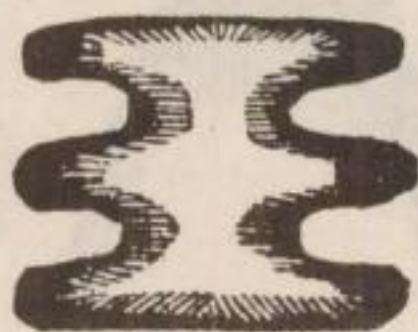
Cửu não phù dung
(đóa hoa phù dung)



Lô hoa tam
(ba chòm hoa lan)



Đôi giáp cách
(vảy sấp lớp)



Vương tự cách
(kiểu núi chữ Vương)



Cổ-giác
(mũi dùi xuống)

bại nhưng lại rất tốt nếu ở gần núi Vũ Khúc (cũng là Kim tinh nhưng chòm núi tròn trịa hơn).

Một người trong văn nghiệp sẽ phát triển việc viết lách nếu cất nhà ở chân núi Văn Khúc (tức Thủy tinh) vì văn chương tha hồ uốn lượn.

Hình thể của các con non theo ý nghĩa cửu tinh trong tử vi là sự biến thể của hình thể theo ngũ hành. Thầy phong thủy xưa coi hình thể các thế đất hay các con non và phương hướng tọa lạc của chúng để biết sinh, vượng hay tử, tù, hưu rồi mới cho chôn cất thì con cháu người chết mới phát đạt vinh hoa. Sách Tả Ao đã dạy kỹ về sự đặc địa này:

Con Mộc vốn ở phương Đông

*Con Kim vốn nó ở dòng phương Tây
Xem cho biết nó mới hay,*

*Táng cho phải phép thực đầy vinh
hoa.*

Hình các con "non" theo mắt ngắm: Ngoài ra, hình thể núi non còn được nhìn qua con mắt phán đoán của thầy phong thủy. Núi trải dài như một cái ghế trường kỷ thì con cái cháu chắt của người ở sẽ bị chết sớm hay chết dữ. Hình núi như cái thuyền lật úp thì con gái bị bệnh, con trai bị tù tội. Hình núi giống như cái chuông mà chóp núi là kiểu Phá Quân (Kim tinh) thì bao nhiêu tia xấu của chòm sao Bắc đẩu sẽ chiếu vào khiến gia đình đó không có con. Các hình thể xấu khác của núi non

là cái thủng, cái lưới cày, mắt ngựa, con rùa... Núi có chóp quá tròn là quá nhiều âm tính cũng không tốt.

Vùng Hương Sơn thơ mộng có rất nhiều hòn núi mà qua con mắt ngắm của các cụ ta ngày xưa thì:

*Dừng chèo lại càng trông càng thấy
Núi mờ xanh từng dãy ngất non thiêng*

*Kìa núi Gà núi Tượng núi Trống núi
Chiêng*

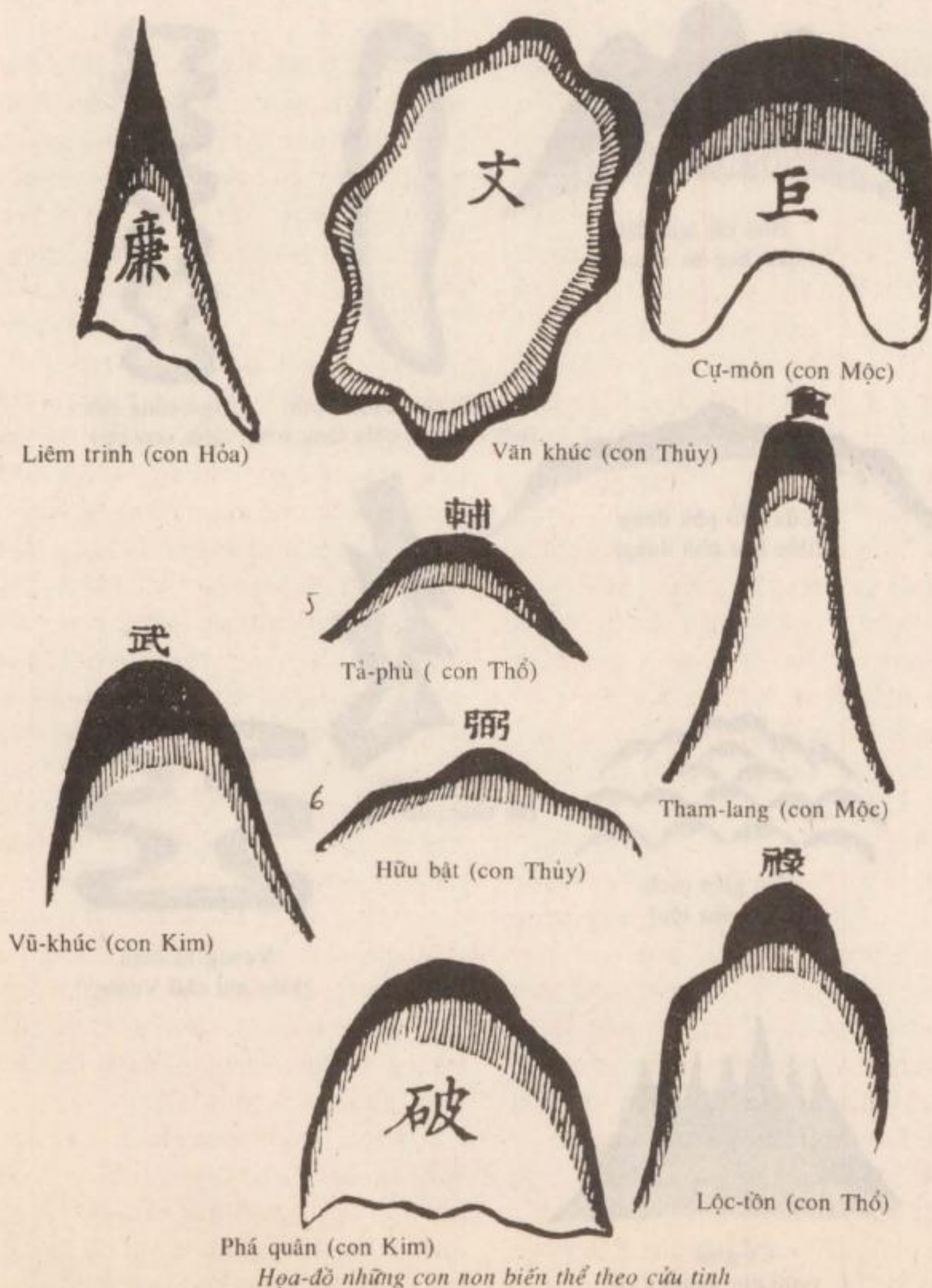
hoặc:

*Xanh như mây mà đá vẫn trơ trơ
Trên vách phấn tờ mờ treo giá áo
Này kho tiền này kho bạc này buồng
tằm này lẫm gạo...*

(Vũ Phạm Hàm,

Hương sơn phong cảnh)

Những điều thực tiễn đối với chúng ta hiện nay: Ngày xưa, hình thể núi non tạo sự hùng vĩ cho cảnh trí, về âm trạch cũng như dương cơ. Thầy địa lý thuở trước phải khổ công tìm kiếm thế đất để tâm long. Cuốn *Địa đạo diễn ca* của Cao Trung là một tài liệu tuy giản lược nhưng rất có giá trị vì đã giới thiệu khá đầy đủ khoa phong thủy âm trạch của Tả Ao Nguyễn Đức Huyền.



HÌNH CÁC CON (NON)	THEO NGŨ HÀNH	THEO CỬU TINH
	Mộc tinh	Tham-lang
	Mộc tinh	Cự môn
	Thổ tinh	Lộc tồn
	Thủy tinh	Văn khúc
	Hỏa tinh	Liêm trình
	Kim tinh	Vũ khúc
	Kim tinh	Phá quân
	Thổ tinh	Tả phù
	Thủy tinh	Hữu bát

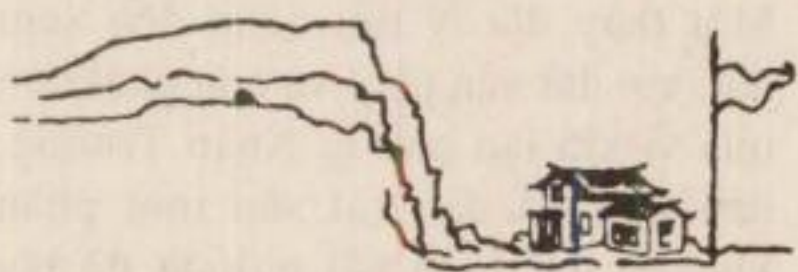
Tuy nhiên ngày nay, những điều trên chỉ mô tả trên sách vở chứ khó thể áp dụng vào thực tế. Nếu có phương tiện cất nhà ở vùng núi thì chúng ta chỉ nên lưu ý vài điều thực tiễn có thể áp dụng sau:

1. Tránh những đồi núi dốc cheo leo vì cái khí sẽ trôi tuột xuống, không tụ được ở nơi nhà cất và bị cái họa đất sụp đe dọa.

2. Nhà nền cất lưng chừng triền núi thoải thoải, có thể thoát nước dễ dàng; tránh cất trên đỉnh vì lộng gió, lại càng tránh cất nhà dưới ghềnh đá lơ lửng trên đầu, sợ họa đá rớt.

3. Mặt tiền nhà phải quay xuống triền đồi, vì nếu ngó lên đỉnh đồi thì mặt đất bên ngoài sẽ cao hơn trong nhà, gây rối rắm cho sự nghiệp người cư ngụ; thực tế là tránh nước mưa chảy ngập nhà.

Trong trường hợp mặt tiền của nhà day về phía đỉnh đồi và phía sau có vườn, thì nên áp dụng phương pháp kiểu chính là trồng một cây cột cờ cao ở cuối vườn hoặc một trụ đèn soi rọi ánh sáng vào mái nhà để quân bình hoá cái khí tướng của địa điểm.



Căn nhà trên đây cất đúng cách, an toàn và lợi về phong thủy. Căn nhà hên dưới cất dưới "hàm cạp" hay "chân cóc nháy", có thể bị họa đất sụp.



Kiểu chính ngôi nhà day mặt vào núi bằng cách dựng một trụ cờ để quân bình hoá khí tướng.

Vài nhận định theo nhãn quan hiện đại: Lấy nhãn quan khoa học và lấy sự khôn ngoan qua kinh nghiệm cuộc sống thì ta thấy những lời khuyên về cách cất nhà trên đồi của thầy phong thủy không phải là không hữu lý. Ở nước ta, một ngôi nhà dựa lưng vào núi phía bắc, day mặt về hướng nam đương nhiên tránh được những cơn gió bắc lạnh lẽo và hứng nhận cái khô ráo, ấm áp của dương quang miền nhiệt đới. Loài rêu thường mọc trên vách tường xoay về hướng bắc nên cửa nhà quay về hướng nam sẽ tránh được ẩm mốc.

Nhà cất ở đỉnh đồi đương nhiên bị lộng gió, còn cất ở lưng chừng đồi thì vừa ấm áp hơn, vừa ở một địa điểm vọng cảnh lý tưởng.

Tuy nhiên, con người hiện đại khó thể chấp nhận hình dáng đại khái của đồi núi lại có thể ảnh hưởng đến vận mệnh của con người. Ta có thể tạm suy đoán phải chăng những yếu tố thiên nhiên đã tác dụng lên hình thể của núi và được người xưa dùng yếu tố ngũ hành để giải thích? Núi Hoả tinh nhọn hoắt, rõ ràng là vùng cực nóng, đất đá khô khan như sa mạc. Núi Mộc tinh có cây mọc trên đỉnh nên chóp bằng. Núi Thổ tinh là một vùng đất có độ cao rõ rệt. Núi Thủy tinh bị nước soi mòn nên có nhiều rãnh hang. Núi Kim tinh thì tròn trịa vì ảnh hưởng của thời tiết cân bằng và có thể chứa các quặng kim loại. Ảnh hưởng của địa chất phản ánh qua nước uống, thực phẩm, thổ ngơi, phóng xạ... có thể dùng để biện minh cho bệnh lý hay sức khỏe con người.

Ở Việt Nam, đã có những vùng mà nhiều người có bệnh giống nhau như chứng bướu cổ do thiếu i-ốt hay chứng vô mao ở bộ phận sinh dục phụ nữ. Sự kiện này do yếu tố di truyền hay do ảnh hưởng của môi sinh? Chưa ai dám kết luận vì thiếu điều kiện nghiên cứu, thống kê.

Ở Mỹ, mạch đất có radar - ví dụ mạch chạy từ Reading, Pennsylvania qua phía bắc và trung của tiểu bang New Jersey - được xác nhận gây ra

chứng ung thư phổi, đặc biệt đối với những người hút thuốc lá. Về nha khoa, theo nhận xét của một nha sĩ Việt Nam, những người Việt miền Bắc, đặc biệt ở vùng Hải Hậu, Nam Định, thường có chân răng rất cứng, khó lấy gân máu (root canal) vì uống nước có quá nhiều chất vôi.

Về phương diện địa chất, người đời xưa tuy chưa giải thích được từ nhân đến quả nhưng đã có nhận xét tương tự. Lê Quý Đôn ghi lại trong *Vân Đài loại ngữ* như sau:

"Sách *Nhĩ Nhã* nói: Con người sinh ở đất Thái Bình (Trung quốc) thì nhân hậu; ở đất Đan Huyệt thì khôn ngoan; ở đất Thái Mông thì chất phác không lừa dối không sai lời; sinh ở đất Không Động thì mạnh bạo.

"Sách *Hoài Nam Tử* nói: Khí núi sinh nhiều con trai; khí đầm sinh nhiều con gái; khí nước sinh nhiều người câm; khí gió sinh nhiều người điếc; khí rừng sinh nhiều người yếu ớt; khí cây sinh nhiều người cồng; khí đá sinh nhiều người khỏe; khí ở dưới thấp sinh nhiều người phù thũng; khí âm sinh nhiều người rữ rượi tay chân; khí hang hốc sinh nhiều người tê liệt; khí đồi dốc lên sinh nhiều người khùng điên; khí thoảng sinh nhiều người nhân; khí ở gò lớn sinh nhiều người tham; khí nặng sinh nhiều người chết non; khí lạnh sinh nhiều người sống lâu; sinh ở đất nhẹ thì nhanh nhẹn; sinh ở đất nặng thì chậm chạp; ở nơi nước trong thì tiếng nhỏ; ở nơi nước đục thì tiếng thô; nơi nước chảy xiết thì người nhẹ; nơi nước chảy chậm thì người nặng; đất trung châu sinh nhiều thánh hiền".

Nhưng đó là ảnh hưởng địa chất thổ ngơi gây trực tiếp đến con người sinh sống nơi vùng đất. Còn tại sao vị trí chôn hài cốt người chết lại ảnh hưởng đến con cháu thì được Lê Quý Đôn giải thích như sau:

"Theo thuyết của nhà địa lý học (phong thủy), những người biện sĩ phân nhiều họ không tin (thuyết lý khí) vì họ cho là những vật đã hủ nát biến hoá đi rồi thì không biết gì nữa.

Nói cho đúng, người ta với trời đất cùng một nguồn, một mạch với tổ tiên. Sinh khí của trời đất thường được thông, thì tự nhiên có thể tươi nhuận được xương khô; tinh thần của tổ thường được tụ, thì tự nhiên có thể giáng phúc cho con cháu. Thanh Ô Tử nói: 'Tinh thần (của tổ tiên) trở về nhà, hài cốt trở về đất'. Thế nghĩa là: Khí lành cảm ứng, quí thần giáng phúc cho người. Lý ấy rất rõ. Người lại nói: 'Có khí ở trong (vạn vật) mới phát sinh được, còn khí ngoài thì làm cho thành hình; trong với ngoài giao hợp nhau thành ra phong thủy (địa lý)'. Xem mấy điều ấy, không còn nghi ngờ gì".

Với nhãn quan thực nghiệm của thế kỷ khoa học bây giờ, tôi nghĩ cũng khó mà hiểu được đường lối giải thích của Quế Đường tiên sinh.

Vài giai thoại: Trở lại sự tin tưởng về ảnh hưởng của địa hình trên vận mạng con người, tôi thấy Á Đông đã có rất nhiều giai thoại về phong thủy.

Tả Ao tiên sinh dạy rằng:
Muốn cho con cháu tam khôi

Phương nam có bút, phương đông có nghiên.

Muốn cho con cháu trạng nguyên
Thì tìm bút lập hai bên sắp bày.

Có nghĩa là muốn phát về văn thì tìm huyết nào mà phía nam của huyết có cây bút hoặc phía tây của huyết có gò đồng tượng hình cái nghiên. Và muốn con cháu đỗ cao, đỗ đầu tất cả các kỳ thi thì phải tìm cây bút đứng (đứng chứ không phải nằm) sắp bày hai bên trước mặt huyết.

Làng Hành Thiện Bắc Việt, một làng có nhiều người làm quan, được truyền tụng qua câu:

Lắm quan Hành Thiện

Lắm kiện Hạc Châu

Lắm trâu Thương Phúc

Lắm dĩ (con gái) Bùi Chu

Lắm cu (con trai) Ngọc Cục.

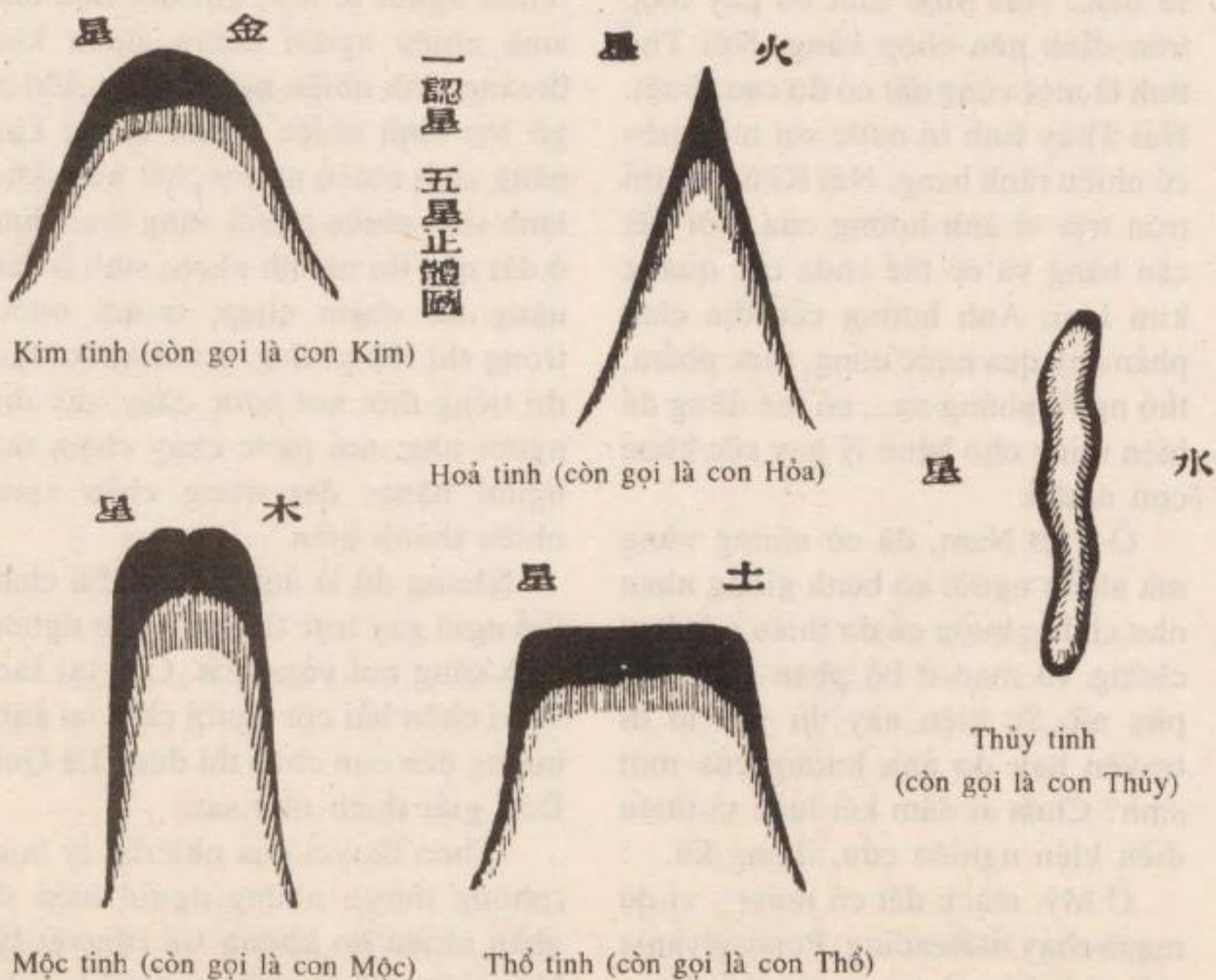
Lý do tại sao làng Hành Thiện có nhiều người đỗ đạt được ông Đặng Hữu Thụ, tác giả cuốn *Làng Hành Thiện và các nhà nho Hành Thiện* triều Nguyễn giải thích:

"Làng Hành Thiện hình con cá chép, chung quanh có sông bao bọc

và sông này tên là sông Bùi Chu chảy ra sông Ninh Cơ và sông Hồng hà. Phía đông làng Hành Thiện là làng Thương Phúc, có một khoảnh đất nằm giữa sông Bùi Chu và một sông con khác chảy ra sông Bùi Chu hình giống như cái ngòi bút. Ngòi bút này hướng thẳng vào làng Hành Thiện. Cũng cạnh làng Hành Thiện, phía tây có một khu đất trũng thuộc làng Ngọc Cục hình giống cái nghiên mực. Các cụ Hành Thiện cho rằng làng Hành Thiện hình con cá, có sông bọc kín không khác gì cá gặp nước, lại thêm có hai khoảnh đất nằm sát làng Hành Thiện hình cái bút, cái nghiên, vì vậy làng có nhiều người thi đậu.

"Năm 1895, khoảnh đất hình cái nghiên mực được lấp đi và được đổ đất cao để xây dinh tri phủ, dinh giáo thụ lập phủ lý Xuân Trường. Các cụ Hành Thiện sợ cái nghiên bị lấp đất thì cạn nước, dân Hành Thiện không thể đỗ đạt được nữa vì bút không có mực để chấm thì viết làm sao được. Các sĩ tử Hành Thiện khoa thi năm Đinh Dậu lo sợ đất Hành Thiện hết phát vì nhà cầm quyền Nam Định đã vô tình yểm đất Hành Thiện. Nhưng khoa này Hành Thiện có 18 người đậu cử nhân và tú tài. Một thầy địa lý nổi danh đến xem đất, nói đất vẫn phát và còn phát hơn nữa vì khi lập phủ lý Xuân Trường, dân phu đã đào rất sâu một phần khoảnh đất hình cái nghiên để lấy đất cát nền nhà, phần đất dùng để xây cất phủ lý chỉ bằng một nửa mảnh đất hình cái nghiên. Phần còn lại được đào sâu thành một cái hồ rộng lớn để lấy đất đổ nền các dinh thự và phố xá phủ lý Xuân Trường. Nước vẫn còn ở cái nghiên mực và lại nhiều hơn trước vì vậy dân Hành Thiện còn đỗ đạt nhiều".

Chuyện địa lý phong thủy là một khoa huyền học vừa pha chất duy linh, duy tâm đồng thời cũng ẩn chứa những điểm duy lý, thực tiễn. Quan niệm chiết trung của cụ Đồ Chiểu là một thái độ khôn ngoan mà hậu sinh chúng ta cần học hỏi: "Chỗ hay nương lấy ý mình suy ra". ●



Họa đồ hình-thể chính-thức của các con "Non" theo Ngũ hành

Lá Thăm

Đề Thơ

Hương Giang
Thái Văn Kiểm



Buồn tình ơi hồi buồn tình

Ài đi xứ Huế cho mình gởi thơ

Câu ca dao này nhắc lại một thời xa xưa, thời tổ chức bưu trạm chỉ dành riêng cho nhà nước để vận tải công văn, truyền bá mệnh lệnh. Còn thư tín của tư nhân thì phải chờ khi nào có ai đi đâu, sẽ nhờ người ta đem theo, theo lối “gửi thư tay”, may ra thì tới nơi tới chốn, còn rủi ro bị thất lạc thì cũng đành chịu vậy.

Sở dĩ cô gái xứ Đồng Nai muốn gửi thư “về ngoài” là vì:

Con chim xanh đậu nhành cây khế

*Tui thương một người ngoài Huế mới
vớ.*

mà tình thương nỗi nhớ được nàng gói ghém trịnh trọng trong một phong thư chưa biết bao giờ gửi được.

Câu ca dao trên chắc chắn phải ra đời trước một câu ca dao miền Nam khác, khi người Pháp đã thiết lập hệ thống bưu trạm ở nước ta:

*Làm thơ giấy trắng, em gấn con cò
xanh*

*Gởi nhà bưu điện, nhớ tới anh đêm
ngày
hay:*

*Cúc mọc bờ ao kêu bằng cúc thủy,
Chợ Sài gòn xa, chợ Mỹ cũng xa,
Viết thơ thăm hết nội nhà,
Trước thăm phụ mẫu, sau là thăm
em.*

Từ khi xã hội loài người được tổ chức hẳn hoi, người ta sớm nghĩ tới việc liên lạc, trao đổi tin tức, truyền bá mệnh lệnh cho nhau, sao cho mau lẹ và hiệu quả. Muốn được như vậy, cả một hệ thống bưu trạm đã được thành lập và phát triển qua suốt chiều dài lịch sử. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu lai lịch ngành này tại Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng.

Bưu trạm thời xưa

Ở Trung Hoa: Trong số các nước Á Đông, Tàu có nền văn hoá lâu đời hơn cả, do đó bưu trạm cũng đã có từ rất lâu. Căn cứ vào lịch sử Trung quốc thì dịch quán đã được thiết lập từ thời Chu Thành Vương (1115-1091 tr.CN). Các đường đi qua thôn dã, cứ 10 dặm thì đặt 1 *lư*; 30 dặm thì đặt 1 *túc*, mỗi *túc* có dựng nhà bên đường để khách ngủ trọ, lại có cả kho tích trữ lương thực; cách 50 dặm có *thị* (chợ), chợ có đặt *hậu quán* (quán đợi); cách quán đợi 20 dặm có *phố*; phố có *yết mã đình* (quán để ngựa); cách 60 dặm có *dịch*, dịch có kho lương. Nhưng

trong đó chia ra hai hạng: *khách xá* thì gọi là *nhinh lữ*; *quán dịch* thì gọi là *bưu đình*. Về sau đến đời nhà Tần (221-206 tr. CN) cứ cách 10 dặm đặt một *trường đình*, 5 dặm đặt một *đoản đình*. Mỗi đình có một người đình trưởng để điều động binh dịch đi bắt trộm cướp và để chuyển tống mệnh lệnh.

Theo Từ Nguyên, một dặm Tàu là 3125 thước ta; cứ mỗi thước tây là 2 thước 5 tấc ta thì 1 dặm dài phỏng chừng 1.25km. Như vậy mỗi đoản đình cách khoảng 6.25 km và mỗi trường đình cách 12.5 km.

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã nhắc tới *mười dặm tràng đình* khi nàng Kiều sắp sửa hành trang lên xe theo chàng họ Mã:

Đoạn trường thay lúc phân kỳ

*Vớ câu khắp khếnh bánh xe gập
ghềnh.*

Bề ngoài mười dặm tràng đình,

*Vương Ông mở tiệc tiễn hành đưa
theo.*

Trong lãnh vực bưu trạm xưa, có một số danh từ thông dụng mà chúng ta cần tìm hiểu nguyên ủy.

Trí bưu: Danh từ này do thầy Mạnh Tử thuật lại lời đức Khổng Tử:

Đức chi lưu hành tốc ư trí bưu nhi truyền lệnh, nghĩa là: Đức chính trôi đi còn mau hơn đặt bưu mà truyền lệnh.

Từ Nguyên chú thích: Do ngựa truyền đi thì gọi là *trí*, do trạm truyền đi thì gọi là *bưu*.

Vũ thư: Thư lông. Thời nhà Hán (202 tr. CN - 220 sau CN) người ta chế một cái thẻ độ 1 thước 2 tấc, khi có giặc cần cấp báo thì viết vào thẻ, cắm lông chim lên rồi sai binh dịch mang chạy. Vì thế nên trong bài *Thu hứng* của Đỗ Phủ có câu *Chinh Tây xa mã vũ thư trì* (Xe ngựa chinh Tây, thư cấp báo như chim bay rầm rập).

Nhạn tín: Tin nhận. Danh từ này xuất xứ từ điển Tô Vũ. Nguyên là Tô Vũ, trung thần của Hán Vũ đế, sang sứ Hung Nô, bị vua xứ này là Thuyền Vu bắt đầy ra Bắc Hải chân dê suốt 19 năm trời. Về sau Hán và Hung Nô giảng hoà, Hán đế sai sứ sang thăm tin tức, Thuyền Vu nói dối là Tô Vũ đã chết. May sao có Thường Huệ, quan nhà Hán, biết rõ Tô Vũ còn sống bèn mách sứ giả vào nói với Thuyền Vu rằng Hán đế đi săn ở vùng Thượng Lâm bắt được con nhạn, nơi chân nó thấy buộc một tờ thư viết trên lụa cho biết Tô Vũ còn sống. Thuyền Vu cả sợ, bèn sai người đi đón Tô Vũ về trả cho nhà Hán.

Trong *Chinh phụ ngâm* có nhắc đến tích này:

*Thấy nhân ngỗ lụa thư truyền,
Mãng sương đưa lạnh thì mền suýt may.*

hay:

*Thấy nhân luống tưởng thư phong,
Nghe sương luống sấm áo bông sẵn sàng.*

Ngư tín: Tin cá. *Cổ nhạc phủ* có 4 câu thơ:

*Khách tòng viễn phương lai,
Dị ngã song lý ngư,
Hô nhi phanh lý ngư,
Trung hữu xích tố thư.*
(Khách ở phương xa lại
Cho ta hai con cá chép,
Gọi con mồi nó ra,
Trong bụng có thư lụa trắng).
Nhưng tập *Đan duyên tổng lục* lại

dẫn 4 câu thơ khác, cũng trong *Cổ nhạc phủ*, để giải thích:

*Xích tố như tàn tuyết,
Kết thành song lý ngư.
Yếu tri tâm lý sự,
Khán thủ phúc trung thư.*
(Lụa trắng như tuyết tan,
Kết thành hai cá gáy,
Muốn biết tâm sự sao
Mở coi như trong bụng)

Theo như bốn câu thơ trên thì cổ nhân lấy bức thư kết thành hình con cá gáy (cá chép), tức là cái phong bì, còn muốn biết bên trong nói gì thì mở phong bì ra coi, chứ không phải mổ bụng cá.

Lập thư: Thư bọc sáp. Việc này có từ thời nhà Tống (960-1278). Truyện Lý Hiên Trung chép rằng: Trung sai một gia khách tên gọi Lôi Hoán đem bức lập thư đến nơi hành tại, mật báo với vua về tin biến loạn. Cách đưa tin này về sau khi nào những đồn ả ở nơi hẻo lánh bị giặc bao vây, người ta rạch da chân người đưa thư để nhét bức thư bọc sáp vào rồi khâu lại, giả làm vết thương để quân địch khỏi ngờ. Theo truyền ngôn ở nước ta, thời nhà Trần chống quân Nguyên cũng đã dùng kế đó.

Mai dịch: Danh từ này có từ thời nhà Tống (Nam Bắc triều, 420-477). Lục Khải từ Giang Nam gửi một cành mai để tặng bạn thân là Phạm Việp ở Lũng Đầu cùng bốn câu thơ:

*Chiết mai phùng dịch sứ
Ký dữ Lũng Đầu nhân
Giang Nam hà sở hữu
Liêu tặng nhất chi xuân.*

Tô Nam tạm dịch:

*Bẻ cành mai gặp người dịch sứ,
Gửi cho ai ở xứ Lũng Đầu
Giang Nam hỏi có gì đâu
Hoa Xuân này gửi tặng nhau một cành.*

Từ đó về sau, nơi trạm điểm người ta thường trồng một cây mai khiến mai hoa trở thành một tên tốt đẹp trong lịch sử của ngành trạm dịch. Rồi gần đây bên nước ta cũng dùng hai chữ *Mai đình* để chỉ chức chánh tổng vì chánh tổng ngày xưa đứng đầu một trạm tiếp nhận mệnh lệnh để truyền đi các làng.

Phi nô: Nô bọc biết bay, tức là chim bồ câu đưa thư. Cách này thấy có từ đời nhà Đường (618-907). Trương Cửu Linh, người huyện Khúc Giang, đỗ tiến sĩ thời Đường Huyền Tông, ngày thường vẫn dùng chim cáp đưa thư đi các nơi và đặt tên nó là Phi Nô. Giống chim này bay nhanh và rất nhớ đường nên dù đem thả ở nơi xa thăm cũng vẫn nhớ lối bay về, cho nên các quân đình xưa vẫn dùng nó để truyền tin.

Hoả bài: Phương pháp này xuất phát từ thời nhà Thanh (1644-1911). Binh bộ cấp phát cho các đốc phủ đề lãnh các tỉnh những tấm thẻ bài bằng gỗ có khắc chữ "Hoả tốc", để gặp khi có việc cần kíp sai người cầm đi. Các trạm dọc đường khi thấy hoả bài thì phải lập tức chuyển tống đi các nơi và cấp lương thực cho binh phu ấy trở về.

Ở Việt Nam: Tại nước ta, dưới đời nhà Lý, sử chép rằng: Đời vua Lý Thái Tông (Mậu Thìn 1028-Giáp Ngọ 1054), vua chia đường quan lộ ra từng cung, đặt nhà trạm để chạy giấy công văn.

Tới đời Hồ Quý Ly (1400-1407) lại mở đường cái quan, tức quốc lộ số 1 ngày nay, để làm tiện lợi việc giao thông và bưu trạm.

Khi Lê Lợi khởi nghĩa (1418-1427), ông Trần Nguyên Hãn lúc còn đi bán dầu có nuôi một đôi chim bồ câu, dạy nó thói sáo và đưa thư đi các nơi. Đến khi vào Lam Sơn giúp Lê Thái Tổ, ông cũng mang đôi chim theo. Về sau, lúc ông bị quân Minh bao vây ở thành Võ Ninh, chặn hết mọi mặt không cho tin tức lọt ra ngoài, ông bèn viết một tờ biểu buộc vào chân chim, để nó bay về doanh trại cầu cứu. Lê Lợi liền sai viện binh cấp cứu, phá vỡ được vòng vây. Ngày nay Trần Nguyên Hãn được quân đội Việt Nam Cộng Hoà tôn làm tổ sư ngành Truyền Tin, hàng năm đều làm lễ giỗ.

Đến thời nhà Nguyễn (1802-1945), vua Gia Long sau khi thống nhất đất nước, đã tổ chức ngành bưu chính có phần chu đáo hơn.

Theo Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ quyển 252-253, cơ quan bưu chính thời Gia Long gồm các chức dịch: Chức chế, Trí dịch, Dịch trình, Dịch điểm, Dịch trưởng, Dịch phu, Dịch thuyền, Dịch mã.

Viên chức: Mỗi ty có 1 viên chủ sự hàm chánh lục phẩm, 1 viên ty vụ hàm chánh thất, 2 viên cứu phẩm thư lại, và 15 viên vị nhậm bưu thư lại (chưa vào ngạch). Các viên chức kể trên lấy ở trong bộ Binh.

Phàm các trực tỉnh miền Nam miền Bắc, cứ cách nhau từ 20 đến 34 dặm đặt 1 điểm trạm. Trong điểm có 1 viên dịch thừa, 1 viên dịch mục, còn dịch phu từ 30 đến 100 tùy theo nhu cầu của mỗi điểm, và mỗi điểm được cấp 4 con ngựa trạm để phòng khi có việc cấp báo.

Phù hiệu vật kiện: Mỗi điểm được cấp 1 tấm trạm bài (tấm biển) bằng gỗ, trên mặt khắc tên điểm, hàng dưới biên ngày giờ khi nhận được dịch đồng (ống trạm).

Phàm lúc phát giao ống trạm đều chiếu theo từng trạm lớn nhỏ để cấp nhiều ít và có đính theo một tờ giấy trắng, một khẩu án nhỏ để tiện ghi nhận. Ống trạm sơn màu đỏ, nửa dưới khắc tên bộ, tỉnh; còn số hiệu thứ mấy thì chữ viết màu vàng. Riêng thứ ống để ngựa chạy thì bọc vải vàng viết chữ sơn đen.

Cờ hiệu: Điểm trạm trong kinh thành được cấp hai 2 lá cờ vuông, thêu chữ *Kinh trạm*, 2 lá cờ đuôi nheo thêu bốn chữ *Mã thượng phi đệ*, 6 lưỡi đoản đao. Các trạm khác thì có 2 lá cờ chéo cũng thêu 4 chữ *Mã thượng phi đệ*, 2 lá cờ thêu 2 chữ *Tri đệ*, 3 chiếc nhạc ngựa bằng đồng, 3 dao găm, 10 cây giáo, 5 giáo nhọn.

Ngoài số được cấp phát, mỗi điểm còn phải trữ lông gà trống màu gấm kết thành rế quạt, phòng khi cấp báo thì cầm bó lông gà lên đầu cán cờ cho phu trạm cỡi ngựa phi báo.

Hàng ngày điểm phu trèo lên cao, trông ra tứ phía, thấy có phù hiệu lông gà thì điểm trưởng lập tức sai đóng ngựa trực sẵn. Khi ngựa

秋感

葉落感知秋
日斜霜冷秋
殘蓮悲久夏
晚菊嘆長秋
離國添愁酒
他鄉常想秋
天涯催白髮
月照滿庭秋
高簫

thu cảm

Diệp lạc cảm tri thu
Nhật tà sương lãnh thu
Tàn liên bi cửu hạ
Vãn cúc thân trường thu
Tư quốc thêm sầu tửu
Tha hương thường tưởng thu
Thiên nhai thôi bạch phát
Nguyệt chiếu mãn đình thu.

cao tiêu

trạm kia đến thì phu trạm của điểm mình phải tiếp lấy ống trạm phi báo cho điểm sau. Người phu trạm chạy mau như thế mà từ Hà Nội vào Thuận Hoá cũng mất 4 ngày rưỡi, và từ Gia Định ra Kinh mất 9 ngày. Nếu chạy đúng hạn thì phu trạm sẽ được thưởng, và tiền thưởng tùy theo độ số xa gần chứ không phát lương tháng như binh sĩ. Bởi vì số lính trạm đều mộ ở dân ngoại tịch, mỗi điểm có hàng trăm phu trở lên kiêm việc vận tải nên không có lương mà chỉ được miễn thuế thân và tạp dịch khác.

Những công văn thượng khẩn được chuyển đi theo lối hỏa bài. Trong *Truyện Kiều*, khi Từ Hải thành công, mang binh tướng, kiệu vàng về đón Kiều, Tố Như tiên sinh cũng nhắc tới hỏa bài:

*Dựng cờ nổi trống lên dăng,
Trúc tư nổi trước, kiệu vàng kéo sau*

Mưa chóng như đã
là rồi thu
Sương lạnh chiều hôm
nắng xế thu
Vàng vè sen tàn
mùa cuối hạ
Thơ ở các vườn
tháng dài thu,
Chạnh lòng nhớ nước
thêm buồn rượu
Vết nỗi xa nhà
lại tưởng thu
mái tóc trắng thêm
thời cách biệt
Khuya nhìn trăng chách
giải sầu thu.
Cao
Tiêu

Hoả bài tiền lộ ruổi mau,
Nam đình nghe động trống châu đại
doanh.

Hoả bài trong *Truyện Kiều* là một miếng gỗ rộng bằng hai bàn tay, hình chữ nhật đứng. Theo ký giả Cát Văn của nhật báo *Dân chúng* thì hoả bài là một miếng gỗ sơn trắng, xung quanh có nẹp đỏ, cang cầm cũng sơn đỏ. Miếng gỗ sơn trắng được viết chữ đen những lệnh truyền hoặc lệnh đòi. Trên miếng nẹp sơn đỏ có khắc chữ "Mỗ Huyện Hoả Bài".

Lính cầm hoả bài thường dắt hoả bài trên cổ áo, phóng ngựa đi giao. Có nơi lính cầm hỏa bài còn phải đeo bên cổ ngựa một lồng ấp để than hồng, bỏ lông gà vào trong, khói bay mù mịt. Phóng ngựa đi đến đâu, gió thổi lông, khói bay tứ tung, lính trong thành trông thấy vội mở cửa để đón hỏa bài.

Ngày xưa lính chạy hỏa bài vừa

rung nhạc ngựa vừa hết để những người đi đường dạt tránh cho ngựa chạy. Tránh không nhanh, ngựa xéo chết rán chịu.

Ở nước ta cách nay chừng 25 năm, tại miền Trung và miền Bắc vẫn còn dùng hỏa bài để đi đòi việc quan. Các lý hương, hội tề tiếp lính mang hỏa bài phải cấp tốc giúp đỡ, dẫn đến nơi hay tận nhà kẻ bị đòi bằng hỏa bài. Nhận được hỏa bài, người bị đòi không được trì hoãn một giây này, lập tức phải lên đường ngay.

Riêng về hộp thư dân ý, chúng ta thấy dưới thời chúa Nguyễn Ánh đã có sáng kiến đó. *Sử Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu* do bộ Học Nam triều ấn hành năm 1925, ghi như sau: “Năm Mậu Thân thứ 9 (1788), tháng 10. Làm thùng bỏ thư. Ngài nghĩ rằng: dân gian làm thư nặc danh, là chức tội lỗi cho người, bèn đặt một cái thùng bỏ thư ở dưới cửa khuyết, để cho ai có việc gì oan uổng muốn kêu thì làm đơn bỏ vào thùng ấy. Dụ rằng: Pháp luật là phép chung trong thiên hạ, không phải riêng một người, không nên theo lời nói vô căn mà bắt tội người ta, từ rày về sau, không kể quân hay là dân, hoặc có điều oan uổng và bị người ta hãm hại, thời cho biết tên, họ, quê quán vào đơn bỏ vào trong thùng. Triều đình sẽ xét việc gian hay là ngay, để thân oan khúc. Như còn thói quen cũ nói bậy cho người mắc lừa, phát giác ra thì trọng trị.

Bưu chánh thời cận kim

Vào hậu bán thế kỷ 19, nước ta bị dao động bởi những cuộc xâm lăng, nổi loạn. Đến khi Pháp đặt xong nền thống trị, thì ông Tây bắt đầu giăng giây thép, họa địa đồ nước Nam. Và cũng từ đó một dự án đặt hệ thống bưu chính như Âu châu khởi công. Tuy nhiên nhà đương cuộc lúc ấy cũng còn phải dò dẫm, thám hiểm khắp nơi để xem địa hình địa thế trước khi giăng giây thép.

Năm 1885, ông Paris, giám thị Bưu chính, được nhà cầm quyền

Pháp cử đi thám hiểm quang đường từ Huế vào Sài gòn. Ông đã được xem tận mắt hệ thống bưu trạm của ta ngày xưa, và mô tả như sau:

“Trạm là cái nhà vuông mà du khách có thể nghỉ chân và tạm trú. Nhà lợp ngói, có hào và tường bao bọc, lại có chòi gác tứ phía.

“Sở trạm dịch gồm có những người phu để khuân vác những bưu kiện nặng, để chạy bộ hoặc cỡi ngựa mang công thư, những người giữ ngựa, những quan sát viên (guetteurs), những thư ký và những trạm trưởng.

“Thư ký trạm giữ một quyển sổ để ghi các luân phiên cho các phu trạm chạy thư. Khi cần đến, viên thư ký đánh mõ bằng gỗ để gọi phu trạm tới, những người này phải bỏ mọi công việc để đi công văn cho kịp”.

Theo Dutreuil de Rhins viết trong quyển *Le Royaume d'Annam* (Vương quốc An Nam) thì trạm dịch hồi đó:

“Trạm phụ trách việc chuyên chở các quan viên đi chuyển vật dụng của họ, quốc liệu và nhất là chuyển vận nhanh chóng những công hàm. Tư nhân không được dùng trạm. Công thư phải bỏ vào ống tre, niêm phong lại, gọi là ống công văn, rồi mới giao cho phu trạm hoặc lính trạm, chạy bộ từ trạm này qua trạm khác, hoặc giao cho kỵ mã chạy, gọi là mã thượng.

“Những lính trạm mang những ống công văn sau lưng, còn trên hông hoặc trên vai, họ đeo lục lạc để cho đằng xa nghe biết mà tránh sang hai bên đường. Họ cũng mang theo một cái đoản con để tự vệ và nhận dạng lúc đi đường. Phu trạm chạy lúp xúp, và họ có thể chạy như thế từ Hà Nội vào Huế (700 cây số) trong 8 ngày. Nên nhớ là đường xá ngày xưa rất thô sơ, gồ ghề, phải qua nhiều sông ngòi. Từ trạm này đến trạm kia cách nhau chừng 15 hoặc 20 cây số”.

Theo Đại úy Rey (*Le Voyage du Capitaine Rey en 1819, Bulletin des Amis du Vieux Hue*, 1920 p.27) thì khi nghe thấy xa xa có tiếng lục lạc reo và lá cờ phát của người lính

trạm, tức thì các bộ hành, võng cáng, xe cộ đều phải tránh sang hai bên đường; những người lái đồ phải sẵn sàng chèo chống để đưa người lính trạm qua sông, còn như đồ đã chèo ra nửa sông rồi cũng phải quay trở lại để rước người lính trạm qua cho kịp.

Khi tới trạm, người lính giao ống công văn và một cây cờ ghi ngày giờ đi và đến, cho người cai trạm hoặc đội trạm; rồi người này lại giao cho một người lính trạm khác nhận lãnh và tức tốc mang chạy qua trạm kế.

Ở mỗi trạm đều có một quyển sổ ghi danh tính những người phu trạm và cứ theo đó luân phiên mà cất việc. Nếu trễ nải trên 30 phút thì bị phạt đòn roi mây. Ban đêm phải có người cầm đuốc chạy theo, nhất là trong những vùng có cọp beo. Không ai được cản trở, phá phách người phu trạm trong lúc họ thừa hành công vụ. Nếu công văn hoặc người phu trạm bị hủy hoại, kẻ phạm tội sẽ bị xử tử vì bị xem như đã phạm đến an ninh quốc gia.

Theo Dumoutier viết trong bài *Le Facteur Annamite* đăng trên *Revue Indochinoise* năm 1920 thì tương truyền người phu trạm khi gặp cọp, họ chỉ cần khấn vái: “Ông cọp, xin ông đi xa ra, tôi đang thừa hành công vụ”, tức thì cọp hiểu và lánh xa; nhưng trên đường về, khi người phu trạm không mang công văn nữa thì ông cọp có thể rình bắt. Tuy nhiên người phu trạm đã sớm biết mà rẽ đi theo đường khác.

Theo P. Pasquier viết trong *L'Annam d'Autrefois* thì việc dịch trạm ngày xưa có tính bất khả xâm phạm, cho nên gặp lúc quốc biến, loạn lạc, những người phu trạm vẫn được sự bảo đảm của đôi bên để họ làm trọn phận sự. Cho nên sau khi ông Tây giăng giây thép, triều đình ta đã ghép tội phá hoại đường giây thép ngang với sát tử một người phu trạm.

Còn hệ thống bưu trạm hiện đại theo Tây phương thì chúng ta đều biết rõ, không cần đi vào chi tiết nữa. ●



Vụ Án Văn-Học

Con Rồng Cháu Tiên

Đào Đức Chương

Trong lịch sử văn học Việt Nam, có một giai đoạn liên tiếp xảy ra những cuộc bút chiến. Đó là những năm cuối cùng của thế hệ văn học 1913 và gần suốt cả thế hệ văn học 1932.

Thực vậy, chỉ trong vòng 12 năm, từ 1930 đến 1942, đã xảy ra 9 cuộc tranh luận văn học với qui mô lớn về số người tham gia, về tầm mức phổ biến, về số độc giả theo dõi diễn tiến sự việc.

Cuộc bút chiến văn học giữa Phan Khôi và phe Tản Đà gồm các ông Nguyễn Xuân Dương, Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Tiến Lãng, Văn Bằng, xảy ra vào giữa năm 1931 và kéo dài 11 tháng, được gọi là “Vụ án

Con Rồng Cháu Tiên” vì cả hai phe đều nhắm vào bốn chữ “con rồng cháu tiên” làm đề tài cho cuộc tranh luận.

Phê bình táo bạo

Ngay khi tờ *Phụ nữ tân văn* vừa tái sinh, số 83 ngày 21.5.1931, Phan Khôi đăng bài *Gia đình ở nước ta nay cũng thành vấn đề rồi*. Trong đó ông kịch liệt chỉ trích và buộc tội thuyết Tam Cang của Hán Nho. Ông cho rằng thuyết ấy chủ trương tôn quân có lợi cho việc cai trị của nhà vua nên được chế độ quân chủ trọng đãi và dựa vào thuyết ấy để lập ra những luật lệ tóm thâu quyền hành về cho gia trưởng. Hậu quả, lập

thành một chế độ gia đình quá ư hà khắc mà xã hội Việt Nam vì chịu ảnh hưởng thuyết ấy đã gánh chịu bao nhiêu đè nén từ nhiều thế kỷ qua. Có người vì không chịu nổi sự áp chế ấy đã phải tự tử. Theo Phan Khôi, nên bài trừ thuyết Tam Cang để xóa bỏ cái “trật tự” vô lý ấy đi.

Cũng trên tờ *Phụ nữ tân văn* tiếp liền số sau, 84 ra ngày 28.5.1931, bài *Cái cười của con rồng cháu tiên*. Một cái cảm tưởng trong khi đọc “*Cay đắng mùi đời*” được đăng ở trang 5, ký tên Phan Khôi; nội dung bày tỏ cảm nghĩ sau khi đọc cuốn tiểu thuyết *Cay đắng mùi đời* của Hồ Biểu Chánh. Phan Khôi đề cập đến tâm lý nhân vật là bà Hội Đồng trong tác phẩm, để chỉ trích cái tật cười vô ý thức của dân quê nước ta. Ông nêu ra với mục đích muốn sửa đổi những tập tục không hay không đẹp của người mình. Nhưng nếu chỉ có cái tật cười thì tại sao Phan Khôi phải lới cả “con rồng cháu tiên” ra làm gì? Phải có sự khác lạ, quan trọng nào chứ? Đây, lý luận của Phan Khôi: “Chúng ta cứ mở miệng ra thì xưng là con rồng cháu tiên, tưởng mình là văn minh lắm, khôn ngoan lắm, ngờ đâu là một cái cười

cũng không nên đáng!”

Ở một đoạn khác, Phan Khôi chỉ trích cái cười không đúng lúc của bà Hội Đồng khi gặp lại con sau 15 năm lưu lạc. Bà ta vừa mừng vừa tủi mà khóc, nhưng khi con kể những chuyện buồn cười trong những ngày tháng nó đã trải qua, bà vẫn không nhin được, cười ngất. Ông viết: “Dường như con rồng cháu tiên có một tánh chung: đầu là con ruột đi nữa hễ khi nghe đến nó bị thiệt hại một cách trớ trêu, thì thương mấy đó mặc kệ, cười cái đã”.

Cuối bài, ông còn nhắc “con rồng cháu tiên” một lần nữa: “Như khi gặp trời mưa, đường trơn, có người nào đó bất kỳ đi vô ý mà trượt

té, bấy giờ có năm ba người Pháp đứng đó họ có cười hay không? Tôi, và nhiều người như tôi nữa dám chắc rằng họ chẳng những không cười mà còn chạy lại để đỡ người bị té ấy lên nữa. Còn như con rồng cháu tiên ta, ai không biết chó tôi, tôi cảm chắc rằng trước khi chạy lại đỡ, họ phải cười một chập cho no nê đã”.

Tiếp sang *Phụ nữ tân văn* số 85, ngày 4.6.1931, Phan Khôi đăng bài *Cái chế độ gia đình nước ta đem giồng với cái luân lý của Khổng Mạnh* để bổ túc cho bài đăng ở số 83, bác bỏ thuyết Tam Cang.

Theo ông, Khổng Tử chủ trương thuyết Ngũ Luân tức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là đúng đạo làm người.

Nhưng “đến đời nhà Hán, bọn Hán nho vì muốn đền ơn trả thảo cho nhà vua, mới rút ba cái ngũ luân ra mà lập thành thuyết Tam Cang. Thuyết Tam Cang thì rõ là vua áp chế tôi, cha áp chế con, chồng áp chế vợ, mà không còn cái tinh thần bình đẳng của ngũ luân nữa”. Bởi vậy, theo ông, Tam Cang là trái với bốn ý của Khổng Mạnh, nhưng vì “Tam Cang lợi cho nhà vua, là vì theo thuyết ấy thì kẻ làm cha, làm chồng phải chịu trách nhiệm về vợ con mình, chẳng khác nào hương chức ngày nay phải chịu trách nhiệm quản thúc những tù phạm được tha! Làm như vậy rất là vững vàng chắc chắn cho cuộc trị an của nhà vua, khoẻ cho nhà vua lắm”. Ông cũng cho rằng “Gia đình ta trọng về ân ái, mà khi chịu ảnh hưởng của Tam Cang rồi thì ân ái hầu muốn tiêu diệt đi mà hiện ra cái vẻ oai nghiêm”. Và ông kết luận “Cái chế độ gia đình của ta bây giờ, là căn cứ ở Hán nho chứ không phải căn cứ ở luân lý Khổng Mạnh”.

Châm ngòi bùng nổ

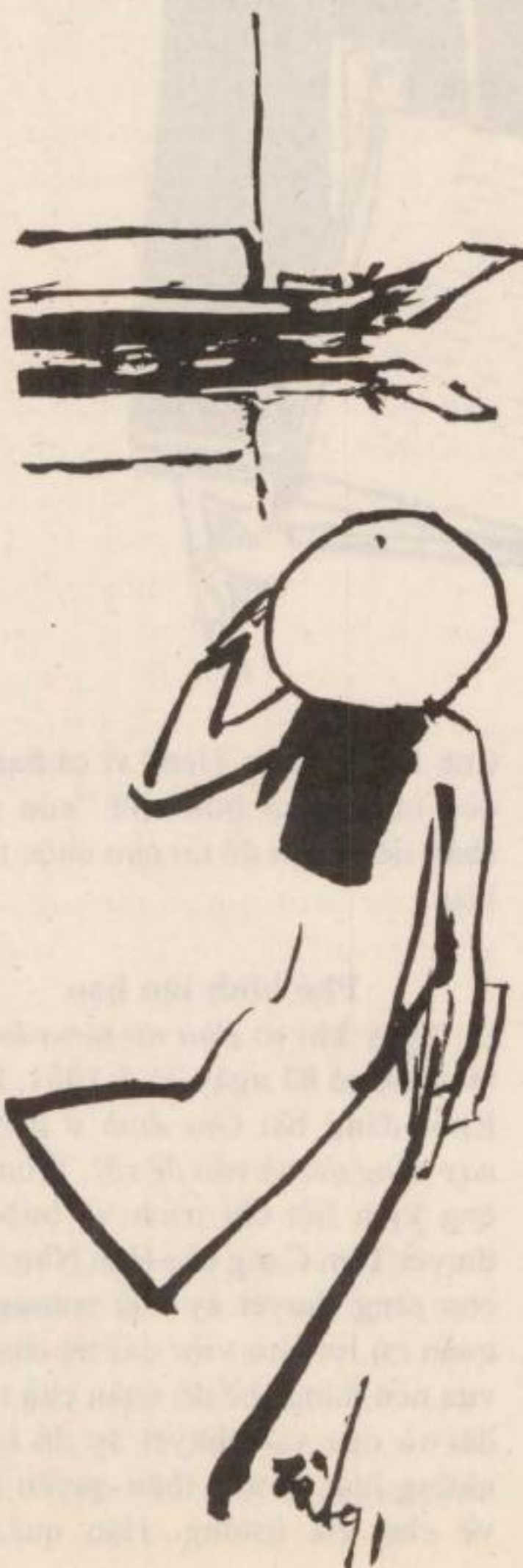
Người đầu tiên lên tiếng phản đối loạt bài của Phan Khôi là Nguyễn Xuân Dương. Với bài *Thuyết Tam Cương có quả là gây nên cái quyền vô lượng trong gia đình và xã hội không?* đăng trên tờ *An Nam tạp chí* số 24, tuần thứ nhất của tháng 6.1931, Nguyễn Xuân Dương lý giải thuyết Tam Cang không phải là cha đẻ của sự áp bức trong chế độ gia đình. Ông viết: “Cái chế độ gia đình và xã hội vẫn phải theo cái lệ chung tiến hoá của nhân quần, không những là nước Tàu có sự áp bách như thế, kìa như nước Nga từ khi chưa lập hiến trở về trước vẫn cũng còn quân chủ chuyên chế mà cả đến các dân tộc khác ở trên hoàn cầu vào độ dân trí chưa khai thông, dân quyền chưa phát đạt trở về trước cũng đều thế cả. Ý hấn những sự áp bách về chế độ gia đình và xã hội các nơi đó, cũng đều vì thuyết Tam Cương của nhà nho tràn lan ra đấy du?”

Về việc tự tử mà Phan Khôi đổ

quê hương

Quê hương anh một dòng sông
Sớm hôm soi bóng mây hồng trôi sang
Bờ dề ngọn cỏ đầu làng
Con kênh nước lớn tràn lan lên bờ
Những chiều nắng dọi như mơ
Đầu dây tiếng mẹ ầu ơ bên nhà
Cầu tre em bước về qua
Áo bay lại có nắng tà đuổi theo
Lớn lên với gió ruộng nghèo
Mái tranh bếp rạ găng chèo chống qua
Thương anh ăn học gần xa
Tơ tằm mấy lứa ruộng nhà giúp thêm
Tiếng hò rớt xuống từng đêm
Bóng em hồn mộng êm đềm ngoài sân
Anh nghe chút xuyên xao gần
Sợ cha với mẹ nên ngần ngại thôi
“Ru con con ngủ cho muôi
để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu”
Em hò giọng lá giọng lời
Giọng vang quanh xóm nghe ời rất tình
Chừ anh xa xút xa mình
Chiều chiều ra ngóng mái đình làng xưa
Có em đi sớm về trưa
Riêng anh chốn lạ đầy đưa tháng ngày
Để em với luống hoa gầy
Ngõ sau đứng đợi trăng đầy mấy thu
Trăng đầy đã đến chín thu
Mà quê hương vẫn mịt mù bên kia.

huỳnh liễu ngạn



tội cho chế độ gia đình, Nguyễn Xuân Dương cũng thẳng thắn bài bác: “Xem ra giai vì tiêu một xu phải xin, đi một bước phải bầm, mà không muốn sống; gái vì nhân duyên, vì mang tiếng mà phải trầm mình, đó chẳng qua là sự nhỏ nhặt vì cảnh ngộ vì tình ái; là sự tự do về hình chất riêng từng người, không đáng kể. Sự nhỏ mà không nhẫn nại được, vậy ở đời sự tự do thuộc về quần chúng lớn lao hơn nữa, còn có lòng nhẫn nại đâu mà tiến thủ được du? Những người biết trọng cương thường thực không ai thế”.

Và ông đưa ra lời phán xét quả quyết: “Lời nói ông Phan Khôi thật là một lời nói làm hại cho nền danh giáo, cho nền đạo đức không biết là bao! Sai lạc hết cả cái tinh thần của nhà nho”.

Dù vậy, bài phản đối trên chưa đủ mạnh để áp đảo Phan Khôi vì nó chỉ có tính cách chống đỡ nhiều hơn là phản công.

Phan Khôi đang ở thế thượng phong, gặp sự chống trả yếu ớt như thế càng phấn khích, hăng hái viết tiếp ba bài nữa nói về chế độ gia đình.

Bài thứ nhất Phan Khôi trả lời Nguyễn Xuân Dương qua tựa đề *Lại nói về tam cang với ngũ luân*. Vì một bài phản đối trong *An Nam tạp chí*.

Cách chống trả của Phan Khôi là lùi một bước để tiến ba bước. Vì vậy mới đầu ông chấp nhận ông Nguyễn Xuân Dương viết bài phản đối là phải, nhưng ông lại lý luận: “Xem bài của ông Dương đây thì biết trong khi ông viết bài phản đối đó, chỉ mới xem bài trước của tôi mà thôi chứ chưa thấy đến bài sau. Tôi không hiểu: nếu khi ông ấy thấy bài sau của tôi rồi, thì ông có còn viết bài phản đối này không? Muốn hiểu sự này cũng không khó, cứ đợi đây coi thử có không thì biết. Nhưng trong khi ông nói thấy một bài trước thì ông viết vậy là phải, đăng bài của ông là phải”. Để rồi ông vạch cái hớ của đối thủ vừa vội vàng lên tiếng quá sớm, vừa nói chuyện vu vơ. Ông chêm ra mặt: “Bài của ông Dương, lý sự

hơi non nớt, có bài thứ hai của tôi rồi, thì cũng đủ đánh chánh những chỗ sai lầm trong bài của ông. Bởi vậy tôi bỏ qua đi mà không biện luận làm chi. Duy có chỗ ông giải nghĩa tam cang, càng sai lầm hơn nữa, tôi phải trích ra đây mà bác đi mới được. Ông vẫn cắt nghĩa chữ ‘cang’ là ‘giềng lưới’. Song sau lại, ông lại cho là ‘cái dây liên lạc’. Ông nói rằng: ‘Quân vi thân cang, phụ vi tử cang, phu vi thê cang’, nghĩa là: ‘Vua là cái dây liên lạc với tôi, cha là cái dây liên lạc với con, chồng là cái dây liên lạc với vợ’. Ông nói như vậy rồi ông lại tám tặc khen nó nữa. Cách đoạn ấy không xa, ông nói rằng: ‘Cái thuyết tam cang như thế rất là bình đẳng’.

“Tôi xin hỏi: Đã hiểu ‘cang’ là cái giềng lưới, là cái ôm lấy những mắc lưới, hễ nó giương ra thì mắc lưới cũng giương theo, nó xếp lại thì mắc lưới cũng xếp theo, thế thì biết nó là gì rồi, sao còn cắt nghĩa được là cái dây liên lạc? Nếu là cái dây liên lạc, thì nói được ‘vua là cái dây liên lạc với tôi’, há không nói được ‘tôi là cái dây liên lạc với vua’ hay sao? Nói được ‘cha là cái dây liên lạc với con’, há không nói được ‘con là cái dây liên lạc với cha’ hay sao?... Mà nếu nói được như cách sau đó thì đảo ngược lại, thành ra ‘thần vi quân cang, tử vi phụ cang’ cũng được sao? Cho nên ông dùng chữ ‘cái dây liên lạc’ để giải ý chữ cang, thật là khó mà trôi được vậy. Ông Dương cắt nghĩa quàng xiên, như vậy rồi khen là bình đẳng thì cũng phải!”

Ông Phan còn nhắc lại hai câu tục ngữ *Gươm vua thì xa, gươm cha thì gần* và *Gái có chồng như gông đeo cổ* để dẫn chứng về sự khắc nghiệt của chế độ gia đình do Tam Cang mà ra. Và cuối bài, đầy tự tin, ông lên mặt dạy đời ông Nguyễn Xuân Dương, luôn tiện máng khéo ông Tản Đà. Ông viết: “Về sau xin ông phải chú ý cho lắm trong khi viết văn, đừng để cho cái làm như vậy. Bài phản đối của ông đầu là hay đấy đi nữa mà bị một chữ ấy, kẻ bị

ông phản đối, nếu là tay thâm hiểm, họ sẽ bắt lấy một chữ đó rồi nói ông học chưa thuộc mặt chữ, không thêm biện luận với ông, có phải là mình chịu lép không? Cái cách ấy tôi thường thấy trong nhiều trận bút chiến. Nhưng tôi không có vậy đâu, tôi chỉ chỉ ra cho ông và luôn thể ông ‘chủ sự’ *An Nam tạp chí* thấy mà thôi” (*Phụ nữ tân văn* số 89, 2.7.1931).

Bài thứ hai, nhan đề *Tống nho với phụ nữ* cũng đăng trên *Phụ nữ tân văn* số 95, 13.8.1931, Phan Khôi kịch liệt đả kích Nho giáo đời Tống về việc cấm tuyệt người đàn bà goá chồng không được tái giá mà không châm chước cho một trường hợp đặc biệt nào, đến nỗi “chết đói là chuyện rất nhỏ, còn thất tiết là sự rất lớn”. Ông viết: “Theo lời Trình Tử đó thì đàn bà chết chồng đâu có nghèo nàn đến nỗi chết đói đi nữa cũng ở vậy mà chịu chết, chứ không được lấy chồng khác. Nếu lấy chồng khác thì là thất tiết. Mà thất tiết là tội nặng lắm không phải vừa”.

Nhưng việc đả phá Tống nho ông không bao trùm mà lại giới hạn. Ông viết: “Nói ‘Tống nho’ không phải nói tràn lan hết thảy đâu, khi nào nói như vậy, người ta thường chỉ vào phái Trình Tử, Châu Tử, tức là gọi phái đạo học hay lý học. Tôi nói đây cũng vậy, chỉ vào phái nho giả từ Trình Hy (sinh năm 1033) trở về sau mà chuyên trọng về một phương diện họ đối với phụ nữ thế nào”.

Thái độ của Phan Khôi đối với phái Lý học thật quyết liệt. Khởi đầu bài viết ông đã khẳng định: “Cái luật cấm cải giá là bất công vô đạo, cướp mất quyền lợi đàn bà mà không bổ ích gì cho phong hoá, nên phết đi là phải”. Và ở phần cuối bài, ông không ngần ngại cho rằng các Nho giả nhà Thanh có nhiều vị đã chỉ trích cái Lý học của Tống nho “đến nỗi họ cho cái lý ấy là đồ sát nhân, đồ ăn thịt người”.

Bài thứ ba, vẫn trên *Phụ nữ tân văn*, số 96 ngày 20.8.1931. Lần này Phan Khôi đả kích chế độ đại gia đình ở khía cạnh mẹ chồng nàng

dâu. Bài mang tựa đề *Một cái hại của chế độ đại gia đình: Bà gia với nàng dâu*.

Trong chế độ đại gia đình, thường có hai người dâu không cùng một thế hệ ở chung một nhà. Bà gia cũng là dâu nhưng dâu cũ, thuộc thế hệ trước, thế hệ dâu mẹ, lên chức mẹ chồng. Vợ của con trai mình mới cưới về, thuộc thế hệ dâu con, đang là phận nàng dâu. Theo Phan Khôi, hai thế hệ dâu ấy cùng ở chung trong một nhà là một tai hại vì có sự xích mích giữa mẹ chồng nàng dâu. Ông cho rằng tục lệ ấy không nên duy trì và chế độ đại gia đình phải dẹp bỏ.

Từ số 83 đến 96 *Phụ nữ tân văn*, Phan Khôi đã đăng 6 bài đả kích, trong có 1 bài động đến giống nòi, còn 5 bài kia thì xâm phạm đến Nho giáo. Có thể nói ông là người đầu tiên dám hạ bệ Nho giáo với một thái độ quá khích. Tất nhiên ông làm sao tránh khỏi sự nổi giận và buộc tội khắt khe của lớp người cũ còn đông đảo, đang tôn thờ Nho giáo.

Kết tội Phan Khôi

Tám tháng sau kể từ ngày đầu tiên xảy ra vụ bút chiến, Tản Đà đóng vai công tố, đăng bốn bài liền trên *An Nam tạp chí*, là bốn bản cáo trạng luận tội Phan Khôi và đồng thời cũng đóng vai quan toà tuyên án Phan Khôi trong vụ án văn học này.

Cáo trạng số 1, *Một cái nạn lưu hành ở Nam kỳ: Phan Khôi* đăng trên *An Nam tạp chí* số 26, 23.1.1932. Tản Đà xét đến những động lực xa gần khiến Phan Khôi viết ra những điều tầm bậy. Ông viết: “Sự hại đó, không phải là ông Khôi có định chí làm hại, chỉ là ông quá dụng sức về nhẽ ‘ăn cây nào rào cây ấy’, viết bài cho *Tân văn phụ nữ* thời chiều theo tâm chí của phần nhiều phụ nữ đó mà thôi. Phần nhiều phụ nữ tân thời này, muốn tự do, muốn giải phóng, ông Khôi phải giải phóng, phải tự do. Đối với các độc giả có được lòng, tờ *Tân văn* mới phát đạt; tờ *Tân văn* có phát đạt thời giá mua bán bài mới cao. Tờ *Tân văn* được lòng độc

giả vì ai, thời giá bài của người ấy mới đắt. Huống chi chủ nhân là Mme Nguyễn Đức Nhuận cũng lại là một vị độc giả phụ nữ tân thời. Ngoài chiều ý người mua bài. Ông Phan Khôi mới hết sức viết những lời tầm bậy. Lời tầm bậy đã in lên báo, thời chiều ai mà tức thị là ai. Đó là do tâm tình mà những lời viết báo của ông Phan Khôi thành ra làm hại cho phụ nữ lưu vậy”.

Tản Đà ví Phan Khôi như con ngựa hay mà không được người tài đức cầm cương vững (trách ông Phạm Quỳnh chủ trương báo *Nam Phong*, chê ông Huỳnh Thúc Kháng chủ trương báo *Tiếng dân*) đã để cho con ngựa hay ấy xô chuồng nên mới lọt vào tầm tay của bà Nguyễn Đức Nhuận. Vì thế ông Phan đã dùng cái tài học của mình phục vụ cho tờ *Phụ nữ tân văn*, viết ra những điều tầm bậy, gây nên hậu quả nghiêm trọng: “Ác vì ông Khôi là người có tài học, cho nên về phần ông thời lấy sức tài học mà viết, về phần độc giả thời tin ở tài học của ông mà nghe, mới thành ra cái nạn ‘Phan Khôi’ lưu hành lai láng ở xã hội ta vậy”.

Rồi ông bố cáo rằng những bài viết của Phan Khôi trên báo *Phụ nữ tân văn* phát hành trong Nam, chính là những viên thuốc độc bọc đường cho đám nữ lưu hai miền Trung Nam. Ở ngoài Bắc không bị ảnh hưởng “cái nạn Phan Khôi”, nhưng vì tình nghĩa đồng bào nên “toà soạn báo *An Nam* không thể thấy thế mà điềm nhiên”, phải lên tiếng tiêu trừ cái nạn ấy.

Cáo trạng số 2, *Bài trừ cái nạn Phan Khôi ở Nam kỳ* đăng trên *An Nam tạp chí* số 29, 20.2.1932.

Theo Tản Đà, Phan Khôi có tội “làm hại nữ lưu”, nhưng tội ấy còn nhẹ so với tội thứ hai mà ông phạm phải. Đó là tội “đại bất kính” vì dám đem bốn chữ “con rồng cháu tiên” ra mỉa mai, chế giễu, nặng tội với quốc dân và thủy tổ cả nước: “Trong *Phụ nữ tân văn* đăng bài ấy của ông Phan Khôi, dưới cái đầu đề in chữ to là ‘cái cười của con rồng cháu tiên’, lại có một dòng cũng là đầu đề

mà in bằng chữ nhỏ hơn là: ‘Một cảm tưởng trong khi đọc *Cay đắng mùi đời*’. Cứ như hai dòng chữ đầu ấy nhận ra cái gian tính của ông Khôi đã phơi trắng ra ở mặt giấy. Đó là ông muốn cổ động cho cuốn tiểu thuyết *Cay đắng mùi đời* ấy, mà ông mượn bốn chữ ‘con rồng cháu tiên’ làm quảng cáo cho cuốn tiểu thuyết kia, mà lại đem những giọng mỉa mai, lời giễu để đối với bốn chữ ấy”.

Chỉ có cái cười vô ý thức của người dân quê lúc dân trí chưa được mở mang mà ông Phan Khôi vội cho rằng xứ người toàn là văn minh, rồi lôi bốn chữ ‘con rồng cháu tiên’ ra chế giễu giống nòi dân tộc mình trong lúc nước nhà đang gặp vận không may thì thật là quá đáng. Tản Đà viết: “Dân tộc ta kể từ sau đời Hùng Vương, cũng đã nhiều lừng lẫy, như những hời Lý Thường Kiệt đánh Tống, Trần Hưng Đạo phá Nguyên, Lê Thái Tổ bình Ngô, Nguyễn Quang Trung trừ Thanh. Đương những lúc như ấy thời trong quốc dân ta, ‘con rồng cháu tiên’ chắc không có ai kể xấu nhau về tiếng nói câu cười. Bụt nhà đến lúc không thiêng, thằng nhỏ chân trâu mới dám lấy gai mà chọc mắt”.

Ông kết luận: “Cứ cái tội án Phan Khôi do ở bài *Cái cười của con rồng cháu tiên* về phần tội sơ thẩm như thế, nghĩ nên kết theo lối Thân Đồ Gia bảo Đặng Thông: ‘Đại bất kính. Dương trăm!’”. Duy trong luật lại có điều trăm giam hậu. Nghĩa là kết tội chém nhưng còn giam đó, để đợi quyết. Vậy cái tội Phan Khôi, xin nghĩ kết trăm giam hậu. Một là để đợi quyết. Hai là để trong quốc dân ta, ai có vì Phan Khôi thân oan. Phan Khôi có tự lấy mình làm oan, xin cứ hết lời thân oan”.

Cáo trạng số 3, *Bài trừ cái nạn Phan Khôi ở Nam kỳ*, nhưng có thêm hàng chữ: Cùng bài *Tống Nho với phụ nữ* (trong ngoặc đơn) đăng ở *An Nam tạp chí* số 34.

Tản Đà hạch tội Phan Khôi về việc xúc phạm đến Tống nho. Ông viết: “Còn như đối với sự cải giá của đàn bà, xưa nay dù vua chúa, dù

thánh hiền, chỉ có khuyên người ta giữ được đạo trinh tiết, là đáng quý, đáng chuộng, chớ chưa từng có điều luật, kinh điển nào dám nói rõ 'cấm bắt đắc cái giá' bao giờ".

Tản Đà trích lại cả đoạn Phan Khôi đã dịch từ sách Tống nho để dẫn chứng. Ông viết: "Cứ nguyên văn một đoạn trong sách chữ Hán như trên mà ông Khôi dịch nghĩa ra như thế, là đúng. Dịch nghĩa đã đúng mà nhận nghĩa sao lại còn sai? Chỉ là ông Khôi cố ý buộc lỗi cho Trình Tử, cho nên lời luận lý thành ra khiên cưỡng mà không chánh đáng vậy".

Ở một đoạn khác, Tản Đà nhắc lại: "Nay ông Khôi đã dẫn dịch câu ấy như thế, mà buộc chặt cho Trình Tử rằng 'Cấm tiết đàn bà không được cái giá', thực là vu hãm tiền hiền".

Cũng theo Tản Đà, sự thủ tiết là một "phong hoá tuyệt thanh quý" do từ thượng cổ truyền lại "gốc ở trong kinh Dịch nẩy mầm ra, đời đời nối tiếp vun bồi". Ông Trình Tử và Chu Tử đời Tống chỉ làm cái việc kể tục bảo tồn "phong hoá tuyệt thanh quý trong nhân loại. Nay Phan Khôi dám cho những sự đó là đàn bà chịu sự thiệt thòi, mà lại qui cái ảnh hưởng trực tiếp là chịu của Tống nho thực là loạn ngôn hoặc chúng".

Cáo trạng số 4, cũng cùng đầu đề như cáo trạng số 3, đăng ở *An Nam tạp chí* số 37, 16.4.1932. Lần này Tản Đà bác bỏ hai luận lý cuối cùng của Phan Khôi và tuyên bố hình phạt để kết thúc vụ án:

"Ông Khôi chỉ biết có hai việc ảm thực và nam nữ là tính trời sinh, mà không biết tính trời sinh của người ta không những chỉ là hai việc ảm thực, nam nữ đó". Bởi vì, theo Tản Đà, ông Khôi chỉ cắt bốn chữ "thực sắc tính dã" trong sách Mạnh Tử dẫn chứng để làm căn cứ cho luận lý của mình, mà cố lờ đi lời Mạnh Tử còn nói nhiều về tính trời sinh của con người.

Rồi ông dẫn dịch lời Mạnh Tử giảng giải về tính trời sinh như sau: "Miệng người ta nói với cái vị ngon,



mắt với cái sắc đẹp, tai với cái tiếng hay, mũi với cái mùi thơm, bốn chân tay với sự yên thủ nhàn rỗi, đó là tính. Vậy mà có Mạnh: người quân tử không bảo nó là tính.

"Người quân tử mà kể là tính, thời như: điều nhân, điều nghĩa, điều lễ, điều trí, gốc rễ ở trong lòng. Mà những cái đó phát hiện ra bên ngoài, lờ lờ trông thấy ở trước mặt, nảy nức ở sau lưng, rung rinh cả ở bốn chân tay (quân tử sở tính, nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm. Kỳ sinh sắc dã, thúy nhiên ư diện, áng ư bối, thi ư tứ thể).

"Cái kiến giải của ông Mạnh Tử đối với cái tính trời sinh của người ta, rộng lớn cao quý là như bao! Càng đủ thấy hai việc ảm thực và nam nữ của người đời, tuy cũng là do cái tính trời sinh, mà địa vị giá trị của nó thật là hèn thấp nhỏ bé vậy".

Nhưng, theo Tản Đà, Phan Khôi viết cho *Phụ nữ tân văn* nên: "Ông mang một cái cảm tưởng chú trọng ở 'kiếm hột cơm bỏ vô miệng', phát ra làm những lời ngôn luận cố ôm nâng quyền lợi của đàn bà con gái, mà coi xem cái đạo làm người rất là rẻ rúng, không còn giá trị một chút chi. Chữ 'tiết' thuộc về đạo đàn bà con gái, nếu chỉ đáng đem mà quăng

tuyệt lộ

Làm sao chuộc mạng con ơi
Một lữ lái người
nhốt bố con mình trong ngục lửa.
Biết tìm đâu ra cửa
thoát thân
Với những cặp chân
quá ngắn
và những bàn tay trắng.

Làm sao chuộc mạng con ơi
Một lữ quỷ mặt người
say máu
Nhai rau rầu
những bộ xương còm
Mồm chúng đỏ lòm
máu con máu bố
máu đồng bào ta tận cùng đói khổ.

Làm sao chuộc mạng con ơi
Đành mất kiếp người
Biến thành kiếp thú
Đời con như nụ
không bao giờ nở hoa
Đời bố như thân cây già
xiêu vẹo
chờ ngày khô héo.

Làm sao chuộc mạng con ơi
Làm sao ta tìm thấy trời.
ở trong địa ngục
Làm sao ta được chúc phúc
khi vũ trụ chẳng có thiên thần
Làm sao ta tìm được chỗ dung thân
khi lòng người tình thương khô cạn
Khi cánh tay trời rất ngắn
Khi vòng tay quỷ thật dài!

đổ thì kênh g.

đi thời hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ của đàn ông con trai, cũng đều là những chữ dư thừa, còn cần chi giáo dục làm chi vậy".

Nhấn mạnh đến hậu quả nghiêm trọng của việc Phan Khôi làm, Tản Đà viết: "Cứ mấy lời luận lý của ông Khôi, nếu không hết sức bài trừ mà để ông được hành những cái gian, cái ác, cái tiểu nhân, thời nay ông đã

viết ra bài này, mai ông chắc viết ra bài khác, ngấm ngấm truyền bá vào trong tâm lý một số người trong xã hội, xui khiến cho gái bĩ trình tiết, trai bỏ trung hiếu, phạm những cái tốt đẹp trong đạo làm người như nhân, từ, tín, hậu, lễ, nghĩa, liêm, si đều bị những lời luận lý vô đạo ấy làm cho đến mất hết giá trị”.

Nếu qua các bản cáo trạng trên, Tản Đà đóng vai công tố buộc tội Phan Khôi, thì giờ đây, một lần nữa, ông đóng vai quan toà trình trọng tuyên án:

“Hợp hai bài bài trừ, *An Nam tạp chí* số 34 và 37 đây, thời Phan Khôi viết bài *Tống nho với phụ nữ* đăng trong *Phụ nữ tân văn* số 95 ra ngày

rẽ lối thu về

*Hình như xa lắm nhưng còn nhớ
Hễ thấy thu sang lòng lại buồn
Mỗi khi nghe gió than rất nhẹ
Là có cơn mưa ở cuối đường.*

*Hình như ai đó mười năm cũ
Nhẹ gót ngang nhà buổi chớm thu
Sau lưng chiếc lá vô tình rụng
Thăm hỏi em qua có thẩn thờ.*

*Nước sông thu ấy dâng thật lớn
Cuốn cả thư tình ra đại dương
Bàn tay em mỏng như tờ giấy
Vết lá ghi ngày rồi tiếc thương.*

*Hình như năm đó em rất trẻ
Mỗi sáng đôi lần dưới hàng me
Mùa thu lá rụng em đưa nón
Hứng nổi chia ly để mang về.*

*Bao năm cách biệt thu còn tới
Lá vàng muôn thuở vẫn buồn thôi
Khách xa đi mãi chưa quay lại
Đã thấy men thu giữa môi người.*

*Hình như cơn gió nay còn giận
Đất trời khéo nhuộm cảnh phù vân
Hạt mưa bay lá bên vườn mộng
Rẽ lối thu về cho thi nhân!*

nguyễn sĩ long

13 Août 1931 tức là kẻ có tội với danh giáo:

1. Vu hãm tiền hiền
2. Loạn ngôn hoặc chúng
3. Bại hoại phong hoá.

“Nay, chiếu theo hình luật ở Á Đông từ đời vua Thuấn mới đặt, có minh văn trong kinh Thư rằng: ‘Phốc tác giáo hình’, nghĩa là ‘cái roi dùng làm hình phạt thuộc về sự giáo huấn’. Cứ Phan Khôi về tội danh giáo, vậy nên dùng roi để trừng.

“Chiếu theo các trường dạy học chữ Nho của ta khi xưa, phạm học trò dốt đọc không thuộc, hoặc có tội vô lễ, thời bắt nằm sấp xuống đất, đánh ba roi.

“Chiếu theo pháp lý Á Đông, làm tội người trọng đem ra ở chợ, để cùng có công chúng dự biết. Cứ Phan Khôi về tội danh giáo, nên đánh đòn ở trước sân Văn miếu, để

hoài âm

*Chiều vàng mang niềm nhớ
Ru nhẹ dư âm xưa
Hoài âm theo nhịp thở
Thiên thu vẫn đứng chờ*

*Người đi qua đầu núi
Nhìn lại đã xa xăm
Một lần trăng rung động
Là thấu suốt chân không*

*Rừng chưa xưa nổi nhớ
Đất còn động tâm mơ
Nợ ba đào non nước
Thiên thu mãi mịt mờ*

*Sao cây chưa trụi lá
Sông chưa hết nước nguồn
Về đâu dòng lệ cuốn
Trôi biệt cánh hải đường.*

*Trời mơ nào trở lại
Rừng có trở mầm xanh
Ý nào mòn tâm thức
Thiên thu nặng chênh vênh.*

trương chi

trên có các vị tiên thánh, tiền hiền cùng giám lâm, dưới có các nho sĩ phu trong phái Hán học cũng được dự biết.

“Cứ các lễ đã sơ thẩm như trên, xin nghị kết Phan Khôi phải chịu ba trăm roi đòn, chia đánh ba nơi:

1. Đánh trước Văn miếu Thăng Long là nơi gốc văn vật của sự học nho của nước ta từ triều Lý.

2. Đánh ở Huế, là nơi thủ phủ xứ Trung kỳ.

3. Ở Quảng Nam, là nơi chốn của tội nhân sinh trưởng học tập.

“Ngoài các tội án Phan Khôi đã nghị kết, chiếu theo thường luật có bắt tội oa chủ, vậy những điều tiền phí giải Phan Khôi từ Nam ra Bắc, cho lại về Huế, về đến Quảng Nam do ban trị sự của *Phụ nữ tân văn* phải trích tiền quỹ của báo quán ấy mà cung cấp”.

Còn “tội đại bất kính”, sơ thẩm có bản án “trảm giam hậu”, Tản Đà cũng tuyên bố: “Giở lên các điều án nghị theo như lệ nghị kết về bài Phan Khôi viết *Cái cười của con rồng cháu tiên* riêng bản án này, trên có toà thượng thẩm riêng xét về danh giáo là toàn thể sĩ phu phái Hán học trong nước sẽ cùng phúc thẩm, dưới có tội nhân và oa chủ, ai có muốn thân oan, cứ được hết lời thân oan”.

Khi khởi đầu loạt bài viết hạ bệ Nho giáo, Phan Khôi đã lường trước phản ứng dữ dội của lớp người sùng thượng Nho giáo. Ông viết: “Tam cang là một cái xã hội ta bấy lâu phong làm thần thánh, coi như khuôn vàng thước ngọc, là cái mà không ai dám nói động đến, cũng không ai nỡ nói động đến. Vậy mà nay tôi khống cáo nó, đổ lỗi cho nó, đến nỗi buộc nó vào tội như là thủ phạm gây ra sự áp chế tàn nhẫn trong gia đình, thì há chẳng phải làm cho có kẻ lắc đầu le lưỡi mà lấy làm quái lạ sao? Hay là có kẻ nghiêng răng dựng tóc mà vì nó tức giận sao? ‘Vào thầy ra tớ’ (Hàn Dũ nói: Nhập giả chủ chi, xuất giả nô chi), ấy là cái tâm lý phổ thông trong cõi học

thuật tư tưởng xưa nay, tôi cũng đã liệu thấy trước rồi, có lẽ nào tôi chỉ nói tắt ngang có bấy nhiêu lời, không giải bày rõ hơn, hầu cho kẻ lấy làm lạ đừng lấy làm lạ nữa, kẻ tức giận đừng tức giận nữa”. (Lại nói về *Tam cang* với *Ngũ luân*, *Phụ nữ tân văn* số 89, 2.7.1931).

Biết sẽ gặp phản đối mạnh nhưng đây tự tin về trình độ luận lý của mình, Phan Khôi nghĩ rằng có thể thuyết phục được phe cũ, tức là những người sùng thượng Nho giáo. Và nếu gặp đối thủ, ông tin rằng có thể áp đảo được.

Nhưng dự tính của Phan Khôi chỉ đúng có một phần. Đó là việc ông “đánh” phủ đầu Nguyễn Xuân Dương, thu về chiến thắng vẻ vang. Nhưng cũng chính vì say men chiến thắng, Phan Khôi trở nên chủ quan, khinh địch, khiêu khích Tản Đà qua đoạn dạy đời Nguyễn Xuân Dương mà lại mắng xéo ông “chủ sự” báo *An Nam tạp chí*.

Qua bốn bài cáo trạng với lý luận chặt chẽ của Tản Đà, Phan Khôi không còn cái phong độ vênh vác như lần ra quân gặp đối thủ Nguyễn Xuân Dương. Ông đuối lý im lặng.

Nhưng liệu Phan Khôi đã hoàn toàn chịu thua chưa khi Nguyễn Tiến Lãng đăng bài bình phẩm *Cái nạn Phan Khôi ở Nam kỳ* trên báo *Trung Bắc*?

Thưa không. Phan Khôi chỉ nề Tản Đà nhưng “ăn miếng trả miếng” ngay với Nguyễn Tiến Lãng, qua bài *Ôi cũng là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng* đăng ở tờ *Đông Tây* số 160, 6.4.1932.

Ngay từ đầu, Phan Khôi đã trêu chọc Nguyễn Tiến Lãng rồi. Ông cho rằng cái học của ông Lãng chưa thấu đáo, nên mới “vào lỗ tai ra lỗ miệng”, vì đã dùng sai chữ *Polémique*. Theo Phan Khôi, “chưa tự cãi lại ông Hiếu (tức Tản Đà) thì chưa coi được là có *Polémique*” và ông nói “Tản Đà bẻ tôi, tôi đáp lại mới là *Polémique*”.

Nguyễn Tiến Lãng viết bài trả lời ngay, dưới hình thức một bức thư gửi cho ông Hoàng Tích Chu, chủ bút

báo *Đông Tây* nhờ đăng trên mặt báo, nhưng thư ấy báo *Đông Tây* không đăng, ông bèn gửi cho *An Nam tạp chí* và được đăng vào số 38, 23.4.1932:

“Nếu Phan Khôi có được chút tây học, sẽ hiểu rằng *Polémique* là cãi nhau chung quanh một hoặc vài ý kiến, mà người cãi nhau dù là ai, mặc dầu, ông Hiếu viết ông Khôi trên đàn ngôn luận, bè bạn Phan Khôi đứng lên kêu, đó là một cuộc cãi lẽ vì ý kiến Phan Khôi, đó là *Polémique*. Phan Khôi có biết tra tự vị chữ Tây, giở cuốn *Litré* ra mà coi... Hoặc Phan Khôi tự phụ hiểu chữ Tây hơn cả các nhà văn sĩ, cùng Hàn lâm viện nước Pháp, tôi sẵn lòng coi Phan Khôi là có bệnh về tinh thần, mà cho va mặt sức... nói láo”.

Cho Phan Khôi là người lỗ mãng, Nguyễn Tiến Lãng viết: “Tôi là tôi, cho nên đối với Phan Khôi mà nhờ khen chê của tôi, tôi cũng bắt buộc nó giữ lấy nếp văn nhả.”

“Phan Khôi là Phan Khôi, cho nên bao nhiêu nhờ Phan Khôi đối phó với tôi, phần nhiều quá đáng, nhưng tôi há chẳng hiểu cái nhẽ: người làm sao, văn tất phải làm vậy (*le style, c'est l'homme*). Tôi trách Phan Khôi làm chi?”

Cuối bài, Nguyễn Tiến Lãng trích đoạn cuối bài *Ôi cũng là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng* của Phan Khôi để trả lời trực tiếp họ Phan và làm đoạn kết cho bài viết của mình.

Phan Khôi: “Ai không biết đến đầu đến đuôi đâu hết, thấy bài Nguyễn Tiến Lãng nói như vậy rồi tin đi, ắt phải cho Phan Khôi là người bậy bạ. Hoặc giả Nguyễn Tiến Lãng dụng tâm như thế chẳng? Ông Nguyễn Tiến Lãng nên hỏi ngộ liên, đừng còn nhỏ tuổi mà lập tâm bất chính như vậy rồi sau sẽ hỏng!”

Nguyễn Tiến Lãng: “Phan Khôi bậy bạ hay không bậy bạ, xã hội đã thừa rõ rồi cho nên Lãng này chẳng cần nói thêm. Nếu chỉ vì có một lời nói của Lãng mà xã hội từ trước vẫn nhằm về Khôi, đến nay mới biết Khôi là người như thế nào, thì dù uất

bởi ngòi bút này mà phải lớn tiếng, nhưng Nguyễn Tiến Lãng cũng rất vui lòng vì đã làm được một việc ích. Ông Phan Khôi nên hỏi ngộ liên, tuy đã già đời, nhưng cũng còn thì giờ cãi tà qui chính, một đời chưa đến nỗi hỏng tất cả. Đối với tôi nói thế là đủ, sau này mặc cho Khôi lớn tiếng, xin để xã hội nghe cáo trạng của thi sĩ Tản Đà mà cùng cười với tôi”.

Một người nữa đứng về phe Tản Đà, Văn Bàng, cũng lên tiếng đả kích Phan Khôi. Nhưng Văn Bàng không đả động gì đến chuyện “con rồng cháu tiên” hay Tống nho. Ông chỉ đề cập thái độ bất nhã của Phan Khôi trong lúc bút chiến với Nguyễn Tiến Lãng.

Trong bài *Tôi thất vọng về ông Phan Khôi*. *Ôi! Cũng vẫn còn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng* đăng trên *An Nam tạp chí* số 39, 30.4.1932, Văn Bàng viết: “Sự thất vọng của tôi về ông Phan Khôi là do ở cái cách xưng hô bất lịch sự của ông đối với ông Nguyễn Tiến Lãng, cái cách xưng hô đó đã tỏ ra rằng ông Phan Khôi không nhớ cái lễ độ của học giả và quên mất cái thuyết ‘vô bất kính’ của làng nho.”

“Vậy, tôi cứ theo như cái sự ngay thật người luận biện phải giữ mà kể cái cách xưng hô của ông Phan trên tờ *Đông Tây* số 160 như sau này: Bắt đầu ông viết ‘Ông Nguyễn Tiến Lãng’ sau đến ‘Lãng ta’ sau đến ‘va’ sau đến ‘Tiến Lãng’ sau lại ‘ông Nguyễn Tiến Lãng’, ‘Nguyễn Tiến Lãng’ và ‘Lãng’ trống trơn...”

“Không những riêng cách xưng hô bất lịch sự đó, ông lại còn mở cuốn ‘tự vị riêng’ mà dùng những tiếng ‘xỏ lá, ba que’ (xin lỗi độc giả tôi cũng không hiểu nghĩa rõ) trên bài luận thuyết tràng giang đại hải của ông. Như vậy thật là thiếu cái vẻ lễ độ đối với công chúng nữa”.

Phần cuối, Văn Bàng thừa nhận Phan Khôi bẻ lý về chữ *Polémique* rất đúng, nhưng lại tiếc ông thiếu đức tính “lễ nhượng và khiêm tốn thì cái học của ông Phan Khôi thật

chẳng có tâm đắc gì hết. Ông viết quốc văn có tài thật song chỉ có tài văn tự đó thôi, những chữ ‘tiểu nhân, quân tử, học giả, tăng tử’ vào lỗ tai Phan tiên sinh từ hồi tiên sinh còn cấp sách theo thầy, rồi nó chọn cái lúc ra được thì nó ra từ lỗ miệng tiên sinh là lúc bấy giờ, là lúc tiên sinh viết báo, chứ chẳng có cái gì giỏi hết”.

Và ông kết bằng câu: “Tôi rõ thất vọng về ông Phan Khôi. Và tôi xin vì ông Phan Khôi mà than rằng: Ôi! Cũng vẫn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng”.

Câu này cũng là câu kết thúc cuộc bút chiến kéo dài 11 tháng qua.

Nhận xét

Vụ án nghiêm trọng, không phải tại bản chất của nó, nhưng vì cả hai phe (nhất là phe cũ) thấy đối thủ của mình quá tai hại, cần phải loại trừ càng sớm càng tốt, nên đã trở thành to chuyện.

Phe mới chỉ có một mình Phan Khôi đơn thương độc mã xông xáo nơi trận tiền. Hoàng Tích Chu, chủ bút báo *Đông Tây*, từng gọi Phan Khôi là Leon Daudet của Việt Nam, dù có cảm tình với tư tưởng mới mẻ của Phan Khôi, cũng không dám ra mặt tiếp ứng bạn.

Phát xuất từ lòng yêu dân tộc, nóng lòng muốn xây dựng một xã

hội Việt Nam lúc ấy sao cho mau theo kịp đà văn minh Tây phương, chủ trương của họ Phan là làm sao cho dân trí được nâng cao, từ đó tiến dần từ bình đẳng đến dân chủ, tự do và độc lập. Vì vậy ông có những tư tưởng rất mới như xoá bỏ mặc cảm tự tôn, lúc nào cũng khoe khoang giống Lạc Hồng, con rồng cháu tiên, bốn ngàn năm văn hiến...; đã phá thói quen ỷ lại vào tổ tiên, giống nòi; khuyến khích tự lập và đổi mới để theo kịp đà tiến bộ của Tây phương.

Phan Khôi cũng có những tư tưởng táo bạo, dám hạ bệ Nho giáo. Ông chê Khổng Tử và Mạnh Tử thiếu óc lý luận khoa học qua bài *Mời Trần Trọng Kim tiên sanh đi với Khổng Tử, Mạnh Tử đến nhà M. Logique chơi, tại đó, chúng ta sẽ nói chuyện* (*Phụ nữ tân văn* số 63, 31.7.1930). Ông đã phá thuyết Tam Cương của Hán nho, bài bác việc cấm tảo giá của Tống nho, chống chế độ đại gia đình của Nho giáo...

Việc đòi hạ bệ Nho giáo của Phan Khôi còn đi trước cả nhóm cấp tiến Tự Lực Văn Đoàn. Với những tư tưởng mới lạ và táo bạo trên, cộng thêm sự quá khích như việc chối bỏ lòng tự hào dân tộc, tất nhiên Phan Khôi phải bị phe cũ không tiếc lời đã kích và gắt gao lên án.

Về phía phe cũ, đội ngũ rất đông đảo. Họ chống lại phe mới cũng chỉ

vì lòng yêu nước, bênh vực dân tộc một khi tự ái dân tộc bị tổn thương. Đối với họ, cần phải có lòng tự tin, đoàn kết và ổn định để cứu vãn tình trạng quốc gia lâm nguy, đất nước bị xâm chiếm, dân tộc bị nô lệ. Họ đau lòng trước cảnh ngọn cờ Cần Vương tàn lụi: Vua Hàm Nghi bị bắt tại chiến khu Quảng Bình (1888), vua Thành Thái bị truất phế (1907), vua Duy Tân bị bắt tại chùa Thiên Mụ, Huế (1916). Một số quan lại chạy theo quyền lợi cá nhân, kết thân với Pháp, sẵn sàng làm tay sai cho ngoại bang.... Phe cũ muốn phục hồi kỷ cương của Nho giáo đang bị nền văn minh vật chất của Tây phương làm băng hoại. Đối với họ, đất nước có kỷ cương, xã hội có trật tự là sức mạnh để chiến thắng kẻ thù đang ỷ vào sức mạnh vật chất để xâm chiếm nước ta.

Từ quan niệm đó, phe cũ nhìn Phan Khôi như một kẻ “phá hoại” đất nước, một kẻ có tài nhưng phạm nhiều trọng tội như “đại bất kính, vu hãm tiên hiền, loạn ngôn hoặc chúng, bại hoại phong hoá” (các bản cáo trạng của Tản Đà); một người mất cái “lễ độ của học giả, lễ độ đối với công chúng” (Vân Bằng). Vì vậy họ khép án Phan Khôi rất nặng, đòi “trảm giam hậu”, đánh đến “300 roi đòn, chia đánh ở ba nơi” và cùng nhau ra sức bài trừ “cái nạn Phan Khôi ở Nam kỳ” để cứu nguy dân tộc.

Tóm lại, cuộc bút chiến xảy ra giữa hai phe cũ và mới này cùng bắt nguồn từ lòng yêu nước, lòng lo lắng đến dân tộc và muốn cải thiện xã hội Việt Nam lúc bấy giờ của cả hai phe. Tiếc rằng họ đã không hiểu nhau vì mỗi bên chỉ đứng ở một đầu cân mà nhìn sự việc. Tất nhiên lỗi phán xét ấy phải thiên lệch. Từ đấy xảy ra cuộc xung đột mà chiến trường là những trang báo của bốn cơ quan ngôn luận gồm *Phụ nữ tân văn*, *An Nam tạp chí*, *Đông Tây*, *Trung Bắc*. Và cuộc xung đột ấy đã để lại cho nền văn học Việt Nam một vụ án có cái tên khá thú vị, đó là vụ án văn học Con Rồng Cháu Tiên. ●

tịch mịch

Ta biết thời gian là hữu hạn
Không gian là bí mật mênh mông
Tình yêu chợt đến rồi đi khuất
Mà vẫn tương tư một bóng hồng.

Bởi yêu là hiến dâng vô hạn
Ta đã trao người chẳng tiếc chi
Người trả lại ta niềm lạnh nhạt
Mùa xuân hờ hững đã thiên di

Mây nước phải chăng là định mệnh
Muôn đời chẳng tới được gần nhau
Vầng trăng huyền mộng ngoài khung cửa
Đường cũng “mang mang vạn cổ sầu”.



Ta vẫn một mình ta tịch mịch
Xem đời hư ảo tựa phù vân
Thời gian đã mất không về lại
Hạnh phúc xa vời với thế nhân!

hồ công tâm



Phong-Trào Văn-Đoàn ở Nam-Kỳ Thời Tiền-Chiến

Xuân Tước

Nói đến phong trào thi văn ở Nam kỳ thì ai cũng biết tiếng thi sĩ Đông Hồ và nữ sĩ Mộng Tuyết. Đông Hồ tên thật là Lâm Tấn Phát, sinh năm 1906, từng viết cho *Nam Phong tạp chí* do Phạm Quỳnh chủ trương. Mộng Tuyết tên thật là Thái Thị Út, sinh năm 1914 tại làng Mỹ Đức, Hà Tiên. Đây là hai người đã đi tiên phong trong phong trào thi văn ở Nam kỳ.

Sau Đông Hồ và Mộng Tuyết, mãi đến năm 1939, mới thấy xuất hiện những hoạt động về thi văn của giới trẻ ở Nam kỳ. Giai đoạn 1939-1945 được xem là “thời tiền chiến”, nghĩa là thời mở đầu cho công cuộc đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi nước ta. Từ năm 1939, khi Pháp thua Đức ở chính quốc thì thực dân Pháp ở Đông Dương cũng suy yếu. Rồi Nhật đổ bộ lên Đông Dương càng làm thế lực Pháp ở vùng này giảm

dần. Nhờ thế mà giới trẻ từ Trung Nam Bắc đều đứng lên mở đầu cho một phong trào yêu nước thật sôi nổi.

Nam kỳ nằm trong chế độ thuộc địa nên dân Nam không bị hai tầng đè nén như dân Bắc và Trung kỳ trong chế độ bảo hộ. Trước thế lực suy yếu của thực dân Pháp, giới trẻ Nam kỳ lần lượt đứng lên, bằng cách này hay cách khác. Dân Nam bắt đầu chú trọng đến phong trào phát triển chữ quốc ngữ để phổ biến tư tưởng, nói lên nguyện vọng và tình cảm của mình. Với ý thức này, các nhóm trẻ ở Nam kỳ đề xướng việc tổ chức các văn đoàn.

Thời đó, Sài gòn chỉ có hai tờ nhật báo lớn là tờ *Diễn tiến* của Lê Trung Cang và tờ *Sài gòn* của bà Bút Trà. Đây là môi trường hoạt động của các văn đoàn ở Nam kỳ. Hai trang đặc biệt dành cho họ là trang Văn chương và trang Phụ nữ. Giới trẻ Nam kỳ rất thích hai trang báo này, tìm đọc và góp phần bài vở. Báo được gửi đi khắp nơi nên sức phổ biến rất mạnh.

Gia Định là tỉnh số một của Nam kỳ và cũng là nơi mà phong trào thi văn được chú ý nhiều và trước nhất.

Nhờ lợi thế ở gần Sài gòn nên giới trẻ ở Gia Định được đọc báo nhiều nhất. Rồi từ chỗ đọc báo đến viết báo cũng không xa.

Gia Định phát cờ tiên phong với việc tổ chức Hợp Quần văn đoàn. Nhà văn An Khê Nguyễn Bính Thịnh viết về văn đoàn này như sau: “Trọng Tâm Trần Xuân Nam lúc bấy giờ chủ trương một Hợp Quần văn đoàn, qui tụ những bạn trẻ yêu thơ văn ở vùng Sài gòn-Gia Định, Chợ Lớn lại, liên kết làm một khối. Cứ mỗi đầu tháng vào ngày chủ nhật, Hợp Quần văn đoàn được phép hội họp tại nhà ông Huyện hàm Trần Xuân Nguyên ở Gia Định (đường Hàng Thị) để đọc văn, ngâm thơ, bàn luận chuyện văn chương. Những người chủ biên báo viết tay nơi các trường trung học Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định đều có mặt. Có chủ nhật số người về tham dự đến 40, 50 người, ồn ào, náo nhiệt, vui vẻ” (trích *Một câu chuyện vườn đào kết nghĩa* của An Khê). Văn đoàn Hợp Quần phát triển mạnh nhờ qui tụ được nhiều bạn thi văn không những có lòng với văn chương Việt Nam, mà còn có lòng với đất nước.

Cầm đầu Hợp Quần văn đoàn lúc

ấy là anh Trần Xuân Nam, bút hiệu Trọng Tâm. Anh Nam xuất thân từ một gia đình văn chương nổi tiếng. Ông ngoại anh là cụ Nguyễn Chánh Sắt nổi tiếng một thời qua các truyện Tàu dịch đăng trên các báo *Phan Yên*, *Nông cổ mín đàm*, *Nữ giới chung*... Anh Nam tính người điềm đạm, ôn hoà nên được anh em rất mến. Về sau anh tham gia kháng chiến, ra Bắc rồi về lấy vợ ở Tuy Hoà.

Người có thơ đăng báo nhiều nhất thời đó là Bùi Ái Quốc. Anh Quốc về sau tham gia chính trị, bị Pháp bắt và đày đi Côn đảo. Được trả tự do năm 1945, anh về Sài Gòn làm thông dịch viên cho Pháp. Nhưng sau đó Pháp biết được lý lịch, bèn cho người hạ sát anh.

Hai người thuộc nhóm "Đào viên kết nghĩa" với anh Nam, thứ nhất là Nguyễn Thành Long bút hiệu Hằng Giang. Anh Long trong thời tranh tối tranh sáng đã về ở với nhóm Bình Xuyên rồi bị nhóm này âm mưu sát hại. Người thứ hai bút hiệu là Bạch Yến (sau đổi lại là Bạch Giang vì bạn bè cho rằng Yến là tên của con

gái). Bạch Giang tên thật là Nguyễn Văn Mười, người gốc Bến Tre. Cùng với anh Long và anh Nam, anh Mười cũng đã sáng tác nhiều thi văn. Về sau, anh đi với lực lượng Cao Đài, làm đến chức tham mưu trưởng, nhưng rồi bị tướng Cao Đài Nguyễn Văn Thành âm mưu sát hại.

Trong Hợp Quần văn đoàn thời đó có một nữ sĩ là cô Mộng Lang. Cô gốc trường Áo Tím, Sài Gòn và là em họ của chúng tôi - lúc ấy ký bút hiệu Hường Hoa. Khi Nhật đảo chính, Mộng Lan chạy về Bến Tre ở gần hai năm. Sau đó cô về Sài Gòn theo gánh hát Bảy Nhiêu, dạy học cho con ông bầu. Lúc anh Mười Bạch Giang về Tây Ninh thì Mộng Lan theo lên đó, rồi hai người thành vợ chồng. Họ có hai con là Bạch và Yến. Ít lâu sau, Mộng Lan buồn vì bị chồng phản bội nên bệnh mà mất.

Cùng đứng chung trong Hợp Quần văn đoàn còn có Tường Anh tức nhà văn An Khê Nguyễn Bính Thịnh rất nổi tiếng sau này. Thời đó, Tường Anh và chúng tôi thường gặp nhau trong các phiên họp của văn đoàn. Về sau Tường Anh tham gia

hoạt động chính trị, bị Pháp bắt và đày ra Côn đảo. Lúc đó chúng tôi đã tham gia kháng chiến và đổi bút hiệu là Tâm Điền. Đến năm 1945, Tường Anh được trả tự do, gia nhập quân đội Việt Nam Cộng Hoà, bị thương ở trận An Khê và lấy địa danh này làm bút hiệu. Tôi không tập kết ra Bắc mà ở lại miền Nam vì thấy mình đã làm xong nhiệm vụ đánh đuổi thực dân Pháp, đem lại tự do độc lập cho đất nước. Tôi đổi bút hiệu là Minh Văn Xuân Tước (sau này là Xuân Tước). Vì thế mà mãi đến 52 năm sau, Tường Anh và Hường Hoa mới gặp nhau với hai bút hiệu mới là An Khê và Xuân Tước.

Trong Hợp Quần văn đoàn còn có Chim Xanh, một nhà thơ có rất nhiều thơ đăng báo thời đó và là bạn thân của Tường Anh. Anh tên thật là Nguyễn Văn Thứ, quê Vĩnh Long, năm 1945 hoạt động trong Thanh niên Ái quốc đoàn, bị ám sát chết năm 1948. Sau này bạn hữu góp nhặt được một số thi phẩm của anh đem in thành tập *Chim Xanh*, *Hồ Hữu Tường giới thiệu* do Tinh Hoa xuất bản. Anh được nhà văn Hồ Hữu Tường ca ngợi như sau: "Chàng Chim Xanh đã đạt được chỗ thuần chân của loài chim đến lúc gần thác, buông ra những tiếng kêu rất thảm thiết, là thi sĩ vậy".

Miền trung Nam kỳ có hai văn đoàn: Bến Tre văn đoàn và Sa Giang văn đoàn.

Bến Tre văn đoàn do Hường Hoa chủ trương, bao gồm nhiều cây bút tích cực với thi văn.

Hường Hoa quê ở Bến Tre, viết nhiều cho các báo *Điện Tín* và *Sài Gòn*. Qua nhiều năm, Hường Hoa giữ mục Cánh Hồng trong trang phụ nữ của *Điện Tín*. Khi *Tiểu thuyết Thứ năm* ở Hà Nội đóng cửa, nhà văn Lê Tràng Kiều vào Nam thì Hường Hoa hợp tác với Lê Tràng Kiều, viết truyện ngắn đăng trên các tạp chí *Nghệ thuật Việt Nam* và *Bút mới* nhưng hai tờ báo này không sống lâu vì chủ nhiệm, ông Đỗ Phụng Quế, không rành về nghề báo. Sau đó, Hường Hoa hợp tác với *Đông Dương*

mùa thu dĩ vãng

Nắng thu rải nhẹ trên cành lá
Gió thổi dong đưa phiến lá vàng
Những chú chuồn chuồn bay ngược gió
Như hồn lữ khách lúc thu sang.

Ngồi đây nhớ lại mùa thu trước
Nghe tiếng non sông réo gọi mời
Vác súng lên đường làm nghĩa vụ
Bỏ lại mẹ già sống lẻ loi.

Mộng đẹp đời trai là tranh đấu
Hiến trọn máu xương, trả nợ đời
Xoa dịu nỗi buồn cho tổ quốc
Vá bức đờ đồ rách tả tơi.

Ngày nay còn lại bao dư vị
Mộng ước đời trai vỡ vụn rồi!
Tất cả chỉ là trò dâu biển
Lý tưởng đời mình đã rụng rời.



Mòn gót đi tìm người nghĩa khí
Hào hùng sát cánh cứu dân tôi
ngày đêm mòn mỏi nơi quê mẹ
Chỉ thấy sâm-banh lẫn tiếng cười!

hoài nam

tuần báo do Đông Chi Nguyễn Tài Thức làm chủ bút. Năm 1944, tiểu thuyết *Nắng sớm* của Hường Hoa do Đồng Nai xuất bản ra đời. Năm 1950, quyển *Con đường cứu nước* của ông được nhà xuất bản Tân Nam Việt phát hành, có chữ ký của Thẩm Thệ Hà vì lúc ấy Hường Hoa đã đi kháng chiến.

Dương Tử Giang là một kiện tướng của Bến Tre văn đoàn. Ông đã xuất bản một tập truyện và viết nhiều trên các báo thời đó. Rất tiếc, ông mất sớm.

Lăng sĩ Nguyễn Duy Oanh cũng là một thành viên của Bến Tre văn đoàn. Về sau ông đi dạy học, cho in các tập *truyện cổ Việt Nam* với bút hiệu Nguyễn Duy.

J. Stiala tên thật là Nguyễn Hồng Kỳ, quê ở quận Sóc Sãi tỉnh Bến Tre. Ông theo chân nhà văn Tchya, J. Leiba ký bút hiệu như tên Pháp. J. Stiala có rất nhiều thơ đăng báo hồi đó. Ông mất năm 1944.

Trần Quang Viễn là một giáo chức ở Mỹ Tho, Bến Tre. Ông tuy nguyên quán ngoài Bắc nhưng sinh trưởng ở Nam kỳ. Ông cũng là một huấn luyện viên thanh niên và sáng tác nhiều thi văn bằng Pháp ngữ.

Sa Giang văn đoàn gồm hai cây bút chủ lực là Mộng Hồn Quyên và Sương Lam Tử cùng nhiều bạn trẻ khác. Mộng Hồn Quyên quê ở Cù lao Dài, tỉnh Vĩnh Long. Ông muốn làm một lăng sĩ giang hồ nên sớm thuyên đi buôn. Về sau trở thành giáo học ở Vĩnh Long. Thơ ông có mặt trên khắp các báo ở Nam kỳ. Em của ông, thi sĩ Truy Phong, thời kháng chiến đoạt giải thưởng về thi ca của viện Kháng chiến Nam bộ, năm 1946 được báo chí ca ngợi với bài thơ *Một thế kỷ mấy vần thơ* khi Pháp xuống tàu rút khỏi Việt Nam. Truy Phong hiện còn sống ở Vĩnh Long.

Sương Lam Tử quê ở Sa Đéc. Ông cũng có nhiều thơ đăng báo thời đó. Đến thời kháng chiến thì ông mất tích.

Vùng Hậu Giang, Tây Đô văn đoàn là một nhóm văn nghệ sĩ có qui

cũ nhất. Người cầm đầu văn đoàn này là bác sĩ Lê Văn Ngôn ở Cần Thơ. Ông là bào đệ của học giả Lê Thọ Xuân (Lê Văn Phức). Nhắc đến bác sĩ Ngôn, chúng tôi nhớ mãi lần gặp ông ở Cần Thơ. Đó là vào mùa hè năm 1943, Tây Đô văn đoàn bảo trợ cho buổi nói chuyện về Phan Thanh Giản của ông Ca Văn Thỉnh (lúc ấy là thanh tra tiểu học ở Bến Tre, hiện nay là một cán bộ văn hoá của Việt Nam). Học giả Lê Thọ Xuân, ông đốc học trường Phan Thanh Giản Bến Tre là Cao Văn Đình và chúng tôi cùng đi xe đạp xuống Cần Thơ để gặp anh chị em trong Tây Đô văn đoàn. Buổi thuyết trình của ông Ca Văn Thỉnh rất thành công.

Tố Phang Ngô Văn Phác là một nhà biên khảo có hạng thời bấy giờ. Sau này ông ký bút hiệu Thuần Phong và về làm nhân viên phủ Đặc ủy Văn hoá ở Sài Gòn.

Trực Thần Nguyễn Trung Ngôn là một nhà thơ được nhiều người biết tiếng thời đó. Ông là một công chức ở Cần Thơ.

Ngoài các văn đoàn kể trên, còn có những nhóm thi văn được nhiều người biết đến là:

- Nhóm Bạn Trẻ của Thẩm Thệ Hà ở Sài Gòn. Ông quê ở Trảng Bàng, Tây Ninh, nhưng lúc ấy đi học ở Sài Gòn. Ông có nhiều thơ đăng báo dưới bút hiệu Tạ Thành Kính và kết bạn với nhiều nhà văn nhà thơ thời đó như Hường Hoa, Khổng Dương,... Khi công cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông đổi bút hiệu là Thẩm Thệ Hà, cùng với Vũ Anh Khanh lập nhà xuất bản Tân Nam Việt. Thời đó ông xuất bản rất nhiều sách mà nổi nhất là các quyển *Người yêu nước*, *Hoa trinh nữ*, *Vó ngựa cầu thu*. Vũ Anh Khanh cũng cho xuất bản tiểu thuyết *Nửa bờ xương khô*. Thẩm Thệ Hà, Vũ Anh Khanh cùng với các bạn văn như Nguyễn Bảo Hoá, Anh Huy (Cán Huy Tạng), mỗi năm cùng xuất bản một đặc san Xuân. Một giai thoại đáng nhớ là vào năm Kỷ Sửu (1941),

Thẩm Thệ Hà cho xuất bản đặc san Xuân Con Trâu. Lúc ấy Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân đang cầm quyền. Có người mách bộ Thông tin là Thẩm Thệ Hà muốn chửi xéo Thủ tướng Xuân là con trâu nên ông bị công an làm khó để đủ điều. Cuối cùng dư luận được giải toả và đặc san Xuân Con Trâu bán chạy mạnh.

- Nhóm Chùa Vĩnh Tràng lúc ấy do Trần Văn Luân cầm đầu. Nhóm này gồm có Nguyễn Thành Danh, Đoàn Giỏi, Nguyễn Thanh Bình. Tất cả đều tham gia kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Thành Danh sau này ký bút hiệu là Bảo Định Giang, được cộng sản thích vì khéo nịnh Hồ Chí Minh. Hiện nay Bảo Định Giang vẫn còn sống. Nguyễn Thanh Bình và Đoàn Giỏi tập kết ra Bắc, nổi tiếng một thời rồi sau này bị thất sủng. Đoàn Giỏi bị kiểm thảo sau khi viết bài phê bình tập *Nắng Chiều* của Phan Khôi trong thời Nhân Văn, Giai Phẩm. Ông bị buộc tội vờ dả kích Phan Khôi để công bố những nét đại cương của một tác phẩm mà Đảng cấm xuất bản.

- Nhóm Đồng Nai của thi sĩ Khổng Dương. Ông tên thật là Trương Văn Hai, quê ở Trà Vinh, từng viết cho *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Trung Bắc Chủ Nhật* và các báo ở Sài Gòn. Thời đó, ông là người tha thiết với văn chương nhất. Có bao nhiêu tiền, ông đều đem in thơ, làm báo. Ông đã xuất bản quyển *Câu lấy thanh niên* và tập thơ *Ly Tao*. Ông mở nhà xuất bản Đồng Nai, xuất bản tiểu thuyết *Nắng sớm* của Hường Hoa năm 1944. Năm 1946, ông theo kháng chiến, đi tiếp tế cho miền Hậu Giang, bị máy bay bắn chết ở rạch Xẻo Tre, Long Xuyên.

Thời gian qua mau. Từ năm 1939 đến nay đã 55 năm. Kể còn người mất. Chúng tôi viết bài này để ghi nhận ngày gặp lại bạn An Khê do sự trung gian của nhà văn Hứa Hoành. Dù là Tường Anh hay An Khê, dù là Hường Hoa hay Xuân Tước, chúng tôi vẫn nhớ mãi một thời xa xưa mà giới trẻ chúng tôi đã đem hết tâm huyết để chung lo việc nước. ●

Thằng nhóc chen trong đám người đứng nhìn dãy hàng đá bày bán trước cổng nhà thờ. Giờ tan lễ sáng chủ nhật đông hơn ngày thường, lại gần Giáng sinh nên số người bu quanh chỗ bán tượng ảnh đặc nghệt. Máy hôm nay ông già tượng ảnh phải bán thêm buổi tối. Thằng nhỏ gồng mình hết cỡ, thêm nhờ thân hình còm cõi nó mới chui lọt qua hàng rào người để đứng sát được bên trong. Sạp hàng thường khi chỉ là tấm bạt ni-lông cũ trải trên vỉa hè bày một số tượng ảnh Chúa, Đức Mẹ, các thánh, bán vào mỗi sáng chủ nhật. Cả tuần nay sạp hàng có vẻ bề thế hơn với tấm kê gỗ lớn chân thấp kê tiếp theo tấm bạt. Hàng đá và cây thông giả đủ cỡ lớn nhỏ được xếp ngay ngắn trên kê. Dây kim tuyến trên mấy cây thông lấp lánh sáng trong ánh nắng mai.

Thằng nhóc tưởng tượng mình là khách hàng. Nó thầm so sánh từng loại hàng đá và nhẩm tính giá cả. Cuối cùng nó chọn cái ưng ý nhất: một nhà tranh xinh xinh ghép bằng mấy miếng ván mỏng phết sơn vàng

nâu có cả đường nứt giả cho giống như tường đất, mái lợp cỏ khô rắc bông gòn làm tuyết. Ngôi nhà đứng trên miếng ván lớn hơn, vuông vức, lót giấy trắng tinh. Quanh ngôi nhà là hàng rào giả gậy đồ và mấy bụi cây khô lấm tấm sơn trắng. “Chà! Cái hàng đá này mà đi cặp với cây thông be bé kia thì tuyệt làm sao!” Thằng nhóc thầm nghĩ. Nó hồi hộp mỗi lần có người khách cầm lên xem, trả giá cái hàng đá ưng ý của nó, và cảm thấy nhẹ nhõm khi cuộc mặc cả giữa khách và lão già bán hàng không xong. Đúng ra nó cũng khoái mấy cái hàng đá kia lắm, nhưng trong trí nhớ mờ nó thấy cái nhà tranh nhỏ bé của Chúa Hải Đồng hình như rất quen thuộc, thân yêu.

Cả tuần nay thằng nhóc trở thành vị “khách hàng ngó” quen thuộc của sạp bán tượng ảnh trên lễ đường trước cổng nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Mấy bữa trước, gần trưa, người bu quanh sạp thưa thớt mới thấy nó lò dò tới, vai vác cái baoбет sinh và đầu máy, tay cầm cái cây một đầu

gắn que sắt nhọn, đầu kia là lưới bò cào ba cháu nhỏ. Lão già bán tượng ảnh nhận ra ngay nó làm nghề lượm ve chai nhờ bộ “đồ nghề” này. Lúc đầu lão có ý đề phòng. Lão vốn có ác cảm với mấy thằng oắt lượm ve chai. Bình thường bọn chúng chỉ lẩn la quanh mấy đồng rác, nhà xướng, nhưng hễ có cơ hội là trở nghề nhám tay ra ngay. Đối với thằng nhóc này, tự nhiên dần dần lão thấy tội nghiệp khi nhìn vẻ thèm thuồng, mong ước của nó trước mấy cái hàng đá. Lão đã cố ý gài coi nó có trở nghề nhám tay ra không, nhưng tuyệt nhiên thằng nhóc không lộ một dấu hiệu khả nghi nào. Nhìn kỹ bộ mặt đen đúa của nó coi cũng hiền lành. Hôm nay thằng nhóc đi mình không, chẳng có đồ nghề như mọi bữa. Nó đứng ngấm mê mải mấy cái hàng đá như quên hẳn chung quanh. Mãi tới khi chỉ còn mình nó là khách, lão bán hàng ngửa miệng hỏi:

- Ê! Mua gì không mà đứng ngó hoài dzậy, nhỏ?

Lão hỏi chơi vậy thôi chứ biết thừa thằng này làm gì có tiền mua. Thằng nhóc giật mình cười ngượng nghịu:

- Ờ... ờ... mai một có tiền sẽ mua.

Lão bán hàng bĩu môi:

- Thiệt không mậy? Mai một qua mẹ Giáng Sinh rồi. Có mua thì mua bây giờ nè. Cạn ngày lắm rồi.



Máng Cỏ Đi Hoang

Nguyễn Duy Tâm

Thằng nhóc rụt rè chỉ cái hang đá kiểu nhà tranh nó ưng ý nhất:

- Cái này bao nhiêu?

- Cái đó hả. Năm ngàn thôi, cho mày thêm bộ tượng giấy nhỏ. Cái đó chưng trong phòng là hết sẩy à mày... Ờ, mày có tiền không mà hỏi?

Thằng nhóc lè lưỡi:

- Năm nghìn là ngốn hết của tui cả chục ngày cơm rồi tía! Tưởng mấy trăm còn rần nhịn để mua.

Lão già cười hề hề:

- Giỡn hoài vậy! Mấy trăm bạc thời buổi này nghĩa lý gì, mới đủ có điều thuốc hạng bét. Bữa nay mày không đi mần ăn sao? Đồ nghề đâu hết trơn rồi?

- Bữa nay thấy dư quá, nghỉ đại một bữa.

- Nghỉ rồi lấy gì tọng vô họng mày, nhỏ?

Thằng nhóc nhếch môi như người lớn:

- Thì ăn cơm theo lối quân tử... Nè, cho tui rờ cái hang đá chút xíu nghen?

Lão già ngăn ngữ:

- Rờ làm gì vậy? Tróc sơn hết - Lão cười - Rờ cũng phải trả tiền.

- Cha làm như hang đá bằng vàng vậy - Nó trề môi - Tui rờ chút cho đã thèm, không giựt chạy đâu mà sợ.

Không đợi lão bán hàng đồng ý, thằng nhóc rờ nhẹ lên vách hang đá. Đâu có gì khác thường mà sao mắc quá! - Thằng nhóc thầm nghĩ - Có lẽ tại màu mè trang hoàng. Chà! Hay mình làm thử một cái coi. Nhưng giấy, sơn, đủ thứ linh tinh đào đâu ra tiền mua? Rồi phải có cây thông đi kèm mới đủ lệ bộ chứ. Ấy, nhưng nếu được rồi chưng ở đâu? Nó chẳng có nhà cửa, cha mẹ, anh em gì ráo. Chẳng lẽ chưng ở xó hè đền Thánh Phanxicô Cầu Muối nơi nó về ngủ hàng đêm? Không ổn rồi, cái hốc đó chỉ xứng đáng cho nó, chuột và gián ở thôi chứ đâu có xứng cho Chúa Hải Đồng. Nhưng mà hồi xưa Chúa cũng sinh ra nơi chuồng bò chứ có được nhà cửa sang trọng đâu! Một ý nghĩ nảy nhanh trong trí thằng nhóc. Hay là tìm cách nâng nhẹ cái hang đá? Ý nghĩ ăn cắp dấy vò nó.

Tuy hồi nào tới giờ hành nghề bươi bãi rác, nó chưa dám nhám nhúa của ai bao giờ. Bởi vậy mới cực, phải kiếm ăn lẻ loi và hay bị đám lớn hơn ăn hiếp. Tụi kia thường đi thành từng băng hai ba đứa, hễ thiên hạ hỏi cái gì ra là chộp cái đó nên "giàu" hơn nó nhiều. Thằng nhóc rụt tay về với vẻ tiếc rẻ. Nó nhìn cái hang đá một lần nữa rồi mới chịu quay đi.

Bước theo vĩa hè ra đường Nguyễn Thông, chui trong mấy ngõ ngách đổ ra đường Lê Văn Duyệt, thằng nhóc đi về hướng Ngã Ba Ông Tạ nơi có vựa ve chai của chị Ngọc. Bữa nay nó tới lấy tiền bán ve chai chị Ngọc còn thiếu, chắc cỡ được hai nghìn mấy. Thằng nhóc nhắm tính trong đầu xem nếu mua cái hang đá thì sẽ phải nhịn ăn bao nhiêu ngày, cỡ tuần lễ là ít. Ý nghĩ ăn cắp lại trở về cùng với nỗi sợ. Càng quá! Nó đâu có "nghề mượn đỡ". Vụ này chắc phải nhờ Cu Chột, thằng bạn thân của nó. Cu Chột đui một con mắt mà lanh vô cùng. Nó đương ở đợi cho một quán cơm bình dân ở cầu Ông Lãnh. Trước kia Cu Chột chuyên nghề móc túi và ăn cắp vặt. Nếu Cu Chột chịu giúp vụ này thì ngon quá. Làm lẽ chứ không có người mua là mất tiêu. Nghĩ tới đó thằng nhóc vui hẳn ra, chu miệng huýt sáo bản *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời...* và bước mau về Ngã Ba Ông Tạ.

Chiều hôm đó thằng nhóc mò tới quán cơm kiếm Cu Chột. Khi nghe nó ngỏ ý muốn nâng nhẹ cái hang đá, Cu Chột trợn mắt lắc đầu lia lịa:

- Thôi... thôi, mày có làm thì làm một mình đi. Tao bỏ nghề lâu rồi. Đ.M. Ăn cắp cái hang đá làm đ. gì, bán được cho ai? Ra Lê Lợi cho gần, lại có nhiều hang đá đẹp, tội chó gì phải lết từ đây xuống tới Kỳ Đồng chỉ để nâng có mỗi cái hang đá tép riu!

Thằng nhóc nằn nì:

- Tại tao thích hang đá kiểu nhà tranh, hợp với mình hơn. Chỉ tụi Tây mới xài hang để nhốt bò lừa chứ nước mình đâu có. Những chỗ khác tao không thấy bán. Hang đá đó nhỏ,

lễ cuối năm

*Đưa con dự lễ nhà thờ
Chuông ngân nhịp bước
tuổi thơ trở về
Bên anh chất ngát đam mê
Niềm tin Chúa Phật đề huề cõi tâm
Đàn ai réo rắt thanh âm
Giọng ai ngân
khúc nhạc trầm tiến đưa
Buổi lễ cuối về dưới mưa
Nụ hôn tiễn biệt
tình xưa ngậm ngùi
Lệ em hoà chung lệ trời
Cho anh ấm vị ngọt bùi từ đây
Chừ anh ngàn dặm chim bay
Cuối năm chuông lễ pha đầy nhớ
thương.*

e.p.

để tẩu tán. Rán tiếp tay tao đi. Bữa nay 23 rồi, đem về kịp chưng nữa chứ!

- Ủa, chứ hông phải mày đem về bán lại hả?

- Bán khỉ khô gì. Đem về chưng thiệt chứ bộ.

Cu Chột ôm bụng cười ngặt nghẽo:

- Thằng này ngoan đạo hồi nào vậy ta... Hì hì... đem về chưng trong "biệt thự không gian" của mày hả?

Thằng nhóc nói, vẻ thành thật:

- Sao không được? Hồi xưa Chúa Hải Đồng sinh ở chuồng bò thì bây giờ chưng ở hè phố cũng hợp chứ bộ.

Cu Chột không cười nữa, nó hỏi thằng nhóc một cách nghiêm chỉnh:

- Chúa đâu có dạy mày đi ăn cắp?

Thằng nhóc im lặng ngẫm nghĩ một lát rồi đáp:

- Ờ... nhưng người ta có Chúa mà còn vứt bỏ, mình không có Chúa phải ăn cắp Chúa về chắc được tha tội.

- Đ.M. Mày ngủ kế bên đền Thánh Phanxicô nên bị mấy ông cha đạo dụ dỗ rồi chứ gì? Đi bươi rác

suốt ngày còn bày đặt chưng hang đá này nọ, lộn xộn... Mai mốt có chết bên đồng rác được lên thiên đàng nhớ kéo căng tao lên với nghe mày!

Thằng nhóc biết tính Cu Chột, tuy chửi bới tùm lum như vậy nhưng chút xíu nữa thế nào nó cũng nguội lại và sẵn sàng giúp đỡ bạn bè. Bởi thế, tối hôm đó sau khi hối lộ Cu Chột bịch đầu phong da cá, hai thằng vui vẻ khoác vai nhau băng qua khu chợ chim chó ra Lê Văn Duyệt thẳng hướng xuống Kỳ Đồng.

Buổi tối quăng đường trước nhà

thờ khá đông. Người ngồi nhật nhet, nói cười ồn ào nơi mấy quán cóc lề đường, kẻ tuôn từ khu bán đồ Mỹ đường Nguyễn Thông lên. Sạp hang đá tối nay có thêm một ông già Noël bằng giấy, mặt hồng hào, miệng cười tươi rói, vai vác túi quà đứng kế bên cây thông lớn nhất. Ngọn đèn néon ba tác và dây đèn màu nhấp nháy trên mấy cây thông không đủ soi sáng sạp hàng. Ba bốn người khách bu quanh cái hang đá lớn làm bằng giấy thiếc. Lão già bán hàng xun xoe, chào mời huyền thuyên. Thằng nhóc định băng qua đường tới

sạp hàng, nhưng Cu Chột ngăn lại:

- Khoan mày, đứng đây nhắm coi sao đã, chưa chi đã qua bên đó rồi biết đường nào mà mò.

Hai thằng ngồi xuống bậc thềm xi-măng của một ngôi nhà cửa sắt đóng kín. Cu Chột nhai nói mấy hột đậu phộng lép cuối cùng rồi thò ngón tay vào miệng khượng khượng cái răng sâu:

- Ngồi đây mày có thấy cái hang đá thần tượng của mày không?

Thằng nhóc nghiêng đầu qua lại mấy lần rồi đáp nhỏ:

- Hèn quá, vẫn chưa có ai mua. Nó nằm tít phía trong sát tường nhà thờ. Chỉ mình nó là kiểu nhà tranh, mấy cái khác là hang đá không à.

Cu Chột nhìn theo hướng thằng nhóc chỉ, gật gù:

- Tao thấy rồi. Mà giờ này chưa được đâu, để chút nữa đông người mày tới làm bộ đứng coi như mọi bữa đang che cho tao làm ăn. Đ.M. nể mày lắm à ghen tao mới trở nghề lại... Tao đã muốn làm ăn lương thiện... Không có ai như mày... Mến Chúa mà đi ăn cắp... Xúi người ta ăn cắp, tội ngập đầu nghe con...

Thằng nhóc chợt thấy sờ sợ:

- Thôi mày, hay là bỏ đi, lỡ họ chop được là thấy mẹ.

Cu Chột cười hề hề:

- Sợ rồi hả em? Xui xẻo họ bắt được tao, đục tao một trận bò lê bò càng, mày có chịu đâu mà sợ... Đã tới đây là không có về tay không. Yên chí đi, cái hang đá thần tượng của mày nằm trong chỗ khuất nên cũng dễ chớp lăm. Nhớ chút nữa tao với mày tỉnh bơ như không quen nhau. Tao chớp xong đi ngã nào mặc kệ tao, mày đi ngã khác. Gặp lại nhau trước cổng Tao Đàn phía Lê Văn Duyệt.

Thằng nhóc không để ý lắm đến lời Cu Chột dặn, nó gặm móng tay ra chiều suy nghĩ lung lăm:

- Kỳ quá hèn mày. Năm nào người ta cũng làm lễ Chúa ra đời mà không thấy Chúa ra đời lại. Bữa hôm tao nằm ngoài hè nghe ông cha đèn Thánh Phanxicô giảng Chúa còn trở

nơi tôi gục xuống

*Cúi lạy Chúa cho con hơi thở chót
để thấy lòng nồng ấm mãi hương thơm
bốn phương trời lồng mãi một vòng ôm
tan tác ngọn cỏ bông tung giữa gió.*

*Ôi thời gian, bóng câu qua cửa sổ
tuổi xuân hồng như một giấc mơ thôi!
khi tình người không thắm được trên môi
thân như cát bụi nhòa sao lại tiếc?*

*Cúi lạy Chúa cho tình con thắm thiết
của mùa sương buổi sáng đọng nhành cây
là sầu đau thấy rõ giữa đời này
dù không uống vẫn cay lòng xót mắt.*

*Con đến đây đã nửa vòng trái đất
nửa đời mình ngó lại giạt mình thương
khỏi trên sông đâu nữa bóng quê hương,
mây trên núi vẽ trăm đường lưu lạc.*

*Cúi lạy Chúa con đang hờn đang mát
để làm gì sao chữa nát tim đau?
biển bao la mà ngọn sóng cứ trào
đời vô hạn biết cách nào đi hết?*

*Người sinh ra có ai mà chẳng chết
nhưng chim trời còn có chỗ dung thân
nhưng cá kia còn có núi có rừng
con chỉ ước chỗ gục đầu: chân Chúa!*

*Con cúi xuống, trái tim sầu đang vỡ
Chúa lẽ nào cứ đứng ngó mây bay?*

hà mặc nhân



lại nữa mà. Chúa mà trở lại chắc tụi mình sướng hén mày. Tao khỏi đi lượm ve chai, còn mày khỏi đi ở đợ cho người ta.

Cu Chột ra vẻ hiểu biết:

- Hồi ông già tao còn sống, ông nói năm 2000 Chúa sẽ tới lại mà hồi đó tận thế luôn.

Thằng nhóc xụ mặt buồn thiu:

- Vậy là sắp tới rồi. Nhưng không lẽ tao đi lượm ve chai, còn mày ở đợ tới năm 2000 tận thế chết luôn không được sung sướng ngày nào hết?

Cu Chột cáu kỉnh:

- Ai mà biết được, mày lộn xộn quá! Tối nay nói bá láp gì đâu không... Bắt đầu ăn hàng được rồi đó. Mày qua trước, lát nữa tao qua theo, nhớ đứng che cho tao.

Thằng nhóc đứng dậy băng qua đường, vẻ uể oải không còn hăng hái như ban đầu. Nó đứng trước sạp hàng ngó vắn vơ hình thiên thần bằng giấy trên mấy cây thông. Lão già bán hàng liếc thấy nó nhưng không thèm để ý vì bận tiếp một cặp vợ chồng và ba đứa con. Tự nhiên thằng nhóc cầu mong có ai đó mua quách cái hang đá của nó. Ba đứa nhỏ chạy lăng xăng quanh sạp hàng chỉ trở. Nó chợt thấy nhói trong bụng khi cô bé bạn áo đầm trắng có hai bím tóc thắt nơ đỏ dừng lại nhìn cái nhà tranh. Đầu óc thằng nhóc rối tung, nửa mong cô bé bỏ đi chỗ khác, nửa mong cô vờ mua cái nhà tranh đó. Nó quên bém ý định ăn cắp cho đến khi Cu Chột đi ngang qua huých nhẹ hông nó ra hiệu. Cô bé lúc này đã đi qua chỗ có hình ông già Noel. Thằng nhóc nhích từ từ về phía cái hang đá của nó, giả bộ khom người coi cái này cái kia để che cho Cu Chột. Nhanh như chớp, vừa lúc lão già và gia đình người khách xúm xít quanh cây thông lớn phía bên kia sạp, Cu Chột đã nhét gọn cái hang đá nhỏ vào trong cái áo rộng thùng thình của nó, rồi nép theo tường rào nhà thờ, băng qua đường chui nhanh vào bóng tối của con hẻm.

Còn lại một mình, thằng nhóc

thấy sợ. Nó len lén bước ra xa khỏi chỗ đứng khi nãy, làm bộ nghiêng nghiêng ngó ngó một lúc rồi cũng bỏ đi, tìm đập thành thịch. Tiếng lão già gọi với theo làm nó run bắn lên:

- Ê nhỏ! Bữa nay sao đi sớm vậy vậy? Có đủ tiền mua hang đá chưa?

Thằng nhóc cố giữ bình tĩnh, hai bàn tay lắc lắc ra dấu không có tiền:

- Sao có nổi... Lết bộ cả buổi chiều bụng đói meo rồi nè. Đi kiếm cái gì bỏ bụng đã...

Trống ngực thằng nhóc càng đập dữ dội. Nó chui đại vào một con hẻm tối đứng một lát rồi mới quày trở ra đường, cắm cúi bước nhanh về phía đường Lê Văn Duyệt. Khi thấy Cu Chột đứng trước cổng Tao Đàn, tay cắp cái hang đá cười toe toét nó mới thở đánh phào. Cu Chột thôi cười khi thấy bộ mặt đơ đăm của nó:

- Ngó mày sao giống con gà mắc mưa quá! Chớp được cái hang đá thần tượng để ợt thì phải vui lên chứ.

Giọng thằng nhóc ỉu xiu:

- Nghĩ lại thấy tội cho cha già bán tượng quá mày. Chắc chả cũng không giàu có gì. Hay là mang trả lại đi.

Cu Chột buông một câu tục tĩu sau khi nhổ một bãi nước miếng xuống hè phố. Nó mắng như tát nước vào mặt thằng nhóc:

- ... Mày trở thành ông thánh con hời nào vậy? Thằng chả có nghèo thì cũng giàu hơn mình... Nghèo mà có sạp bán tượng ảnh! Không khoái cái hang đá nữa thì đem quăng đâu đó cho rồi đi, trả lại làm đ. gì. Hồi chiều mày "sung" lắm mà, nhất định kèo nèo tao đi cho bằng được. Mày khôn thấy mụ nội, xúi thằng khác thành quỉ để mày thành thánh hả... Mày có ngon đem tới trả mình mày đi rồi no đòn con ă. Chả thấy mày ôm hàng lớn tơn tới, chả bợp mày trước đã. Tao thì không ngu như mày đâu!

Thằng nhóc cúi đầu có vẻ như biết lỗi, mắt chớp chớp:

- Vậy giờ làm sao mày? Quăng đi tội chết. Hay đem về chỗ tao chửi? Mà bây giờ tao mới nghĩ ra, không có đèn màu, không có tượng ảnh, chẳng lẽ chửi cái hang đá không!

Chỗ đó lại tối thui như hang chuột.

Cu Chột lại nhổ thêm bãi nước miếng nữa:

- Kệ mẹ mày, chớ hồi chiều sao mày không thông minh như vậy đi, giờ còn hỏi? - Cu Chột đặt cái hang đá xuống lề đường, dằn dỗi - Bây giờ là phần mày đó, mày muốn làm gì thì làm tao đếch cần biết!

Thằng nhóc cúi xuống ôm cái hang đá lên cười cầu hoà:

- Thôi mà, bớt giận đi. Tao nghĩ ra rồi, đem về đền Thánh Phanxicô để nơi tượng Đức Mẹ ngoài sân là ổn.

Cu Chột bĩu môi:

- Mày mặc bộ đồ mắm ruốc của mày rồi sòng sọc bê cái hang đá vô hả? Có mà người ta xách cổ mày liệng ra đường!

Thằng nhóc xụ mặt một hồi rồi mắt nó chợt sáng lên:

- Tao nghĩ ra rồi. Đêm nay chờ mấy ông cha rút hết lên nhà nguyện, mình leo tường mé bên đường hẻm vô là ổn.

- Chắc mày lại xúi tao leo vô nữa quá.

Thằng nhóc cười hì hì:

- Chuyện này để tao, tao rành ngõ ngách đền thánh như lòng bàn tay. Chỉ nhờ mày công kênh tao lên bờ tường thôi.

Cu Chột lâu bầu:

- Chưa thấy ai cà chớn như mày. Tao chiều mày hết cỡ rồi nghen. Khuya nay là lần cuối cùng. Bận sau còn lôi tao vô mấy chuyện tầm phào này tao đâm toác mỏ nghe ông thánh con!

Kể từ lúc đó thằng nhóc nghe trong bụng êm chưa từng thấy. Tay ôm khư khư cái hang đá, chân rảo bước, nó nói cười luôn miệng suốt trên đường về lại vỉa hè quen thuộc.

Sáng hôm sau ông từ già đền Thánh Phanxicô ngạc nhiên khi thấy dưới chân tượng đài Đức Mẹ một cái hang đá kiểu nhà tranh be bé xinh xinh, bên trong trống trơn không có tượng Chúa Hải Đồng, chỉ có cái máng cỏ thô sơ làm bằng hộp diêm rắc một nhúm rơm giả cắt từ giấy báo...

Huyền-Thoại Tuổi Thơ

Delia Ephron
Trương Mỹ Vân
dịch

LDG: Truyện này được dịch từ nguyên tác "Coping with Santa Claus" của Delia Ephron, một văn sĩ hiện đại Mỹ với tác phẩm thành công nhất là tập tiểu luận "Funny Sauce" (1982) thuật lại cuộc sống với hai con riêng của chồng bà lúc chúng còn nhỏ.

Tháng mười năm đó Julie vừa đúng tám tuổi và với mùa Giáng Sinh gần kề, hình ảnh ông già Noël ngày càng ám ảnh tâm trí cô bé. Trước Noël một tuần, đêm nào Julie cũng bảo bố:

- Con biết ai mang quà Noël đến rồi. Bố chứ ai!

Rồi ngưng lại một giây, cô bé tiếp:

- Phải không?

Jerry, chồng tôi, không trả lời vì cả chàng và tôi đều không hiểu Julie có muốn biết sự thật không. Chúng tôi mơ hồ đoán có lẽ Julie muốn biết rõ ông già Noël có thật hay chỉ là huyền thoại nhưng không tìm ra câu trả lời. Chẳng lẽ lại bảo Julie:

- Có con ạ. Ông già Noël hiện diện trong tâm hồn chúng ta và thể hiện qua tình thương ngày lễ Giáng Sinh.

Nói như vậy nghe rỗng tuếch và

đây sáo ngữ. Thật tình tôi hơi hận Julie vì đã bắt chúng tôi phải trả lời một câu hỏi khó khăn. Sự thật về ông già Noël lẽ ra nên do bạn bè Julie mách bảo thì hơn vì Julie có đám bạn gái thường hay thì thầm với

nhau về những điều bí mật của chúng. Đạo tôi bằng tuổi Julie, chính chị tôi đã lén vào phòng đánh thức tôi dậy đêm Giáng Sinh và bảo tôi: "Dậy mà xem ai đem quà đến đặt dưới cây Noël kia!"

Vả lại ngay cả Jerry và tôi đều không muốn phá tan huyền thoại về ông già Noël. Chính chàng và tôi đã nhắc Julie và em trai, Adam, nhớ để đĩa bánh ngọt trên bàn phòng nửa đêm ông già Noël đói bụng. Trước khi đi ngủ, chúng tôi cẩn thận dập tắt lửa trong lò sưởi để ông già Noël khỏi bị phỏng lúc leo xuống ống khói. Trước đó mấy tuần, chúng tôi đã dọa hai chị em Julie và Adam là phải ngoan ngoãn mới được ông già Noël cho quà đêm Giáng Sinh. Tất cả những điều này làm hình ảnh ông già Noël càng thêm hấp dẫn và huyền bí. Trong đầu óc ngây thơ của trẻ con, hình ảnh ông già Noël mập mạp phương phi, với bộ râu bạc trắng như tuyết đang cười đoàn xe do bảy tuần lộc kéo trong bầu trời



đông giá buốt để đến từng nhà phát quà bánh và đồ chơi cho trẻ con đêm Giáng Sinh là huyền thoại đáng yêu nhất trong tuổi thơ vô tư của chúng. Vì thế tôi không nỡ phá tan hình ảnh kỳ diệu này, và cả Jerry lẫn tôi đều không tìm ra câu trả lời mỗi lần Julie thắc mắc với câu hỏi thường xuyên của cô bé.

Đêm Noël, Julie mang lại một mảnh giấy con với hàng chữ: “Nếu ông già Noël có thật thì hãy ký tên vào đây”, và bảo tôi đây là lá thư cô bé viết cho ông. Julie còn cẩn thận bắt Jerry, Adam và tôi viết trên tờ giấy hàng chữ “Ông già Noël” để cô bé so sánh với chữ ký thật của ông già, để phòng trường hợp chúng tôi chơi xấu, giả mạo chữ ký của ông già để đánh lừa cô bé.

Jerry và tôi đều ký tên “Ông già Noël”, còn Adam mới 5 tuổi, chỉ nguệch ngoạc vài chữ nên được miễn. Julie xếp tờ giấy, để tên ông già Noël và đặt bức thư trước lò sưởi, bên cạnh đĩa bánh ngọt dành cho ông.

Mãi đến khuya Julie và Adam mới chịu đi ngủ. Jerry và tôi lặng lẽ mang đóng quà đặt dưới gốc cây thông, xong chúng tôi nhìn bức thư của Julie và không biết giải quyết cách nào. Một lúc sau cả hai chúng tôi đồng ý để Jerry viết tháu hàng chữ nghiêng ngả “Mừng Giáng Sinh - Ký tên, ông già Noël” trên bức thư của Julie. Xong xuôi, chàng xếp tờ giấy đặt vào chỗ cũ trước lò sưởi và ăn hết hai chiếc bánh ngọt dành cho ông già.

Sáng hôm sau lúc chưa đến 6 giờ, tuy còn nằm trên giường tôi đã nghe tiếng reo hò của hai chị em dưới lầu cùng tiếng mở quà sột soạt. Bỗng nhiên Julie hét lên:

- Ông già Noël có thật!

Rồi cô bé chạy vào phòng chúng tôi la lớn:

- Ông già Noël có thật! Ông đến đây tối qua và ký tên vào đây nè!

Tôi không ngờ Julie phản ứng như vậy vì cứ tưởng cô bé thế nào cũng nghi ngờ hỏi bố: “Có thật không hả bố?” Nhưng Julie đã ôm

chặt bức thư vào lòng, vội vã chạy xuống mở đồ chơi đang chờ cô bé dưới lầu.

Suốt ngày hôm đó gia đình tôi bận rộn vì bạn bè tập nập đến thăm, tặng quà và chúc tụng nên chẳng mấy chốc đã đến tối. Trước khi đi ngủ, Julie hỏi bố:

- Bố ơi, nếu ông già Noël có thật thì con hứa kéo xe cho ông tên Rudolph với cái mũi đỏ cũng có thật phải không bố?

Jerry sưng sốt không nói được lời nào nên Julie lặp lại câu hỏi lần nữa. Jerry thông thả đáp:

- Bố nghe rồi.

Chàng ngồi xuống bên giường Julie, cố gắng tìm câu trả lời trong lúc cô bé yên lặng chờ đợi. Cuối cùng Jerry thú thật:

- Chính bố đã ký tên Ông già Noël đó con ạ.

Bỗng dưng Julie bật khóc nức nở khiến Jerry vội vàng xin lỗi vì đã đánh lừa cô bé. Chàng lặp đi lặp lại: “Bố xin lỗi con” trong khi Julie vẫn vùi đầu vào gối ảm ức khóc. Jerry bảo Julie rằng chàng biết điều chàng làm là sai, là không nên đánh lừa cô bé và lẽ ra chàng nên trả lời thẳng cho cô bé biết ngay từ đầu.

Julie ngồi thẳng dậy và đáp với giọng đầy trách móc:

- Vậy mà con cứ tưởng là thật!

Rồi cô bé với tay lấy quyển truyện khôi hài bằng tranh trên đầu giường và hỏi bố:

- Bố cho con đọc truyện vài phút trước khi đi ngủ được không bố?

- Được chứ. Jerry đáp.

Thế là câu chuyện chấm dứt. Một phút trước Julie còn khóc nức nở vì thất vọng với huyền thoại ông già Noël nhưng chỉ một phút sau mọi chuyện lại bình thường như cũ.

Jerry và tôi nhẹ nhõm trở về phòng. Một lúc sau nghe tiếng Adam khóc, tôi đi về phòng cậu bé. Cửa phòng Adam hé mở và tôi nghe giọng nói đầy vẻ già dặn của Julie:

- Ôi! Hơi đau mà khóc cho mệt Adam. Chỉ có bọn con nít mới tin là có ông già Noël thôi.

đêm thánh

Hai mươi thế kỷ đã vù qua

Thánh Giá chưa ngừng

máu Chúa sa

Biển thẳm sóng tràn cơn nước mắt

Trời cao gió rít cõi người ta...

Độc kinh có thấy đời yên ổn?

Cầu khẩn mong chẳng

cảnh thái hoà?

Đêm Thánh vô cùng hay giới hạn

Chúa làm không nhẽ chỗ sinh ra?

trần vắn lẽ

nguyên

Cúi đầu lay Chúa Ba Ngôi

Cho con một nửa chỗ ngồi cõi vui

Nửa kia để trộn ngọt bụi

Ngâm trong thế giới

vận xui tới hoai.

nguyên duy tâm

đường riêng

Thôi em

là chút duyên hờ

Tiếc làm gì cái vắn vợ lúc đầu

Bây giờ lỡ chuyện trầu cau

Trách cứ chi

giọt mưa ngâu bất thường

Tình mình chín nắng mười sương

Nhưng không chung

một con đường trăm năm.

vạn giả

sợi tóc rụng xuống

Sợi tóc rụng chẻ đôi đời mộng ảo

Chẻ từ tim máu đỏ thịt xương buồn

Vắt một nửa nơi xứ người xa lạ

Một nửa mang về

tạ tội với quê hương.

phạm tâm phổ



Tháng Giêng Tháng Bảy Buồn Như Nhau

Hoàng Nga

Tặng Thuần

Kỷ niệm cũ vẫn còn nguyên vẹn đó
Trời tháng giêng tháng bảy buồn như nhau
Nguyễn Đình Toàn

Học với Thuần hơn mười ngày, tôi mới biết Thuần không phải người Đại Hàn cũng không phải người Nhật. Tôi quê quá bảo Thuần:

- Anh ác. Bất Nga nói tiếng Anh gần chết.

Thuần cười:

- Tại Nga không chịu hỏi "Where are you from?"

Tôi lườm Thuần:

- Nga đi học trễ, ông Bob giới thiệu Nga người Việt Nam, lẽ ra anh phải hô lên đồng hương đồng khối chứ.

Thuần bật cười to, bảo tôi thực tập tiếng Anh cho quen. Thuần nói và viết khá thông thạo, vì có ba năm đi làm, một năm dự bị đại học. Sở dĩ Thuần vào cái khoá học này là vì ghi danh đại học trễ. "Thằng em xúi, kể ra không lỗ lã gì, nhưng hơn chán". Thuần chán, còn tôi thì không. Vì tôi được đi học trở lại. Và hình như, vì có Thuần.

Tôi, Rita và Thuần luôn luôn là người đến sớm trong lớp. Sáng sáng

Thuần ngang qua chỗ tôi ngồi, chào "Good morning" rồi đi thẳng đến chỗ Rita chỉ cho nó học thêm. Rita bảo tôi nó chưa hề thấy người nào thông minh như Thuần. Thuần tự nhiên với tất cả mọi người, trừ tôi. Mà tôi cũng vậy. Giờ cơm tôi hay ngồi chung với một anh chàng người Lào, tên Sari, một ông già Đài Loan và một ông nha sĩ Thổ Nhĩ Kỳ lúc nào cũng có thể giở giọng bất mãn vì chính phủ Úc chưa chịu công nhận cái bằng của ông. Nhiều lần Edith, hay đi chung nhóm với Thuần, vẫy tay gọi tôi sang nhập bọn, nhưng lần nào tôi cũng chỉ cười đáp rồi ngồi im, kể cả những lúc tôi ngồi một mình. Edith thắc mắc lắm, có lần chờ tôi về nó hỏi lý do tại sao. Tôi không đáp. Edith tự trả lời:

- Hay là mày không ưa thằng Thuần?

Tôi, sao tôi không ưa Thuần được nhỉ, nếu không kể đến cái "tội" học giỏi của Thuần. Chiều thứ năm nào có giờ computer, Thuần ngồi sau

lưng tôi, là tôi cũng bị cái máy "gian ác" tố cáo sự u mê của mình. Ông thầy, sau này dạy toán tôi, bảo với tôi "Hồi đó không có thằng Thuần giúp tụi mày học môn computer phụ tao, chắc tao bỏ cái lớp đó mất".

Thuần được lòng thầy cô, được lòng bạn bè. Ai cũng dễ dàng khen Thuần. Nhiều khi tôi cũng muốn tỏ một cử chỉ thân mật như thế, nhưng không hiểu tại sao chẳng bao giờ tôi dám nói. Càng học lâu ngày, tôi càng thấy khoảng cách giữa chúng tôi càng xa. Có lần xe anh chàng Sari vấp cho tôi quá giang bị hư, Sari rủ tôi đi chung với Thuần. Anh chàng ngạc nhiên khi thấy chúng tôi chẳng nói chuyện gì với nhau. Sari luôn mồm: "Bộ tụi mày ngại nói tiếng Việt trước mặt tao sao?"

Được nửa khoá học, trong giờ văn hoá - xã hội, tôi phải lên trước lớp nói về đề tài ly dị, bất chợt tôi gặp ánh mắt vừa ngạc nhiên vừa xúc động của Thuần nhìn lên. Giờ nghỉ giải lao Thuần ra sân cỏ tìm tôi. Anh đến ngồi bên cạnh tôi và nói khẽ,

như chỉ muốn mình tôi nghe dù lúc ấy không có ai bên cạnh:

- Anh chia buồn cùng Nga. Không biết đời sống Nga buồn đến vậy.

Tôi quay lại nhìn Thuần, trên tay vẫn còn cầm một bông cúc dại, tôi đưa cho Thuần và cười:

- Còn anh, anh có gì để chia vui với Nga không?

Thuần cười khẽ, giọng cười thật hiền hoà. Và gương mặt anh nhìn gần trông ấm áp lạ. Tôi nói:

- Cũng quen rồi anh. Giống như mỗi buổi sáng mùa đông dậy tắm nước lạnh vậy. Chỉ sợ nhất tia nước đầu tiên xối xuống thôi. Còn sau đó có khi lại cảm thấy thích thú vì được đắm mình dưới vòi nước. Anh nên chúc mừng Nga, vì nhờ vậy mà Nga có cơ hội đến trường trở lại.

Tôi muốn nói đùa, "nhờ vậy mà mới quen được anh", nhưng dĩ nhiên là không dám. Chúng tôi ngồi im một lúc lâu. Đến khi Thuần định nói gì thì ông già Đài Loan đến nhập bọn. Ông khen bài nói của tôi hay, và lên tiếng phê bình một số quan niệm phong kiến cổ hủ của Á châu. Ông già kỹ sư về hưu, xưa phải lấy một bà vợ kiểu môn đăng hộ đối, chắc tiếc rẻ đã không dám thay đổi số phận nên nhiều ưu tư. Tôi nói với Thuần như vậy lúc hai đứa vào lớp. Thuần cười, giọng có vẻ ngạc nhiên vì thấy sao lúc nào tôi cũng có thể đùa được.

Hôm sau giờ ăn trưa, trời mưa, Thuần mang dù tới rủ tôi xuống căng-tin ăn chung với Edith. Edith để ý tôi kỹ. Vừa đặt thức ăn xuống là nó la tôi:

- Mày gầy quá mà ăn toàn rau vậy sao?

Tôi cười:

- Ngày xưa tao còn chưa đến ba mươi tám ký lô.

Edith lắc đầu. Nó làm sao hiểu được tôi chưa tự tử đã là may lắm rồi chứ nói gì đến chuyện ăn uống. Nó làm sao hiểu được trong quãng đời mười mấy năm làm vợ của tôi đã có tám năm chia xa. Khi đoàn tụ, chưa kịp kỷ niệm một năm bèo hợp đã vội

hát câu mây tan. Edith người Nam Mỹ. Nó cũng đã làm vợ như tôi. Nhưng không biết nó sẽ phản ứng thế nào khi nghe chồng nói: "Nga muốn cái phần xác hay phần hồn của anh. Nếu cái phần xác thì đây, anh sẽ ở lại. Còn cái phần hồn, cái tình yêu của anh đối với Nga thời đi học đã chết theo mười mấy năm cơm áo. Anh không làm sao sống bình thường được nữa, bởi mỗi ngày anh thấy anh tự lừa dối chính mình, và lừa dối Nga bằng cái hạnh phúc tưởng tượng này. Anh chưa đủ già để chấp nhận sự tồn tại của một mái gia đình chỉ dựa trên cái nghĩa mà không có cái tình".

Tôi đã nằm im. Nước mắt chảy dài hai bên khoé. Tôi đã chỉ nằm im mà nghe mùi chân gối, mùi mồ hôi thân quen của chồng bên cạnh. Tôi đã nằm im với thẳng thốt, với bàng hoàng mà không biết phải phản ứng như thế nào. Người mà tôi đã thương yêu bao nhiêu năm, người mà tôi đã mặn nồng ân ái bao lần, người mà tôi đã có một đứa con với anh, đang hát cái câu rất ư cái lương, nhưng cũng rất ư là chân thật rằng "*Không, không, tôi không còn yêu em nữa!*"

Không biết nếu là tôi thì Edith xử trí như thế nào. Nó có thổn thức khóc hàng tháng trời? Nó có tự nguyện rửa, tự sỉ vả mình? Nó có ỉ ôi năn nỉ đủ mọi lời. Nó có cố gắng thay đổi cách cư xử, cách nghĩ suy để hoán đổi tình thế không? Hay là nó cũng chỉ ngậm ngùi chấp nhận cho người ấy ra đi như tôi.

Đêm trước ngày chồng tôi rời khỏi nhà, tôi ngâm mấy câu thơ của tôi làm cho anh thời còn đi học, thời làm cô phụ bên nhà, và thời bị phụ rẫy nơi đây. Tôi đã nấu cho anh một bữa cơm chiều toàn những món anh thích, dưa cải, cá chiên nước mắm gừng. Tôi bảo gừng cay mắm mặn xin đừng quên nhau và rồi tôi đọc hai câu thơ của Nguyễn Du "*Trăm năm dù có bao giờ, đốt lò hương cũ so tơ phím này*". Chồng tôi sàu ả nào. Anh đã so gươm đọ giáo với tôi bao nhiêu ngày. Anh đã hết nước miếng để thuyết phục tôi hàng bao

nhiều tuần. Nhưng cuối cùng khi anh đánh trúng thẳng quân tử tàu trong tôi, giáo gươm tôi rơi rụng. Anh thắng trận, tôi đầu hàng. Tôi bằng lòng chia tay với anh thì kẻ chiến thắng hết còn sức để ca khúc khải hoàn. Anh hựt hắng.

Sáng anh đi, tôi đứng trên hiên nhà nhìn những cụm hoa trắng bên nhà hàng xóm rơi tan tác. Nã Phá Luân của tôi meo xệch xách va ly ra cổng. Anh quay lại nhìn. Tôi cười. Cái nụ cười ai cũng bảo là tươi như một đóa hoa nở sớm trong vườn. Cái nụ cười lan huệ sâu đời mà chắc suốt đời tôi sẽ cư mang.

Tôi nghỉ học hai hôm. Hôm đi học trở lại, tôi gặp Sari và Thuần đứng ngay trước cửa lớp. Sari bảo tôi đã đổi nhà và xin lỗi là không thể cho tôi quá giang về học mỗi chiều nữa. Tôi cười cảm ơn Sari. Anh chàng hỏi tiếp chuyện đau ốm của con tôi, trong khi Thuần chỉ đứng im nghe mà không góp chuyện. Mãi đến lúc gần vào lớp anh mới dè dàng bảo tôi:

- Lúc này trông Nga xanh quá. Nga ốm? Hay lo?

Tôi ồm. Hay tôi lo. Tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết hai chân tôi suýt va vào nhau lúc bước lên thềm tam cấp. Giọng nói ấm áp của Thuần làm cái nhìn tôi không dám động lại lâu trên anh. Tôi cười. Lan huệ biến mất. Trái tim tôi không dung cứ đập gấp gáp. Tôi phải khó khăn lắm mới trả lời được là tôi chỉ hơi lo nhưng mất ngủ.

Suốt buổi học, tôi loay hoay hoài mà không học được chữ nào. Tôi cũng chẳng dám quay lại phía sau lưng bởi biết thế nào Thuần cũng nhìn tôi đôi khi. Lòng tôi reo vui. Ở bất cứ tuổi nào, người ta cũng thành con nít nếu biết có người để ý đến mình. Tôi viết lên giấy câu thơ của ai đó đã không còn nhớ tên. *Em mười sáu tuổi trắng mười sáu. Áo lụa phơi buồn sân gió xưa.* Tôi suýt phì cười. Em ba mươi tuổi trắng ba mươi ám khói, tối om buồn bã như lọ nôi.

Buổi chiều Thuần chờ tôi ở trước

cửa lớp. Anh bảo để đưa tôi về. Em trắng ba mươi kể chuyện lòng cho Thuần nghe:

- Nga cứ ước ao mình có một lối sống thật bình thường. Bình thường như những người đàn bà Việt Nam bình thường của mình ở trong những khu xóm lao động ngày xưa. Biết chồng có mèo là làm âm ỉ lên liền, rồi sau đó thì đi chiều mộ vài bà bạn cũng chịu "quây" như mình để kéo tới nhà địch thủ uỳnh cho một trận tơi bời khói lửa. Thế là vừa được đánh đấm sướng tay, vừa được chửi mắng chí mạng, vừa được khán thính giả đứng bên ngoài ủng hộ từng bừng, rồi lại vừa được đức ông chồng xách cờ trắng về quy phục nữa chứ.

Thuần cười lúc nghe cái "hoài bão" của tôi. Anh hỏi:

- Giả sử bây giờ chàng xách cờ trắng về thì Nga nghĩ làm sao?

Tôi biết nghĩ làm sao! Bởi chồng tôi ra đi được vài tuần thì đã về ca cẩm tởm cũ đã so, lò hươu xưa đã đốt, nhưng tôi không tin. Tôi kiểm tra lại cái linh tính mình, thì quả thật là xui cho tôi, và xui cả cho anh là tôi nhặt ra được cái biên lai trả tiền nhà mới nhất để tên anh và tên cô bạn gái của anh. Chúng tôi cãi nhau thêm một trận, rồi tôi ra toà làm đơn xin ly thân. Tôi viết: "Những tháng năm năm chờ ly dị, cứ cười buồn thời mới yêu nhau..." Tôi đã hết khóc rồi lại cười. Cười buồn, nhưng không chỉ cho thời mới yêu nhau mà còn cả cho thời sắp hết yêu nhau.

Tôi hay theo Thuần ra biển. Trời đã sang tháng mười. Nắng mùa hè đã rực rỡ trên những ghềnh đá chúng tôi thường ngồi. Thuần đùa với tôi rằng đây không phải là biển Đông nên tìm mãi mà không thấy dã tràng, chỉ thấy những con chim én biển bay liệng ngoài khơi xa làm Thuần nhớ Nha Trang. Tôi cũng nhớ Nha Trang. Nhưng Nha Trang của tôi chỉ có cô bạn học thân thật thân, chỉ có những lần đạp xe ra Thành, ra Ba Làng, Cầu Đá. Còn Nha Trang của Thuần thì:

- Có một con đường, có một ngôi nhà, có một thánh tích, bởi có một người mà anh vẫn đón đưa về học mỗi ngày, vẫn ngấp ngừng muốn nói một câu gì đó khác hơn chuyện lớp trường, sách vở.

Thuần bảo anh ghét mùa hè, ghét màu hoa phượng, ghét tiếng ve sầu kêu rả rích. Thuần kể:

- Có một lần đang ngồi trong lớp học, đứng không nhìn ra ngoài, thấy hoa phượng, thấy trời xanh, anh đã hốt hoảng lên vì biết rằng sắp sửa phải chia tay với một người. Anh thức suốt mấy đêm liền, suy tư mấy đêm liền, đến khi "sáng tác" ra được mấy câu thật hay thì đã muộn.

Đã muộn vì Tôn Nữ tiểu thư của Thuần đi tản. Thuần ngỡ ngác hết bao nhiêu năm trời. Thuần đi bao nhiêu là chốn. Đến cuối cùng khi... dừng chân ba năm ở trại tị nạn Thái Lan thì đã xa Tôn Nữ tiểu thư hơn một thập niên. Thuần đoán tiểu thư của anh đã sang ngang. Tôi đùa với Thuần:

- Anh đừng lo. Nga hay đọc báo, mai mốt nếu thấy tên của Tôn Nữ tiểu thư tìm trẻ lạc, Nga sẽ báo cho anh hay. Còn ở cái xứ Úc này thì anh tin chắc đi, không có... *màu hoa phượng thắm như máu con tim* đâu!

Thuần cười. Anh xoay ly cà phê trong tay ngó tôi:

- Từ chỗ Nga hay ngồi trên sân cỏ, nhìn ra phía tay trái là một cây họ điệp. Xứ Úc vẫn có hoa phượng đấy, nhưng hoa phượng tím, cái màu... buồn muôn thuở phải không?

- Anh ngưng một lát rồi hỏi tiếp - Nga biết bây giờ là mùa gì ở đây không?

Tôi im. Thuần làm tôi bối rối. Tôi không hiểu người ta bỏ chồng và tái giá dễ dàng như thế nào. Nhỏ bạn tôi viết: "Tuyền nó ly dị và sắp lên xe hoa lần nữa. Thằng bé này nhỏ thua nó gần mười tuổi, ở bên kia lục địa về cưới. Cậu có hình dung ra nổi hai đứa tình như một cặp mới biết yêu lần đầu không?" Tất nhiên là tôi không tưởng tượng ra được điều đó rồi. Tôi đọc ở đâu đó một ông nhà văn viết, đàn bà Việt Nam chỉ bỏ

được chồng khi bản thân mình có một người đàn ông khác tìm đến. Thuần không tìm đến. Anh từng sống khi tôi và chồng tôi đã chia tay. Nhưng chúng tôi chia tay mà anh vẫn về mỗi cuối tuần để thăm con, vẫn đóng góp ý kiến cho tôi trong nhiều công việc, vẫn hút bụi cái nhà, vẫn đóng cho tôi cái giá sách, cái bàn học... nên có phải vì thế mà tôi không dám nghĩ rằng mình có quyền được tự do nghĩ đến người khác hay chăng?

Buổi liên hoan mãn khoá học tổ chức ở nhà ông thầy dạy Anh văn. Thuần được phân công chở tôi. Tôi đến sớm, chờ Thuần ở cửa lớp. Lòng tôi buồn rười rượi khi thấy Thuần đi vào. Chúng tôi chào nhau. Thuần mang kính cận màu xanh sẫm. Tôi mặc áo đầm hở vai nhiều bông hoa rực rỡ hai đứa mới đi lựa mua tuần trước. Tôi không biết được trong mắt Thuần có điều gì muốn nói không. Nhưng anh chẳng nói với tôi một câu nào suốt gần hai mươi phút đồng hồ lái xe. Trước đó vài hôm tôi và Thuần đi uống cà phê với nhau. Tôi nói cho Thuần nghe về quan niệm sống, về gia đình, về xã hội và về những ưu tư trong đời sống tôi. Thuần không có ý kiến gì. Anh chỉ tỏ ra lặng lẽ hơn khi tôi bảo tôi không thể chịu đựng nổi đôi mắt u buồn của con tôi mỗi khi Thuần đến nhà. Nó như trách móc, như xót xa, và như sợ hãi rằng sẽ mất tôi khiến tôi thu mình lại. Tôi như ông già Đài Loan, cứ loay hoay, loay hoay mà không dám thay đổi số phận mình.

Suốt buổi picnic, tôi chỉ đi theo một bà già người Chi-lê nói chuyện bá láp. Thuần ngồi một mình trên sân cỏ nướng thịt. Lâu lâu ông già Đài Loan ra phụ với anh. Tôi nghe tiếng anh nói, tiếng anh cười, lòng cứ đau tái tê. Cái bước lỡ của cuộc đời đã ngăn không cho tôi có cái hạnh phúc dung dị mà nhiều người đang có. Tôi đã suy nghĩ mệt mỏi trước khi bảo Thuần hãy để tôi bước đi một mình, để tôi không phải dằn vặt với chính mình, không phải oằn

cái gánh nặng mặc cảm mỗi khi nhìn ngắm con tôi. Và tôi cũng nói cả với Thuần rằng để anh không phải nhọc nhằn tranh chấp với gia đình chỉ vì tôi.

Thuần nướng hết thịt, anh bỏ đi đâu thật lâu. Tôi có ý chờ và đưa mắt tìm, nhưng chẳng biết anh ở đâu. Mãi gần hai mươi phút sau Thuần mới trở vào, trên tay cầm theo một giỏ dâu đỏ thắm. Bất chợt Thuần đến thẳng chỗ tôi, đưa cho tôi và mỉm cười. Cái nụ cười buồn bã, héo hắt làm tôi ghen ngào. Thuần rủ tôi đi dạo với Edith, Anna, Rita và bà già người Chi-lê. Chúng tôi đi băng qua sân tennis, thả bộ dọc xuống bờ suối vào rừng. Căn nhà của ông thầy tôi được xây ở giữa một khoảnh đất rừng rộng mênh mông, có nhiều cổ thụ và những bụi gai xanh. Thỉnh thoảng một vài chú sóc, một con thỏ rừng lao ngang qua đường mòn. Thuần chỉ cho tôi thấy đám chim Kookaburus mình đầy màu sắc sặc sỡ đang chuẩn bị bay lên. Anh đùa bảo tôi nên bay theo đi, rồi anh chụp cho tôi mấy tấm hình tôi đang lội dưới giòng suối nước trong veo. Thuần hát *suối mơ bên bờ thu vắng* và cười. Anh cứ cười những nụ cười buồn tênh, cay đắng như thế. Lúc ra về tôi bảo Thuần nếu không thể cùng tôi song hành hết đoạn đường đời còn lại thì nên cho tôi leo đèo phía sau. Thuần trêu tôi cái lưng, và bảo anh đâu có muốn chia tay với tôi. *Never want to say good bye*. Thuần nói. Anh hôn tôi thắm thiết mặn nồng trước cửa nhà tôi sau khi hẹn sẽ đến đón tôi đi lãnh bằng tốt nghiệp khoá học vào thứ năm tuần sau.

Thứ năm tuần sau Thuần không đến. Tôi chờ anh khoảng hơn một giờ đồng hồ, đầu tôi đã đoán trước được điều ấy. Tôi ngần ngừ bước vào văn phòng gặp bạn bè, gặp thầy cô. Ai cũng có mặt, trừ Thuần. Ai cũng hỏi tôi Thuần đâu. Tôi không biết Thuần ở đâu. Tôi nhớ lần đầu rủ Thuần đi uống cà phê để “trả nợ” những hôm Thuần đón đưa tôi về, tôi giành trả tiền thì Thuần không

hai mùa thu

Nhận được thư nhà
Mùa thu vừa trở lại
Gió heo may cùng với nắng hanh vàng
Lững lờ trôi, mây trắng gọi mùa sang
Biển lấp lánh, ánh bạc ngoài rào thép
Nét chữ nghiêng nghiêng
Nỗi buồn da diết
Quê hương ơi, thu này
đường làng có ong bay?
Gió có thổi lao xao lá mía?
Cúc có nở vàng, khóm hoa vừa mới tía?
Và hoa cau có thơm ngát hàng cây?
Đáy giếng trong veo trăng có phủ đầy?
Mơ ước của em
có còn xanh như ngày chưa giã biệt?
Ngày anh đi con mình chưa biết viết,
đến bây giờ có biết đọc thư không?
Anh biết em mong
khắc khoải đếm thời gian cho ngắn lại
Để hai mùa thu được gần nhau mãi
nhưng vẫn xa, vì chưa hết cường quyền.
Xin hẹn em, ngày sông núi bình yên
Thu tự do sẽ của riêng hai đứa.

nguyễn trọng lượng

cho, bảo để khi khác. Tôi đã hỏi Thuần nhớ như không có dịp thì sao, anh mỉm cười, đùa lại “nếu như định mệnh thì đành chịu vậy”. Nếu như định mệnh mà Thuần có mặt và rồi mất hút trong đời sống tôi, như Tôn Nữ tiểu thư có mặt và rồi mất hút trong đời sống Thuần. Tôi không còn mười lăm mười bảy để hoảng hốt như Thuần đã hoảng hốt lúc nhận ra mùa hè đang đến. Nhưng lòng tôi chùng xuống, chùng xuống đến tận cùng.

*

* *

Tôi đi học trở lại. Cuối tháng giêng, đầu mùa thu ở Úc vẫn còn nắng chói chang rực rỡ trên những nhành phượng màu tím lác đác mấy bông hoa. Vài con ve sầu vẫn rả rích ở đâu đó. Tôi bước ngang qua lớp học cũ nhìn vào. Nhiều người nói cười xôn xao. Tôi cố nhướn mắt như tìm một chút thân quen nào còn sót lại. Chẳng có ai quen. Cũng

chẳng có ngay cả một mái tóc màu đen, một cặp kính cận trắng để tôi tưởng tượng ra nụ cười Thuần hiền hoà và câu chào “*Good morning*” quen thuộc. Tôi thở dài. Khi tôi sắp sửa quay đi thì ông thầy cũ nhìn ra vẫy tay chào. Tôi mỉm cười chào lại. Lan huệ đang trở về trong tôi se sắt. Tôi bước xuống bậc thềm. Năm nay tôi sẽ học ở đây bên kia, gần cây phượng tím bông của anh. Tôi chắc chắn sẽ được thấy hoa phượng nở bói đầu mùa hè, tôi chắc chắn sẽ nghe tiếng ve đầu tiên kêu rả rích. Không biết sách vở, bài thi rồi có làm tôi còn đủ thì giờ nhớ Thuần hay không, nhưng chắc chắn là tôi sẽ được thấy mùa hè về. Trong trí tôi hai câu thơ của Nguyễn Đình Toàn chợt đến. Tôi đọc. *Kỷ niệm cũ vẫn còn nguyên vẹn đó. Trời tháng giêng tháng bảy buồn như nhau*. Tôi ra đến sân, chuẩn bị băng qua cây phượng tím. Tôi nhớ mình quen Thuần hồi tháng bảy năm ngoái.



Nghề Đi Ở Mướn Thời Đổi Mới

Văn Thanh

Đời sống như con voi
Mỗi tên mò một tí
Có một anh rất khỉ
Mò trúng miếng con voi !....
(Du Tử Lê)



Năm chị đàn bà trẻ đứng sắp hàng ngang giữa nhà khách to rộng. Đồ đạc trong nhà khách quá sang trọng, bàn ghế toàn đồ lim, đồ gụ khảm xà cừ, sàn nhà đá hoa vân thạch lý, tủ kính trong đựng những đồ quý giá, có nhiều thứ hàng ngoại tinh xảo không thấy bày bán trên thị trường. Giữa nhà, chiếc bể cá vàng có vôi nước “tự động” vo vo chảy không dứt. Đàn cá vàng tung tăng bơi lội. Năm chị đàn bà đều ăn vận với bộ quần áo xộc xệch, loãng xoàng. Trên tường, chiếc đồng hồ treo gửi mua tận nước ngoài, có con cú ngồi thờ lờ, đếm bước đi của thời gian bằng đôi mắt lơ lảo nhìn ngang nhìn ngửa theo nhịp tích tắc tích tắc chuyển đều đều của quả lắc, cái nhìn vừa tò mò ngớ ngẩn vừa chứa chan vẻ kèn kiệu khinh miệt.

Họ là những người đàn bà khốn khổ, ngực người nào cũng căng

phình hai bầu sữa, nước sữa chảy ướt thấm qua làn áo, nom gần rõ đầu núm... Họ vừa sinh con để cái không bao lâu thì vứt con ở nhà, mang hai bầu sữa của con ra chợ, như thứ “đồ nghề” của người thợ đi kiếm người chủ thuê mướn.

Giá cả “cơ chế thị trường tự do” của nghề này mới phát triển, nhưng mang đầy triển vọng hứa hẹn đứng vững trên thị trường Hà Nội. Chỉ cần hai bầu sữa nóng trên bộ ngực, chảy ra từ “thiên nhiên” bên trong cơ thể, không mất tiền vốn, người đi ở mướn được trả 150 ngàn một tháng cộng với hai bữa cơm nuôi ăn có cá có thịt. Hơn hẳn lương của một kỹ sư lâu năm. Sống quá ! Nhưng họ phải kinh qua một cuộc trắc nghiệm soi xét kỹ lưỡng của chủ thuê mướn.

Năm chị đàn bà trẻ đứng thẳng người. Họ tỏ ra đứng đắn, không nhìn quá chăm chú vào những đồ

đặc mới trong nhà khách. Họ nhìn lẫn nhau, mỉm cười nhả nhặn với nhau nhưng trong bụng lại nảy ra những ý nghĩ ác độc. Họ thầm nguyện rửa lẫn nhau là “con dĩ”, khi người nọ nghĩ rằng chính người kia đang chà đạp lên cái vận may của mình. Nếu sáng nay, ngoài chợ chỉ có mình họ ra bán sữa vú, nếu cái lúc nhà chủ thuê gọi mướn chỉ có một mình họ chạy lại, thì có phải là họ đã được cái vận may... ngồi mát ăn...bát vàng.

Oái oăm thay! Sáng nay chỉ có mỗi một gã đầy tớ theo lệnh chủ ra chợ kiếm bầu sữa. Và ở chợ, thì lại có những năm người đàn bà trẻ cho thuê! Cả đám đàn bà nháo nhào chạy lại, xúm xít vây quanh gã đi thuê. Họ rối lên, vươn dài tay bầu lấy cánh tay gã, ai cũng nhận mình là người đầu tiên được gọi tới. Họ vừa tranh cãi lý lẽ với nhau, vừa phải hạ thấp

giọng để nói cho gã đi thuê hiểu ý nghĩ của mình. Gã đi thuê vô đầu, khó nghĩ...

Gã đi thuê vốn là người làm công, quen chờ người khác sai khiến, rất ít khi phải tự mình quyết định lấy một việc gì. Tên gã là Thu. Vì gã đi vào mùa thu, nên bố gã, một chiến sĩ đảng viên đặt cho gã cái tên này để kỷ niệm cuộc cách mạng mùa thu. Rồi vì tóc của gã đã loan xoắn lại am ám màu đỏ, mọi người quen miệng cứ gọi gã là Thu tóc đỏ.

Thu tóc đỏ bối rối gan ruột, không biết chọn ai, gã nhìn mặt ngẫm nghĩ. Nhưng gã vốn thông minh, cái thông minh bẩm sinh của kẻ ở thuê là rất sợ làm mất lòng mọi người, gã nghĩ ngay ra cách phải đưa hết cả đám các chị đàn bà này về cho ông chủ tự ý lựa chọn. Thu tóc đỏ hỏi các chị. Các chị hăng hái nhảy phốc lên cái ô tô con của Thu chạy ra ngoài thành, qua chợ Núi Đồi, qua làng Đông thôn Đoài, lên ngọn đồi trên có xây cái dinh cơ "tân trang" mới mẻ...

Thu tóc đỏ bảo các chị đứng đợi trong nhà khách để gã lên gác báo với ông chủ. Đi được vài bậc cầu thang, Thu tóc đỏ quay lại dặn các chị phải đứng im tại chỗ, đừng có tí máy sờ mó đồ đạc trong nhà, vì mọi cái thứ này nó đều mua mới, có điện, đụng vào nhỡ bị điện giật chết thì gã không "chịu trách nhiệm".

Các chị đàn bà đứng hàng ngang, thẳng người, hai mắt chăm chăm nhìn Thu tóc đỏ dặn dò thêm. Gã thông cảm với tất cả các chị, ai cũng muốn giành lấy việc làm, nhưng gã biết, ông chủ chỉ chọn có một người thôi. Vậy sự may chỉ đến với có một người trong đám các chị, còn bốn chị kia, ai là bốn chị kia? Gã không biết được, cái ấy tùy quyền ông chủ, người nào bị loại phải chấp nhận rủi ro, phải tự tìm đường ra về mà không được oán thán gì gã, gã cũng như các chị, một người đi làm thuê ở mướn.

Mấy chị đàn bà nghe xong lời dặn của Thu tóc đỏ, đồng loạt "vâng dạ" và đứng đợi.

Thu tóc Đỏ ngập ngừng định nói thêm điều gì nữa, sau gã nghĩ thế nào lại chép miệng và quay người đi lên gác, các chị nhìn dõi theo gã hồi hộp...Tiếng đồng hồ quả lắc tích tắc nghe gõ nhịp to, khác hẳn tiếng gõ đồng hồ ở những nơi khác, đôi mắt con cú sòng sọc nhìn đám đàn bà trẻ xin đi ở thuê, tò mò, soi mói và đầy vẻ đánh giá.

Thu tóc đỏ rón rén đi vào hành lang và se sẽ mở cánh cửa buồng ông chủ. Trong buồng không bật đèn, nom tối om, Thu tóc đỏ phải chú mắt ít phút mới nhìn ra bóng ông chủ sù sù trên chiếc ghế xa lông.

Thu tóc đỏ biết rất rõ tính nết ông chủ. Gã theo làm cận vệ của ông chủ từ khi ông còn làm chủ tịch huyện Đông Anh. Ông chủ nói năng rất sẽ, nhưng mặt ngọt chết ruồi đấy, cái gì cũng phải nhất nhất làm đúng theo ý của ông.

Gã báo cáo :

- Dạ thưa thủ trưởng, con báo chúng nó đứng đợi ở dưới ạ..

Có tiếng "hừm" khẽ trong cổ họng. Sau giây lát im lặng, như để sắp xếp công việc, ông chủ mới đóng dả lên tiếng :

- Chúng nó thế nào?

Thu tóc đỏ gãi gãi mái tóc xoắn, tỏ ra sành sạo và cần mẫn với công việc:

- Dạ thưa thủ trưởng, các chị đến xin việc đều thuộc hạng khỏe mạnh cả ạ! Các chị hình như là dân nhà quê, có bốn chị mặc áo nâu đi chân đất, chỉ có một chị là chân đi dép, mặc áo trắng phin mỏng, đầu thì phi- dê, nom có vẻ người ngoài tỉnh ạ.

Ông chủ đi thẳng vào đề chính :

- Tên chúng nó là gì? Người ngòm thế nào?

- Dạ!... Thưa...

Thu tóc đỏ ngớ người, gã láu táu:

- Con chưa kịp hỏi, để con xuống hỏi lại...

Gã lập cập chạy xuống, hai mắt nhìn các chị đàn bà trẻ chòng chọc như sờ nắn kỹ lưỡng khắp từ đầu xuống đến chân cả đám, khiến chị đàn bà phi-dê người cao ráo trắng

trẻo đứng đầu hàng nhẩy cảm, máu nóng bốc lên, đỏ bừng bừng trên mặt. Thu tóc đỏ cặn kẽ hỏi tên từng chị một.

Một lúc sau, Thu tóc đỏ chạy lên buồng ông chủ:

- Nhà chị phi-dê tên là Chanh, người cao dong dong, chân đi dép, mặc áo trắng mỏng, nom con người có vẻ dân ngoài tỉnh. Còn lại toàn mặc áo nâu. Có hai chị trẻ trẻ. Một chị mắt lá dăm, để tóc dài, cặp ngang lưng, nước da trắng hồng, tên là Hạnh. Chị kia, nước da ngăm ngăm, dáng người chắc thịt, gọn gàng, tóc cắt ngắn, má hồng đầy đặn lại có lúm đồng tiền, tên chị này là Quýt. Hai chị khác thì đứng tuổi. Một chị mặt tròn, người thùy mị phúc hậu, tóc búi cao, hờ cái cổ trắng lẩn, tên là Bưởi. Chị kia dáng người thấp hơn một chút, đôi môi đầy đặn mọng, nhưng con đã nhìn kỹ, chị này không phải đã đánh môi son, tên chị ta là sim...

Ông chủ ngắt lời, ông có vẻ sốt ruột:

- Vú về chúng nó thế nào?

Lại một lần nữa Thu tóc đỏ bần trí, quả thật, gã chưa nhìn ngực các chị nên không biết ăn nói đằng nào, gã vừa định long tong xin lỗi ông chủ để chạy xuống nhìn lại cái việc quan trọng nhất để báo cáo thì ông chủ đã "hừm" một tiếng thật to, gã lạnh người hiểu đây là lời trách móc vì gã không được việc. Ông chủ bảo Thu tóc đỏ:

- Chọn cho tao một đứa khá nhất. Cách làm như thế này...

Thu tóc đỏ đồng tai nghe không bỏ sót một lời.

Từ cầu thang đi xuống, Thu hai tay lễ mễ bê chiếc khay, trên để 5 chiếc chén thủy tinh nhỏ trong suốt, dưới mỗi chiếc chén có lót tờ giấy nhỏ để các chị đàn bà xin việc ghi tên tuổi, ngày tháng đã có sữa, lý lịch của... đôi vú.

Thu tóc đỏ nhả nhận dặn các chị lời của ông chủ:

- Ông chủ bảo các chị, ai thấy sữa của mình chưa thì tự động rút lui, không cần thử cho đỡ mất thì giờ.

Các chị tự vắt sữa vào chén, đề tên họ của mình và ngày nào bắt đầu có sữa để ông chủ quyết định cho công bằng.

Mỗi chị đón lấy một chén và tờ giấy. Các chị chậm rãi cởi cúc áo. Phần đông quay nghiêng ra phía sau để che giấu sự thẹn thùng. Chỉ riêng Chanh thản nhiên trật vú trước mặt Thu tóc đỏ. Vô tình nhìn thấy cặp vú trắng trẻo, lòng dục bất thần bị kích dục, khắp người Thu như bị chạm điện, chân tay bủn rủn. Gã sợ quá, không dám nhìn tiếp, vội quay mặt đi và nắm chặt lấy thành vịn đầu cầu thang... Để tỏ ra mình có nhiều sữa, Chanh nhanh nhẹn bóp mạnh bầu vú căng, tia sữa mạnh trong chớp mắt đã đầy tràn chén. Chanh đặt chén lên khay, lấy giấy hý hoáy viết lý lịch, Chanh có đứa con đầu lòng, mới sinh được một tháng.

Chanh nhoèn miệng cười chiến thắng, chị nói mạnh và giao hẹn:

- Tôi xong trước tiên đấy nhá!

Trong khi đó, các chị kia chẳng ai bảo ai, đều khôn ngoan vắt lớp

sữa đầu cho bắn đầy lên vạt áo. Các chị có kinh nghiệm, cả buổi sáng tính từ lúc ở ngoài chợ cho đến bây giờ mới vắt sữa, những tia đầu thường hôi và thiu chua. Họ lần lượt vắt đầy chén của mình.

Kiên nhẫn đứng đợi đám đàn bà đưa ra chén sữa và tự điền lấy lý lịch bầu vú của mình, để lên khay xong xuôi, Thu tóc đỏ thận trọng bê khay sữa, rón rén đi lần từng bước lên gác, cố không để sánh sữa từ miệng chén đầy đổ ra mặt khay. Thu tóc đỏ rửa thầm trong bụng: "Bảo vắt một ít để thử, không hiểu lũ chúng nó ăn cái bả gì mà đua nhau vắt đầy thế này không biết, chỉ khổ cái tội ông đi bê..."

Thu tóc đỏ vừa khuất cái lưng bậc thang trên cùng, đám đàn bà đã ôm miệng cười rúc rích, họ trách nhẹ Chanh:

- Cái nhà chị này... liệu đến thế! Nó đứng sờ sờ đấy mà dám coi phăng ngay áo cho nó nhìn!

Chanh vênh mặt, nhún vai:

- Thời buổi làm ăn bây giờ nó thế! Ăn nhau là ở chỗ mạnh bạo dám nghĩ dám làm đấy các chị ạ!

Chanh nhìn đám đàn bà như những người thua cuộc bằng con mắt có vẻ thương hại. Chợt Thu tóc đỏ từ trên gác đi xuống tuyên bố:

- Sữa của chị Chanh chua, bị loại

vòng đầu!

Chanh giật mình, ngơ ngác và bức tức:

- Sữa của tôi ngọt thế mà dám bảo là chua à? Ăn nói hàm hồ! Thử lại xem nào!

Vừa nói, Chanh vừa có vẻ như muốn cởi áo lần nữa để khiêu nài. Thu tóc đỏ nhanh mắt xua vội tay, dứt khoát:

- Thử rồi! Chính tôi bị ông chủ bắt ngửi mùi, uống thử. Sữa của chị vừa chua vừa có mùi... thiu! Cãi vô ích!

Bấy giờ, Chanh mới sực nhớ ra, vì vội, chị quên băng động tác vắt thải sữa đầu giòng.

Về mặt hãnh diện với chị em đi xin việc như người chắc chắn được cuộc của Chanh vừa rồi vụt biến mất, thế vào đấy, nổi dậy những uất ức như bị lừa dối, Chanh ném cái nhìn hậm hực vào bốn người kia rồi lui thủi bước ra cổng. Máy người đàn bà còn lại bưng mũi cười, họ nhớ chị chàng vừa lên mặt giảng giải cái đạo bạo dạn để giành lấy chiến thắng, như cái vẻ ta đây hiểu đời hơn tất cả mọi người.

Thu tóc đỏ lật đật chạy theo mở cổng. Cài lại cái chốt sắt nặng nề, Thu tóc đỏ quay lại, hai tay xoa xoa vào nhau, rất thú vị, thở phào nhẹ nhõm:

mai em về sidney

Nếu mai em có về Sidney
Nhớ giữ hộ anh chút xuân thì
Thân gái dặm trường nơi viễn xứ
Em có sợ mùa xuân qua đi.

Mỗi chiều em tan lễ Misa
Anh vẫn chờ em trước hiên nhà
Anh vẫn mang hồn tên vô đạo
Đại khờ nhìn chiêm Chúa đi qua.

Anh biết em còn mộng trắng sao
Thơ anh rơi rụng tự năm nào
Thời gian có bao giờ đọng lại
Để đưa em vào cõi chiêm bao.

Em ở đâu em cũng là thơ
Để anh tơ tưởng để anh chờ
Để anh sống hết đời hư ảo
Xa em, anh còn mỗi giấc mơ.

phạm văn hội

tôi xin chút nắng

Hồn tôi xơ cứng ngậm ngùi
Chai từng chữ nghĩa đường thư gọi về
Âm thanh dốc ngược trường mê
Thu gom rừng lá, buồn tê lịm tàn
Hương đời rữ ngọn mang mang
Chết từng sợi nhớ, phai vàng mơ xưa.
Tương tư chỉ những ngày thừa
Đổi gương chợt thấy tóc vừa bạc ra.
Nhớ người tri kỷ hôm qua
Tôi như hạt bụi bay xa ngút ngàn
Bên kia trí tưởng bàng hoàng
Tôi xin chút nắng ấm tàn hồn đau.

lê trung tân



- Loại được một người rồi! Nào, bà con ta tiếp tục...

Quýt thay mặt chị em thắc mắc hỏi:

- Định thử kiểu gì nữa đây?

Thu tóc đỏ gật gù cái đầu ụ mớ tóc bông, ra vẻ huyền bí:

- Rồi các nhà chị khác biết. Xin các chị cho tôi nhờ... Yêu cầu các chị đứng thẳng người, đứng thật thẳng, không ai được khom người, không ai được uốn người. Tất cả bỏ hết tay xuống, giống như bộ đội sắp hàng nghe chỉnh huấn. Nín thở. Mà thôi! Ai mà nín lâu được, thở thì thở, nhưng thở nhẹ thôi, rõ chưa?

Mọi người làm theo. Quýt đánh bạo hỏi:

- Để làm gì? Phải nói cho chúng tôi biết chứ?

Thu tóc đỏ tròn tròn xoe đôi mắt:

- Ô hay! Có thể cũng phải hỏi? Để chọn xem vú ai to nhất chứ để làm gì nữa? Đã đi ở vú thì nhà chủ mất tiền cũng phải cho xứng với đồng tiền bát gạo bỏ ra, để tôi bốn các chị chắc? Nào, các chị có chịu đứng thẳng người cho tôi ngắm vú không thì bảo? Đừng tưởng tôi ngu đâu nhá, chị nào uốn ngực, gian dối, tôi loại trước tiên đấy, đừng có mà chê tôi ác ý, thành kiến cá nhân!

Nghe nói thế, mấy chị đàn bà vội vã đứng vào khuôn vào khổ, không dám mè nheo thêm nữa lời. Các chị nín thở. Hai tay người nào người ấy buông xõng, thả xuôi theo bờ đùi. Mặt mọi người ngật lên, như tô điểm thêm cho cái bộ ngực sung mãn của mình.

Thu tóc đỏ lần lượt đi ngang qua mặt mọi người, mắt đâu đâu nhìn sát những bộ ngực mấy sau làn áo mỏng. Hai tay Thu tóc đỏ chấp đàng sau lưng, gã phải nắm các ngón tay vào nhau, bám thật chặt vào nhau, để giữ cho những ý nghĩ đang nổi lên quay cuồng trong đầu gã, đừng như đang xui gã đưa những ngón tay ấy vung ra đàng trước làm một cuộc nổi loạn long trời lở đất... Gã phải dùng hết can đảm và nghị lực để tự kiềm chế mình, trên bộ mặt ổn định

với tình huống giật dội bởi sức hấp dẫn của đàn bà... cơn thèm khát kỳ lạ chưa bao giờ có, kể từ khi cha sinh mẹ đẻ ra gã chưa hề dám mơ màng tới!

Ngắm nghía kỹ, nắm chắc vấn đề, Thu tóc đỏ hồng hộc chạy lên gác báo cáo như một người máy.

Ít phút sau, gã chạy xuống, nói và thở hổn hển, reo lên như phát hiện chuyện bí mật tuyệt đối:

- Chị Quýt bị loại !

Quýt dấy nẩy:

- Vô lý! Tại sao tôi bị loại?

Thu tóc đỏ tỏ ra hóm hỉnh hiểu đời:

- Gì nữa, ai bảo chị đeo xu chiêng!

Quýt ngạc nhiên:

- Ô hay! Đàn bà đeo xu-chiêng là chuyện thường, cấm tôi đeo à? Ăn nói vô lý! Thời buổi văn minh, đâu có còn như cái thời các cụ mặc yếm?

Thu tóc đỏ cười sặc sụa:

- Thế mà lại đúng lý.

Quýt cãi:

- Đúng cái lý gì?

Thu tóc đỏ giải thích, hai mắt nheo nheo như tự thưởng thức câu danh ngôn:

- Ông chủ bảo, ai vú bé nhất thì phải loại trước, vú chị không bé thì tại sao chị phải đeo xu-chiêng? Hở? Chẳng qua chị, vú của chị nó bé, chị định che giấu sự thật, đeo xu-chiêng nhọn hoắt, đánh đòn của giả với đồ thật, bị loại là hợp lý rồi còn cãi làm gì. Tôi dám đánh cược, vú nhà chị phải bé hơn vú mấy nhà chị kia.

Quýt đỏ mặt tía tai, cúi nhìn xuống ngực, cơn điên giận bị mất việc khiến cho Quýt chỉ một suýt nữa thiếu bình tĩnh cởi phăng áo ra thanh minh bộ ngực vốn căng tròn nổi tiếng bầu bẫm của mình. Tay Quýt lóng ngóng, run run kéo lại cái cổ áo. Sau cùng, biết có cãi vã cũng chẳng ăn thua gì với cái đồ "bảo thủ thời bao cấp", Quýt lúi lúi bỏ đi cùng với cái lờm nguýt sắc như dao cạo rạch ngang mặt thẳng đây tớ có mặt mà như đui, dám kết luận Quýt thuộc thành phần vú bé chỉ vì Quýt đeo xu-chiêng!

Thu tóc đỏ chịu nhịn đưa Quýt vùng vằng ra khỏi cổng, gã thông cảm nỗi lòng chua cay của người bị đánh loại. Thu tóc đỏ chậm chạp cài lại then cổng, quay vào, vừa đi vừa có cái vẻ như cảm thấy khó nghĩ quá chừng...

Còn lại ba chị đàn bà, Bưởi, Hạnh, Sim, họ nhìn nhau vừa mừng vừa lo ngay ngáy. Mừng, vì đã thoát được hai lần thử thách, nhưng lo vì không biết đợt tới nữa sẽ chịu cảnh kiểm nghiệm như thế nào đây.

Bưởi bỏ hàng ngang, xấn đến lắc vai Thu tóc đỏ, hỏi dịu dàng:

- Bây giờ thử cái gì nữa đây? Gặp chủ anh được chưa?

Bưởi vốn khéo ăn nói, hy vọng nhanh chóng đối diện với ông chủ của Thu tóc đỏ, Bưởi sẽ có cách xoay chuyển tình hình đánh loại hai người kia. Nhưng Thu tóc đỏ lắc đầu quầy quậy, gã tỏ thái độcăm vận động! Gã bắt Bưởi đứng ngay vào hàng ngang để tiếp tục công việc đánh loại.

Thu tóc đỏ nói:

- Trong ba người, chúng ta sẽ tập trung dân chủ loại bớt đi một người...

Bưởi không tán thành:

- Dân chủ muốn kiểu gì thì cũng phải có tiêu chuẩn chứ. Chẳng nhẽ đánh loại con người ta như đi bầu cử, trên cho ai thì người ấy được may à?

Thu tóc đỏ gãi gãi đầu thú thực và nói lại lời ông chủ :

- Trong ba người, vú của ai nhão nhất thì bị loại...

Ba chị đàn bà ngẩn người nhìn nhau như dò hỏi thăm: Ai sẽ dùng cảm nhất tự nhận vú của mình nhão để đi ra khỏi hàng ngũ xin việc? Họ như đọc thấy trong đáy mắt của nhau câu trả lời chung: chẳng có ai chịu nhận vú của mình nhão nhất bọn. Niềm hy vọng xin được việc ánh lên trong cái nhìn háo hức của họ, và lẫn sâu trong im lặng không ai nói ra cửa miệng. Như bị nhận chìm vào nỗi thống khổ của đói nghèo túng quẫn, họ phải dấy dựa thoát ra khỏi nó, bằng mọi cách. Thế là giữa họ, bỗng như nổi lên sự thách

đổ găm ghè, không khoan nhượng, tàn nhẫn, chanh chát đến tận cùng.

Hạnh phá tan bầu không khí im lặng bằng câu nói đùng đĩnh:

- Tôi có ý kiến, tôi tự nhận xét, vú của tôi cũng như cao su.

Sim chẳng lép vế:

- Tôi cũng có ý kiến, tôi tự nhận xét, vú của tôi lúc nào cũng mềm mại, căng đầy những sữa.

Trước câu nói lên nước trắng trợn của hai người kia, Bưởi hai tay chống ngang hẹ, không chịu lùi:

- Đã chắc to bằng của tôi à?

Hạnh cười khẩy:

- To thì làm gì? Người ta nói là loại cái “anh” vú nhão cơ mà! Cho là Hạnh xỏ xiên mình, Bưởi điên tiết thách luôn:

- Giỏi lắm! Có dám thì mang ra so thử?

Một liều ba bảy cũng liều! Hạnh hát đầu hỏi Sim:

- Nhận thua hay là mang ra đo thử?

Sim nóng bốc đầy người, cời phăng áo... Thế là trong nháy mắt, cả ba chị đàn bà đều hăng lên, cời tung áo, cùng phô ra bộ ngực trắng ngần, những bộ ngực trước đây vốn được thường xuyên che giấu kín đáo, vốn được bảo vệ kỹ lưỡng...

Hạnh ưỡn cao ngực bảo Thu tóc đỏ:

- Anh làm trọng tài xem, có phải của tôi chắc nhất không?

Thu tóc đỏ gật đầu xác nhận là bộ ngực của Hạnh trông to và gọn gàng:

- Đúng thế... Ủ! Ngực nhà chị này... chắc lắm, chắc lắm...

Sim bĩu dãi chiếc môi đỏ mọng mọng, ngúng ngẩy bộ ngực trước mặt Thu tóc đỏ nói mát mẻ:

- Một trăm cái nhìn không bằng một cái... sờ! Anh thử bóp một cái xem nó thế nào? Đã chắc ai hơn ai? Bóp thử đi, xem nào, vàng thau cũng đòi lẫn lộn!

Thu tóc đỏ cười gượng:

- Tôi không dám... Hề hề...

Sim cương quyết:

- Ờ hay! Tôi bảo cho phép anh, cứ tự nhiên, bóp đi xem nào... Bóp

đi! Bóp!...

Thu tóc đỏ rút dè giờ tay, se sẽ chạm lên ngực Sim. Gã trầm trồ:

- Đúng thế...vú nhà chị này cũng lắm, cũng lắm...

Bưởi tức quá, cũng xắn ngay vào, đẩy nhẹ Sim ra ngoài, lúc lắc đôi bầu vú:

- Còn vú của tôi, anh thử nắn cái vú của tôi xem, cả cái đất Hà Nội này không ai có được bộ ngực như của tôi đâu nhá, tôi cứ bảo thật cho nhà anh biết!

Thu tóc đỏ lại một lần nữa đưa tay sờ thử. Mồ hôi gã vã ra đầy trán, thành một vệt nước chảy xuống ròng ròng... Sự hồi hộp trước những bất ngờ liên tiếp khiến gã bần thần ngẩn tò te như bị đánh mất trí khôn. “Biết loại ai bây giờ đây?” Thu tóc đỏ nghĩ thầm trong bụng.

Gã vùng người bỏ chạy lên gác, báo cáo ông chủ.

Ngồi trong bóng tối trong buồng, ông chủ thế mà sáng suốt, ông cho quyết định thật là đơn giản:

- Đứa nào già nhất thì đánh loại.

Thu tóc đỏ lập cập chạy xuống. Vẫn ba chị đàn bà đứng cời trần phanh ngực cho gã nhìn ngắm. Gã chợt chỉ dút khoát vào Bưởi:

- Chị này bị loại!

Bưởi như bị điện giật, tru tréo lên:

- Không được! Không công bằng! Cho tôi gặp ông chủ nhà anh, vú của tôi cũng như thế này bị đánh loại thì ỨC LẮM.

Bưởi cãi tới cùng. Thu tóc đỏ lắc đầu:

- Tôi chỉ là đầy tớ, ông chủ là giới, tôi là thiên lôi, chỉ đâu tôi đánh đấy. Ông chủ bảo loại nhà chị, thì nhà chị bị loại. Thôi! Chẳng qua nó là cái số, chị vui vẻ về đi cho tôi nhờ.

Bưởi giận dữ, hai cánh mũi thở mạnh, nở pháp phòng:

- Thế nhưng mà tôi bị loại oan thì vui vẻ chấp nhận thế nào được!

Thu tóc đỏ giữ vững lập trường:

- Không oan trái gì sất! Tiền là trên hết. Nhà này chỉ có một mình ông chủ làm phán quyết, không có

ban khảo trích, không có luật lệ! Ông chủ nói là ...đúng. Không kiện ai vào đây được.

Bưởi dấn tới, như ấn bộ ngực vào mặt Thu:

- Tôi thừa kiện thật ấy chứ lý. Nhà anh bắt tôi cời áo ra để thử vú, anh bóp thử vú của tôi, vú của tôi chắc nịch nịch mà dám nói láo bảo tôi bị vú nhão. Anh là đồ gian manh, móc ngoặc!

Mặc cho Bưởi bù lu bù loa kêu ca, Thu tóc đỏ kiên quyết không thay đổi, giữ nguyên lập trường cũ, gã giục mấy chị đàn bà mặc áo.

Rốt cuộc, Bưởi đành mặc áo rồi nguẩy người ấm ức hậm hực bỏ đi. Thu tóc đỏ theo chân ra đóng cửa. Bưởi ra khỏi cửa bất thần quay người lại nhanh tay giáng một cái tát rất mạnh vào giữa cái mặt đáng ghét của Thu tóc đỏ, mặt gã tối ừ, mở được mắt ra, Bưởi đã đi xa.

Thu tóc đỏ vừa đi vừa xoa mặt. Bị đánh, gã cảm thấy quá bất ngờ. Hạnh và Sim thấy Thu tóc đỏ vào thì tươi cười lấy lòng gã, gã chẳng thiết vì còn đang nghĩ về cái tát vừa rồi. Thu hát mạnh hàm chỉ lên gác, nói dỗi:

- Đấy! Các nhà chị lên mà gặp ông chủ, tôi giờ tay hàng các chị rồi.

Hạnh và Sim vội vã lên gác, vừa đi vừa có ý như chèn người bên cạnh để tranh lên trước.

Tới cái hành lang bóng lộn đá hoa lát cả dưới đất lẫn hai bên bờ tường, hai chị chùn người lại, đùn nhau đi. Hai chị bước qua cái cửa buồng bỏ ngõ, nhưng nó tối mờ mờ, ra đến bên ngoài ban công. Ở đây có cái buồng khách sang trọng. Sim nom thấy cái tượng lớn cao ngang đầu người, bụm miệng cười rúc rích. Hạnh lén lên xem, chị cũng nóng bừng đôi má:

- Ngộ quá nhỉ! Tượng kiểu gì mà lại chẳng có áo quần. Tượng đàn bà mà chân tay thì... vung phứa lên...

Trong khi đó, ở dưới nhà, Thu tóc đỏ ngồi phịch xuống cái ghế kê sát chậu cá cảnh. Đồng hồ treo tường gửi mua tận nước ngoài có con cú với cặp mắt lơ lảo nhìn từ trái

sang phải, từ phải sang trái, theo nhịp lúc lắc đều đều gõ nhịp đếm bước đi của thời gian. Chờ đợi.

Cái tát nẩy lửa của Bưởi gieo vào lòng gã nỗi uất ức vô cùng. Gã nói không nên lời, nhìn mấy con cá tung tăng như trêu chọc, gã lại càng thêm tức. Hẳn như đó là cái tát của người có quyền thế hoặc mạnh hơn gã thì lại là một chuyện; đằng này, từ một chị đàn bà yếu kém hơn gã, đối khổ hơn gã, làm cho gã cảm thấy khó chịu. Gã hối hận đã dẫn cả đám đàn bà này về nhà, gây ra cảnh tranh chấp công việc. Giá cứ mạnh bạo quyết định ngay từ trước thì không có người oán trách, mà có oán gã thì cũng chỉ ngồi lại ngoài chợ. Tiếng nước chảy vo vo trong bể cá vàng sau nửa giờ làm cho lòng gã dịu trở lại. Mặt gã tỉnh tỉnh, gã nghĩ nếu ông chủ thuê thêm người, những việc lật vật sẽ đỡ sai phái gã, gã sẽ rảnh rang hơn...

Bỗng nhiên, Thu tóc đỏ thấy Hạnh từ trên gác ầm ầm bỏ nhào chạy xuống, vừa chạy vừa chửi rủa:
- Đồ đều! Đồ đều!

Thu tóc đỏ hoảng hồn đứng dậy, chấm dứt dòng suy nghĩ miên man trở về với thực tại.

Hạnh như không nhìn thấy Thu tóc đỏ đứng án ngữ trên đường đi, nhào qua mặt gã chạy thẳng ra phía cổng tự mở lách cửa. Tay Hạnh run rẩy lóng ngóng mãi không rút nổi cái thanh ngang. Thu tóc đỏ vội vã chạy tới mở hộ cửa, đưa mắt nhìn nôn nóng dò hỏi:

- Nhà chị làm sao thế?

Chỉ nghe thấy Hạnh lẩm lẩm chữ:

- Tởm quá! Đồ dơ dáy! Làm chủ tịch, lãnh đạo cả cái huyện Đông Anh này, già đời rồi, còn... còn... đòi bú!....

Hạnh chạy như bị ma đuổi trên đường, đầu không ngoái lại. Cùng lúc đó, Sim cũng ở trong nhà loạng choạng đi ra, tay run rẩy quờ quạng cài lại cúc áo ngực, chiếc cúc nọ đơm lệch sang chiếc khuy kia, tay chân, người ngợm run rẩy như quân Cao Biền dậy non. Áo mặc trên người đã

nhớ quên

Này em trời chứa vào thu
Mà sao vàng cả tâm tư vì buồn!
Trời không chớp bể mưa nguồn
Mà sao u ám phủ trùm chân mây!
Chung lòng còn được những ai
Kể từ chung lối những ngày oan khiên?
Còn ai trong nỗi nhớ quên
Vẫn nghe nặng trĩu ưu phiền tháng tư!

trần ngân tiêu

nợ

Nợ người một mối tình sâu
Một đêm chăn gối, một câu ước nguyện
Nợ người hai chữ "nhân duyên"
Từ khi em bước xuống thuyền sang ngang!

trần thạch thảo

xộc xệch nom càng thêm lồi thoi, thiếu não. Sim rầu rĩ kể lể cho Thu nghe đầu đuôi câu chuyện:

- Cái nhà anh này không ra làm sao! Chúng tôi lên gặp ông chủ nhà anh. Nhà rộng như thế, chỗ sáng sủa không kém, dẫn chúng tôi vào buồng tối. Ông chủ nhà anh khám vú kiêu lạ đời, bắt chúng tôi cởi hết tiết cả quần áo, đứng tồ hô, ngượng đến khiếp cả người. Hai tay ông ấy, ai lị cứ nắm lấy đầu vú chúng tôi lồi. Sữa thì thơm như thế, ông chủ nhà anh không chịu nếm thử, đầu cứ cúi vục mãi xuống, vục xuống tận dưới rốn.... Chết chết! Cái thứ sữa của chị em chúng tôi, nó vẫn chảy ra từ vú theo lối cũ chứ sữa nó có... chảy queo xuống dưới rốn bao giờ đâu! Chúng tôi dậy ông chủ nhà anh cách nếm sữa ngọt. Ông ấy không nghe, còn nổi cáu lên với chúng tôi, chết chết, chúng tôi không chịu nổi. Thôi! có đói thì kiếm nghề khác,

chúng tôi cách cho đến già! Tình nguyện bỏ cuộc, anh ợ.

Thu tóc đỏ nghe xong, thở phào, tưởng chuyện gì! Gã chắc lười thương hại chị đàn bà nhà quê ngớ ngẩn:

- Cái nhà chị này, rõ là không biết một cái gì cả! Chị có nghe câu hát: "Một đêm bên mạn thuyền rồng, còn hơn chín kiếp nằm chung thuyền chài!" bao giờ chưa? Nhà cửa người ta cao sang như thế này, làm ở đây sướng chán. Mà cái "tang" nhà làm theo lối Tây bây giờ, thì bú mớm... nó cũng phải theo cái lối... Tây người ta bú chứ! Dốt thế không biết!... Bú như cái đám con chị ở nhà bú nhá!

Thu tóc đỏ mở to cánh cửa sắt cho Sim đi ra ngoài khu nhà tân trang, mời gã bữu công ngược hẳn lên, ngang tầng theo lối đẩy tở nhà giàu và hiểu biết.



Nên Dè-Dặt Khi Dùng Aspirin

Nguyễn Xuân Lê

Trên số *Làng Văn* 120 (8.1994) vừa qua, độc giả đã đọc *Những tác dụng kỳ diệu của Aspirin* do Nguyễn Hưng lược dịch, dựa theo tài liệu của Michael Castleman. Theo đó tác giả cho Aspirin là một loại thần dược, vừa nhiều công năng vừa rẻ tiền, có thể phòng ngừa chữa trị các chứng nan y, đặc biệt là bệnh tim và một số bệnh ung thư. Tuy có nêu ra một số trường hợp không nên dùng Aspirin, nhưng tác giả vẫn cổ động sự phổ biến rộng rãi loại thuốc này.

Thế nhưng, trong giới y khoa đã có một số bác sĩ lên tiếng chống lại việc sử dụng bừa bãi Aspirin, chẳng hạn Bác sĩ Jean Marc Brunet thuộc viện Hàn lâm Khoa học New York, người phụ trách mục *Vivez en Sante*, *Vivez Heureux* của nhật báo *Journal de Montreal* qua hai bài viết tháng 4.90 và tháng 6.94 mà chúng tôi xin lược dịch sau đây:

Phản tác dụng của Aspirin

Có người cho rằng viên thuốc Aspirin hội nhiều đặc tính tốt, nhưng cũng có người cho được phẩm này mang nhiều tác hại.

Trên thực tế, có thể sự tác hại của Aspirin lớn hơn những tác dụng tốt mà nó đem lại.

- Aspirin có thể gây xuất huyết và lở loét ở bộ máy tiêu hoá. Nó là một trong những nguyên nhân của ung thư dạ dày.

- Aspirin kìm hãm sự tạo thành những tiểu cầu (*plaquettes sanguines*) là những tế bào giữ nhiệm vụ

quan trọng trong việc làm máu đông; vì lẽ đó nó làm máu loãng hơn. Tác dụng này là con dao hai lưỡi: Một mặt nó ngừa được chứng nhồi máu cơ tim nhờ ở việc ngăn máu đông thành cục trong các huyết quản; mặt khác nó lại làm máu trở nên quá loãng, từ đó gây nên việc chảy máu cam và gia tăng kinh nguyệt ở phụ nữ.

- Nếu như Aspirin làm giảm các cơn đau tim, nhồi máu cơ tim thì ngược lại nó lại làm tăng các tai biến xuất huyết trong não bộ. Như vậy thì lợi hại cũng ngang nhau mà thôi.

- Aspirin có tính kháng viêm. Nhưng nếu cho rằng đây là điều hữu ích thì có lẽ chúng ta sai lầm vì hiện tượng viêm chính là phản ứng tự vệ của cơ thể chống lại mọi yếu tố tấn công nó. Vì lẽ đó, phá bỏ phản ứng tự vệ này là một điều lầm lẫn. Các loại thuốc kháng viêm chỉ làm giảm các triệu chứng nhưng không ích gì trong việc loại trừ mầm bệnh. Muốn chữa bệnh thì phải tìm căn nguyên chứ chỉ nhắm vào việc giải trừ viêm thì có khác nào tắt ngọn đèn đỏ báo động trên bảng chỉ dẫn trong xe hơi, làm sao biết xe bị hư hỏng.

- Ngoài ra Aspirin còn gây tổn gan, hại thận là hai bộ phận quan yếu trong cơ thể.

Aspirin trong việc ngừa bệnh

Mấy lúc gần đây, người ta ca tụng Aspirin quá mức trong việc phòng ngừa một vài chứng bệnh. Họ khuyên chúng ta dùng được phẩm

này để ngừa các chứng ung thư trực tràng, các cơn đau tim và các tai biến mạch máu não.

Nhờ ở sự quảng cáo này, theo báo *Health*, trong năm 1993 người Mỹ đã tiêu thụ từ 20 đến 30 tỉ viên Aspirin và khoảng 20% số lượng trên được dùng trong việc phòng bệnh.

Dùng thuốc như vậy có hợp lý không?

Đã có nhiều cuộc nghiên cứu đứng đắn nêu ra những nghi vấn và cho rằng chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ người sử dụng Aspirin nhận được lợi ích thực sự, trong khi phản ứng phụ của thuốc thì lại quá nhiều.

Một trong các cuộc nghiên cứu thử nghiệm đã kéo dài 6 năm trên hai nhóm người về việc ngừa chứng rối loạn tim mạch. Kết quả cho thấy, nhóm người dùng Aspirin mỗi ngày có 44% ít bị đau tim hơn nhóm không dùng Aspirin. Kết quả này rất đáng ghi nhận, nhưng nghiên cứu kỹ hơn, người ta nhận thấy đối với những người dưới 50 tuổi, Aspirin không đem lại lợi ích nào. Hơn nữa, nhóm dùng Aspirin mỗi ngày thường có rủi ro tử thương gấp hai lần vì những rối loạn của bộ máy tuần hoàn (chưa kể đến chứng nhồi máu cơ tim và tai biến mạch máu não) hơn là nhóm không dùng Aspirin. Như vậy thì lợi ở chỗ nào?

Một cuộc nghiên cứu khác bên Anh cho thấy những người dùng Aspirin mỗi ngày tăng 60% nguy cơ xuất huyết đường ruột.

Phải công nhận Aspirin hữu ích phần nào đối với những người có vấn đề về tim, nhưng ngược lại nó cũng gây ra nhiều phiền toái khác. Vậy phải làm sao?

Hiệu năng chính của Aspirin là ngăn được sự hình thành máu cục trong huyết quản. Chính các cục máu này làm tắc nghẽn sự tuần hoàn và từ đó gây ra những cơn đau tim và các tai biến ở não bộ. Nhưng sinh tố E và tỏi cũng làm được như vậy mà không gây nên phản ứng phụ nào. Như vậy thiết nghĩ sự lựa chọn thật quá dễ. ●

Bệnh Lẩn

(Alzheimer's disease)

Nguyễn Hưng

Alzheimer's disease, mà chúng tôi tạm dịch: bệnh lẩn, là một bệnh chứng rất phổ thông đối với những người cao niên (trên 65 tuổi, trung bình cứ 12 người thì có một người mắc bệnh này; và ngoài 80 tuổi thì tỉ lệ ấy càng khủng khiếp hơn: 1 trên 3). Từ lâu, khoa học đã xác nhận đây là một "bệnh" thực sự, chứ không phải chỉ là biểu hiện của những "chứng tật" khi tuổi về già, bởi vì *Alzheimer's disease* quả có tấn công và làm hư hại chất xám trong não, hủy hoại những tế bào óc, từ đó đưa đến tình trạng lãng trí, mất trí (*dementia*) và có thể gây ra cái chết cho bệnh nhân như chúng ta sẽ thấy trong các tài liệu thống kê được trình bày dưới đây, hàng năm trên đất Mỹ có khoảng 100.000 người chết vì bệnh này.

Gọi tên là *Alzheimer's disease*, vì mãi đến năm 1906, quá trình phát triển và khả năng tác hại của bệnh mới được công bố lần đầu tiên qua các kết quả nghiên cứu của bác sĩ Alois Alzheimer. Trong nhiều thập niên tiếp theo, nguyên nhân của bệnh vẫn tiếp tục là một bí mật đối với giới y học, mặc dù vào năm 1989 người ta đã khám phá ra rằng có một sự liên quan nào đó giữa lượng *aluminum* cao ở trong nước uống với những dấu hiệu khởi phát của bệnh. Dù sao đây mới chỉ là một giả thuyết, và nhiều khoa học gia khác lại cho rằng bệnh Alzheimer bắt nguồn từ một chất *protein* lưu thông trong máu và xâm nhập vào não. Giả thuyết nào đúng, giả thuyết nào sai, vẫn còn phải chờ thời gian trả lời...

Con số 250 ngàn người mắc bệnh

Alzheimer tại Gia nã đại, mặc dù chiếm một tỉ lệ dân số đáng kể (gần 1%), có thể vẫn không gây ấn tượng mạnh mẽ bằng con số gần bốn triệu nạn nhân của chứng bệnh này trên đất nước Hoa kỳ. Kể từ đầu thập niên 80 đến nay, Alzheimer đã trở thành trọng điểm để các khoa học gia dồn năng lực nghiên cứu, cố gắng tìm thuốc và phương pháp chữa trị mới ngõ hầu ngăn chặn chứng bệnh đứng hàng thứ tư về khả năng sát hại. Nếu không có phát minh y khoa nào kịp thời ra đời, người ta ước lượng rằng đến năm 2040 sẽ có 14 triệu dân Mỹ mang bệnh Alzheimer, và 14 triệu bệnh nhân ấy sẽ đòi hỏi 70 triệu người khác (thân nhân và nhân viên y tế) chăm sóc cho họ - căn cứ theo tỉ lệ bình quân 1/5 hiện nay, 20 triệu người đang phải phục vụ cho 4 triệu bệnh nhân tại các tư gia, viện dưỡng lão và bệnh viện.

Ngày 7 tháng 11.1994 vừa qua, hai ngày sau khi cựu Tổng thống Ronald Reagan công bố "lá thư ngỏ" gửi toàn thể dân Mỹ, nhật báo *USA Today* lập tức đăng một bài viết kèm biểu đồ thống kê với các số liệu mới nhất liên quan đến bệnh Alzheimer.

Trong lá thư ngỏ nói trên, Reagan chính thức xác nhận ông là nạn nhân của chứng bệnh nguy hại này và bày tỏ sự mong mỏi rằng trường hợp của ông sẽ khiến mọi người chú ý và quan tâm nhiều hơn đến việc phòng bệnh và nghiên cứu phương pháp chữa trị. Thái độ bộc trực đó được báo giới và dư luận Mỹ khen ngợi, mặc dù chuyện vị cựu tổng thống 83 tuổi này bị lẩn là chuyện đã được



dân chúng đồn đại từ mấy năm qua, và người ta cũng không quên thân mẫu của ông Reagan lúc trước đã qua đời vì bệnh Alzheimer năm 77 tuổi.

Theo *USA Today*, viện Nghiên cứu Y khoa Quốc gia tại Hoa kỳ hiện được tài trợ 310 triệu mỹ kim hàng năm để dùng vào công việc thí nghiệm về bệnh Alzheimer cùng các bệnh trạng khác liên quan đến tuổi già. Cho đến bây giờ, giới y học vẫn chưa dám khẳng định đã tìm ra thuốc trị bệnh này, mặc dù khoảng 50.000 người mắc bệnh đang được cho dùng thử một loại thuốc mới, mang tên *Tacrine*. Bác sĩ Richard Hodes, giám đốc Trung tâm đặc trách Nghiên cứu bệnh người già tại tiểu bang Maryland, cho hay trong số những loại thuốc được thử nghiệm, chỉ mới có *Tacrine* là được chính thức cho phép sử dụng vào mục đích chữa trị, nhưng vẫn còn quá sớm để kết luận về hiệu lực của nó. Tác dụng chính của thuốc là kích thích sự phát triển chất *acetylcholine* nhằm giúp trí nhớ, bởi vì trong óc những người mắc bệnh Alzheimer đều bị suy giảm chất này. Tưởng cũng nên nói thêm rằng, theo các kết quả nghiên cứu đã được công bố, nguyên nhân bệnh Alzheimer có thể là do sự tác hại của một chất protein mang tên *beta amyloid* đối với các tế

bào óc, và vấn đề đặt ra là làm sao tìm được một nguyên tố nào có khả năng chặn đứng sự tác hại ấy.

Tạp chí *US News & World Report*, số ra ngày 21.11.1994, cho biết các khoa học gia mới đây lại vừa công bố thêm một kết quả nghiên cứu khác nữa, cũng trong mục đích truy tìm thủ phạm đích thực của bệnh Alzheimer. Theo các bác sĩ Allen Roses và Warren Strittmatter thuộc Duke University, thủ phạm cũng là một chất protein, nhưng lại mang tên *Apolipoprotein E* (viết tắt: ApoE). Kết quả nghiên cứu này được hai bác sĩ Huntington Potter và Leonard Scinto cùng toán chuyên viên tại Havard khai triển trong một đợt thí nghiệm hồi giữa năm nay. Họ xác định rằng ApoE cùng với một phân tử khác trong tế bào óc, tạm gọi là ACT, đã gây nên những lớp keo có khả năng làm hư hại chất xám của bộ óc.

Trong nỗ lực tiếp tục đẩy mạnh các cuộc thí nghiệm để tìm được liệu chế ngự sự tác hại của ApoE và ACT, bác sĩ Potter cho hay ông và các cộng sự viên đã thực hiện được một bước tiến khá quan trọng. Đó là việc sử dụng một loại thuốc nhỏ mắt (rất quen thuộc đối với các bác sĩ nhãn khoa khi cần thử mắt cho thân chủ) để khám nghiệm và định bệnh Alzheimer ngay từ giai đoạn chớm phát. Phương pháp định bệnh dựa trên nhận xét rằng đồng tử (con ngươi) của bệnh nhân Alzheimer nhạy cảm hơn những người bình thường rất nhiều lần, bằng chứng là chỉ cần một phân lượng thuốc tối thiểu, chừng 1% phân lượng trung bình, cũng đủ làm cho đồng tử người bệnh nở lớn hẳn ra. Như vậy, nếu thí nghiệm thành công, chúng ta có quyền hy vọng rằng việc xác định bệnh trạng sẽ dễ dàng và sớm sửa hơn trước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều trị. Tuy nhiên, giai đoạn thí nghiệm có thể sẽ còn kéo dài khá lâu, và hầu hết các chuyên viên y khoa đều dự ước phải mất ít nhất vài năm nữa mới có thể đạt tới mục tiêu vừa nói này.

Trong khi chờ đợi, những cụ ông cụ bà sắp bước qua ngưỡng cửa "thập thập cổ lai hy" trên đất Bắc Mỹ vẫn phải đương đầu với tất cả những rủi ro và phiền muộn của chứng bệnh được mệnh danh là *Alzheimer's disease*. Thống kê cho thấy tỉ lệ rủi ro bị bệnh chỉ có 6% đối với lớp tuổi 65, nhưng không dưới 20% đối với lớp tuổi 75, và lên tới 47% đối với lớp tuổi 85*.

Sau đây là những giai đoạn phát triển thông thường của bệnh Alzheimer ở người già:

- Giai đoạn 1: Hoàn toàn không có triệu chứng nào biểu hiện ra ngoài, nhưng bệnh đã bắt đầu được ghi nhận.

- Giai đoạn 2: Hay quên những chuyện lặt vặt thường ngày.

- Giai đoạn 3: Bắt đầu lẩn. Đi ra ngoài có khi bị lạc đường. Làm việc gì cũng lóng cóng không xong.

- Giai đoạn 4: Càng lẩn nhiều hơn. Đọc tin tức trên báo không hiểu. Quên cả những chuyện cũ đời mình. Không nhớ gì về chuyện tiền bạc. Nhưng khi con cháu nói mình bị lẩn thì nhất định không chịu thừa nhận.

- Giai đoạn 5: Bắt đầu có vấn đề thật sự về ký ức. Quên địa chỉ, số điện thoại. Quên tên những người thân thích ruột thịt.

- Giai đoạn 6: Tình trạng nghiêm trọng hơn. Quên cả tên vợ hoặc chồng và những biến cố lớn trong đời. Khó ngủ. Tính tình thay đổi rõ rệt. Bắt đầu mất khả năng kiểm soát (tiểu tiện, v.v..)

- Giai đoạn 7: Nói năng và đi đứng khó khăn. Việc ăn uống, làm vệ sinh, tắm rửa đều phải cần người khác giúp đỡ. Đây là giai đoạn cuối cùng của bệnh Alzheimer.

Ghi chú:

* Sở Thống kê Dân số Hoa kỳ (US Census Bureau) cho biết: Tổng số người cao niên (trên 64 tuổi) hiện nay vào khoảng 32 triệu. Con số này có khuynh hướng tăng (từ 20 triệu trong thập niên 70 lên 26 triệu trong thập niên 80, và dự ước sẽ lên tới 35 triệu vào năm 2000), do nhiều yếu tố khác nhau khiến tuổi thọ của người dân càng lúc càng kéo dài hơn.

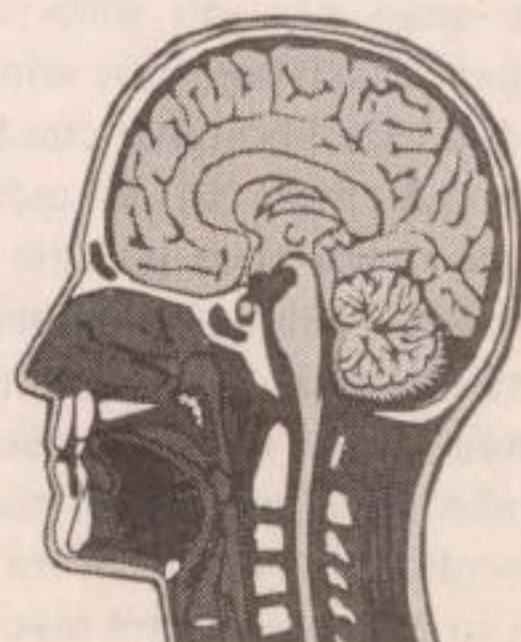
Học vấn và Aspirin có thể giảm thiểu rủi ro bị bệnh lẩn (Alzheimer)

Một cuộc nghiên cứu y học mới nhất tại Gia nã đại vừa cho thấy: Những người có trình độ học vấn từ lớp 10 trở lên thường bị chứng Alzheimer bốn lần ít hơn những người thất học hoặc có học lực kém.

Cuộc nghiên cứu trên còn cho thấy các nạn nhân của chứng thấp khớp (arthritis) nếu dùng những loại thuốc chống đau nhức như Aspirin cũng hai lần ít bị rơi vào tình trạng lẩn trí (lẩn) so với những người cao tuổi khác.

Nữ bác sĩ Joan Lindsay, giám đốc phân khoa đặc trách các chứng bệnh tuổi già thuộc Trung tâm Khảo nghiệm Phòng Bệnh của bộ Y tế Gia nã đại tuyên bố: "Chúng tôi nhận thấy những người có học lực càng cao càng ít bị rủi ro mắc bệnh Alzheimer". Lời tuyên bố này dựa trên bản tường trình kết quả cuộc nghiên cứu vừa được công bố trên tạp chí y khoa *Neurology* ngày 10.11.1994. Các chuyên viên nghiên cứu đã so sánh trường hợp 258 bệnh nhân bị Alzheimer với trường 535 vị cao niên - cùng lớp tuổi với các bệnh nhân đó - mà trí óc còn minh mẫn và thuộc ba trình độ học vấn khác nhau: từ thất học đến lớp 6; từ lớp 7 đến lớp 9; và từ lớp 10 trở lên. Kết quả ra sao?

"Những người thuộc nhóm Một (từ thất học đến lớp 6) có rủi ro bị bệnh Alzheimer gấp bốn lần so với những người thuộc nhóm Ba", bác sĩ



Lindsay nói. “Và những người thuộc nhóm Hai (từ lớp 7 đến lớp 9) thì tỉ lệ rủi ro cao hơn nhóm Ba 1.7 lần”.

Bác sĩ Lindsay cũng nói thêm là cuộc nghiên cứu (được thực hiện đồng loạt tại 18 trung tâm y khoa trên toàn lãnh thổ Gia nã đại) này có thể sẽ hỗ trợ rất mạnh cho những lý thuyết mà giới y học từng nêu ra, rằng sự tăng cường hoạt động của trí óc có khả năng làm chậm lại sự phát tác của bệnh Alzheimer: “Điều mà chúng tôi muốn nói là những người nào làm việc trí óc nhiều thì sẽ dễ tránh rủi ro hơn. Tuy nhiên tôi không nghĩ rằng cần chú trọng đặc biệt đến con số đích xác của những năm theo học trong trường. Theo tôi thì sự sử dụng trí óc mới là yếu tố chính yếu”.

Bệnh Alzheimer và những bệnh thần kinh khác hiện nay đang tác động đến trên dưới 250 ngàn người cao niên ở Gia nã đại, khiến họ bị mất trí nhớ, không kiểm soát được cảm xúc và dần dà sẽ hoàn toàn loạn trí.

Trong cuộc nghiên cứu y khoa nói trên, các chuyên viên đã so sánh 258 bệnh nhân Alzheimer với một thành phần lớn hơn (535 người) có sức khoẻ khá tốt, để đo lường mức độ rủi ro khiến cho những sinh hoạt khác nhau có thể đưa tới chứng bệnh tuổi già này. Lấy thí dụ, số người bị thấp khớp trong nhóm “sức khoẻ bình thường” nhiều gấp đôi số người bị thấp khớp trong nhóm đang bị bệnh Alzheimer.

Bác sĩ Lindsay nhận xét: “Chúng tôi để ý quan sát những loại thuốc chống đau nhức có đặc tính non-steroidal như Aspirin mà các nạn nhân chứng thấp khớp thường hay dùng, và nhận thấy tỉ lệ rủi ro bị Alzheimer khá thấp đối với những người uống loại thuốc đó”.

Dù vậy, bác sĩ Lindsay vẫn nhấn mạnh rằng đây mới chỉ là một lý thuyết y học, và không phải vì kết quả nghiên cứu vừa được công bố mà người ta nên bắt đầu ngay việc dùng Aspirin với liều lượng mạnh.
(theo Joseph Hall)

xóm cũ

LTS.- Để gợi lại, chia sẻ và giữ gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp của quê-hương, tòa-soạn mở mục “Xóm cũ” để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi-chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ kỷ-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đầm-thắm. Hãy sót chia , để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Nhạn Tháp Tuy Hoà

Phan Long Yên



Nhạn tháp Tuy Hoà, biểu tượng nền kiến trúc Chăm thế kỷ XII, là một cổ tháp được dựng trên một quả núi tên Nhạn, gọi tắt là Nhạn Tháp hay Tháp Nhạn cũng vậy.

Tại sao lại có tên núi Nhạn? Đây là một quả núi sỏi lẫn lộn thạch anh

và bazan, mọc đủ loại cây xanh tươi, nhất là cây bạch đàn. Ngày xưa, nơi đây hoang vu và lầy lội, dân cư thưa thớt. Hằng năm vào mùa đông, nhạn từ phương bắc bay về nghỉ cánh để chờ xuân đến bay về phương nam. Nhạn vốn sợ lạnh, sợ tuyết, sợ gió

và ưa nắng ấm phương nam. Bởi vậy trong Đường thi, Đỗ Mục đã đề cập đến hành trình của nhận bằng hai câu thơ:

*Vạn lý hoàng hôn bạch nhật huân
Bắc phong xuy nhận tuyết phân phân,
tạm dịch:*

*Trông lên vạn dặm mây vàng
Nắng rây sườn ẩm không gian sáng
ngời*

*Lạnh về, gió bắc, nhận rồi
Tuyết rơi rơi một góc trời giăng
giăng.*

Và do thói quen cư ngụ của loài chim này mà dân bản xứ gọi là núi Nhận.

Núi Nhận chu vi hai cây số, hình bầu dục, độ cao 50 mét, diện tích nửa cây số vuông, cách Nha Trang 120 cây số về phía nam. Đây là viên ngọc của thành phố Tuy Hoà. Nó nằm sát quốc lộ và thiết lộ xuyên Việt, trực diện với cầu Đà Rằng 1100 mét, dài vào hạng nhì Việt Nam, sau cầu Long Biên, Hà Nội. Dưới chân núi Nhận, dòng Đà giang cuộn nước óng ánh, cảnh sắc thật là nên thơ, nhất là trong những đêm trăng sáng khiến người Phú Yên yêu thơ cảm xúc:

*Sông Đà núi Nhận lúc canh thâu
Gió viêng, trăng thanh cảnh được
màu*

*Lấp lánh non vàng ôm cổ tháp
Long lanh sóng biếc vịn chân cầu.*

Thi sĩ Quách Tấn khi thăm cổ tháp cũng đã để lại cho dân đất Phú bốn câu thơ:

*Sông Đà mây nước trôi ngày tháng
Chia biệt còn lưu mấy nhịp cầu
Dưới nguyệt đi về thương bóng lẻ
Ngủ ngủ non Nhận gió đưa thu.*



Đứng trên núi Nhận nhìn về phương nam, ta thấy núi Đá Bia (Thạch Bi sơn) sừng sững kiêu hùng, chói lọi với dòng lịch sử, một di tích oai hùng của dân tộc Việt mà lưỡi kiếm của vua Lê Thánh Tôn đã tạo nên.

Nhìn ra hướng bắc, cách 3 cây số là núi Chóp Chài. Đây là đài khí tượng của dân quê địa phương, vì mỗi khi trời chuyển mưa thì có hiện tượng:

Chóp Chài đội mũ

Mây phủ Đá Bia

Cốc nhái kêu lia

Trời mưa như đổ

Cách 6 cây số về hướng tây là Dinh Ông, miếu thờ tướng Cao Cát, vị tướng tiên phong của Tham đốc Lương Văn Chánh. Tướng Cao Cát rất giỏi huấn luyện voi trận. Ông có một đội tượng binh hùng hổ đã dẫm nát quân Chiêm tại thung lũng sông Đà và thành Hồ, trận huyết chiến cuối cùng chấm dứt sự ngự trị của Chiêm vương trên phần đất này.

Nhìn về phía đông là thành phố Tuy Hoà nằm sát chân núi, trải dài xuống tận biển. Đây là một thành phố tự do phát triển từ năm 1954, không bị những kiến trúc cũ giới hạn như những thành phố miền Trung khác, cho nên đường sá rộng rãi, lối kiến trúc mới mẻ; dân cư trầm mặc, hiếu học và chăm làm. Nhận Tháp đối với dân Tuy Hoà là một thắng cảnh muôn đời, mang tính cách huyền bí: một tiếng tắc kè, một tiếng cú kêu, một cơn gió lốc... đều là những biểu hiệu của Sơn thần. Tuy Hoà và Nhận Tháp luôn luôn gắn liền. Bởi vậy thi ca Tuy Hoà có câu:

*Nhìn Bàn Thạch, nhớ Phú Nhiêu
Ngó lên tháp Nhận là yêu Tuy Hoà
Tuy Hoà lắm gái thướt tha
Lắm trai văn học, lắm nhà bút nghiên
Trai tài, gái sắc đua chen
Đã đến Nhận Tháp khó quên Tuy
Hoà.*

Đã lên núi Nhận, bạn không thể nào bỏ qua ngôi tháp cổ: Tháp Nhận. Tháp nằm trên một địa thế bằng phẳng, hình vuông, mỗi cạnh 50 mét, cao 16 mét, chân tháp vuông

cạnh 6 mét. Tháp chia làm 3 tầng: tầng thứ nhất cao 8 mét, tầng hai cao 5 mét, tầng ba cao 3 mét. Tiền sảnh hướng về đông, cửa rộng 3 mét, cao 4 mét, cấu trúc kiểu tiên cung: theo hình cung nhọn (système ogival). Ruột tháp rỗng. Những hình tượng chạm trổ quanh tháp không cân đối. Cách cấu trúc này tạo nên cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái và hấp dẫn. Đây là khuynh hướng kiến trúc nhằm khai thác triệt để tính hữu cơ môi trường thiên nhiên và cũng là nét đặc trưng của thế kỷ 12.

Tháp Nhận Tuy Hoà khác với những tháp có lối cấu trúc cân đối ở Mỹ Sơn, Bình Định. Cân đối là khái niệm quan trọng của nghệ thuật cổ điển. Từ xưa đến nay, nguyên tắc đối xứng là biện pháp bao trùm mọi hoạt động của con người, bởi vì tư tưởng chủ đạo của con người trong quá trình tiếp cận thiên nhiên là gạt lọc trong cái đa dạng muôn hình, muôn vẻ của sự vật để biến thành những thực thể có qui luật, trật tự và ổn định. Trong vũ trụ, các hình thức cấu tạo thường là đối xứng, từ loài hoa (màu sắc), nai, bò (gạc, sừng), cho đến con người (2 mắt, 2 tai, 2 tay). Tuy nhiên, đôi lúc đối xứng trở nên nặng nề, đồ sộ, gây áp chế cảm giác.

Tháp Nhận Tuy Hoà đã phá vỡ công thức ấy: không đối xứng. Đây là một hình thức vi phạm đối xứng trên nền của một đối xứng ở mức độ nhẹ nhàng. Chính sự vi phạm này tạo nên xúc cảm thẩm mỹ lắng đọng. Hình các Chiêm nương được tạc hai phía: nam và bắc, một bên 1 người, bên kia 2 người. Các động tác cũng trái ngược. Hình tượng các quái vật cũng vậy. Nói chung, các vật trang trí hoàn toàn không đối xứng. Tiền sảnh có vòm cuốn nhưng mảnh mai. Nó là hậu thân của mái mỏng không gian trong các cổ tháp ở thế kỷ thứ V. Trừ cánh cửa chính của tháp, ba mặt kia được chạm trổ khá lộng lẫy. Tất cả được làm bằng đất sét nhuễn in thành miếng, so với gạch ta chỉ dày bằng 80%. Người Chiêm Thành cổ hoàn tất cả công trình rồi mới

nung. Phương pháp này thực ra không có gì lạ vì cách đây 120 thế kỷ, người Babilon đã xây vườn treo và đem nung ở nhiệt độ cao mà hình thể không biến dạng.

Các hình tượng Chiêm nương mang sắc thái cổ Ấn Độ. Hình (bề mặt) nghiêm trang, bí ẩn, đăm chiêu. Tượng (bề dày) phục sức kín đáo, thể lực khoẻ mạnh. Nhưng cũng có hình và tượng không dấu nổi vẻ điêu tàn, mông lung... Trên tầng chót xây hình lục giác và có tượng 4 con quái vật.

Cũng như các công trình kiến trúc cổ khác, tháp Nhạn Tuy Hoà bị thời gian và chiến tranh tàn phá, cho nên các đường viền, các hình chạm trở ở bốn góc tầng giữa tháp bị gãy đổ. Trong lòng tháp, các đường bệ bị hư hao, các bệ thờ không còn nguyên vẹn. Nhận diện được phần nào là nhờ những đường nét lờ mờ còn lại mà thôi. Đặc biệt hơn các tháp khác, tháp Nhạn có một tấm bia cao 1 mét 5, ngang 8 tấc, nằm về phía tây, cách tháp 4 mét. Trên mặt bia là những dòng chữ Phạn, nhưng quá mờ không thể đọc được.

Tháp Nhạn hiện là một phế tích đã mất đi khá nhiều vẻ thẩm mỹ trên đường nét, hình tượng; nhưng vẻ oai phong, đường bệ của tháp vẫn ngự trị mãi trong tâm trí những ai yêu nghệ thuật kiến trúc. Nhìn tháp Nhạn nói riêng và các tháp Chăm nói chung, người xem cảm thấy một cái gì đó mang mang, bứt rứt, như nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã cảm nhận:

Non còn, nước cũng còn đây

Tháp còn sao lại người xây không còn.

Đành rằng sự thành, bại, hưng, vong là một qui luật khách quan, nhưng cảnh phù du của Chiêm quốc thật đáng ngậm ngùi! Nói như nhà nhân chủng học George Maspéro: “Họ xuất hiện ở thế kỷ thứ 3, rồi lại trở về trong vắng lặng ở thế kỷ 17”. Suốt 1400 năm, dân Chiêm đã tung hoành trên mình ngựa, giờ đây dĩ vãng vàng son của vương quốc này chỉ còn vài nét chấm phá mờ mờ trên các đầu ngọn tháp đơn côi!

Xác Đã Ướp, Thân Chưa Yên

Lăng Nhân

Lénine sinh năm 1870, qua đời ngày 21.1.1924. Để thể hiện lòng ngưỡng mộ sâu xa của quần chúng, Staline triệu tập một hội nghị gồm bác sĩ và bác học với mục đích tìm phương pháp bảo tồn di hài vị tối cao của Cộng hoà Liên xô. Nhiều nhà thông thái vốn đã khiếp đảm trước uy thế của Staline, nay tìm cơ thoái thác, những lo khi không thành công, sẽ phải đi theo Lénine luôn... Riêng có vị sinh hoá học (biochimiste) Boris Zbarski, gốc Do Thái, dám liều dấn thân. Bước đầu không thành công, may nhờ thời tiết đang lúc nghiêm hàn nên di hài không suy suyển. Đến ngày 28 tháng 3, Zbarski vờ được giáo sư giải phẫu (anatomiste) Vorobiev ở Kharkov đến hợp tác, và hai người căn cứ vào một nguyên lý đơn giản: rút chất nước trong xác ra, thay vào bằng thứ nước khác đã khử trùng và có hoà một thứ thuốc bí mật. Và sau đó, quả nhiên xác không rữa ra, không xắt lại. Coi như thành công.

Thế rồi năm 1937, giáo sư Vorobiev bỗng chết trên bàn mổ, không rõ vì chứng thận hư, hay vì... Staline. Và năm 1939, giáo sư Zbarski cho con trai vào quan sát trong lăng, anh này ghi lại những nhận xét khá tỉ mỉ:

“Ủy ban chuyên việc ướp xác đã khảo sát cận kề toàn thân Lénine thì thấy như chỉ mới từ trần hôm trước thôi. Bác sĩ Vorobiev và cha tôi đã tẩy những chỗ da loang lổ, và thu lại rất nhỏ những hố mắt và mũi, là việc khó nhất.

“Công trường Đỏ hồi ấy thủ tục đi lại dễ dãi lắm. Muốn vào trong lăng, nhà bác học chỉ cần trình bọn vệ binh một giấy thông hành viết tay rồi

muốn xem xét xác ướp bao lâu tùy ý. Thường trực thì có ban thợ điện giữ cho nhiệt độ khoảng 16 độ C.

“Về sau bận rộn nhiều hơn, nhóm công chức bầu ra vị chỉ huy, rồi ban vệ binh, ban chuyên viên: muốn đến coi xác ướp phải do người chỉ huy hướng dẫn.

“Năm 1941, vì cuộc tấn công của quân Đức, xác Lénine phải chuyển đi nơi khác. Chúng tôi được lệnh trong 48 giờ phải thu xếp hành trang mà thứ cần nhất là dụng cụ thiết yếu cho Lénine. Ủy ban chính trị đợi sẵn chúng tôi ở một ga xép trên đường đi Ialoslav. Bảy giờ đương mùa nóng nực, chúng tôi phải lấy vải ướt đắp lên mình Lénine, và thay luôn... cho mát. Đến tháng 3 năm 1945, Lénine mới trở về: thân thể vẹn toàn...

“Từ đây cha con tôi bắt đầu khó chịu. Những dằn vặt của bọn công chức Nga ai còn lại gì. Nhất là cha con tôi lại gốc Do Thái nên bị ủy ban chính trị dò xét từng đường đi nước bước.

“Năm 1952, cha con tôi đi Oulan Bator bên Mông Cổ vì thủ tướng Tchoi-Balsan mới từ trần. Hồi còn tại thế, vị này đã phát nguyện được ướp xác và cho xây sẵn lăng tẩm. Nhưng sau, ủy ban chính trị không tán thành, chỉ thuận cho chúng tôi ướp xác, nhưng không được cho công chúng vào lăng chiêm ngưỡng”.

Đến 1953, Staline chết, và ít ngày sau đó, Zbarski cũng tắt hơi. Người con được đứng ra trong nom trong lăng tẩm, nhưng từ khước vì muốn hiến trọn đời cho y học.

Người được cử ra thay Boris Zbarski là bác sĩ Debow, 74 tuổi, phó chủ tịch viện Hàm lâm Y khoa, văn phòng đặt tại tầng thứ nhất trong lăng. Ông nhã nhặn nói: "Tôi ngồi chỗ này là một sự ngẫu nhiên. Năm 1950, tôi 30 tuổi, trình luận án về sinh hoá. Rồi bộ Y tế cử tôi đến đây, thế là tôi ở lại luôn, làm nhà khoa học, rồi đến 1967 thì giữ chức giám đốc lăng này". Từ đó, ông là người duy nhất được biết phương thuốc kỳ diệu dùng để ngâm xác ướp.

Khi Staline chết, ông và 5 bạn nữa cùng trông nom việc ướp xác. Việc này đâu có dễ dàng: mặt Staline lấm chấm những vết rỗ, da lại loang lổ nhiều nơi. Toàn ban sửa chữa suốt đêm mùng 5 để sớm mùng 6 tháng 3 đem trưng bày nơi đại sảnh. Khi lễ nghi hoàn tất, đưa về lăng thì mọi người cảm cùi nắn nót 5 tháng nữa mới xong. Đến tháng 7 Staline trở về quan tài pha lê. Chuyên viên không có dịp kiểm lại xem việc ướp này có thành công chăng, thì 8 năm sau (1961) viên chỉ huy lăng cho hay: chính quyền đã khẳng định cho đưa Staline ra khỏi lăng để mai táng.

Từ đó, giáo sư Debow hàng ngày đối diện với "đệ nhất vĩ nhân". Trong lăng hồi này vì máy móc quá cũ không còn chính xác, phương thuốc kỳ diệu của Zbarski cũng có thể giảm linh nghiệm, nên ông cho rằng ngay cả Lénine cũng không còn "bất tử" nữa nên đâm ra chán nản, mọi việc săn sóc cho Lénine ông giao cho bác sĩ Denisov đặc nhiệm.

Mỗi thứ hai và thứ sáu trong tuần, vào cỡ 10 giờ sáng, Denisov tới lăng, vào lối cửa ngách, bước lên mấy bậc, vô phòng đã khử trùng, cởi y phục, khoác áo choàng trắng, tiến đến chỗ quan tài pha lê, mở cánh bên, ôm xác ướp đặt lên xe cang, đẩy vào phòng giải phẫu, lấy kính hiển vi soi toàn thân, ghi những chỗ khả nghi trên da thịt để báo cáo và xin phép bộ Y tế, điều chỉnh chút đỉnh, rồi bôi mặt và tay chân Lénine một nước thuốc thần diệu 70 năm nay công thức vẫn được giữ bí mật.

Lại xem đến quần áo và vải liệm,

phủi vài hạt bụi tường tượng, đẩy xe cang lại quan tài, đặt xác lên cho ngay ngắn rồi đóng lại. Mỗi buổi kiểm soát lâu chừng hai tiếng. Sau khi tượng mạo đã chỉnh tề, tổ sư đệ tam quốc tế ngang nhiên đón nhận những tia mắt kinh dị của đám quần chúng đứng chiêm ngưỡng.

Từ 25 năm nay, giáo sư Denisov mỗi tuần hai lần đến chăm chút như thế đều đều, nhịp độ chỉ có đổi thay là cứ sau 18 tháng, lại cho Lénine "tổng tắm gội" một lần: bỏ hết quần áo, ngâm mình hai tuần lễ trong nước thuốc màu nhiệm.

Rồi vì kinh tế khó khăn, lương hưởng phải giảm dần. Ủy ban khoa học gồm 150 nhà khảo cứu phải chuyển sang bộ Canh nông để đi trồng cây thuốc, vệ binh cũng bãi bỏ.

Lương tháng của Denisov từ 600 đô-la trượt xuống 150, đành phải tìm cách kiếm thêm cho đủ sống. Và liên lạc với một công ty Nhà Đồn về phương diện thương mại: thỉnh thoảng đảm nhận một vụ "ướp" cho tư gia, phần nhiều là ướp tạm ít ngày, đủ để quần trong thời gian tang lễ. Khách hàng thường là gia đình những bậc Hàn lâm có danh là "bất tử".

Riêng đối với giáo sư Denisov thì là dịp để viễn du vừa tránh cảnh buồn tẻ đất Nga, lại kiếm thêm chút đỉnh.

Vụ ướp xác nhà lãnh đạo Bảo gia lợi Dimitrov năm 1949 và vụ nhà lãnh đạo Tiệp khắc Gottwald năm 1953, ông không dự kiến vì còn nhỏ tuổi quá, nhưng sau này ông đã có dịp đi Sophia và Prague thăm sức khỏe hai xác đồ đệ của Staline. Trái lại, ông đã dự vào vụ ướp xác Neto, quốc trưởng xứ Angola ở Tây Phi châu, qua đời ở Moscou. Bắt đầu ướp ngay tại đây, rồi tiếp tục ở thủ đô Luanda. Ban ướp thay phiên nhau trông nom trong nhiều năm, sau vì vấn đề an ninh, phải giao lại cho quân đội nước này bảo vệ.

Một khách hàng ngoại quốc được giáo sư Denisov lưu tâm đặc biệt: Nguyễn Tất Thành, sáng lập phong trào Việt Minh, nổi tiếng dưới biệt hiệu Hồ Chí Minh. Năm 1969, ông tạ thế. Chính quyền Việt Nam đã liên lạc với ban chuyên viên. Ban này đi

ngay Hà Nội, thấy vụ ướp có phần khó khăn vì đương lúc còn chiến tranh, di hài phải đổi chỗ luôn. Công việc ướp xác đằng đằng 6 tháng mới hoàn tất. Trong thời gian ấy, người Việt phải đem xác đi giấu nhem, đem cả ban chuyên viên theo luôn. Trong công tác, ban này cần chú trọng đến đặc điểm của chủng tộc Á châu với những sắc tố khác hẳn Tây phương. Khí hậu vùng nhiệt đới lại ẩm thấp nên phải đổi lại công thức thứ thuốc nước để ngâm xác thường xuyên. Rút cục, vụ ướp xác này kể như ổn thoả. Giáo sư Denisov thường đi Hà Nội để thăm chừng. Rồi hồi tháng 10 năm 1992 hình như ông đã tới Hà Nội đến chuyến thứ 20. Trong 20 năm, hai chuyên viên người Nga vẫn thường trực trong lăng chăm lo cho xác ướp.

Giáo sư Denisov từng trải qua những kinh nghiệm khác thường. Ông thuật lại: Năm 1985, chính quyền xứ Guyana ở Nam Mỹ, yêu cầu chúng tôi đến lo việc cho tổng thống Burnham mới lìa đời. Nước này chừng 900 ngàn dân, nhưng Burnham là một triệu phú, trước khi chết có ngỏ ý ước nguyện được ướp. Chúng tôi đã bắt tay vào việc, đến gần một năm mới hoàn tất trong khi lăng cũng vừa xây xong. Thì chính quyền mới lại ra lệnh đem mai táng Burnham và vị tổng thống kế vị tuyên bố: Guyana là một nước nhỏ, chỉ có thể có một tổng thống mà thôi...

Tại Moscow, di hài của vị chúa tể Liên xô mỗi ngày một thêm chướng mắt nhân dân, nhiều người, trước hết là Eltsine, muốn tống đi cho rảnh. Từ ngày 6 tháng 10 năm 1992, đã hủy bỏ cái lệ mỗi tiếng đồng hồ, vệ binh đi 210 bước khổng lồ diễu trước lăng. Dư luận lại xôn xao về dự án chuyển Lénine về nghĩa trang Volkov ở Saint Petersburg, là nơi an nghỉ của mẹ và em gái ông.

Nhìn lại quá trình lịch sử thì từ 1917 đến 1930 là giai đoạn lấp lánh huỳnh hoang của lý tưởng cách mạng vô sản. Còn chu kỳ 60 năm sau đó là giai đoạn đẫm máu nhất của nhân loại...

(Theo tài liệu của Michel Peyrard, *Paris Match* số 2439, 2.6.1994).

cuộc đời vô định

TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tổng Minh Long Quân



(tiếp theo)

Chương 3

Tracy cần có thời gian. Thời gian để suy nghĩ. Thời gian để hoạch định. Nàng không thể nào trở về căn nhà trống trơn đầy đau buồn. Tracy muốn một phòng ở một khách sạn nhỏ trong phố, cách xa đám đông vẫn đang reo hò nhảy nhót vang động. Nàng không có hành lý gì cả vì đã bị mất cắp. Nhân viên khách sạn nhìn nàng, vẻ nghi ngờ:

- Cô phải trả tiền trước. 40 đô la một đêm.

Trong phòng khách sạn, Tracy điện thoại cho Clarence Desmond xin nghỉ vài ngày. Ông ta cố giữ giọng lịch sự để che giấu sự khó chịu:

- Được rồi, cô cứ an tâm. Tôi sẽ kiếm người thay thế cô trong vài ngày.

Người kế tiếp nàng gọi là Charles:

- Charles của em...

- Trời đất ơi, em đi đâu vậy Tracy? Mẹ kiếm em cả buổi sáng để rủ em đi ăn trưa. Mẹ có nhiều chuyện định bàn với em...

- Em xin lỗi cưng, em đang ở New Orleans.

- Em đang ở đâu? Em làm gì ở

New Orleans?

- Mẹ em mới chết...

Cổ nàng nghẹn lại không nói tiếp được. Charles dịu giọng:

- Ồ, anh không biết! Chuyện bất ngờ quá! Hình như mẹ em còn trẻ thì phải?

- Dạ.

Nàng đau khổ với ý nghĩ mẹ nàng còn trẻ mà phải chết một cách đau khổ như vậy.

- Tracy, em có sao không? Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Tracy khóc tím mắt. Nàng muốn kể hết cho Charles nghe, nhưng nghĩ sao lại thôi. Đó là việc riêng của nàng. Nàng không muốn chàng phải lo nghĩ. Tracy cố gắng trả lời:

- Em không sao.

- Em có muốn anh đến với em không?

- Cảm ơn anh, em lo liệu được. Ngày mai chôn mẹ rồi thứ hai em sẽ trở về.

Tracy gác điện thoại, nằm nhìn trần nhà mà không thể nào tập trung tư tưởng được. Nàng đếm những miếng lợp trần. Một... hai... ba... Romano... bốn... năm... sáu Joe Romano... bảy... tám... hẳn phải đến tội! Nàng không biết mình phải làm gì thẳng khốn nạn này nhưng chắc chắn là nàng không bỏ qua đâu.

Nàng phải trả thù cho mẹ.

Tracy rời khách sạn vào buổi chiều, đi lang thang trên đường Canal cho đến khi gặp một tiệm cầm đồ. Người đàn ông ngồi sau quầy hỏi nàng:

- Cô cần gì?

- Tôi... tôi cần một khẩu súng.

- Súng loại gì?

- Chắc ông biết... ơ... súng lục...

- Cô thích nòng 32, 45 hay...

Tracy bối rối. Nàng chưa hề cầm súng trong đời.

- Chắc 32 xài được rồi...

Không mang theo nhiều tiền nên Tracy muốn mua cái nào rẻ nhất:

- Ông có cây nào rẻ nhất không?

- Rẻ nhất chỉ có súng nước của con nít. Tôi bán cho cô một cây nòng 32 với giá một trăm rưỡi, tặng thêm cho cô một băng đạn.

- Được rồi.

Tracy đứng nhìn ông ta đi về phía tủ sau lưng và chọn ra một cây súng mang lại cho nàng.

- Cô có dùng súng lần nào chưa?

- Ông... ông chỉ bấm cò chớ gì?

Ông ta lâu bầu gì đó trong miệng, rồi hỏi:

- Cô có biết bỏ đạn vào không?

Tracy định trả lời là không cần vì nàng chỉ muốn dùng súng để dọa thôi, nhưng biết nếu nói ra người ta sẽ nghĩ là nàng khùng nên chỉ nhún vai. Tracy nhìn người đàn ông cho đạn vào súng. Nàng móc túi lấy tiền ra đếm.

- Tôi cần tên và địa chỉ của cô cho hồ sơ cảnh sát.

Không dự định trước nên Tracy không biết trả lời sao. Dùng súng đe dọa Joe Romano là có tội với pháp luật, nhưng hẳn là kẻ có tội, không phải nàng. Đôi mắt xanh của người đàn ông nhìn nàng chờ đợi.

- Tên của cô?

- Smith. Joan Smith.

- Địa chỉ?

- Đường Dowman, số 3020.

Ông ta nói mà không ngẩng lên nhìn nàng:

- Không có số 3020 ở đường Dowman, để tôi ghi cho cô số 4020 nhé?

Nói xong ông ta đẩy tờ biên lai về phía nàng. Tracy ký tên Joan Smith vào đó.

Người đàn ông cẩn thận đẩy khẩu súng về phía nàng. Tracy nhìn nó một lúc rồi mới cầm lên bỏ vào bóp và hồi hải bước ra khỏi tiệm. Người đàn ông nói với theo:

- Nè cô, hãy cẩn thận. Súng có đạn đó nhé!

Khu Jackson Square ở ngay trung tâm phố người Pháp với nhà thờ St. Louis cao sừng sững kiến trúc theo lối Âu châu. Mấy căn nhà chung quanh trông thật lịch sự với hàng cây râm mát trồng hai bên đường.

Tracy chờ trời sụp tối mới bắt đầu hành động. Nàng đứng trong bóng tối quan sát căn nhà, cây súng nặng trĩu trong bóp. Kế hoạch của nàng thật giản dị. Nàng chỉ muốn đấu lý với Joe Romano và yêu cầu hắn viết tờ thú tội để thanh minh cho tên tuổi mẹ nàng. Nếu hắn từ chối thì nàng sẽ dùng súng hăm dọa. Tracy cần tờ thú tội của hắn để đưa cho Trung úy Miller, làm sạch hồ sơ của mẹ nàng, còn họ muốn làm gì Romano thì làm. Nàng ước gì phải chỉ có Charles bên cạnh nàng lúc này. Nhưng một mình để hành động hơn. Charles đâu có dính dáng gì đến chuyện gia đình nàng. Chừng nào tên Romano ngồi khám thì lúc đó Tracy sẽ kể hết cho chàng nghe mọi chuyện. Một khách bộ hành đi tới. Tracy chờ người đó đi khuất rồi mới tiến tới trước cửa nhà, giơ tay bấm chuông. Không có tiếng trả lời. Tracy thầm nghĩ, có lẽ hắn đi vắng. Nhưng không sao, nàng đủ kiên nhẫn để chờ hắn về.

Thình lình đèn trước nhà bật sáng và cánh cửa mở rộng, một người đàn ông xuất hiện. Tracy hơi ngạc nhiên. Nàng tưởng sẽ gặp một tay anh chị mặt mũi đầy sẹo, nhưng trái lại, nàng đang đối diện một người đàn ông lịch sự, mặt mũi dễ coi, dáng dấp trí thức như một giáo sư đại học. Giọng hắn trầm và thân thiện:

- Chào cô, cô muốn kiếm ai?

- Xin lỗi, ông là Joe Romano?

- Phải. Cô kiếm tôi có việc gì? Trông hắn có vẻ cởi mở, đáng tin cậy. Thảo nào mà mẹ nàng không làm hắn sao được.

- Tôi... tôi muốn nói chuyện với ông một chút.

Hắn nhìn nàng, quan sát rất nhanh rồi giơ tay:

- Mời cô vào!

Tracy bước vào phòng khách đầy những đồ cổ thật sang trọng. Joe Romano sống cuộc đời vương giả bằng tiền cướp trên tay người khác, trong đó có mẹ nàng, Tracy chưa chat nhĩ thăm.

- Cô có muốn uống gì không?

- Không.

Hắn nhìn nàng tò mò:

- Vậy cô muốn gặp tôi có việc gì, cô gì... nhĩ?

- Tracy Whitney, con gái của Doris Whitney.

Hắn nhìn nàng chăm chú một lúc rồi mắt có vẻ sáng lên:

-Ồ, tôi có được tin về mẹ cô. Thật đáng tiếc.

Tracy tức giận. Chính hắn đã gây nên cái chết của mẹ nàng mà còn ra vẻ nhân nghĩa.

- Ông Romano, biện lý ở đây cho rằng mẹ tôi có tội vì đã gian lận và tẩu tán tài sản. Chính ông biết sự thật không phải vậy. Tôi muốn ông giúp tôi thanh minh tên tuổi của mẹ tôi.

Joe Romano nhún vai:

- Không ai bàn chuyện làm ăn trong ngày lễ mừng xuân. Điều đó trái với tôn giáo của tôi.

Hắn tiến tới quầy rượu pha hai ly mang tới:

- Cô uống một chút rượu cho khoẻ khoắn hơn.

Không còn cách nào khác, Tracy mở bóp và rút súng ra. Nàng chìa thẳng về phía hắn:

- Romano, tôi muốn ông viết tờ thú tội những việc ông đã làm đối với mẹ tôi.

Joe Romano quay lại nhìn cây súng. Hắn bảo nàng:

- Cô nên cất súng đi, cô Whitney, nó có thể nổ.

- Tôi sẽ cất nếu ông chịu làm theo ý tôi. Ông phải viết ra hết những phương cách mà ông đã dùng để lột công ty của chúng tôi sạch bách đến nỗi mẹ tôi phải tuyên bố phá sản và phải tự tử.

Hắn nhìn nàng chăm chú. Cặp mắt đen của hắn có vẻ thận trọng:

- Tôi hiểu. Nhưng nếu tôi từ chối thì sao?

- Thì tôi sẽ giết ông.

Tracy thấy khẩu súng run run trong tay nàng.

- Cô Whitney, cô không có vẻ một kẻ sát nhân... - Hắn nói dịu dàng, bước tới gần nàng với ly rượu trong tay - Tôi không có liên quan gì đến cái chết của mẹ cô, tin tôi đi! Tôi... - Bất thần hắn tạt ly rượu và mặt nàng. Tracy thấy cặp mắt mình cay sè và chỉ trong một giây, cây súng đã bị đá văng khỏi tay nàng.

Joe Romano cười ngạo nghễ:

- Mẹ cô đã giấu tôi. Bà không nó cho tôi biết là có một cô con gái sừng sỏ như vậy.

Hắn khoá tay nàng, bẻ ra sau lưng khiến nàng đau đớn và sợ hãi. Tracy cố vùng vẫy để thoát nhưng vô phương. Hắn đẩy nàng đến vách tường:

- Em bé chì thật. Tôi thích vậy. Em làm tôi hứng tình lên đây.

Giọng hắn khàn lại. Tracy cố vùng vẫy nhưng bàn tay hắn cứng như gọng kìm:

- Em bé muốn tìm cảm giác lạ hử? Được rồi, để Joe này cho em nếm mùi...

Hắn xé toạc áo nàng ra và mân mê đầu vú nàng, miệng vẫn thầm thì:

- Em bé cứ chống cự đi, tôi thích vậy. Làm cho tôi hứng hơn...

- Buông tôi ra!...

Hắn siết cánh tay nàng mạnh hơn khiến nàng đau đớn, té quỵ xuống sàn nhà. Joe nằm xấp lên người nàng, tay đưa dần xuống đùi. Tracy vùng vẫy một cách bất lực. Bỗng tay nàng chạm phải khẩu súng. Nàng chụp lấy và thình lình nghe tiếng nổ lớn.

Romano la lên:

- Chúa ơi, con chó đẻ, mày bắn tao...

Bàn tay hắn nói lỏng ra. Tracy vùng đứng lên và sợ hãi nhìn hắn lăn lộn trong vũng máu dưới sàn nhà. Nàng sợ điếng người đến không thể cử động được. Nàng có cảm tưởng mình muốn ói. Nàng chạy vội về phía nhà tắm, vục đầu vào nước lạnh vào mặt. Chiếc gương phản chiếu cặp mắt nàng đỏ ngầu như mắt chó dại. "Trời đất ơi, mình vừa giết người!" Tracy chạy trở ra phòng khách.

Joe Romano vẫn lăn lộn trên thảm, máu làm hoen ố tấm thảm màu nhạt. Tracy đứng nhìn hắn, mặt trắng nhợt:

- Tôi xin lỗi... tôi không có ý...
Hắn thở hổn hển:

- Gọi xe cứu thương...

Tracy chạy vội đến bàn điện thoại gần đó và quay số.

Nàng đặt điện thoại xuống và nhìn Joe Romano nằm dưới đất, thầm cầu nguyện "Lạy Chúa, xin cho ông này đừng chết. Con không có ý định giết ông". Nàng quì gối xuống nhìn hắn. Mắt hắn nhắm nghiền nhưng tim vẫn đập. Tracy nói: "Xe cứu thương đang trên đường!", xong chạy vội ra cửa.

Tracy cố gắng rảo bước nhưng không chạy để không bị ai để ý. Nàng kéo áo khoác cao lên che cổ để giấu chiếc sơ-mi bị rách bèn

trong. Đi qua bốn phu khố mà nàng vẫn chưa đón được chiếc taxi nào. Tiếng còi xe cứu thương văng vẳng đằng xa hướng về phía nhà Romano. Tracy phải trốn thật xa khu này. Vừa thấy một chiếc taxi bỏ khách xuống, nàng chạy vội lại:

- Xe ông đi chứ?

- Còn tùy là đi đâu.

- Ra phi trường.

- Được, leo lên đi.

Trên đường đến phi trường, Tracy lo lắng, nếu Joe Romano chết thì sao? Nàng sẽ bị kết tội sát nhân. Nàng còn bỏ quên khẩu súng đằng nhà hắn với dấu tay trên đó. Nàng sẽ khai Romano định hiếp dâm nàng và cây súng bị cướp cò. Nhưng liệu có ai tin nàng không? Chính nàng mua cây súng mà. Thời gian trôi qua bao lâu rồi? Một giờ hay nửa giờ? Nàng nên rời New Orleans càng sớm càng tốt. Người tài xế taxi gợi chuyện:

- Cô dự lễ hội xuân vui chứ?

Tracy cố nuốt nước miếng:

- Vui lắm!

Nàng mở bóp lấy chiếc gương con ra soi mặt xem có vẻ gì khả nghi không. Thật là ngu ngốc khi nàng nghĩ rằng có thể đe dọa bắt Romano thú tội. Làm sao nàng có thể kể hết cho Charles nghe đây? Nàng biết chàng sẽ xúc động lắm khi biết chuyện nhưng Tracy hy vọng sau khi giải thích, Charles sẽ hiểu và chỉ bảo nàng nên làm gì.

Xe đến phi trường New Orleans. Mới trong 24 giờ đã xảy ra quá nhiều chuyện với Tracy. Mẹ nàng tự tử. Đám múa lân cướp hành lý. Súng nổ... Đi trong phi trường, Tracy có cảm tưởng như mọi người biết nàng vừa phạm tội sát nhân. Nàng tự nhủ: "Chắc Romano không sao. Mình và Charles sẽ trở lại ngày mai để lo việc tống táng cho mẹ". Cố gạt bỏ hình ảnh người đàn ông nằm lăn lộn trong vũng máu, Tracy tiến đến quầy vé:

- Tôi muốn mua một vé đi Philadelphia sớm nhất trong ngày.

Người bán vé nhìn vào máy điện



toán:

- Cô thật may mắn. Chuyến bay 404 cất cánh trong vòng 20 phút còn một chỗ trống.

Trong lúc Tracy móc bóp trả tiền thì hai người cảnh sát mặc đồng phục tiến đến. Một người hỏi:

- Cô là Tracy Whitney?

Tim nàng như ngừng đập:

- Dạ đúng.

- Chúng tôi có lệnh bắt cô.

Tracy cảm thấy hơi lạnh của chiếc còng chụp vào hai tay nàng. Nàng là kẻ sát nhân. Joe Romano đã chết. Nhưng đó chỉ là rủi ro thôi mà. Nàng suy nghĩ tìm cách để giải thích cho họ hiểu. Họ phải hiểu cho nàng.

Tracy được đưa về quận cảnh sát Algiers ở phía tây New Orleans. Đây có phòng tạm giam nhốt đủ mọi hạng người, dĩ điểm, ma cô, buôn lậu cùng những nạn nhân của chúng. Nàng được đưa vào bàn một trung sĩ trực. Một trong hai viên cảnh sát bắt nàng lên tiếng:

- Cô này là Whitney đây trung sĩ. Chúng tôi bắt được cô tại phi trường trong lúc cô định trốn đi.

- Tôi không có trốn...

- Mở còng ra!

Chiếc còng được mở. Tracy cố bào chữa:

- Đó chỉ là rủi ro. Tôi không có ý định giết ông ấy. Ông ấy định hãm hiếp tôi và tôi...

Nàng nói không ra hơi. Viên trung sĩ lạnh lùng hỏi:

- Cô là Tracy Whitney?

- Dạ phải.

- Giam cô ta lại.

- Không, chờ một chút. - Tracy năn nỉ - Tôi được quyền gọi một cú phôn.

Viên trung sĩ nhăn mặt:

- Cui bộ cô rành thủ tục lắm nhỉ? Cô đã bị giam bao nhiêu lần rồi?

- Chưa lần nào. Đây là...

- Cô gọi ngay đi. Được ba phút. Cô gọi số mấy?

Thần kinh Tracy căng thẳng đến nỗi nàng không thể nhớ ngay được số điện thoại của Charles. Cuối cùng nàng cũng nhớ ra được.

Viên trung sĩ quay số và giao

máy cho nàng. Tiếng chuông reo bên kia đầu giây nhưng không ai trả lời. Thường thì Charles ở nhà giờ này mà!

- Hết giờ rồi.

Viên trung sĩ lấy điện thoại trên tay nàng lại. Tracy la lên:

- Xin ông chờ một chút!

Nhưng rồi nàng chợt nhớ ra, ban đêm Charles thường rút điện thoại để không bị quấy rầy. Chuông vẫn reo lạnh lốt nhưng không cách nào liên lạc với Charles được. Viên trung sĩ nhìn nàng:

- Xong chưa?

Tracy đáp, giọng buồn bã:

- Dạ xong.

Một người cảnh sát dẫn nàng vào phòng lấy dấu tay và chụp hình. Sau đó đưa nàng vào phòng giam. Nhìn viên cảnh sát quay lưng đi, Tracy tưởng như mình đang trong cơn ác mộng. Tại sao chuyện lại xảy ra như vậy? Chúa ơi, xin đừng là sự thật!

Đêm như dài vô tận. Phải chi nàng liên lạc được với Charles. Nàng cần chàng hơn bất cứ việc gì khác trên đời này. Phải chi nàng kể cho chàng nghe từ đầu thì biết đâu mọi chuyện đã không xảy ra như vậy.

Đúng sáu giờ rưỡi sáng, một người gác mang cho nàng một cái bánh muffin và một ly cà phê nhạt nhẽo. Nàng không đụng đến. Bao tử nàng căng đầy lo âu. 9 giờ, một nữ cảnh sát đến gặp nàng:

- Đến giờ đi rồi em cưng.

Bà ta mở khám cho Tracy.

- Tôi có quyền được gọi một cú phôn...

Người nữ cảnh sát nhìn nàng:

- Để lát nữa. Cô không muốn ông toà phải đợi cô chứ? Ông ta dữ lắm đó.

Bà ta dẫn Tracy đi dọc hành lang, ngang qua một cửa nối liền với toà án. Ông chánh án già đang ngồi trên ghế. Phía trước là biện lý Ed Topper, một người đàn ông gầy với mái tóc hoa râm cắt ngắn, đôi mắt đen lạnh lùng. Tracy được dẫn về ghế của bị cáo. Phiên xử bắt đầu. Bây giờ là lúc

để Tracy giải thích chuyện đã xảy ra với những người có thẩm quyền. Nàng nắm chặt hai tay lại cho khỏi run:

- Thưa ngài chánh án, đây không phải là vụ giết người. Tôi đã bắn ông ta nhưng chỉ vì rủi ro. Tôi chỉ muốn đe dọa ông ta mà thôi. Ông ta định hiếp tôi và...

Ông biện lý ngắt ngang:

- Thưa ngài chánh án, tôi thấy chúng ta không nên phí thì giờ vô ích. Người đàn bà này đã đột nhập nhà ông Romano với vũ khí trong tay là một cây súng lục nòng 32. Lúc ông Romano bắt cô ta tại trận thì cô ta đã tàn nhẫn bắn ông ta và bỏ đi.

Tracy có cảm tưởng mặt mình không còn hột máu:

- Mấy ông... nói cái gì?

Viên biện lý tiếp tục:

- Chúng tôi có khẩu súng tang vật bắn ông Romano bị thương đây, dấu tay của cô Whitney còn rành rành trên đó.

Bị thương? Như vậy là Romano chưa chết. Và nàng không phải là kẻ giết người.

- Cô ta bắn xong bỏ trốn đi mang theo bức tranh, thưa ngài chánh án. Vì lý do đó, tiểu bang yêu cầu bắt giữ cô Tracy Whitney về tội cố ý giết người và cướp có vũ khí. Số tiền thế thân để được tại ngoại hầu tra là nửa triệu.

Ông chánh án quay lại nhìn cô gái đang đứng như trời trồng:

- Có ai đại diện cho cô không?

Nhưng Tracy không nghe thấy gì. Ông chánh án nhắc lại:

- Cô có luật sư biện hộ không?

- Tôi... dạ không. Nhưng tôi không hiểu...

- Toà sẽ chỉ định một luật sư cho cô. Cô sẽ bị giam giữ tại đây nếu không có tiền thế thân. Bế mặc!

- Xin chờ một chút! Đây chỉ là sự lầm lẫn. Tôi không có...

Nhưng người ta đã điệu nàng ra khỏi toà án.

Viên luật sư được toà chỉ định thay thế cho Tracy là Perry Pope. Ông ta vào khoảng ngoài 30, gương mặt

thông minh và đôi mắt xanh thiện cảm. Tracy vừa gặp là đã có thiện cảm ngay với ông ta.

Perry bước vào phòng giam, ngồi trên sàn xi-măng và nói ngay:

- Mọi chuyện xảy ra cho cô không đầy 24 tiếng đồng hồ nhưng may mắn cho cô là cô bán trật nên ông ta chỉ bị thương xoàng. Ông Romano sẽ bình phục.

Ông ta rút ra một ống tẩu và hỏi:

- Tôi hút thuốc không phiền gì cô chứ?

- Dạ không.

Perry Pope lấy thuốc nhồi vào tẩu, rít một hơi dài:

- Cô Whitney, trông cô không có vẻ gì là người có tội.

- Tôi không có, tôi thề với ông.

- Cô hãy kể cho tôi nghe mọi chuyện từ đầu. Từ từ mà kể.

Tracy kể cho ông ta nghe. Kể hết. Perry Pope im lặng nghe cho tới cuối. Ông dựa lưng vào vách phòng giam, về suy nghĩ. Ông nói nhẹ nhàng:

- Đúng là tên lưu manh!

Tracy nhìn ông ta, có vẻ không hiểu:

- Tôi không hiểu tại sao người ta nói đến bức tranh gì đó!

- Chuyện giản dị thôi. Romano dùng bức tranh như đã dùng mẹ cô. Cô chỉ bước vào đúng lúc cho sự dàn cảnh của hắn.

- Tôi vẫn không hiểu.

- Để tôi giải thích rõ hơn. Romano đã bảo hiểm bức tranh Renoir trị giá nửa triệu đô-la. Bức tranh hiện đang cất giấu một nơi nào đó mà hắn sẽ lấy lại sau. Công ty bảo hiểm sẽ chạy theo điều tra cô, không phải hắn. Khi mọi việc êm rồi, hắn có thể bán bức tranh cho một tư nhân nào đó để kiếm thêm nửa triệu bạc nữa. Hắn ta cảm ơn cô đến đúng lúc cho sự dàn cảnh này. Cô có thấy đe dọa để hắn viết tờ thú tội là không ích lợi gì không?

- Dạ, tôi cũng nghĩ vậy. Tôi cứ nghĩ là nếu lấy được sự thật thì người ta có thể điều tra...

Thuốc trong điếu đã hết, Perry vừa nhồi thêm một tẩu khác vừa hỏi:

lá thu

*Thu đã về sao không tiếng vang?
Bỗng dưng lá úa sắc thu vàng
Nương theo gió nhẹ bay hờ hững
Những buổi sương chiều lặng lẽ sang!*

*Từng lá vàng bay trong gió thu
Như bao tâm sự rụng trên tờ
Như bao giòng cảm trôi từng lớp
Như mạch sầu tuôn cuốn rối tơ.*

*Nghe vọng đâu đây tiếng thở dài
Thoảng theo nhịp lá nổi lòng ai
Lẩn trong làn gió, trong chiều vắng
Rất nhẹ nhưng sao nặng cảm hoài!*

vân nương

- Cô vào nhà hấn bằng cách nào?
- Tôi bấm chuông và chính ông ấy ra mở cửa.

- Hấn không khai như vậy. Máy cửa kiếng sau nhà bị bể và hấn khai là cô đập cửa vào. Khi bắt gặp cô chạy trốn với bức tranh Renoir, hấn chặn lại thì cô bắn hấn để thoát thân.

- Nói láo! Tôi...

- Nhưng đó là nhà của hấn và súng của cô. Cô có biết là cô đang đối đầu với ai đó không?

Tracy lắc đầu một cách ngây thơ.

- Cô Whitney, để tôi kể chuyện đời cho cô nghe. Thành phố này được giạt dây bên trong bởi gia đình Orsatti. Không có chuyện gì thành công mà không có sự đồng ý của Anthony Orsatti. Nếu cô muốn có giấy phép xây nhà, tráng đường, mở sòng bài hay nhà thổ thì cô phải gặp Orsatti. Joe Romano là bộ hạ của Orsatti, là người đứng đầu trong gia đình Mafia này chỉ sau có Anthony Orsatti. Thế mà cô bước vào nhà hấn và chĩa súng vào hấn, thật là tức cười!

Tracy ngồi nghe mà chết điếng. Cuối cùng nàng hỏi:

- Ông có tin những chuyện tôi vừa kể không?

Ông ta mỉm cười:

- Cô thông minh lắm. Có khùng mới tin là cô vào nhà hấn chỉ với lý do là bắt hấn viết giấy thú tội!

- Ông... ông có thể cứu tôi được không?

Perry trả lời thận trọng:

- Tôi sẽ cố gắng hết mình. Tôi đang tìm cách lôi cả bọn chúng vào tù. Chúng nó nắm hết thành phố, ngay cả chánh án. Nếu cô ra toà thì họ sẽ tìm cách chôn vùi cô thật sâu trong tù để chẳng bao giờ cô còn nhìn thấy ánh sáng mặt trời.

Ông ta vừa nói vừa đi qua đi lại, về suy nghĩ:

- Tôi không muốn cô xuất hiện trước bồi thẩm đoàn. Bởi vì, tin tôi đi, bồi thẩm đoàn sẽ trở nên người của phe hấn. Chỉ có một chánh án duy nhất mà bọn hấn không thể mua chuộc là Henri Lawrence. Để tôi giàn xếp cho ông ta xử vụ này. Tôi sẽ thương thuyết giúp cô. Tôi không thể bảo đảm một trăm phần trăm nhưng tôi sẽ nói chuyện riêng với ông ấy. Ông ta cũng như tôi, rất ghét



tại Orsatti và Romano. Chúng ta chỉ còn trông cậy vào chánh án Henri Lawrence mà thôi.

Perry Pope dàn xếp cho Tracy được điện thoại với Charles. Nàng nghe giọng nói quen thuộc của cô thư ký:

- Văn phòng Stanhopes...

- Harriette. Tracy Whitney đây. Có...

- Ô, ông ấy muốn liên lạc với cô nhưng không biết số điện thoại của cô. Bà Stanhopes có vẻ nóng lòng muốn bàn chuyện đám cưới. Nếu cô có thể, nên điện thoại cho bà càng sớm càng tốt...

- Harriette, làm ơn cho tôi nói chuyện với Charles!

- Tôi rất tiếc, cô Whitney. Ông ấy đi họp ở Houston. Cô cho tôi số của cô và ông ấy sẽ liên lạc với cô khi thuận tiện.

- Tôi...

Nàng không thể cho Charles số phôn của nhà tù. Nàng phải cắt nghĩa mọi việc trước đã.

- Thôi được rồi, tôi sẽ điện thoại cho ông ấy sau.

Chiều hôm ấy Tracy được chuyển đến một phòng giam rộng hơn. Thức ăn cũng khá hơn chỗ cũ. Một lát sau nàng nhận được bó hoa với những hàng chữ: "Hãy ngẩng mặt lên. Chúng ta sẽ chiến đấu chống lại bọn lưu manh. Perry Pope".

Perry Pope đến thăm Tracy vào buổi sáng hôm sau. Vừa nhìn thấy nụ cười tươi trên gương mặt ông ta là Tracy đã đoán ông ta có tin vui cho nàng.

- Chúng ta may mắn hết sức. Tôi vừa gặp Chánh án Lawrence và Biện lý Topper. Ông biện lý la chối lỏi nhưng chúng tôi cũng điều đình xong.

- Điều đình?

- Phải. Tôi kể hết mọi việc của cô cho Chánh án Lawrence nghe và ông ấy đồng ý buộc tội cô.

Tracy nhìn sững ông ta như không tin:

- Buộc tội tôi? Nhưng tôi không có...

Perry giờ tay ngăn lại:

- Nghe tôi kể hết đã. Kết tội cô thì tiểu bang tiết kiệm được một số tiền toà án. Tôi giải thích cho ông chánh án nghe là cô không có án cấp bức tranh. Ông ta cũng dư biết Romano nên tin tôi.

Tracy hỏi chậm rãi:

- Nhưng nếu kết án tôi thì họ sẽ làm gì tôi?

- Chánh án Lawrence sẽ kêu án cô ba tháng tù.

- Bỏ tù?

- Khoan đã, đừng nóng. Ông ta có thể cho tù treo và cô có thể rời khỏi tiểu bang.

- Nhưng trong hồ sơ của tôi có án.

- Nhưng nếu cô bị kết tội đột nhập tư gia để cướp của có vũ khí và can tội cố ý giết người thì cô có thể bị kết án mười năm tù.

Perry Pope kiên nhẫn theo dõi thái độ của Tracy:

- Tùy cô quyết định. Tôi chỉ khuyên cô như thế. Người ta muốn biết câu trả lời của cô. Cô có quyền từ chối và kiếm một luật sư khác...

- Không. - Tracy tin tưởng người luật sư này. Ông ta có vẻ thành thật. Phải chỉ nàng được bàn thảo trước với Charles thì hay biết mấy. Nhưng người ta cần câu trả lời ngay bây giờ. Nàng có thể may mắn chỉ bị án treo mà thôi. Cuối cùng Tracy cố gắng nói - Tôi chấp nhận điều kiện.

Perry Pope gật đầu:

- Cô thông minh lắm!

Tracy không được phép dùng điện thoại vì toà chưa xử xong. Nàng đang đứng giữa toà. Một bên là Perry Pope, một bên là Biện lý Ed Topper. Ngồi trên bục là người đàn ông khoảng 50 tuổi. Đó là chánh án Lawrence. Ông ta hỏi nàng:

- Toà được biết bị cáo muốn đổi tội danh vô tội thành có tội, phải không?

- Dạ thưa ngài phải.

- Mọi người có đồng ý như vậy không?

Perry Pope gật đầu:

- Đồng ý, thưa ngài.

Biện lý Topper:

- Dạ, đồng ý.

Chánh án Lawrence ngồi im suy nghĩ một hồi. Sau đó ông chồm người về phía Tracy, vừa nhìn thẳng vào mặt nàng vừa nói:

- Một trong những khía cạnh đáng thương ở xứ sở chúng ta là có một số người cứ tưởng là phạm tội rồi có thể trốn đi mà không ai làm gì được. Tôi muốn nói đến những kẻ cười trên luật pháp. Một vài hệ thống luật pháp trong nước đã bao che cho tội lỗi. Nhưng ở Louisiana, chúng tôi không tin có điều đó. Khi một ai cố tình giết người một cách tàn nhẫn thì kẻ đó phải bị trừng phạt đích đáng.

Tracy bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Nàng nhìn Perry Pope dò hỏi nhưng ông ta đang nhìn Chánh án Lawrence.

- Bị cáo đã nhận tội cố ý giết một công dân lương thiện và gương mẫu của thành phố chúng ta. Bị cáo đã bắn ông Romano trong lúc đào thoát với bức tranh đáng giá nửa triệu bạc. Toà không cho phép bị cáo hưởng thụ số tiền to tát đó trong vòng 15 năm ở nhà tù nữ giới Louisiana.

Tracy có cảm tưởng như mọi vật đảo lộn. Mọi người đang đùa giỡn gì đây. Ông chánh án đúng là một diễn viên có tài nhưng ông đã đọc lộn chữ. Ông ta không thể nào tuyên án như vậy được! Tracy nhìn luật sư Perry Pope cầu cứu nhưng ông ta nhìn đi chỗ khác. Ông chánh án thu xếp giấy tờ bỏ vào cặp. Tracy đứng chết lặng, không hiểu chuyện gì vừa xảy ra cho mình. Một nhân viên công lực đến nắm cánh tay nàng, ra lệnh:

- Đi theo tôi.

Tracy la lớn:

- Không! Làm ơn! Thưa ngài chánh án, chắc có chuyện gì lầm lẫn đây. Tôi...

Nhân viên công lực xiết chặt tay nàng lôi đi. Tracy biết đây là sự thật. Nàng đã bị lừa. Người ta muốn hủy diệt nàng. Cũng như họ đã hủy diệt mẹ của nàng.

(còn tiếp)

trở về từ cõi sáng

Nguyễn Phong



(tiếp theo)

LDG: Trong những kỳ trước chúng ta đã tìm hiểu về đời sống bên kia cửa tử qua lời kể của những người đã chết nhưng lại hồi sinh (*Near death experienced*). Kỳ này chúng ta hãy tìm hiểu về những áp lực vật chất đối với những người vừa từ trần.

Theo kinh Địa Tạng, những người tạo ác nghiệp khi chết sẽ trở thành ngạ quỷ hay súc sanh. Ngạ quỷ là quỷ đói, bụng to bằng cái trống nhưng cổ họng chỉ bé bằng cây kim nên ăn uống mãi mà vẫn không no. Có lẽ điều này ám chỉ những vong linh còn nhiều dục vọng, vẫn thèm khát các thú vui vật chất nhưng vì không còn thể xác để thỏa mãn nên bị dục vọng hành hạ biến thành một loài quỷ đói. Theo các sách vở viết về thế giới bên kia thì đây là một cõi được cấu tạo bằng những chất liệu rất thanh và nhẹ so với nguyên tử cõi trần nên muốn sống một cách thanh thoi, các vong linh khi qua đây phải biết loại bỏ đi những phần tử nặng trịch tích tụ trong kiếp sống ở cõi trần như dục vọng, sự quyến luyến, lòng ham ăn uống hay đòi hỏi xác thịt.

Vì trước sau ai cũng phải đến đó nên sự hiểu biết về cõi giới này là một điều rất cần thiết. Nếu khi du lịch qua xứ lạnh, người ta chuẩn bị y phục ấm để khỏi bị lạnh thì sự chuẩn bị để qua cõi này cũng đòi hỏi một sự chuẩn bị cẩn thận. Dĩ nhiên sự giải thoát khỏi các áp lực vật chất không phải dễ vì trong mấy chục năm sống ở cõi trần, người ta đã trảm mình trong dục lạc, muốn cởi bỏ đâu phải trong một thời gian ngắn như vài ngày hay vài tháng mà được. Thông thường vào lúc tuổi già bóng xế, các thú vui vật chất sẽ giảm bớt đi nhiều. Khi răng long, ruột yếu thì tự nhiên con người không ham thích ăn uống nhiều như khi còn trẻ nữa. Cũng như thế, khi sức khỏe suy yếu bệnh tật, con người sẽ không còn thèm muốn các thú vui vật chất như trước và sự suy giảm tự nhiên này sẽ giúp người ta giải thoát lần lần khỏi các áp lực vật chất. Tuy nhiên chết là điều không ai có thể biết trước được nên người ta không thể chờ đợi đến khi về già mới bắt đầu lo mà phải biết chuẩn bị ngay từ bây giờ. Cuốn *Tử Thư Tây Tạng* đã ghi nhận: “Đời sống ở cõi trần và cảnh giới bên kia của tử có thể so sánh với đời sống của con tằm trong vỏ kén tối tăm và con bướm trong

không gian rộng rãi. Muốn sống thanh thoi tự do, con bướm phải biết vất bỏ cái kén để bay lên không trung. Cũng như thế, muốn được thanh thoi ở cảnh giới bên kia cửa tử, vong linh phải biết xả bỏ các dục vọng vật chất, các khoái cảm xác thân. Còn giữ những gánh nặng này thì có khác gì con bướm khi thoát xác tằm nhưng vẫn mang vỏ kén trên lưng, làm sao có thể bay bổng cho được”. Theo cuốn sách này, những người chết quá trẻ, nhất là những người chết bất đắc kỳ tử, thường đau khổ rất nhiều. Sở dĩ họ khổ vì chưa già, chưa bị bệnh tật, nên các dục vọng vẫn còn mạnh, tạo áp lực khiến họ không thể siêu thoát. Nói một cách khác, họ chưa hề chuẩn bị để giải thoát ra khỏi các áp lực vật chất này nên cứ quanh quẩn ở cõi trần, sống trong trạng thái u mê đau khổ. Bị ám ảnh bởi cái chết và tâm trạng lúc từ trần nên thần trí họ không thể sáng suốt để vượt ra khỏi các áp lực này. Sự thèm khát mà không được thỏa mãn, đói mà không thể ăn, khát mà không thể uống, bị dục vọng hành hạ khổ sở có khác gì một cảnh âm ti địa ngục đâu! Chỉ khi nào các áp lực vật chất này tiêu tan hết thì vong linh mới có thể siêu thoát được. Tóm lại hạnh phúc của con người ở thế giới bên kia cửa tử tùy thuộc rất nhiều về sự giải thoát ra khỏi các áp lực vật chất này. Cuốn *Revelations* của nhóm Les Amis de Chamfleury đã ghi nhận rất nhiều trường hợp về những áp lực vật chất mà danh từ Phật giáo gọi là “Cận tử nghiệp”, chúng tôi xin trích dịch một trường hợp tiêu biểu như sau:

Bác sĩ Otto Kunz làm việc tại bệnh viện thành phố Annecy, Thụy Sĩ. Ông bà Kunz có một người con trai duy nhất tên là Jo đang theo học đại học Geneve năm thứ hai. Vào tháng 4 năm 1952, cô thư ký của bác sĩ Kunz nhận được thư của một người tên là Bernard Piquet viết cho bác sĩ nhưng vì bất cẩn cô xếp lầm bức thư này vào một chồng hồ sơ bệnh lý dày cộm trên bàn nên thư bị thất lạc. Hai tuần sau đó, cậu con

trai của bác sĩ đi bơi và chết đuối trong hồ Geneve. Đến cuối tháng sau khi mở hồ sơ bệnh lý, bác sĩ Kunz tìm thấy bức thư thất lạc, nội dung báo trước cái chết của cậu Jo và yêu cầu bác sĩ tiếp xúc với người viết thư. Đại khái bức thư như sau: "Thưa bác sĩ, tôi được giao phó một công việc rất khó khăn mà tôi không biết phải xử trí ra sao. Việc này đã gây cho tôi nhiều bối rối nên tôi mạo muội viết thư này cho bác sĩ mặc dù chúng ta chưa hề quen biết. Tôi thấy trước tại nghĩa địa thành phố Annecy một ngôi mộ mới của một cậu con trai tên là Jo Kunz, con của bác sĩ. Cậu vừa thi xong kỳ thi năm thứ hai đại học rồi đi tắm và bị chết đuối. Đây không phải là lần thứ nhất tôi biết trước được những việc sẽ xảy ra nhưng tôi không bao giờ can thiệp vào những việc này. Tuy nhiên lần này tôi nhận được lời yêu cầu phải thông báo tin này cho bác sĩ trước khi sự việc xảy ra nên tôi rất ngần ngại vì sợ bác sĩ cho rằng tôi đang toan tính việc gì chẳng! Tôi suy nghĩ rất kỹ và sau cùng quyết định viết thư này để xin bác sĩ liên lạc với tôi qua địa chỉ và số điện thoại sau...."

Là người hoàn toàn tin tưởng vào khoa học, bác sĩ Kunz rất ngạc nhiên vì lá thư đến trước khi chuyện xảy ra nên ông vội điện thoại cho ông Bernard Piquet. Trong cuộc tiếp xúc, bác sĩ Kunz được biết ông Piquet không những là một người có địa vị trong xã hội mà còn là một nhà thần linh học chuyên nghiên cứu về cõi giới bên kia cửa tử. Ông Piquet cho biết có rất nhiều vong linh sống vất vưởng, không nơi nương tựa, không người giúp đỡ, vì còn quá nhiều quyến luyến với cõi trần nên không thể siêu thoát. Nhiệm vụ của ông là liên lạc, giúp đỡ và hướng dẫn những vong linh này để họ có thể thích hợp với đời sống ở cõi bên kia. Bác sĩ Kunz không tin tưởng ở những điều mơ hồ viển vông mà ông Piquet nói nhưng kể ông này là người có địa vị trong xã hội nên chỉ nói vồn vện:

- Thưa ông Piquet, những điều

ông nói hay lắm, nhưng ông có thể giúp đỡ chúng tôi điều gì? Ông muốn xin chúng tôi điều gì chẳng?

- Bác sĩ đừng hiểu lầm. Tôi không muốn xin xỏ một điều gì cả, nhưng cậu Jo, con của bác sĩ, đang cần sự giúp đỡ của bác sĩ vì cậu đang vô cùng đau khổ.

Nghĩ ông Piquet có ý xấu, bác sĩ Kunz nổi giận:

- Ông muốn gì thì cứ nói thẳng ra, con tôi đã chết rồi, xin đừng gọi lại những điều đau đớn đó nữa. Làm sao tôi có thể giúp đỡ con tôi được?

Ông Piquet bình tĩnh trả lời:

- Thưa bác sĩ, tuy đã chết nhưng cậu Jo không siêu thoát vì đang bị ám ảnh bởi tâm trạng khủng hoảng lúc chết, do đó cậu rất đau khổ. Tôi cố sức giúp cậu nhưng vô hiệu. Có lẽ chỉ bác sĩ mới có thể giúp đỡ được cậu Jo mà thôi vì ngày thường cậu rất phục bác sĩ.

đời buồn chiếc lá

*Đời buồn như chiếc lá
Chiếc lá trôi giữa dòng
Lá đau niềm tôi tá
Nghĩa địa chiều thu phong.*

*Xuân qua rồi dặm khách
Tình chết cuối mây dèo
Hồn trôi bờ lau lách
Lá rơi vàng cheo leo.*

*Đêm địa cầu tịch mịch
Lá bay vào hoang vu
Gọi người từ cổ tích
Có về đây mộng du.*

*Áo phong trần một mảnh
Mùa đông lại mùa đông
Tuyết rơi run hồn lạnh
Lá bay đời bẽnh bồng.*

*Hỡi ai ơi nhẩn với
Gởi chút tình bơ vơ
Chiếc lá buồn mong đợi
Mắt liêu trai vào thơ.*

lã kiếm cung

- Tại sao ông biết điều đó?
- Đó là việc của tôi. Tôi vẫn thường liên lạc với cõi giới bên kia cửa tử...

- Ông liên lạc bằng cách nào?
- Chúng tôi có nhiều phương tiện không thể kể hết được, nhưng cách giản dị nhất là qua trung gian của một đồng tử (Medium).

Bác sĩ Kunz rất khó chịu vì ông không tin những trò cầu hồn, cầu cơ, hay tiếp xúc qua đồng tử nên ông lạnh lùng nói thêm vài câu rồi chấm dứt buổi nói chuyện. Chiều hôm đó ông kể cho vợ nghe. Bà Kunz vô cùng xúc động nên thúc giục ông phải tiếp xúc lại với ông Piquet:

- Chuyện này lạ lắm. Làm sao một người như ông Piquet lại biết trước cái chết của Jo được? Nếu cô thư ký Gina không xếp làm bức thư vào hồ sơ bệnh lý và nếu anh không mở hồ sơ ra coi lại thì chuyện này sẽ ra sao? Biết đâu ông Piquet chẳng



thu lạnh

*Mùa thu đã đến rồi sao?
Mà nghe tiếng gió chợt nao nao lòng
Rừng thu ngập xác lá phong
Lá rơi lá rụng như lòng lao đao
Ở đây mặt trời xanh xao
Những sương cùng khói tẩm vào thịt da
Lạ lùng thay trái tim ta
Tưởng như đã lạnh hoá ra vẫn nồng.*

nguyên khanh

nói thật, mình cứ tiếp xúc xem ông ta muốn gì và nếu ông ta bày trò bịp bợm thì ta cứ việc gọi cảnh sát.

Lúc đầu bác sĩ Kunz không nghe, nhưng vì bà vợ thúc giục mãi nên ông đành phải nhờ ông Piquet tìm cách cho ông liên lạc với Jo. Ông Piquet đề nghị một buổi cầu hồn qua trong gian của một đồng tử. Bác sĩ Kunz chấp thuận với điều kiện buổi tiếp xúc phải được tổ chức tại trường đại học y khoa Geneve, dưới sự chứng kiến của một nhóm bác sĩ bạn thân của ông. Không những thế, buổi tiếp xúc còn được thu vào băng để làm tài liệu kiểm chứng. Ông Piquet nhận lời và buổi cầu hồn được tổ chức vào cuối tuần lễ đó. Một người đồng tử (Medium) được đưa đến và ông Piquet hướng dẫn buổi tiếp xúc dưới sự kiểm soát gắt gao của một hội đồng các bác sĩ y khoa.

Lần thứ nhất cậu Jo nhập vào đồng tử, cô này ú ớ không sao nói được, cứ khua tay khua chân lia lịa một lúc rồi thôi. Ông Piquet cho biết cậu Jo không tỉnh táo và đang xúc động mạnh nên không nói được gì. Ông đề nghị mọi người hãy cầu nguyện để sự rung động này có thể ảnh hưởng đến thần trí cậu Jo khiến cậu tỉnh táo hơn. Sau khi chờ cho mọi người cầu nguyện xong, ông Piquet yêu cầu cậu Jo trở lại. Lần này cô đồng ú ớ một lúc như người bị sặc nước, cứ lấy tay chỉ vào cổ họng như muốn nói mà không sao nói được. Tay chân cô cứ giãy giụa như người đang bị chết đuối một lúc rồi thôi. Bác sĩ Kunz bán tín bán nghi không biết có nên tin hay không. Xem cử chỉ của cô đồng, ông thấy có một cái gì quen thuộc mà không sao tả được. Ông Piquet cho giải tán buổi cầu hồn và hẹn sẽ tiếp tục ở một hôm khác. Trong khi chờ đợi, ông yêu cầu bác sĩ Kunz tổ chức một buổi lễ cầu nguyện cho cậu Jo tại thánh đường địa phương. Buổi cầu nguyện diễn ra rất long trọng và trang nghiêm dưới sự chủ lễ của vị giám mục và có rất đông bạn bè của Jo. Vài hôm sau, một buổi cầu hồn

được tổ chức tại đại học Geneve. Lần này cậu Jo nhập vào đồng tử nhưng cũng như lần trước, cô này ú ớ không nói được mà cứ chỉ tay vào cổ họng. Ông Piquet bèn chấp tay nói lớn:

- Xin Thượng Đế toàn năng hãy giúp chúng con nghe được tiếng nói của Jo. Đó là một điều an ủi lớn đối với chúng con. Chúng con yếu đuối thấp hèn, không thể làm gì hơn được mà chỉ biết quỳ mọp dưới chân ngài để cầu xin. Gia đình bác sĩ Kunz đã mất cậu Jo yêu quý, xin ngài cho phép họ tiếp xúc được với Jo trong chốc lát. Cầu xin ngài làm thế nào cho nỗi đau khổ của chúng con đưa chúng con đến gần ngài. Chúng con không phiền muộn hay trách móc vì biết đó là ý ngài. Chúng con chỉ xin ngài hãy chăm lo cho linh hồn của Jo. Chúng con hy vọng và tin tưởng ở lòng thương yêu cao cả của ngài. Xin ngài hãy dịu dặt và hướng dẫn chúng con...

Ông quay ra phía những người ngồi quan sát gần đó:

- Này các bạn, các bạn phải cầu nguyện một cách chân thành. Cậu Jo cần nhận được những rung động thanh cao, dồi dào của tình thương phát xuất từ trái tim của quý vị. Chỉ có tình thương mới có thể đưa linh hồn cậu thoát khỏi các áp lực vật chất mà thôi.

Những người ngồi quan sát bàn tán không biết có nên tin lời ông Piquet hay không. Chỉ riêng bà Kunz nước mắt đầm đìa khóc lớn:

- Này Jo, nếu quả thật là con thì con hãy cho mẹ biết và mẹ sẽ giúp con.

Tự nhiên cô đồng ngồi im một lúc rồi thốt lên một câu ngắn:

- Khó quá, khó quá...

Cả hai ông bà Kunz đều giật mình vì giọng cô đồng nói y hệt như giọng cậu Jo. Bà Kunz xúc động khóc ầm lên nhưng ông Piquet can lại:

- Xin quý vị hãy bình tĩnh, đừng làm cậu Jo thêm đau khổ. Quý vị hãy cầu nguyện chân thành vì chỉ có sự chân thành mới có thể giúp được Jo

trong lúc này mà thôi. Xin quý vị hãy tự xét lại lòng mình xem có thanh khiết hay không, vì chỉ có sự thanh khiết mới có thể rung động và ảnh hưởng đến thần trí đang đau khổ của Jo. Chúng ta nên yên lặng và nghĩ đến Thượng Đế vì chỉ có ngài mới có thể giúp được chúng ta trong lúc này. Tuy một vài người trong quý vị có lòng thương Jo nhưng vẫn chưa đủ mà phải có sự hoà hợp của nhiều người để tạo ra được một mãnh lực vươn lên cõi trên cảnh tỉnh Jo. Quý vị đừng nghĩ rằng Jo đã chết. Cậu không hề chết như quý vị nghĩ đâu mà chỉ đi qua một cõi giới khác thôi. Quý vị có thể chuyển đến cho Jo những tư tưởng thân ái, những tình cảm chân thành vì chỉ những thứ này mới làm cho Jo thoát được tình trạng u mê hiện nay. Càng than khóc, quý vị càng làm Jo thêm đau khổ và càng đau khổ, thần trí Jo càng u mê, quẩn luyến, hoảng hốt, không ích lợi gì cả.

Mọi người cố gắng cầu nguyện nhưng cô đồng chỉ ngồi im mà không trả lời. Sau cùng ông Piquet giải tán buổi cầu hồn. Ngay sau đó hội đồng bác sĩ họp nhau bàn tán, đa số cho rằng ông Piquet đã lừa gạt vì họ chưa thấy có một bằng chứng nào là cậu Jo đã trở lại. Bác sĩ Kunz tỏ ra xiêu lòng trước lập luận của bạn bè nhưng bà Kunz quả quyết rằng giọng của cô đồng đúng là giọng nói của Jo và bà muốn tiếp tục thêm một lần nữa. Bác sĩ Kunz cho ông Piquet biết ý định. Ông này trả lời:

- Tôi không thể giúp thêm gì nữa vì người duy nhất có thể làm việc này chính là bác sĩ. Tôi đề nghị bác sĩ hãy chủ tọa buổi hướng dẫn kỳ tới.

Hai tuần lễ sau, buổi cầu hồn lại được tổ chức. Lần này chính bác sĩ Kunz hướng dẫn và cậu Jo trở về nhập xác đồng tử. Cô đồng cứ nấc lên như người bị sặc nước. Bác sĩ Kunz lên tiếng:

- Hãy cố gắng lên Jo. Ba biết con bị sặc nước nhưng hiện nay xác thân của con không còn nữa. Cái xác hiện con đang sử dụng chỉ là xác của một người khác cho con mượn. Cái xác

này không hề hấn gì và có thể nói năng dễ dàng. Quanh đây đều là những người thân yêu, ai cũng thương con và ai cũng muốn nghe con nói lên vài lời...

Tự nhiên đồng tử ngưng lại, cố gắng thốt lên một câu:

- Nhưng con không nói được.

Ông Kunz vội lên tiếng:

- Con hãy can đảm lên, nói cho ba biết vật gì đang ở trong cổ họng của con?

Cậu Jo cố gắng cử động cái lưỡi. Từ trước đến giờ cậu cứ ú ớ như không nói được, nhưng bây giờ thì cậu cố gắng cử động lưỡi liên tiếp như muốn nhả một vật gì ra.

Ông Kunz tiếp tục:

- Con thân yêu, hiện nay con không bị ngộp nước nữa đâu. Cái thể xác trước của con đã hư hại và được mang đi chôn cất rồi. Con hãy quan sát kỹ mà xem, bây giờ con không còn ở thể xác cũ nữa mà ở một thể mới, tốt đẹp và hoàn hảo hơn. Con hãy thoát ra khỏi sự chi phối của thể xác cũ. Con hãy cầu nguyện, hãy quên đi tai nạn thương tâm vừa qua, ba má và những người quanh đây sẽ giúp con. Con hãy thở đều cho thoải mái. Con đã ra khỏi hồ nước, con thấy không? Chung quanh con toàn là ánh sáng đẹp đẽ, con có thấy thân thể nhẹ nhàng không? Con hãy can đảm lên...

Cậu Jo vẫn khua tay khua chân như người đang bơi. Ông Kunz nói

tiếp:

- Con không còn ở dưới nước nữa mà đang ở trong trường đại học. Con hãy thở một hơi thật dài. Tất cả những thứ trong cổ họng con đã thoát ra ngoài cả rồi, cứ bình tĩnh thở đều, không có gì ngăn cản con hết...

Cậu Jo đưa tay sờ ngực và cố gắng nói nhưng vẫn chưa nói được, sau cùng cậu khóc tím tấc. Ông Kunz tiếp tục:

- Con cứ khóc đi, không sao hết. Khóc cho trút hết nỗi đau khổ rồi con sẽ thấy thoải mái hơn.

Cậu Jo khóc một lúc rồi đưa tay ôm cổ. Ông Kunz vội hướng dẫn:

- Đây Jo, hiện nay con không còn ở dưới nước nữa. Con đang ngồi gần cha mẹ và con hãy bình tĩnh. Con đã được vớt lên khỏi hồ nước rồi...

Cậu Jo bật lên một câu:

- Cha mẹ ơi, rong rêu bám đầy vào miệng con ghê gớm quá!

- Con cứ bình tĩnh, mọi việc đã qua rồi. Hiện nay con đang ở bên cha mẹ, không có gì có thể làm hại con nữa đâu. Đây Jo, ngày trước con hát hay lắm, con hãy hát một bài cho cha mẹ nghe đi.

Cậu Jo bật cười lên tiếng, hát một bản nhạc thịnh hành rồi thăng. Lúc đó ông Piquet mới lên tiếng giải thích:

- Cháu Jo từ trần sớm quá, cháu còn quyến luyến cha mẹ, tiếc cuộc đời còn đẹp nên không muốn từ bỏ

cõi trần. Do đó cháu cứ bám víu vào thể xác nên thần trí bị u mê. Cái áp lực vật chất này rất kinh khủng cho những ai muốn bám víu vào cõi trần nên người chết cứ bị ám ảnh bởi hoàn cảnh khi chết. Dĩ nhiên họ rất đau khổ. Vấn đề chính là phải biết hướng dẫn cho cháu biết chấp nhận sự chết để được siêu thoát. Muốn như thế, cháu cần phải hiểu biết về đời sống ở cõi bên kia, loại bỏ những quyến luyến thì mới có thể tiêu điều tự tại được. Các ông bà nên biết có rất nhiều người sau khi chết vẫn ở trong trạng thái lúc chết từ năm này qua năm nọ mà không siêu thoát. Họ không sống ở cõi trần, không sống ở cõi chết mà cứ ở giữa hai cõi. Chính cái hoàn cảnh không sống mà cũng không chết này làm họ u mê đau khổ. Muốn giúp họ chỉ có một cách duy nhất là cầu nguyện, cầu nguyện thật chân thành để sự thương yêu của quý vị tạo ra một mảnh lực soi sáng tâm tư đang hồ đồ của người vừa chết. Các sự than khóc, kêu gọi ồn ào chỉ làm tâm tư người chết đã bối rối lại còn hoang mang thêm, không ích lợi gì hết. Do đó một đám tang phải được cử hành trong sự chân thành, yên lặng khi tất cả mọi người tham dự chí tâm chí thành cùng cầu nguyện. Quý vị nên biết cõi giới bên kia của tử không phải là một cảnh thiên đàng hay địa ngục như người ta thường diễn tả, mà là một cảnh giới rất sáng, một thứ ánh sáng tràn đầy tình thương của đấng sáng tạo. Tại đây người ta có dịp hồi quang phản chiếu, ý thức thực sự các định luật của vũ trụ cũng như việc làm vừa qua của mình để quyết định cho đời sống ở kiếp sau. Đời sống bên này rất yên lành, thoải mái vì chỉ có các tư tưởng rung động thanh cao, không hề bị ô nhiễm bởi các dục vọng vật chất. Muốn thích hợp với đời sống này, con người cần biết loại bỏ các ràng buộc vật chất như lòng tham lam, ích kỷ. Cháu Jo hiện vẫn còn bị ám ảnh nhiều bởi tâm trạng lúc chết nhưng tôi tin cháu sẽ hiểu biết và siêu thoát.

(còn tiếp)

Tủ sách thiên của

NGUYỄN PHONG:

Đường mây qua xứ tuyết	US\$14.00 - CA\$20.00
Hành-trình về phương đông	US\$10.00 - CA\$14.50
Hoa sen trên tuyết	US\$ 8.00 - CA\$11.50
Huyền-thuật và đạo-sĩ Tây-tạng	US\$16.00 - CA\$22.50
Minh triết trong đời sống	US\$12.00 - CA\$17.00
Ngọc sáng trong hoa sen	US\$20.00 - CA\$28.50
Tây tạng huyền bí	US\$ 8.00 - CA\$11.50

Xin gửi thư và chi-phiếu về:

LÀNG VĂN

cuộc đời tình-ái và sự-nghệp chánh-trị của stalin

Đặng Văn Nhâm



(Kỳ 6)

Sau phiên toà công khai lần thứ ba xử tử hình một số đồng đảo thân hữu, cựu đảng viên Bolshevik bị tình nghi có tư tưởng chống đối, Stalin vẫn tiếp tục ra lệnh bắt bớ giam cầm và xử tử hàng loạt người vô tội khác. Từ đó đến nay, tuy chính quyền Nga không ban hành một thông cáo hay danh sách nào đề cập chính thức đến con số nạn nhân, nhưng qua những tài liệu lẻ tẻ, tàn mạt của cơ quan mật vụ và toà án thời Stalin còn sót lại, người ta có thể ước lượng như sau: Kể từ vụ ám sát Kirov tháng 12 năm 1934 cho đến cuối năm 1938, đã có khoảng từ 600.000 đến 800.000 người bị xử bắn hoặc bị tra khảo đến chết trong trại giam, cùng với khoảng 5 triệu người bị lưu đày chung thân viễn xứ trong các trại lao công cưỡng bách. Cũng theo các tài liệu còn sót lại, hầu như tất cả bạn bè quen biết, đảng viên thân niên và cộng sự viên thân tín xa gần của Stalin khi bị hấn coi là “biết nhiều” đều đã bị thủ tiêu.

Cho đến lúc này chỉ còn sống sót hai người: Nikolaj Ivanovich Yezhov, chỉ huy trưởng cơ quan mật vụ NKVD cùng với viên phụ tá Zakovski. Nhưng ngày tàn của hai

người ấy cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay. Trước hết, Zakovski thỉnh linh bị giải nhiệm, bị bắt giam và sau cùng bị xử bắn về tội cuồng dâm. Sau đó, vị thế của Yezhov trở nên bấp bênh hơn vì Stalin chỉ còn chờ cơ hội thuận tiện mà thôi.

Đến lúc ấy, nương tựa vào sự ủng hộ của Molotov và một số đảng viên trong Chính trị bộ, Beria yêu cầu Stalin nên chấm dứt chiến dịch thanh trừng, viện lý do sợ quần chúng căng thẳng quá sẽ nổi loạn. Bề ngoài Stalin không tỏ vẻ phản đối mà còn cùng Molotov nghiên cứu công tác. Nhưng thật ra hấn đang quan tâm theo dõi một vụ khác mà Yezhov vừa chỉ điểm.

Một hôm, bỗng nhiên Voroshilov lên tiếng nói về “triều đình Kaganovich”. Đó là dấu hiệu thảm họa sắp xảy đến cho gia đình nhà đó. Chẳng bao lâu sau, theo đúng lớp lang tuồng tích cũ, Yezhov công khai tố cáo anh em nhà Kaganovich, gồm cả Mikhail và Yuri, núp dưới những địa vị cao cấp trong chính phủ để phá hoại và lật đổ chế độ.

Chiến dịch thanh trừng anh em nhà Kaganovich đã đụng chạm đến đời sống tình cảm hàng ngày và cá nhân Stalin rất sâu đậm. Bởi vì người vợ thứ ba rất yêu quý của Stalin,

Rosa Moisejevna Kaganovich, là em gái của gia đình này. Ngoài ra, Stalin còn có một cộng sự viên thân tín, được hấn đỡ đầu, tên Lazar Kaganovich, là anh ruột của Rosa.

Gần 5 năm về trước, sau khi người vợ thứ nhì của Stalin, Nadiezhda Allilujeva, bị hấn đầu độc chết được ít lâu, Molotov đã đem Rosa đến giới thiệu với Stalin, rồi hai người trở thành vợ chồng chính thức.

Kể từ ngày đó, đời sống gia đình và tình cảm của Stalin trở nên yên ổn, đầm ấm. Rosa là một phụ nữ đẹp và thông minh, tánh tình hoàn toàn khác hẳn Nadiezhda. Mặc dù Rosa vẫn dành nửa thời giờ cho những hoạt động công cộng, thời gian còn lại nàng tận dụng đích đáng để phục vụ Stalin và cả mấy đứa con riêng của chồng. Rosa tỏ ra lạnh lẽo, giỏi dang và khéo léo đóng trọn một lúc hai vai trò nặng nề tể nhị, vừa là vợ vừa là mẹ ghê của mấy đứa con riêng của Stalin do mấy đời vợ trước để lại. Ngay từ khi bước chân vào gia đình này, Rosa đã thay tất cả những bàn, ghế, tủ kiểu cổ lỗ sĩ, nặng nề từ thời Nga hoàng bằng những loại bàn ghế kiểu mới, nhẹ nhàng vui mắt hơn. Những món đồ cổ tuy quý giá nhưng nặng nề, Rosa nhường lại cho Molotov, nàng chỉ giữ những tấm thảm và màn treo cửa dẹt tay, hiếm có mà thôi.

Rosa cao khoảng 1m7, mảnh khảnh, ăn diện rất đúng thời trang, tóc nâu đậm, mắt xanh đục, mũi thẳng thanh nhã, làn da mỏng mịn rất mềm mại. Đôi hàm răng nàng trắng tinh, đều đặn, sẵn sàng nở nụ cười thân thiết với mọi người. Rosa rất thích khiêu vũ, xem hát tuồng, nhạc kịch, ưa hội họp bạn bè. Ngoài tài khiêu vũ điêu luyện, Rosa còn có giọng hát rất truyền cảm và rất hay. Nàng đặc biệt chú trọng đến nhạc cổ điển và có thể ngồi ngay bên máy quay đĩa, nghe hàng giờ không biết chán các bản nhạc êm dịu của Beethoven, Schubert hay Mozart... Nàng cũng ham đọc và đọc rất nhiều. Trước khi kết hôn với Stalin,

Rosa đã từng làm quản thủ thư viện quốc gia và là giảng viên văn hoá cho viện đại học Moskva, chuyên về văn chương, phê bình nghệ thuật thứ bảy, đồng thời làm biên tập viên cho một tạp chí chính phủ. Hiển nhiên khi kết hôn với Stalin, Rosa phải hy sinh phần nào đời sống công cộng, kể cả tham vọng chính trị của mình.

Khi được Stalin ngỏ lời cầu hôn, Rosa biết rất rõ mọi việc và hoàn cảnh sống, kể cả cái chết của Nadiezhda. Nàng không thêm bận tâm đến những vụ trai gái lãng nhãng, dâm ô bẩn thỉu của Stalin nhưng đặt điều kiện: phải để cho nàng tự do tiếp xúc công khai với bạn bè của nàng. Nàng được quyền duy trì những cuộc hội họp thảo luận văn chương và âm nhạc, thỉnh thoảng diễn ra vào những buổi tối trong vòng thân mật. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, Stalin chấp nhận điều kiện ấy một cách dễ dàng. Nhưng vì vấn đề an ninh phòng vệ, Rosa không thể mời bạn bè vào điện Cẩm Linh. Stalin cho phép nàng sử dụng một căn nhà ba phòng rộng lớn ở bên ngoài để tổ chức họp bạn mà không phải chịu sự kiểm soát và theo dõi của nhân viên mật vụ.

Nơi đây, mỗi ba ngày Rosa lại hiện diện để thảo luận và đàm đạo với bạn bè về chuyện văn chương nghệ thuật. Những cuộc họp này được gọi là “Khách sảnh của Rosa” với một khẩu hiệu độc đáo do chính nàng đề ra: Mời các bạn đến với tôi và các thân hữu bất cứ lúc nào. Xin đừng ngại. Rosa tỏ ra thân ái, niềm nở, vồn vã với tất cả mọi người. Khách sảnh của Rosa chẳng những thường được giới chỉ huy cao cấp của điện Cẩm Linh đến thăm viếng, mà còn được giới văn nghệ sĩ tới lui tụ họp, bàn luận thân mật. Trong số lui tới thường xuyên nhất, người ta thấy Radek, Tolstoj, Pasternak, Mekhlis, Kalinin... thỉnh thoảng có cả Krupskaja (góa phụ Lenin), Ilja Ehrenburg, Bukharin và Zhukov.

Stalin cũng thường hay đến đó và còn tỏ ra rất hăng say tham dự các cuộc thảo luận văn chương mà vẫn

hào Tolstoj khởi xướng. Có lúc hắn còn nồng nhiệt ca ngợi một nhạc phẩm mới mà tác giả đang dạo trên phím dương cầm, đồng thời kêu gọi mọi người hiện diện thi đua sáng tác một bài thơ mới để chọn phổ nhạc. Sau mỗi cuộc thảo luận văn chương hay trình diễn âm nhạc chấm dứt, người ta thường bế mạc bằng một màn khiêu vũ mà Stalin rất khoái vì hắn được nhảy nhót thả cửa.

Khách sảnh của Rosa trang bị đầy đủ tiện nghi, gồm cả đàn dương cầm và máy quay đĩa hát. Buổi họp mặt nào cũng rất đông, khách thường phải ngồi la liệt trên sàn vì không còn đủ chỗ. Tuy không bao giờ thảo luận chính trị, nhưng khách sảnh Rosa lại là trung tâm phổ biến đủ loại tin tức chính trị, loan truyền khắp nơi từ điện Cẩm Linh đến các vùng xa xôi hẻo lánh. Thỉnh thoảng Rosa khéo léo tung ra một vài tin quan trọng, che đậy kín đáo dưới những hình thức trao đổi chuyện trò thân mật.

Trong những buổi họp mặt ấy, khách thường được chủ nhân khoản đãi các món ăn nguội đặc biệt, còn các thứ nước uống thì ế hề; rượu gồm đủ loại hiếm quý, đắt tiền nhưng trên cửa miệng mọi người đều cùng một câu nói lão trướng trợn: “Trong khách sảnh Rosa không được uống rượu”. Câu ấy có lẽ chỉ áp dụng cho Rosa vì nàng không uống được rượu mạnh, chỉ dùng một ly rượu ngọt khai vị mà thôi. Về món ăn, Rosa không ưa món trứng cá Caviar, đặc sản nổi tiếng của Nga, mà chỉ thích kẹo sô-cô-la. Nàng ăn sô-cô-la bao nhiêu cũng không chán, ăn luôn miệng như một đứa trẻ. Trong số quà cáp biếu xén, ai cho nàng một hộp sô-cô-la ngoại quốc, nàng đều tỏ ra vui mừng thích thú. Nhưng Rosa không ăn một mình bao giờ, nàng thường chia cho mấy đứa con riêng của chồng như Svetlana, Boris là hai đứa cùng sở thích với nàng.

Riêng Stalin cũng là một kẻ sành ăn và kén ăn nên Rosa luôn luôn cố gắng làm vui lòng chồng. Vốn gốc Georgie, Stalin khoái các món thuần

túy dân tộc nhưng thích nhất là món cá hương. Người ta phải bắt cá hương từ vùng Capca, đựng trong những cái bồn đặc biệt chở bằng phi cơ về Moskva, đem vào điện Cẩm Linh cho Stalin xơi. Stalin rất thích ngồi ngắm những con cá hương còn sống, bơi lội tung tăng trong bồn rồi tự chọn lấy một vài con để làm bữa ăn hôm đó. Theo lời Rosa và những bạn bè thân cận, Stalin tỏ ra quan tâm đặc biệt đến bữa ăn sáng, với một thực đơn dồi dào, đầy đủ các món ăn hắn ưa thích.

Trước hết, khi ngồi vào bàn, Stalin nốc cạn một hơi ly rượu Vodka lớn. Tiếp theo là hai lát cá ướp trộn hành sống, dưa leo muối và bánh mì đen. Kế đó, nốc cạn một ly Vodka lớn khác. Món thứ nhì thường là hai miếng sườn cừu chiên lòng đào, ăn chung với khoai tây chiên; hoặc hai miếng sườn heo chiên hành ăn chung với khoai tây luộc. Những món kế tiếp thường không thay đổi. Stalin luôn luôn ăn bánh mì trắng quét thật nhiều bơ, bên trên có trứng cá, cá hồi hong khói, bánh ngọt và nước chanh pha mút dâu tây hoặc mút phúc bồn tử...

Đến bữa trưa lúc 2 giờ, Stalin khai vị bằng một ly Vodka lớn và một miếng cá muối trộn đầy hành thái nhuyễn. Tiếp theo ly Vodka đầy thứ hai là bữa ăn chính gồm thịt gà hoặc tôm hùm, hay món sa-lát trộn đủ các loại rau cải, khoai tây, thịt thái vụn và cả trứng gà nữa... với một vài ổ bánh mì nhỏ. Cuối cùng là món bánh ngọt và uống trà.

Bữa tối của Stalin diễn ra vào khoảng 8, 9 giờ và không uống rượu mạnh. Hắn bắt đầu bữa bằng món súp rau cải thật đặc với bánh mì đen. Sau đó là cá hồi xông khói và trứng tráng, có khi là món cá chiên hay cá nấu. Món chính của bữa tối thường là những món đặc biệt của dân Georgie như Pilaff, Shisk kebab, vịt quay hoặc cừu quay, bò quay... Thức uống là rượu vang đặc chế của dân Capca. Tráng miệng thường có các loại trái cây, bánh ngọt và cà phê.

Mặc dù thời gian này dân Nga

đang lâm cảnh đói khát, khốn khổ nhưng riêng Stalin và các đồng chí của hắn thì chẳng thiếu món gì. Đến bữa ăn, gặp món không vừa ý, hắn nổi trận lôi đình, quăng ném bát đĩa đổ bể loảng xoảng.

Trong hai thập niên 20 và 30, viên chỉ huy trưởng đảm trách an ninh cá nhân của Stalin, tên Pauker, muốn lấy lòng xếp lớn, đã dâng cho Stalin những món cao lương mỹ vị từ ngoại quốc khiến hắn vô cùng thích ý. Từ đó, các viên chức cao cấp đại diện Nga ở hải ngoại được lệnh phải thường xuyên cung cấp những món ngon vật lạ ấy cho Stalin bồi dưỡng.

Anh trai của Rosa, Lazar Kaganovich, được Stalin đỡ đầu nên mau chóng trèo lên bậc thang danh vọng và trở thành một thành viên thế lực nhất trong Chính trị bộ. Người Nga vốn có thói quen mời những nhân vật trong Chính trị bộ đến nói chuyện trong các dịp lễ lạc quan trọng, nhưng Lazar tỏ ra rất kệnh kiệu, từ khước những sự mời mọc mà hắn cho là không xứng đáng ấy. Với hắn, chỉ những phiên họp của các báo *Pravda* hay *Izvestija*, của các giáo sư đại học hay các cơ xưởng vĩ đại mới đáng cho hắn tham dự và phát biểu.

Thực sự Lazar khá thông minh và có tài hùng biện mặc dù hơi dài dòng, được đa số quần chúng ưa chuộng. Stalin biết rõ sở trường của hắn nên mỗi khi cần chuẩn bị một cuộc thanh trừng, lập tức Lazar được phái đến tận nơi để thuyết phục quần chúng và hứa hẹn Chính trị bộ sẽ thẳng tay trừng trị bọn người hà hiếp dân nghèo. Bởi thế quần chúng Nga ngây thơ, ít học dễ dàng tin cậy nơi hắn.

Lazar và Molotov là hai nhân vật rất giống nhau về điểm khó có thể khám phá bộ mặt thực của họ. Lazar Kaganovich còn rất mưu mô thủ đoạn. Rosa cho biết, ngay từ thuở nhỏ, Lazar đã tỏ ra qui quyết, thường lợi dụng tình anh chị em để thủ lợi. Trong số đệ tử của Stalin, Lazar là tên cuồng tín nhất. Hắn

không có được một hạnh kiểm thông thường và một nhân cách tối thiểu. Rosa đã gọi Lazar là “heo” và thường quở trách những hành vi thô bỉ của hắn. Với một số những người thân, đáng tin cậy, Rosa nhận xét Lazar như sau: Hắn thông minh nhưng không có cá tính nên rất dễ dao động, dễ chịu ảnh hưởng của người khác. Mỗi khi thấy Stalin có một nhận thức khác, lập tức hắn cũng đổi ý, hùa theo Stalin ngay.

Trong thời kỳ này Krushchev đã leo lên chức bí thư đảng bộ ở Moskva, một vai trò rất khiêm nhường. Dưới mắt của Rosa, Krushchev là một gã nhà quê thô lỗ, cười nói ồn ào, khạc nhổ lung tung bữa bãi. Khi có người lạ, hắn thường hành động rất tiểu lâm, kệnh cỡm. Ngoài ra Krushchev còn nổi tiếng là một tay đệ tử lưu linh hạng nặng, uống rượu suốt ngày mà chẳng sao cả. Hắn rất sợ phải xác nhận hay cam kết điều gì, dù lớn hay nhỏ. Và câu trả lời luôn luôn là: “Tôi sẽ trả lời cho biết trong vòng vài ngày nữa”. Thoạt đầu Krushchev cư ngụ trong một chúng cư dành cho cán bộ đảng ở Moskva. Ít lâu sau hắn dời đến Ukraine và trở nên một tay đao phủ khát máu khủng khiếp của vùng này vì đã thực hiện những cuộc thanh trừng rừng rợn nhất nước Nga thời bấy giờ.

Trong số tất cả những cộng sự viên thân cận của Stalin, Rosa chỉ quý trọng có một mình Kalinin. Nàng cho rằng Kalinin là người khôn khéo đúng mức. Ông ta không ủng hộ mù quáng nhưng cũng không chống lại Stalin khi tình thế đang căng. Mặt khác, ông luôn luôn tranh đấu cho việc đem lại đời sống khá giả hơn cho toàn dân Nga.

Mikhail Ivanovich Kalinin, nguyên chủ tịch nước Cộng hoà Liên bang Sô-viết, là một người nhỏ bé, không mấy khi chịu đọc diễn văn dài dòng trong những dịp đại hội, tập họp đông đảo. Sau đây là thí dụ điển hình: Trong một đại hội hợp tác xã nông nghiệp toàn quốc, mọi người đang trông chờ Kalinin, nhân

vật tối cao chủ tọa đại hội, lên đọc diễn văn khai mạc và nói về chính sách của đảng đối với nông nghiệp như hầu hết các nhân vật cao cấp trong giới cộng sản thường làm. Thế nhưng Kalinin chỉ đứng lên tại chỗ và nói vắn tắt: “Qua các báo *Pravda* và *Bolshevik*, chúng ta ai cũng biết rõ đường lối của đảng cả rồi. Bây giờ nếu còn đem đọc một bài diễn văn dài lòng thòng, để bữa tiệc ngon lành như thế này bị ôi mất, thì thật là đáng tiếc!” Với một nụ cười khả ái, ông nâng cao ly rượu và hô to lời chúc tụng: “Chúc mừng và hoan hỉ được thưởng thức một bữa ăn thịnh soạn!” Đồng thời ông ra hiệu cho nhân viên phục vụ dọn ăn liền.

Kalinin chẳng những sành ăn uống mà còn có khiếu khiếu vũ. Mặc dù là một nhân vật cao cấp trong chính quyền nhưng ông vẫn thích tự làm món ăn cho chính mình và cho bạn bè. Có lần Rosa được Kalinin mời ăn, nàng đã chê món thịt bò ông làm không được ngon như xưa. Ông nhìn nhận là đúng, vì bây giờ nông dân đã phải dành quá nhiều thì giờ đi họp bàn chính trị nên không còn sức đâu để chăm nuôi gia súc cho béo mập, ngon lành như trước nữa.

Kalinin rất bình dân, được lòng quần chúng vì ông đã thực sự sống hoà mình với họ, chịu khó nghe họ kể lể những nỗi khó khăn trong đời sống hàng ngày. Ông ăn mặc theo kiểu cổ truyền và thường vỗ tay to mỗi khi có điều thích thú. Trong những kỳ họp của Chính trị bộ hay trong các cuộc thảo luận riêng tại văn phòng Stalin, nếu nghe có tiếng vỗ tay to là Stalin lại nói: “Ừa, ông bạn Mikhail Ivanovich đã có mặt rồi à!” Kalinin là lãnh tụ cộng sản Nga duy nhất mà bất kỳ ai cũng có thể đến lân la trò chuyện thân mật được. Có lần khi nghe Rosa đề cập đến đặc tính bình dân và sự đặc nhân tâm ấy, Kalinin hơi ngượng, nhìn Rosa hỏi: “Rosa có biết tại sao tôi được lòng quần chúng như thế không?” Nàng đáp: “Vì đồng chí đã thực sự chia sẻ đời sống với họ”. “Không, trật rồi”, Kalinin đáp. “Tôi được lòng quần

chúng chỉ vì tôi tên là Mikhail Ivanovich, thế thôi!" Thế là cả hai cùng phá lên cười thích thú. (Tên Mikhail Ivanovich của người Nga là một cái tên rất bình dân, chẳng khác nào những tên Tí, Tèo của người Việt vậy - Ghi chú của người viết).

Kalinin có một căn nhà hai phòng trong chung cư, trang bị toàn những đồ gỗ thuộc loại nặng nề cổ lỗ sĩ rất cồng kềnh bất tiện, nhưng ông không làm sao có thể đổi được những trang bị kiểu mới tiện nghi hơn. Ông cũng có ba cái bếp nấu bằng dầu hôi và thường phải phân trần với bạn bè rằng ông chỉ có thể làm các món nấu, chiên hoặc xào để đãi bạn chứ không thể làm món nướng vì không có lò nướng.

Kalinin còn rất hào phóng. Khi được cung cấp các thực phẩm ngon, ông thường đem biếu lại những người khác, cho con cái hoặc cha mẹ già của họ. Do đó không ai lấy làm lạ khi thấy Rosa thực lòng quý mến Kalinin.

Đối với Yenukidze, Rosa nhận xét ông ta là một đảng viên Bolshevik trung kiên duy nhất có lý tưởng, thực sự tin tưởng sẽ tạo dựng được cho toàn dân Nga một đời sống an lạc phú cường. Nàng cũng đề cao ông là người có tâm hồn cao thượng hơn hết trong các cộng sự viên của Stalin và là người bạn

chung thủy nhất với Stalin từ thời thơ ấu.

Đối với Mekhlis, thư ký riêng của Stalin, Rosa nói: Hắn có cá tính mạnh mẽ và không biết già.

Mặc dù ghê tởm trước những hành động thanh trừng đẫm máu, nhưng Rosa không bao giờ chỉ trích Stalin, chỉ vì một lý do đơn giản: Stalin là chồng nàng. Đừng ai hòng trông mong nàng sẽ đâm sau lưng chồng. Rosa xác nhận những hành động thủ tiêu bạn bè và cộng sự viên thân tín của Stalin là bất khả dung. Nàng cũng không chấp nhận chế độ độc tài, cai trị sắt máu và những thủ đoạn khủng bố dã man, nhưng tất cả các tội lỗi ấy Rosa đều đổ cho cơ quan mật vụ NKVD. Nàng thường nhấn mạnh: "Tôi chỉ biết là một người vợ chung thủy với chồng. Thế thôi!"

Khi những anh em của Rosa vô cớ bị đưa ra toà xét xử, nàng đã tận tình tận lực, tìm đủ mọi cách để che chở họ nhưng vô hiệu. Phần uất, Rosa tấn công thẳng Klim Voroshilov, gọi hắn là một tên nịnh bợ hèn hạ nham hiểm, trơ trẽn tán dương tất cả những điều Chính trị bộ đưa ra.

Là đệ tử trung kiên nhất của Stalin, nhưng khi say sưa, Voroshilov vẫn chỉ trích Stalin là không biết cầm quân. Trong những trận đánh

nhau với quân đội Nga hoàng, nếu không nhờ hắn yểm trợ, Stalin đã không thể thắng. Dĩ nhiên là không ai tin lời hắn, bởi vì lúc ấy Voroshilov còn đang là một anh thợ rèn vô danh tiểu tốt, chẳng có kinh nghiệm quân sự gì. Về chính trị, Voroshilov không có đầu óc để đảm trách những công tác quan trọng. Hắn rất ưa diện quần phục. Ngay trong những buổi họp quan trọng cũng không chịu bỏ mũ xuống. Hắn chỉ bỏ mũ ra khi nào ngứa đầu cần gãi hoặc lúng túng trước một câu hỏi khó trả lời. Voroshilov uống rượu như hũ chìm, vừa uống vừa ca hát, vừa la lối hoặc chửi thề tục tĩu. Trong bất cứ một cuộc hội họp hay tiếp tân nào, hắn chỉ chăm chú vào hai mục đích: rượu ngon và gái đẹp. Một lần, trong dịp lễ tại trụ sở của hiệp hội các trước tác gia, Voroshilov uống liên tu bất tận, nhậu nhẹt bí tỉ và còn tham lam ăn cắp món trứng cá Caviar, nhét đầy vào mấy túi áo quần phục. Khi quá say bước không vững, được bạn bè tới dìu đưa về, Voroshilov dấy dựa phản đối khiến thức ăn trong túi đổ lung tung ra ngoài, trông thật là bẩn thỉu. Thế nhưng hắn lại được lòng quần chúng vì có khổ người và khuôn mặt hợp với quần phục. Hơn nữa, guồng máy tuyên truyền của đảng đã biến hắn thành một thứ thần tượng quân sự. Thực ra, Stalin và các lãnh tụ khác trong Chính trị bộ chẳng coi hắn ra gì. Họ chỉ dùng hắn như một thứ khuyến mã trung thành mà thôi.

Rosa đã phàn nàn với Stalin về việc Voroshilov cáo buộc vô cớ anh em nàng, nhưng Stalin không nghe, lại còn ra lệnh điều tra thêm. Lúc bấy giờ Stalin đã chán Rosa rồi. Hắn tiến hành thủ tục ly dị với nàng. Từ đó Rosa bỗng nhiên biến mất. Trong số anh em của Rosa, giòng họ nhà Kaganovich chỉ có một người duy nhất sống sót là Lazar. Hắn vẫn được Stalin tiếp tục tin dùng vì hắn vốn không có tình đối với bạn bè, gia đình quyến thuộc.

(còn tiếp)

mưa thu

Phương người mưa dột tim tôi
Mùa thu về giữa đất trời quạnh hiu
Ngày đi xe chở buồn theo
Đêm nghe lá rớt hồn treo đôi bờ
Vẫn nằm mộng thấy thu xưa
Mưa qua vườn cũ nhạt nhoà đáng ai
Thềm rêu hoa trắng rụng đầy
Con chim lẻ bạn gọi bầy mái hoang
Từ khi thu chết trên ngàn
Tôi ru mộng giữa phai tàn phương em.

nguyễn văn ngọc



đàn trắng quạt bướm

(TRUYỆN DÀI)

Hồ Trường An



(tiếp theo)

Chương 3

Cô Hai Kim Diệp bỏ nửa buổi sáng để rình rập lấy bùa Lỗ Ban do con chim gõ kiếng vẽ. Cô hết lòng tin tưởng thứ bùa thiêng kia. Nó có thể hoá giải hết mọi trấn ếm trừ ẻo do các tay phù thủy cao cường. Bùa Lỗ Ban của ông Hương bộ Khâm cùng bùa của các tay thợ mộc trong vùng là những loại tâm thường, vậy mà bà Quản hạt Thất còn không đương đầu nổi. Cô vẫn nghe cha mình kể rằng, từ khi cất xong nhà việc làng Long An, bà Quản Thất thâm thù ông Hương bộ Khâm và bọn thợ làm ruộng nhà, nhưng vẫn không hại họ được. Mỗi khi thấy trong nhà có biến động, lập tức họ vẽ bùa ra rồi la “hò biến”, lập tức bùa ếm chôn ở xó kẹt bí ẩn nào cũng bị văng ra. Nhưng bùa Lỗ Ban theo ông Hương bộ Khâm chỉ mạnh ở hoá giải chứ không mạnh ở tấn công. Chúng chỉ có thể phá quấy sơ sài một khi chúng được dùng để ếm. Tuy nhiên nếu kẻ bị ếm hành ác tích ác, đến chừng ác báo hiện hành, chúng mới trở nên hung hãn.

Khi được hình vẽ lá bùa Lỗ Ban, cô Hai Kim Diệp lặn vào túi áo.

Hôm nay cô vừa dứt kinh nguyệt, mình mẩy khô ráo nên sáng sớm cô đã tắm bằng nước lá sả, lá bưởi, lá ổi, lá ngải cứu, lá từ bi... Cô chưa muốn về nhà vội. Tiết trời hanh hanh, gió mát lai rai từ phía mé sông Bảo Định thổi về. Bên cạnh vườn nhà cô là một gò đất cao. Mộ của bà nội cô ở tận đỉnh gò, dưới bóng mát cây dương. Ở đó gió mát thổi lồng lộng nên tụi trẻ chăn trâu thường đến thả diều.

Ông Hai Dân, cứ mỗi đám giỗ mẹ, thường than thở với vợ con về cuộc đời bạc phước truân chuyên của mẹ mình. Số là bà Hai Cúc là con ông Nhiều Trương Văn Thục. Mẹ bà qua đời khi bà ba tuổi. Ông Nhiều Thục cưới bà Lý Thị Gòn làm kế thất. Suốt quãng đời thơ ấu, bà Hai Cúc bị mẹ ghẻ hà khắc. Khi ông Nhiều Thục chết đi, bà kế mẫu ác nghiệt chiếm đoạt gia tài chồng, đẩy cô con ghẻ vào làm tớ gái cho ông Cai Hình, tía của cậu Hai Thảo. Cậu Thảo dụ dỗ Hai Cúc cho tới mang bầu, đẻ ra Hai Dân. Về sau cậu Hai Thảo học hành đỗ đạt làm tới tri huyện, cưới con gái ông Cai tổng Nhiều đẻ ra ba người con, hai trai một gái. Cô con gái tên Tư Thành, tức là bà Quản hạt Thất sau này.

Từ khi khôn lớn, hiểu biết hơn

tình thế sự, cô Hai Kim Diệp rất cảm thương bà nội. Nhưng bà chết lúc cô mười ba tuổi. Bà dạy cô cái gương kiên nhẫn và sự tháo vát đảm đương, nhưng cô không thọ hưởng tấc ôn nhu của bà. Tuy biết điều hơn nghĩa, nhưng cô cứng cỏi, bướng bỉnh và ương ngạnh. Vậy mà cô vẫn bị bà Quản hạt Thất dùng bùa ngải lung lạc, dụ cô ếm hại gia đình bà Ba Các. Giờ đây, với lá bùa Lỗ Ban trong túi, cô Hai Kim Diệp có cảm tưởng thời gian giao du với bà Quản hạt Thất như một cơn ác mộng.

Cô Hai bước lên gò. Mộ của bà nội cô có tấn đá ong bốn bên, trước là tấm bia bằng lam thạch khắc chữ nho. Cứ mỗi tiết thanh minh, ông Hai Dân cho làm cỗ và săn sóc đám bông ngải mọc sờn sờn rườm rà bên hông mộ. Chén ơ, chỉ mới nửa mùa mưa, ngải đã trở bông màu cam, màu vàng điểm chấm đỏ, màu huyết dụ đẹp dễ sợ!

Cô Hai Kim Diệp tìm ba cục đất thay thế bó nhang sắp trước mộ bà nội mình, lẩm bẩm cầu hương hồn bà phù hộ cho con cháu. Nắng dần dà nóng rất. Ngật nổi trên đỉnh gò không có bóng cây rậm nên cô chậm rãi leo xuống bên kia triền dốc. Nơi đây có hai nấm mộ nằm song song nhau. Mộ bằng vôi trộn đường hũ và nhựa cây ô đước, cứng chần còn hơn đá hoa cương. Trước mỗi mộ cũng có bia lam thạch khắc chữ nho. Theo lời ông già bà cả kể lại thì đây là ngôi mộ của đôi lứa yêu nhau. Chàng là Trần văn Bôn, chú ruột Trần văn Đường tức Hương cả Đường. Ông Bôn theo nhóm nghĩa binh của Trương Công Định chống giặc Pháp ở Đám Lá Tối Trời. Khi nhóm nghĩa binh bị Lãnh binh Huỳnh Công Tấn quét sạch thì ông Bôn tìm cách trốn về quê. Chẳng may có tên chó săn biết được, bắt ông giải giao cho Chánh tham biện Mỹ Tho. Trên đường giải giao, ông Bôn cắn lưỡi tự tử.

Kính phục người có nghĩa khí, Chánh tham biện Pháp cho phép thân nhưn ông Bôn đem xác về chôn cất tại quê nhà. Vị hôn thê của ông

là cô Đặng thị Tố từ Xóm Tre qua thọ tang. Hôm đưa linh cữu ông Bôn ra huyết, người thiếu nữ đó đã dùng dao lá liễu đâm vào ngực quyền sinh. Cha mẹ cô bèn chôn cô bên cạnh mộ ông Bôn.

Hai ngôi mộ trái bao phong sương tuế nguyệt, được cánh họ Trần săn sóc tử tế. Bông kiểng chung quanh được chăm bón nên thanh mậu lắm. Ngoài trúc bách điệp, bằng lăng, phi lao, tre ngà; còn có lê bần, mít kiểng, môn kiểng, tóc tiên, chuối nước, ngọc trám... Cứ mỗi tiết thanh minh, đôi lứa tình non trong vùng lại đem nhang ra thắp, đem giấy tiền vàng bạc ra đốt cho đôi trai trung gái tiết ấy.

Ông Bôn chết đi, để lại cây đèn kìm cần xa cừ cho ông Ba Các. Cây đèn đó là do cô Đặng thị Tố tặng. Vì không biết đèn nên ông Ba chỉ treo ở trung đường, lâu lâu lấy xuống lau chùi. Phím trực còn nguyên, nhưng dây đèn dần dà mục rã. Ngược lại, khi cô Tố chết đi thì cô để lại cái quạt lụa bạch vẽ bướm cho anh cô là ông tú tài Đặng văn Chiêu. Ông Chiêu để lại cho con trai là Đặng văn Bình, rồi ông Bình truyền lại cho ông đốc học Đặng văn Thông, anh trưởng của cậu Bảy Đặng Trinh Tường.

Ông Đốc Thông dạy trường Trung Lương. Mới tuổi bốn mươi ông đã lên chức đốc học. Giữa ông và cậu Bảy Trinh Tường có bốn cô em gái đã lấy chồng cho nên ông rất yêu thương thằng em út của mình. Ông có một cô con gái mười sáu tuổi tên Đặng Tố Trinh, hiện học trường Áo Tím Sài Gòn. Sau cô Tố Trinh là hai đứa con trai tên Thanh Tông và Thanh Trước.

Cô Hai Kim Diệp nghe tiếng cô Hai Tố Trinh vừa đẹp thùy mị đoan trang vừa học giỏi, nhưng cô chưa bao giờ gặp vì cô Tố Trinh theo người cô thứ ba lên học tận Sài Gòn.

Hôm nay, đứng trước mộ cặp thiên cổ tình non, cô Hai Kim Diệp chợt nghĩ tới cậu Bảy Trinh Tường. Lòng cô rung động một cách lạ lắm, bồi hồi một cách nên thơ. Cô cũng

sắp trước mỗi ngôi mộ ba cục đất, khấn khứa ông Bôn bà Tố phù hộ cho đường tình duyên cô được suôn sẻ, cuộc hôn non cô được mát mái xuôi chèo.

Thấy mặt trời tròn bóng trên đỉnh đồi, cô Hai Kim Diệp thơ thẩn ra về. Mệt mề ông bà ông vải ơi, vừa bước vào sân, cô thoáng nghe có tiếng trong ám và liên thoáng quen thuộc. Ngó vào trung đường, thì ra cậu Bảy Tường đang trò chuyện với tía và hai em cô. Hôm nay cậu mặc sơ-mi cụt tay màu vàng tãi, quần sọt trắng, chơn đi giày bata trắng. Ủa lạ, cậu Bảy tới đây làm gì? Mình vừa nghĩ tới cậu thì cậu xách đít tới nhà mình. Không lẽ đôi bên có thần giao cách cảm thiệt hay sao?

Cô Hai đi vòng sân sau, chui vô bếp. Tại đây ngoài bà Hai Dân đang nấu cơm với con Tý, có một cô gái trạc tuổi mười lăm mười sáu, mặc áo nhiều trắng, quần cẩm quít đen, tóc kẹp sau ót, chơn đi guốc sơn đen quai da vàng vẽ bông xanh đỏ. Cô đeo bông tai lủng lẳng hình trái châu, cổ đeo xâu chuỗi ngọc trai, cườm tay mặt đeo chiếc vòng vàng chạm phụng giao đầu, tay trái đeo chiếc cẩm thạch huyết. Cô ta không có cái nhan sắc rực rỡ như Tư Ngọc Nhan hay Út Ngọc Nga, cũng không có vẻ tươi vui khỏe mạnh như Hai Ngọc Dung. Nhưng cô đẹp trong sáng hiền dịu, dáng dấp cao sang thanh thoát, càng nhìn càng mến.

Vừa thấy cô Hai Kim Diệp, bà Hai Dân bảo cô gái:

- Nè cháu, đây là con gái lớn của bác đó.

Cô gái cúi đầu chào cô Hai Kim Diệp:

- Em có nghe chú Bảy em nhắc tới chị.

Cô Hai vui vẻ:

- À! Em là Tố Trinh phải không? Chị có nghe dân Xóm Tre, Vòng Nhỏ nhắc tới em, mãi tới giờ mới gặp.

Cô Hai Tố Trinh cười:

- Thịnh thoảng vào kỳ hè, em có về Xóm Tre chơi vài ngày nhưng cứ lúc thức trong nhà nên ít gặp dân

trong xóm.

Bà Hai Dân bảo con gái:

- Bữa nay cậu Bảy qua đây đặt bánh nghệ, bánh hời và bún lá hẹ để mốt đem về làm đám giỗ cụ Tú, ông nội cậu. Sẵn dịp, cháu Hai đây thắp tùng theo. Má có mời chú cháu cậu ăn cơm trưa đó.

Cô Hai Kim Diệp gật đầu:

- Được vậy thì vui lắm.

Cô xẹt về buồng cất đạo bùa trong hộp gỗ trầm. Xong xả, cô đi rửa mặt chải đầu, trút bỏ bộ đồ vải xiêm đen để diện chiếc áo túi lụa tím, quần lãnh đen cạp lưng nhiều màu cánh sen. Áo cụt tay phơ đôi cánh tay trắng phau, khoe chiếc vòng mã não đỏ và chiếc vòng đồng chạm mắt tre. Cô bước ra trung đường chào khách.

- Cậu Bảy qua chơi! Chẳng biết hôm nay gió nào đưa cậu lại vậy?

Cậu Bảy Tường cười lòn lòn:

- Có chút việc nên tui mới qua đây.

Ông Hai Dân hỏi con gái:

- Bộ con có quen biết cậu Bảy rồi hay sao?

Cô Hai nhìn cậu Bảy, trả lời cha:

- Thưa, con mới quen cậu hôm qua tại quán bà Sáu Nhàn.

Rồi cô niềm nở:

- Xin cậu ngồi uống trà với ba em, để em xuống bếp phụ má em nấu nướng.

Cô lui ra sau bếp. Hôm nay bà Hai Dân làm gà và có mua thêm hai bộ lòng gà để xào với bầu non. Còn thịt gà phân nửa bà xào sả ớt, phân nửa nấu cà-ri. Tuy mâm cơm đã thơm tất lăm rồi, bà vẫn thêm món cá chạch kho nghệ rắc lá gừng non xắt nhuyễn.

Bà Hai Dân ngắm cô Hai Tố Trinh rồi bảo:

- Lạ dữ này, cháu đây rất giống bà Năm Tố thuở xưa.

Cô Hai Tố Trinh bờ ngõ:

- Bà Năm Tố nào vậy, thưa bác?

Bà Hai Dân có vẻ nghĩ ngợi:

- Bà Năm Tố là em gái của ông cố cháu. Hồi đó bác đã mười hai tuổi thì xảy ra vụ bả tuần tiết theo chồng.

- Cháu nhớ hồi ông nội cháu còn

sanh tiền, có bảo rằng cháu giống bà cô của cháu. Tiếc là hồi đó ở thôn quê không có vụ chụp hình hoặc họa truyền thần nên ba má cháu không biết mặt mũi bả ra sao.

Cô Hai Kim Điệp sắp mâm bày bàn, bảo mẹ:

- Chuyện bà Năm tuần tiết theo chồng, vùng này ai mà không biết. Đáng lẽ ban hương chức hội tề nên lập miếu thờ ông bà mới là phải.

Cô Hai Tố Trinh đỡ lời:

- Chị nghĩ vậy cũng phải. Song em có nghe các bậc lão nhiêu trong dòng họ kể rằng trước khi tự tử, bà cố cô em có viết thư để lại dặn người trong họ không nên lập miếu thờ ông bà. Ông bà hẹn nhau tái sanh để nối lại tơ duyên. Hồng chừng ông bà cũng đã đầu thai rồi.

Cô Hai Kim Điệp khẳng khái bảo:

- Trai anh hùng, gái tiết liệt như họ phải được trở lại dương trần, nhứt là phải trở lại cuộc đất này để kết duyên với nhau thì mới gọi là trời cao có mắt.

Cơm canh dọn lên, ông Hai Dân gọi vợ và hai cô gái cùng ăn. Cậu Bảy Tường bảo vợ chồng gia chủ:

- Hôm nay cháu tới đặt mua bún mà lại được mời ăn, quả là hân hạnh hiếm có vậy. Thiệt cháu làm phiền hai bác quá!

Cô Hai Kim Điệp các cố hỏi:

- Vậy sao cậu không từ chối?

Cậu Bảy ngó lom lom vào mặt cô gái, cười:

- Ai được mời ăn mà từ chối cho đành!

Mọi người cùng cười rộ. Tuy nói nhiều câu dạn dĩ, nhưng vừa nói xong, mặt mũi và vành tai cậu đỏ ửng. Cô Hai Kim Điệp ngó cậu, thâm nghĩ, anh chàng này vốn nhút nhát mà cố tỏ ra bạo dạn. Nhưng mặt mũi anh ta có vẻ rạng rỡ hạnh phúc lắm. Anh ta vui thiệt tình chứ đâu có chút nào gượng gạo. Có lẽ anh ta đã quên được mối hận tình rồi...

Bà Hai Dân vốn người chơn chất thiệt thà. Bà thừa rõ chuyện cậu Bảy Trinh Tường bị cô Út Thiên Kim hồi hôn cho nên bà muốn biết dự định

hôn nhơn của cậu mà chẳng cần nghĩ sự tò mò của mình có chạm tới vết thương lòng của cậu không. Bà hỏi:

- Nè cậu Bảy, sau vụ rắc rối bên nhà ông bà Quản hạt Thất, chẳng hay cậu đã tìm được chỗ nào để gá nghĩa chưa?

Cậu Bảy không tỏ vẻ gì giận dữ hay bất bình, thành thật trả lời:

- Thưa bác, bấy lâu nay cháu còn thương, còn hận cô Út nên cháu chưa nghĩ tới chuyện kiếm người

thực nữ để xây dựng gia đình. Nhưng giờ đây cháu đã nghĩ rồi.

Cậu lên nhìn cô Hai Kim Điệp. Cô tránh né cái nhìn ấy, tim xao xuyến, dạ bàng hoàng. Ông Hai Dân hỏi tới:

- Ai vậy cậu? Chắc nếu không phải lá ngọc cành vàng thì cũng thuộc hạng hương trời sắc nước chứ gì?

Cậu Bảy Trinh Tường:

- Cháu nào có phước phận gì mà



gặp hai hạng phụ nữ đó! Nếu lấy vợ, cháu lựa chỗ đức hạnh, chẳng thêm chỗ quyền quý cao sang làm chi để khỏi mất công chiều lụy.

Rồi cậu nhìn qua Ba Kim Lân và Tư Kim Luông, bảo:

- Trong kỳ bãi trường này, nếu hai em cần tui chỉ dạy thêm môn học gì, cứ nói cho tui biết.

Bà Hai Dần mãn nguyện lắm, bảo:

- Được vậy thì còn gì bằng.

Cô Hai Kim Diệp rần rắt bảo hai em:

- Hai thằng cốt đột này muốn học toán, Pháp văn gì đó thì mỗi ngày nên qua Xóm Tre mà học. Đừng để cậu Bảy cất công qua đây mà tội nghiệp cậu.

Cậu Bảy cười:

- Tui ưa đi ta bà, ít khi bó gối ở nhà. Nếu hai em muốn học thêm thì để tui qua đây cũng được.

Cậu Tư Kim Luông nhìn cậu Bảy, nói chận hòng:

- Hè này, tui em chỉ muốn nghỉ ngơi và vui chơi mà thôi. Nhưng nếu anh có rảnh, xin mời anh cứ qua bên này chơi để tui em học hỏi anh cách xử thế ở đời, gấm cũng bỏ ích lắm chớ.

Riêng cậu Ba Kim Lân thì nhìn cậu Bảy một cách giễu cợt. Chém chết anh tú tài mắc dịch này cũng lợi dụng chuyện kèm học để trở mồi ve vãn bà chị tui. Nhưng hè mà tui bó gối còng lưng ngồi học thì học sao vô, hử trời!

Thấy bữa ăn gần tàn, cô Hai Kim Diệp và miếng cơm chót rồi buông đũa. Cô vào buồng giở nắp thạp gạo, lấy hai trái đu đủ xiêm vừa chín đỏ đem ra bổ dọc làm món tráng miệng. Chén ơi, thứ đu đủ có màu gạch pha màu tím tím này ngọt gấp ba thứ đu đủ màu vàng cam.

Khi mọi người dùng trà bánh và trái cây thì có cậu Ba Ngọc Toàn đến chơi. Cậu mặc bộ đồ vải xiêm đen như trai miệt vườn, nhưng da cậu trắng hồng, gương mặt khôi vũ, cử chỉ phong lưu khiến bộ quần áo quê mùa càng làm cho cậu có cái phong tao đặc biệt. Cậu thưa với ông

bà Hai Dần:

- Thưa hai bác, một đây hai má con có làm đám giỗ cho chú Ba con. Má con mời hai bác và cả nhà qua ăn bữa giỗ tiên lẫn bữa giỗ chánh. Luôn tiện má Ba con đặt bác gái ba kí bún lá hẹ, hai kí bánh hời, hai kí bánh nghệ.

Cậu Ba Ngọc Toàn quét mắt qua cô Hai Tố Trinh, bàng hoàng sửng sốt. Ủa lạ, tui đã gặp cô gái này ở đâu mà tui nhớ không ra nhưng sao coi thân thiết quá! Lòng tui bỗng dưng xúc động quá chừng chừng! Sao mùa hè này lại đưa tui về những cảm xúc ủy mị mà trước kia tui chưa từng có. Mỗi lần lời cây đèn kim do ông cố chú của tui để lại, tui thấy nghẹn ngào muốn khóc. Người xưa đã đi vào dĩ vãng. Thiên diễm tình lệ sử của họ tui đã nghe nhiều lần tới phát nhảm, vậy mà ngấm kỹ cây đèn, tui vẫn thốn thức bồi hồi. Giây đèn dù có hư hoại, nhưng phím và trục vẫn như xưa. Khi chú Sáu Lâm căng dây mới, tiếng đàn lại thanh tao vang lộng. Hôm nay gặp cô gái này, tui cũng có cảm xúc y chang như lúc tui nâng niu cây đèn và lúc nghe tiếng đèn. Ôi, thứ tình cảm mà từ lúc lớn khôn tới giờ tui chưa hề có với bất cứ người con gái nào.

Riêng cô Hai Tố Trinh cũng sửng sờ nhìn cậu Ba Ngọc Toàn, lòng xôn xao một thứ tình cảm khó hiểu. Kỳ hén, mỗi khi nhìn cái quạt bướm của bà cố tui, lòng tui cũng rung động cùng một cảm giác như vậy. Chiếc quạt ba tiêu với lớp lụa tố bạch căng trên cái khung hình lá chuối, được ông Bôn điểm tuyết vài nét hồ điệp xuyên vân, tuy trải qua bao nhiêu năm tháng mà vóc lụa vẫn mới, nan quạt bóng ngời, màu vẽ vẫn thắm đậm như xưa.

Cô Hai Kim Diệp niềm nở mời:

- Ở đây ăn bánh, trái cây đi Ngọc Toàn, lát nữa hăng về. Để chị châm thêm trà. Nè Tố Trinh, đây là Ba Ngọc Toàn, cháu ông bà Ba Các đó.

Cô Hai Tố Trinh e lệ gật đầu. Cô Hai Kim Diệp chỉ hai chú cháu cậu Bảy, hỏi Ngọc Toàn:

- Chắc em biết cậu Bảy đây

nhưng chưa biết em Tố Trinh, cháu gái của cậu ở Xóm Tre?

Ba Ngọc Toàn cười vui vẻ:

- Dĩ nhiên là em biết anh Bảy, nhưng vì ít qua chơi bên Xóm Tre nên em không gặp cô đây.

Cô Hai Tố Trinh dịu dàng:

- Tuy sanh đẻ ở Xóm Tre nhưng em học ở Sài Gòn, năm khi mười họa mới về thăm nhà.

Ba Ngọc Toàn kéo ghế ngồi đối diện Hai Tố Trinh. Hai luồng nhỡn tuyến chạm nhau. Cặp mắt của cậu bình thường rất sáng, hơi dữ một chút, nhưng trước vẻ ôn nhu của cô gái, ánh mắt của cậu trở nên âu yếm và dịu dàng lạ thường.

Cô Hai Kim Diệp châm thêm trà, bày thêm bánh. Cô cứ để cậu Bảy Trinh Tường liếc trộm ngó lên cô, lòng lâng lâng rạo rức.

*

* *

Bên nhà ông bà Quán hạt Thát, bữa giỗ tiên và giỗ chánh linh đình trôi qua. Thầy kiện Hữu Vượng vừa xong bữa tiệc đám giỗ, bưng bả trở về chợ Mỹ Tho. Bà Quán liếc xéo thằng thứ nam. Thằng này râu ria lông ngực, rõ ràng là tướng đa dục đa dâm, chẳng những tò tí với vợ goá của ông Đốc học Bào mà còn xen luôn con gái cô ta là Hai Thoại Hảo nữa. Bà chẳng hiểu con trai bà có bùa phép gì mà cả mẹ lẫn con cô Sáu xúm lại chiều chuộng hần, công khai ăn ở với hần, mặc lời dèm siểm chê bai, thầy kệ miệng lần lười mồi của dân trong vùng. Duy có điều bà thấy rõ là thằng con bà đang thực hành câu "Nóc nhà xa hơn chợ, dít vợ gần hơn má cha", dù má con cô Sáu chưa phải vợ hần, và ông Quán vẫn còn sống sờ sờ ra đó. Thứ bảy chúa nhật, năm khi mười họa hần mới xách dít về Bến Chùa thăm nhà, còn thì cứ ở miệt tại nhà cô Sáu để hú hí với mẹ con cô!

Sau hai ngày mâm cao cỗ đầy, cả nhà đều rêm bụng. Bác sĩ Hữu Thanh và vợ đợi 5 giờ sáng hôm sau ra ga Trung Lương đón xe lửa về Sài Gòn. Còn kỹ sư Oánh cũng định sáng mai cỡi mô tô về Mỹ Tho cũng

không muộn. Bà Quản hạt Thất bảo con gái:

- Con coi trẻ nó dọn cho má căn buồng dành cho thầy bùa Kim Sang. Mai, thầy tới chơi đó.

Cô Út Thiên Kim:

- Tụi nó quét dọn đầu đó sạch sẽ ngăn nắp rồi, má yên tâm.

- Ồ, vậy con nấu nồi cháo bồi để cả nhà ăn giải lao. Nhớ mua bún tươi đem với rau xắt ghém nhen.

Cả nhà gồm ông bà Quản, vợ chồng thầy thuốc Hữu Thanh, kỹ sư Oánh và cô Út. Tất cả ngồi quanh chiếc bàn tròn đặt dưới mái hiên. Ở đây gió mát từ sông đưa vào, lại thêm tàn cây sa bô che phủ nên đã mát càng mát thêm. Bác sĩ Hữu Thanh cao lớn, phì mỷ. Tóc ông có một theo hơi quần gờn gợn xõa trước đài trán cao. Kỹ sư Oánh cũng mập nhưng hơn lùn, da ngăm, mặt xác xược, nụ cười ngạo nghễ. Cô Tư Minh Nguyệt thì quả là đẹp kiều nhược với vóc dáng thướt tha, hình dung yếu điệu. Cô mặc chiếc áo cụt tay và quần sa-teng tuyết nhưng trắng viền ren. Tóc cô cuốn rẽ, giắt lược đôi mồi, mày tĩa mỏng, móng tay móng chân chuốt khéo và bôi lớp sơn đỏ thắm như huyết bò câu. Cô có vẻ hiền, đa cảm và hơi nhút nhát. Giọng cô mỏng và thanh, mỗi khi cười, mũi cô thun lại trông thiệt mơn mồi.

Bà Quản Thất bảo nàng dâu:

- Má coi kỹ bụng, mông và điệu đi tướng đứng của con thì thấy con đâu phải thứ đờn bà sượng ngắt, bật đường chửa đẻ. Con nên thu xếp ở đây một tháng để má làm thuốc cho con, biết đâu phước chủ may thầy, con sẽ sanh cho chồng con vài đứa..

Bác sĩ Hữu Thanh ngó vợ:

- Mình nghĩ sao, hả mình cưng?

Cô Tư then thùng, nhỏ nhẹ nói với tía má chồng:

- Từ khi ăn ở với chồng trước, con đã không chửa nhen; nay làm vợ anh Hữu Thanh hơn hai năm rồi, con cũng chưa thấy tin mừng nên lòng con áy náy lắm. Nay má cảm cảnh con, giúp con sanh sản, lẽ nào con không vưng lời. Sáng mai con

theo chồng con về Sài gòn, sắp đặt việc nhà đầu đó rồi, tuần sau con sẽ xuống nhờ má.

Cô Út Thiên Kim từ trong buồng ra một mâm giải khát gồm cái thố thủy tinh đựng đầy nước đá chanh, sáu ly cối sương sa hột lựu trộn nước đá lụn vụn. Con Thiệp nổi gót theo sau với một mâm bánh trái gồm bánh phục linh, bánh bò, bánh da lợn và hai đĩa đu đủ, khóm bồ đề.

Bác sĩ Hữu Thanh bảo em gái:

- Trưa anh phải có một cữ cà phê.

Em pha cà phê cho anh nhen.

Kỹ sư Oánh tán thành:

- Trưa nào mà không có cà phê là tui sứt sứt sứt sứt, lơ lơ như con cá nước ngọt bơi lạc ra biển.

Cô Tư nói với mẹ chồng:

- Để con pha cà phê cho.

Bà Quản hạt can:

- Cứ để con Út làm. Con ngồi đây chơi cho chồng con vui. Để má kiểm gói cà phê cứt chồn, ngon hơn.

Thiệt ra bà Quản Thất có chủ ý. Bà phải nhắc cô Út Thiên Kim trộn ngải vô ly cà phê của kỹ sư Oánh. Bữa ngải này gồm có tóc, âm mao, móng tay móng chơn cô Út đốt thành tro hoà với tro đạo bùa do thầy ngải Chà và Châu Giang ban mà từ đầu hôm giỗ tới nay, bà chưa có dịp bỏ vào thức uống của hần. Trưa nay bà cho hần uống một lần, sáng mai sớm thêm một lần nữa là đủ làm kỹ sư Oánh mê man đắm đuối con gái cưng của bà rồi. Chèn ơi, cái tuồng mặt cứng đầu phách lối của tên tân học này mà bà không biết dùng ngải nghệ, thì chẳng những nó không lú lậm, không mê đắm yêu nồng con gái bà mà nó còn dám cỡi đầu cỡi cổ cô ta nữa.

Hai mẹ con bà Quản hạt Thất lúi húi pha cà phê trong bếp vừa thì thảo bàn đọc tán ngang.

Bữa ngải! Có nhiều người làm tuồng bữa ngải là một thứ bữa mê làm bằng củ ngải (tức là củ chuối nước) hay bằng củ nghệ, hoặc bằng lá ngải cứu. Thiệt ra ngải là thứ đầu, thứ sấp thoa mồi, hoặc thứ rượu mà bọn phù thủy dùng mật chú luyện thành một thứ ma lực để quyến rũ

hoặc trừ ẻo người. Thầy Ba Chà và Châu Giang có dạy bà Quản Thất cách nắm bắt tinh linh các loài được thảo, nuôi chúng bằng mật chú để chúng lớn mạnh, thành yêu thành tinh hầu sai khiến chúng giúp ma lực quyến rũ những kẻ bỏ tiền ra mua các loại đầu sấp, loại rượu do bà và con Phước Vân bào chế.

Trời về chiều, nước ngoài sông đã ròng, phơi bãi bùn mịn mát. Loại chằng bè, chằng nghịch, le le về đậu đầy bãi, tiếng kêu oang oác. Trước nhà là xẻo lá dừa nước, những khóm dừa nước dựng tua tủa, che mát tầm nhìn hướng ra quốc lộ và đường xe lửa chạy song song.

Trong bếp, hai má con bà Quản hạt bắt đầu nấu cháo bồi. Bà nấu cháo với tôm bao quản, cá lóc, giò heo. Nhưng bà không dùng gạo thơm như nanh chồn hay ba thất để nấu đầu. Bà dùng bột bán vì bột này khi chín sẽ không bã, không đổ nhựa. Ngoài ra bà còn thêm vào cháo môn ngọt cắt khúc. Cô Út Thiên Kim lãnh phần sắp bún tươi ra đĩa và làm tương ngọt.

Bà Quản Thất hỏi con:

- Nè Út, mày thấy sau khi thằng kỹ sư uống cạn ly cà phê, đôi mắt nó có đỏ không?

- Đỏ như tôm luộc vậy.

Bà Quản cười hớn hở:

- Vậy là ứng nghiệm rồi đó.

Rồi bà đắc chí tiếp:

- Bóng sắc của con, tài ăn nói của con chưa đủ sức nịch ái cái thằng ương ngạnh đó đâu! Phải dùng bữa ngải thì hoạ may.

Chiều hôm đó, món cháo bồi thiệt ngon miệng. Trong mỗi tô, bà Quản hạt sắp rau ghém, bún tươi rồi múc cháo đổ lên. Sau hết bà rưới tương ngọt, rải ớt xắt khoanh, hành lá xắt nhuyễn, gừng xắt chỉ, tiêu sọ cà nhuyễn...

Bữa ăn vừa tàn thì bên ngoài đã tối mịt. Trong lúc ông Quản Thất đánh cờ tướng với kỹ sư Oánh, cô Út Thiên Kim thêu thùa và cô Tư Minh Nguyệt đọc báo thì bà Quản Thất ghé tai bảo nhỏ con trai:

- Con lên gác với má.

Bà đưa bác sĩ Hữu Thanh vào căn gác chánh. Nơi đây đèn khí đá thấp sáng trưng, soi chiếc kệ gỗ cao chia làm mười ngăn sắp đầy những hũ sành da rạn lớn nhỏ khác nhau. Cái lớn nhất cỡ trái cam, nhỏ nhất cỡ trái chanh, lớn vừa cỡ trái quít, trái măng cụt. Chúng có nhiều màu: màu gan gà, màu cật heo, màu lục đậu, màu xác trà... Vì lâu đời nên chúng trở da rạn, thứ rạn ổ nhện, thứ rạn vảy rắn, có thứ rạn trứng cá... Mỗi hũ có một dĩ vãng ghê rợn, lảng vảng bóng âm hồn. Hũ từng đựng máu trinh nữ mà bọn phù thủy giết để luyện thiên linh cái. Hũ đựng máu đòn bà có chứa con so mà bọn phù thủy mổ bụng, nạo thai làm thuốc đậu thai hay thuốc trắng dương. Hũ đựng tóc đòn bà chết trôi sông. Hũ đựng tóc đòn bà chết treo cổ. Hũ đựng máu băng huyết của gái làng chơi dùng để nịch ái bọn đòn ông hiếu sắc tham dâm... Bà Quản Thất và con Phước Vân sưu tầm những hũ đó, đem về luộc sơ với bột-tạt (potassium) để tẩy chất nhơ nhớp rồi dùng đựng ngải nghệ. Phải có âm hồn trợ lực, ngải nghệ mới tăng sức mạnh.

Bà Quản hạt mở cửa sổ, ngó xuống vạt đất trồng ngải nghệ, gọi con trai:

- Con lại đây coi cho rõ.

Bác sĩ Hữu Thanh bước tới ngó xuống phía dưới. Tại chính giữa vạt đất trồng rau có những vòng tròn bảy sắc cầu vồng sáng ngời bay lập lờ. Nơi đây, bà Quản Thất đã chôn cái tín giam giữ vong hồn quan kinh lý Thận, bạn của con mình. Sáu năm trước, bác sĩ Hữu Thanh đã cho bạn uống Barbiturique mà ông bảo là thuốc an thần để làm dịu cơn đau trong lúc suyễn. Quan kinh lý Thận chết vì liều thuốc ngủ quá mạnh kia, để lại bà vợ xinh đẹp của mình là cô Tư Minh Nguyệt bơ vơ suốt một năm dài góa bụa. Thời gian đó bác sĩ Hữu Thanh giả như giả nghĩa lui tới chăm sóc người quả phụ, nhắc nhở kỷ niệm với bạn rồi tìm cách ve vãn vợ bạn, gắp rút tính chuyện

chung thân. Trước đó, để cuộc mưu sát bạn khỏi bại lộ, Hữu Thanh nhờ mẹ dùng bùa ngải bắt hồn quan kinh lý Thận nhốt vào tín và chôn dưới đám ngải nghệ kia. Có vậy quan kinh lý Thận mới không hiện hồn tố cáo hành động sát nơn của ông.

Bà Quản hạt bảo trưởng nam:

- Tuy trong tín có nhiều đạo bùa và lâu lâu má vẫn tưới máu chó và nước giặt đồ hành kinh của đòn bà lên chỗ đó, nhưng vong hồn quan kinh lý cứ cục cựa luôn. Má sợ có ngày vong hồn ổng sẽ đập bể tín thoát ra ngoài, bởi vậy tháng tới má sai con Phước Vân đi Sóc Trăng tìm mấy ông tà, ông lục cụ người Miên làm cộc bùa đóng thêm chung quanh tín. Có vậy má mới an lòng được.

Bác sĩ Hữu Thanh nói xuôi:

- Má cứ làm tới đi. Để rồi con sẽ thưởng tiền cho mấy ổng và luôn cả con Phước Vân.

Ông trở về buồng cầm tám giấy một trăm in hình bộ lư đưa cho mẹ để chi phí các cuộc ếm đối mới. Ông than thở:

- Thành Thận làm hại em Minh Nguyệt đủ điều. Nó đau ốm, lại bất lực về đường sanh dục, vậy mà vẫn không chịu ly dị vợ để vợ làm lại cuộc đời. Vì cảm cảnh hẩm hiu của em Minh Nguyệt nên con mới ra tay hơi quá lỗ một chút.

Câu giải thích chạy tội đó bà Quản hạt đã nghe nhiều lần. Dù cảm thấy không ổn nhưng nghĩ mình là mẹ, phải bảo vệ cho con nên bà không thể từ nan.

Sáng hôm sau, trống bên nhà việc làng vừa điểm canh năm thì hai mẹ con bà Quản hạt cùng lũ tôi trai tớ gái trong nhà đã thức dậy. Con Phước Vân sắc thuốc cho riêng nó. Còn mẹ con bà nấu cháo trắng, trộn dưa mắm, kho cá lòng tong, chấy tôm trứng.

Mọi người lục tục thức dậy. Ăn sáng xong, vợ chồng bác sĩ Hữu Thanh, kỹ sư Oánh sửa soạn ra về. Cô Út Thiên Kim các cơ hỏi hôn phu của mình:

- Chèn ơi, sao mắt anh đỏ vậy?

Kỹ sư Oánh nhìn cô Út thiệt sâu:

- Anh cũng không biết nữa. Chu choa ơi, nghĩ tới về văn phòng làm việc, anh phát ngán ngược rồi đây. Ở đây mới có vài ngày mà anh hết muốn về nhà.

Bà Quản hạt đắc chí liếc con gái. Mới nãy, tách cà phê dành cho Oánh, cô Út có trộn bùa ngải do bà bào chế. Bà khuyên rẻ:

- Ra giềng là đám cưới của con rồi. Chứng đó, con với con Út sum hiệp một nhà, chỉ sợ con không thêm về đây thăm ba má.

Kỹ sư Oánh đắm đuối nhìn cô Út:

- Má nói vậy chớ con đâu tệ như vậy! Hề chớ nào vợ con vui là con vui.

Trưa hôm đó thầy bùa Kim Sang tới. Bà Quản hạt Thất dọn cho thầy một bữa ăn tươm tất với món bún nước lèo. Sau đó bà lấy trong tủ cất lại hai bộ đồ mát may bằng lụa lèo tặng thầy và sai thành Kiếp ra Ngã Ba Trung Lương mua la-de, nước ngọt và nước đá chặt cục bỏ vào bình thủy. Đây là các món giải khát dành cho khách quý.

Xế hôm đó, bà Quản Thất dắt con Phước Vân và thầy Kim Sang đi sâu vào khu vườn trồng ngải nghệ. Bà mở cổng sau, chỉ khoảnh vườn giáp ranh với vườn của bà:

- Đây là vườn thuộc nhà việc làng, do ban hương chức hội tề quản trị. Thầy địa lý Lưu Yểm có nói với tui rằng cuộc đất này có thể *Phi giao triều dương* tức thể con sáu bay châu mặt trời. Ông nói trong vòng mười ngày nữa, con sáu nằm trong đất sau thời gian tu luyện năm trăm năm sẽ bay lên về miền đông hải. Dĩ nhiên lúc đó thiên hôn địa ám, mưa gió ào ào, sấm sét ầm ầm. Vậy thầy làm bùa ếm cách nào cho con sáu trước khi về biển sẽ nổi cơn trốt xoáy xuống nhà mụ Ba Các, giết hết kẻ địch của tui thì tui không dám quên ơn thầy.

Thầy bùa Kim Sang nhắm nhía thế đất, hỏi:

- Hình như vườn này bỏ hoang?

Bà Quản hạt Thất ngó tận về phía xa:

- Cũng có trồng trọt chút ít ở đầu

mút kia. Vườn này trước đây giao cho xã Tước coi sóc, nhưng sau ảnh bận bịu việc mua bán đồ gốm nên bỏ bê.

Thầy bùa chau mày:

- Việc lén cắm cọc bùa ở vườn này như vậy không khó. Khó là làm cách nào đặt được lá bùa ở nhà bà Ba Các để một khi con sấu bay lên trời, biết chỗ nào đến mà nổi trốt.

Bà Quản hạt ngấm nghĩ:

- Khó đa! Vợ chàng Hai Lầu cũng có tà thuật cao. Nó đã kịp thời nhốt cọc ếm chung quanh hai cái ao sau nhà mụ Ba Các, cứu vãn cặp mắt lý ngư; bây giờ mình đặt bùa ở bất cứ nơi nào trong nhà tụi nó, con mủ cũng khám phá ra.

Thầy bùa Kim Sang quả quyết:

- Nếu bà cho người đặt bùa dưới đất bàn thờ Thần tài hay đất cà ràng, hỏa lò trong nhà thì mụ Hai Lầu không phát giác được đâu. Tui sẽ điều khiển Thần tài và ông Táo che chở lá bùa.

Bà Quản Thất vui mừng:

- Vậy thì được. Thầy cứ làm phù làm phép, vẽ bùa vẽ niệm đi; tui sẽ sai người tin cậy tới nhà nó đặt bùa.

Chiều đó, thầy bùa Kim Sang bày bàn thờ, căng hình vẽ Thiên Ma Ba Tuần, rồi vẽ bùa trên cọc sắt, trên

giấy tiền vàng bạc. Đêm đêm thấy đốt nhang, gõ khánh triệu thỉnh âm binh. Sau đó thầy đem cọc sắt cắm vào bảy bí huyết trong vườn.

Ngày thứ tu, thầy từ già gia chủ ra về. Bà Quản Thất tặng thầy bốn thước tổ trắng, một mâm trà bánh và một lượng vàng. Sau đó bà sai con Hiếu mời chị nó là thím Bảy Giảng tới cho bà dạy việc. Bà ngọt ngào bảo thím:

- Nè Bảy, bà có chút việc nhờ mầy. Nghe nói một đây bên nhà mụ Ba Các làm đám giỗ cho chồng nó. Mầy ghé lại đây lấy mâm trà bánh đem tới nhà mụ, nói là phẩm vật của mầy đem cúng. Rồi mầy xin phép gia chủ xuống bếp phụ nấu nướng. Thừa lúc không ai để ý, mầy nhét đạo bùa này dưới đất cà ràng hay đất hỏa lò cho tao.

Bà móc túi lấy bốn tờ giấy năm đồng, ôn tồn:

- Cầm lấy tiền này mua bánh cho lũ con mầy ăn.

Thím Bảy cười rất tươi:

- Ôi, tưởng bà biểu con đời non tát biển, chớ bà nhờ chuyện dễ ợt như vậy lẽ nào con phụ lòng mong mỏi của bà cho đành!

Miệng nói, tay thím thò lấy bốn tấm giấy bạc bỏ túi, miệng cười

ngón ngoèn.

Thế là kỳ đám giỗ ông Ba Các, cả nhà ông Hương bộ Khâm, ông Hai Dần và mẹ con bà Giáo Toàn thay phiên đến dự từ bữa giỗ tiên qua bữa giỗ chánh. Trong dịp này bà Giáo Toàn ngỏ lời cầu hôn cô Hai Ngọc Dung cho con trai mình.

Bà Hai Lầu vui lắm, bảo:

- Được vậy thì đôi bên càng thắt chặt tình thân ái chớ sao.

Ba Hương, em trai Xã Huê, cười ngó qua anh:

- Hôm đám cưới cô Hai Ngọc Dung, anh em tui tình nguyện cắt rap, làm cổng và chưng dọn trong ngoài.

Hôm bữa giỗ chánh, thím Bảy Giảng đem mâm trà bánh tới và tình nguyện xuống bếp phụ các bà các cô. Không ai bắt gặp thím dứt đạo bùa dưới đất cà ràng cả.

Cô Tư Minh Nguyệt thu xếp việc nhà xong, ôm rương tráp xuống nhà tía má chồng. Bà Quản Thất đã có sẵn chiếc nhau con so phơi khô đốt thành tro, hoà với bảy đạo bùa để làm thuốc đậu thai cho nàng dâu.

Thứ ngải dùng quyển rũ kỹ sư Oánh coi vậy mà linh ứng lạ thường. Đâu chừng tuần lễ sau, ông ta mua tặng cô Út một chiếc nhẫn hột xoàn năm ly rưỡi, nước hột thiệt sạch, các cạnh và đất viên ngọc không chút khờn, mẻ. Đã vậy nước trắng tím loá ra, coi mê quá. Cặp mắt ông vẫn hoe hoe đỏ dù bác sĩ nhãn khoa có chăm sóc thế mấy đi nữa. Thấy ông có vẻ lo, cô Út Thiên Kim an ủi:

- Không sao đâu, anh cứ nhỏ thuốc cho thường. Mắt tuy đỏ, nhưng anh không đau, không xốn là được rồi.

Kỹ sư Oánh ôm chặt người yêu:

- Anh chỉ sợ mình đui rồi không thưởng thức được cái bóng sắc chói chan của em. Trong đời anh, anh chưa gặp ai đẹp lộng lẫy, ý nhị hơn em, Út ơi!

Trong lúc nói, kỹ sư Oánh nhìn cô Út, mắt si dại hẳn đi. Cô Út nhìn về dây đồng lang của mẹ, cười mằn nguyện, sắc diện hân hoan phơi phới.

(còn tiếp)

Quý bạn đọc và thích "Bà Già Trầu", tác-giả viết đều tay nhất tại hải-ngoại từ 1979 đến nay

HÃY MUA VÀ ĐỌC TIẾP CÁC CUỐN TRUYỆN SAU ĐÂY, CÙNG TÁC-GIẢ:

Cõi ký ức trang xanh	Tạp bút	US\$10.00 - CA\$14.50
Chân trời lam ngọc	Tạp bút	US\$11.00 - CA\$15.50
Chuyện quê Nam	Truyện ngắn	US\$10.00 - CA\$14.50
Chuyện miệt vườn	Truyện ngắn	US\$16.00 - CA\$22.50
Đêm chong đèn	Truyện dài	US\$12.00 - CA\$17.00
Đồng không mông quạnh	Truyện dài	US\$14.00 - CA\$20.00
Gã thiếp về vườn	Truyện ngắn	US\$18.00 - CA\$26.00
Giai thoại hồng	Tạp bút	US\$14.00 - CA\$20.00
Hội rẫy vườn sông rạch	Truyện ngắn	US\$12.00 - CA\$17.00
Hợp lưu	Truyện dài	US\$ 7.00 - CA\$10.00
Lối bướm đường hương	Truyện dài	US\$12.00 - CA\$17.00
Nửa chợ nửa quê	Truyện dài	US\$12.00 - CA\$17.00
Ngát thơm hoa bưởi	Truyện dài	US\$14.00 - CA\$20.00
Ngát hương mật ong	Truyện dài	US\$18.00 - CA\$26.00
Phấn bướm	Truyện dài	US\$14.00 - CA\$20.00
Tạp chủng	Truyện ngắn	US\$14.00 - CA\$20.00
Tình đẹp đất Long Hồ	Truyện dài	US\$15.00 - CA\$21.50
Tình trong nhung lụa	Truyện dài	US\$12.00 - CA\$17.00
Trang trại thần tiên	Truyện dài	US\$14.00 - CA\$20.00

XIN GỬI THƯ VÀ CHI-PHIẾU VỀ LÀNG VĂN



BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc giả thắc mắc" để giải-đáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-nghênh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khố hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

MAC-TU-KHOA, MÁC-XCƠ-VA, MOSCOU HAY MOSCOW?

Hỏi: Không biết vì tự-hào dân-tộc hay vì vốn-liếng văn-chương nghèo-nàn mà em rất ghét cách gọi tên các nước ngoài, tên thủ-đô, tên thành-phố của người ta bằng âm Hán Việt. Đã đành là tiếng Việt mình chịu ảnh-hưởng của tiếng Tàu trong suốt trang sử ngàn năm Bắc thuộc, do đó trong những trường-hợp không có từ thay-thế hay hơn thì ta chấp-nhận dùng từ Hán Việt để giải-thích các sự-kiện, sự việc, song em để ý thấy báo-chí, văn-học Việt-nam hải-ngoại xài từ Hán Việt quá nhiều và không hề có tư-tưởng cải-cách. Ví-dụ: Tân tây-lan, Phi-luật-tân, Mạc-tư-khoa,...

Trời đất! Nội có đọc mấy cái tên đã có cảm-tưởng như mình là thằng các-chú ở Chợ-lớn nói tiếng Việt rồi! Nước người ta có tên rõ-ràng là

Philippin, cả thế-giới đều biết. Thủ-đô người ta là Matxcova có từ bao đời rồi, mắc gì mà phải biến thành Mạc-tư-khoa!

Thú thực, đến bây giờ em cũng không biết Tây-bá-lợi-á có phải là Xibiria không? Tân tây-lan là nước nào? Rồi Bảo-gia-lợi? Không phải vì em học ngu môn địa-lý mà vì trên bản-đồ thế-giới người ta ghi tên các quốc-gia, thủ-đô, thành-phố bằng các mẫu-tự la-tinh, hoặc dù ghi bằng tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, người ta vẫn tôn-trọng tên riêng và âm-tiết của các tên gọi vẫn được cố-gắng phiên-âm một cách trung-thực nhất. Do đó, một người không hiểu tiếng Anh, nhưng nghe đọc tên nước Việt-nam, Nhật, Ý chẳng hạn, thì ai cũng hiểu ngay, ngược lại, nếu nghe người Việt-nam ta đọc tên nước Ý theo âm Hán Việt là Ý-đại-lợi thì có Chúa mới hiểu được ta nói gì.

Em viết những dòng này để tâm-sự và xin ý kiến bác xem có nên cải-cách tiếng Việt hiện-đại không? Theo em thì giữ nguyên cách phát-âm là tốt nhất, cũng là một cách tôn-trọng quốc-gia đó. Thật quái-đản cũng như ta tự chế ra Lucxambua là Lục-xâm-bảo, Tuman thành Lỗ-ma-ni, Niu-Yok thành Nữu-ước,... Đã vậy, các môn thể-thao cũng bị tàu hóa, bóng đá thì gọi là túc-cầu! Nghe như công chúa gieo cầu kén phò-mã!

Em dài-dòng quá, nhưng rất mong các nhà trí thức của *Làng Văn* coi đây là một đề-tài cần quan-tâm để làm đẹp và gọn tiếng Việt-nam, đừng có lai tàu hay lai tây nhiều quá.

*Maksim
Cộng-hòa Nga*

Đáp: Tóm tắt ý em, về tên gọi thủ-đô, thành-phố và quốc-gia các nước, nên giữ nguyên-thể, hoặc hay nhất là dùng phiên-âm Việt-nam, không nên dùng qua trung gian Hán Việt.

Thí-dụ:

- Thủ-đô nước Nga, nên để nguyên là "Mockbá" hoặc phiên âm là "Matxcova", không nên dùng

"Mạc-tư-khoa."

- Nước Ý, nên để nguyên là Italia hoặc phiên-âm là "I-ta-li-a", không nên dùng "Ý" (gọi tắt) hay "Ý-đại-lợi."

1) Trước hết, hãy bàn về ý-kiến "để nguyên". Việc giữ nguyên-thể quốc-hiệu của một nước, theo đúng văn-tự của người ta, trong hầu hết các trường hợp, không làm được.

Đối với một nước dùng mẫu tự la-tinh, ta còn có thể "để nguyên", như *France, United States of America*,... Nhưng đối các nước dùng mẫu-tự Hi-lạp, hoặc lối chữ riêng như Ấn-độ, Trung-hoa, Triều-tiên,... muốn "để nguyên" thì làm sao viết hay đánh máy? Mỗi tên nước là một loại văn-tự, ai thạo hết từng ấy văn-tự để đọc nổi tên từng ấy nước? Vậy xin loại hẳn đề-nghị giữ nguyên-thể.

2) Thứ đến, bàn tới chuyện dùng qua một văn-tự trung-gian. Thí-dụ, nếu viết là "Mockbá" là "Moscou", ta đã dùng qua trung-gian chữ Pháp; nếu viết là "Moscow", ta đã qua trung-gian chữ Anh; nếu dùng "Mosca", ta đã qua trung-gian chữ Ý; nếu dùng "Moscú", ta đã qua trung-gian chữ tây-ban-nha; nếu dùng "Mạc-tư-khoa", ta qua trung-gian chữ Hán, đọc bằng âm Hán Việt. (Qua các thí-dụ trên đây, chắc em thấy là các nước đã đổi chữ "Mockbá" ra chữ nước họ, đọc theo âm nước họ, mà không hề sợ người Nga méch lòng!)

Dùng qua trung-gian bất cứ chữ Anh, Pháp hay Hán Việt, đều phải "qua tay" ngoại-quốc, dù ít, dù nhiều. Người Việt hiện nay sống trải rộng trên năm châu, nếu người ngu ở nước nào, dùng qua văn-tự trung-gian của nước ấy, sẽ đi đến hậu-quả là chính người Việt sẽ không hiểu nhau.

Thí-dụ, người Bắc Âu gọi "Mockbá" theo cách của họ, người Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha gọi "Mockbá" theo cách khác nữa, rồi người Nhật, Triều-tiên gọi khác nữa. Người Việt tại Nhật sẽ không hiểu người Việt tại Bắc Âu; người Việt tại

Pháp không hiểu người Việt tại Thụy-điển; người Việt tại Mỹ không hiểu người Việt tại Tây-ban-nha; và người Việt trong nước sẽ không hiểu tất cả các ông người Việt “ngoại-quốc” này!

Xét ra, trong các loại văn-tự trung-gian, chữ Hán Việt tương-đối gần-gũi nhất, vì được viết bằng chính chữ Việt, người Việt nào cũng đọc được. Từ chỗ “đọc được” đến chỗ hiểu nghĩa, nhớ nghĩa, chỉ là một bước ngắn. Dùng theo lối này có cái lợi làm làm giàu thêm chữ Việt. Có điều, khi mới dùng lần đầu, nên chú-thích ngoại-văn ngay bên cạnh để giới-thiệu. Thí-dụ: Tân Tây-lan (Nouvelle Zéland; New Zealand), Phi-luật-tân (Philippines); Úc-đại-lợi (Australia, Australie),...

Cách dùng này, như em viết, có điểm bất-lợi là làm người ngoại-quốc sẽ khó hiểu hơn. Nhưng điều đó không quan-trọng. Điều quan-trọng trước hết là hãy để cho người Việt hiểu người Việt trước đã. Người ngoại-quốc tiếp-xúc người Việt, nếu họ hiểu tiếng Việt, tất-nhiên sẽ phải học-hỏi thêm các tiếng phiên-âm Hán Việt ấy. Nếu khi tiếp-xúc, người ngoại-quốc ấy không nói tiếng Việt, mà người Việt nói tiếng ngoại-quốc, tất-nhiên người Việt sẽ dùng ngay chính ngôn-ngữ ngoại-quốc ấy khi đề-cập tên các quốc-gia. Không có vấn-đề “làm cho người ngoại-quốc khó hiểu”!

Tuy-nhiên, không phải lúc nào cũng dùng chữ phiên-âm Hán Việt để gọi các tên riêng ngoại-quốc. Có rất nhiều trường-hợp không nên dùng. Thí-dụ:

- Tên người: không nên gọi ông Montesquieu là “Mạnh-đức-tư-cư”; không nên gọi ông Washington là ông “Hoa-thịnh-đốn”,... ngoại-trừ trường-hợp dùng với dụng ý nào đó, thường là hóm-hỉnh.

- Tên nước: nhiều tên nước dù ở dạng la-tinh, nhưng đã quen-thuộc với người Việt. Ta dùng *Cuba* chứ không dùng “Cổ-ba”; dùng *Barbados* chứ không dùng “Ba-ba-đô”, dùng *Iraq* chứ không dùng “Y-lạp-khắc”;

dùng *Jordan* chứ không dùng “Úc-đán”, v.v.

Một điều khiến BC hơi lúng-túng, là đối với rất nhiều quốc-gia mới (nhất là trong khối Liên-sô cũ), tên rất lạ đối với phần lớn người Việt, nếu dùng qua phiên-âm Hán Việt sẽ rất dài, nên ngay trên mặt báo *Làng Văn* thường khi vẫn phải tạm dùng qua trung-gian chữ Anh. Thí-dụ: *Ukraine* thay vì “Ô-khắc-lan”. Nói là “tạm”, vì BC vẫn chủ-trương Việt-hóa tất cả, đặt bên cạnh tên la-tinh, rồi dần-dà người đọc sẽ quen và chấp-nhận chúng.

- Tên tỉnh, miền, vùng, thành-phố: nếu chữ gốc viết bằng mẫu-tự la-tinh, đề-nghị giữ nguyên.. Thí-dụ: *Paris* thay vì Ba-lê; *San Francisco* thay vì “Cựu-kim-sơn”; *Toronto* thay vì Đa-luân-đa. Riêng các địa-phương thuộc Trung-hoa, Tân-gia-ba, Đài-loan, Triều-tiên, Nhật-bản, đề-nghị dùng âm Hán Việt, vì như vậy gần với nguyên gốc hơn, thay vì dùng qua trung gian phiên âm La tinh. Thí-dụ: *Bắc-kinh* thay vì “Beijing”; *Hán thành* thay vì Seoul; *Bình-nhưỡng* thay vì Pyongyang; *Đài-bắc* thay vì Taipei; *Thượng hải* thay vì “Shanghai”; *Tứ-xuyên* thay vì “Sichuan”; *Quảng-đông* thay vì “Canton”; *Quảng-tây* *Trang* thay vì “Guangxi Zhuang”,...

3) Cuối cùng, xin bàn về việc phiên-âm trực-tiếp sang chữ Việt.

Phiên-âm cũng là một cách tốt để đọc được gần âm gốc. Cách này quen-thuộc với đồng-bào miền Bắc, dùng theo các cơ-quan văn-hóa và giáo-dục của Đảng; nhưng xa-lạ với đồng-bào miền Nam. Học-sinh miền Nam từ 1954 tới 1975 đã được dạy dùng chữ Hán-Việt để gọi tên các quốc-gia trên thế-giới trong các môn Sử-Địa. Trên các hệ-thống truyền-thanh, truyền hình, công-báo, phần lớn sách giá-khoa và báo-chí cũng dùng chữ Hán Việt. Sau khi CS cưỡng-chiếm miền Nam, dùng bạo-lực để thống-nhất đất nước, họ đã áp đặt luôn cả lối dụng-ngữ của Đảng lên đời sống văn-hóa miền Nam. Có thể giới trẻ lớn lên trong

chế-độ mới từ 1975 đến nay, cũng đã quen với lối mới; nhưng những người lớn tuổi, đã hấp-thụ trọn-vẹn nền giáo-dục miền Nam, và cộng-đồng người Việt tại hải-ngoại, vẫn chuộng lối cũ hơn.

Phần lớn người Việt đọc được những chữ phiên-âm, nhưng cách đọc vẫn cứng nhắc, đôi khi ngọng-nghịu không thoải-mái và có khuynh-hướng càng ngày xa dần âm gốc, người ngoại-quốc khi nghe không còn nhận ra ngôn-ngữ của họ nữa! Đó là chưa kể nhiều âm-tổ không có trong tiếng Việt, rất khó phiên-âm cho chính-xác mà bản văn chữ Việt không bị lộn-nhồn khó chịu với những phụ-âm ngoại-văn hay ký-hiệu phiên-âm quốc-tế.

Tóm lại, theo thiên-ý:

- Chữ Hán Việt có lợi-điểm là ngắn gọn, súc-tích - và điều quan-trọng là nó đã bị “đồng-hóa” thành chữ Việt từ lâu đời (người Trung-hoa hoàn-toàn không hiểu và không phát âm như thế) - ta nên tận dụng ưu-điểm đó, không nên mặc-cảm hay kỳ-thị nó. Hãy dùng chữ Hán Việt để làm đẹp và gọn tiếng Việt, đúng theo yêu-cầu của em trên đây.

Về tên quốc-gia, đề-nghị dùng những chữ Hán Việt đã thông-dụng: Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Hoà-lan, Nhật-bản, Trung-hoa, Ấn-độ, Mông-cổ, Tây-tạng, Nga,...

Những chữ nào có thể làm cho đọc-giả trẻ trong nước và đồng-bào miền Bắc cảm thấy xa lạ, nên chú-thích ngoại-văn bên cạnh. Thí-dụ: *Phân-lan* (Finland), *Băng-đảo* (Iceland), *Hung-gia-lợi* (Hungary), *Bảo-gia-lợi* (Bulgaria),...

- Trường-hợp ngoại-lệ, giữ nguyên một số tên quốc-gia viết bằng chữ Anh theo mẫu-tự la-tinh và đã thông-dụng như: Cuba, Haiti, Zaire, Uganda,... hoặc khá mới mẻ, như Estonia, Lithuania, Uzbekistan, Turkmenistan, Kyrgyzstan,...

- Trong trường-hợp bó-buộc, có thể chấp-nhận một số hạn-chế những chữ phiên-âm.

Nhân tiện, BC xin liệt-kê một số

tên quốc-gia và các vùng đất đã thông-dụng tại miền Nam, từ 1954 đến nay, qua trung-gian phiên-âm Hán Việt (theo thứ-tự mẫu-tự) như sau đây. Mong giúp được một số độc-giả làm quen với cách dùng này:

<i>Tên Hán Việt</i>	<i>Tên Anh</i>
A-phú-hân	Afghanistan
Á-căn-đỉnh	Argentina
Á-châu	Asia
Ai-cập	Egypt
Ái nhĩ lan	Ireland
Ấn-độ	India
Anh quốc	England
Áo	Austria
Âu-châu	Europe
Ba-lan	Poland
Ba-tây	Brazil
Ba-tư	Iran
Bắc-Hàn	North Korea
Băng đảo	Iceland
Bảo-gia-lợi	Bulgaria
Bỉ	Belgium
Bồ-đào-nha	Portugal
Cao-miên	Cambodia
Chí-lợi	Chile
Do-thái	Israel
Đài-loan	Taiwan
Đan-mạch	Denmark
Đức	Germany
Gia-nã-đại	Canada
Hi-lạp	Greece
Hoa-kỳ	U.S.A.
Hòa-lan	Holland
	(Netherland)
Hung-gia-lợi	Hungary
Hương-cảng	Hongkong
Lào (Ai-lao)	Laos
Lỗ-ma-ni	Romania
Lục-xâm-bảo	Luxembourg
Mã-đảo	Madagascar
Mã-lai (á)	Malaysia
Mễ-tây-cơ	Mexico
Mông-cổ	Mongolia
Mỹ-châu	America
Na-uy	Norway
Nam-Hàn	South Korea
Nam-dương	Indonesia
Nam Phi	South Africa
Nam-tư	Yugoslavia
Nga	Russia

Nhật-bản	Japan
Pháp	France
Phần-lan	Finland
Phi-châu	Africa
Phi-luật-tân	Phillipines
Tân-gia-ba	Singapore
Tân Thế-giới	New Caledonia
Tân Tây-lan	New Zealand
Tây-ban-nha	Spain
Tây-bá-lợi-á	Siberia
Tây-tạng	Tibet
Thái-lan	Thailand
Thổ-nhĩ-kỳ	Turkey
Thụy-sĩ	Switzerland
Tích-lan	Srilanka
Tô cách lan	Scotland
Trung-hoa	China
Trung Phi	Cèntral African
Úc-châu	Australia
Úc (đại-lợi)	Australia
Ý (đại-lợi)	Italia

CHÍNH-PHỦ ĐỜI XƯA

Hỏi: 1) Từ lúc cháu lớn lên, thấy trong nước mình, trong chính-phủ

sao có nhiều bộ quá, không hiểu hồi xưa trong chính-phủ nước mình (thời còn vua chúa) có nhiều bộ như vậy không, và bộ nào làm việc gì?

2) Cũng hồi xưa, vua là "con trời", nhiều quyền lắm, như vậy lẽ vua làm bậy thì làm sao ngăn?

Nancy Nguyễn
Toronto

Đáp: 1) Từ đầu nhà Nguyễn (Gia-long), triều-đình chỉ có 6 bộ (lục-bộ) là Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công.

Bộ Lại tương-tự như bộ Nội-vụ bây giờ, lo việc quan chức, bổ-dụng, thuyên-chuyển, khen thưởng, thăng cấp, khảo-xét công-trạng, v.v.

Bộ Hộ, tương-tự như bộ Kinh-tế Tài-chính ngày nay, lo về dinh-điền, thuế-vụ, tiền-bạc, kho-tàng, sản-vật.

Bộ Lễ, như bộ Giáo-dục, lo việc học-chế, khoa-cử thêm việc tế-tự, cúng bái, phong thần,...

Bộ Binh như bộ Quốc-phòng, lo về binh-bị, tuyển lính, tổ-chức quân-

thấy mình

Một tách trà đêm, một nỗi buồn
Thấy đời thấp thoáng giữa mù sương
Mới hay trong nỗi niềm u tịch
Có cả chân trời một viễn phương.

Ta náu trần gian, cát bụi lăm
Thác còn mở mắt chối tình thâm.
Trong ta biển cả còn nghênh sóng
Sóng vẫn cheo leo vượt đá ngầm.

Ta đã quen ngồi, bóng tựa gương
Trời mây thì vị đủ âm dương
Ta nằm trong đóa hoa sơ đại
Quen mũi gai đâm, một mảnh vườn.

Hoa như tỏ mặt, chiều quen tiếng
Nện gót giày vang, mái khuấy vừa
Sao chẳng là ta, thân cỏ dại?
Nỗi lòng lất phất dưới hàng mưa...

phạm quang ngọc



anh ngắm hình em

Anh ngắm hình em lúc trẻ thơ
Mười năm về trước có ai ngờ
Trăng kia em đã vùi trong tóc
Khe suối uơ màu những nhánh tơ

Anh ngắm hình em trước ngọn đèn
Mi dài không giọt lệ mờ hoen
Gió sông lồng lộng nơi em đứng
Thổi tự anh về xanh ngát đêm.

Anh giữ hình em để nhớ người
Nhờ em cất hộ những buồn vui
Khi cô ấy giận thì anh sẽ
Trò chuyện cùng em, nhỏ xiu ơi!

nguyễn đức tùng

đội, mở khoa võ cử, v.v.

Bộ Hình, như bộ Tư-pháp, lo tu chính các hình-án, sửa sang pháp-luật, xử kiện, v.v.

Bộ Công, như bộ Công-chánh, lo xây cất cung-điện, cầu đường, đắp thành, làm hào lũy, v.v.

2) Cũng thời Gia-long, vua đặt ra Đô Sát viện, đứng đầu là tả, hữu ngự-sử, có nhiệm-vụ can vua và thanh-sát quan lại trong triều. Các quan chức này có lẽ chỉ có quyền hành đối với hàng quan lại, còn chuyện can vua, họ cũng chỉ làm cho có lệ để khỏi mất đầu hay mất chức.

GIẤC MỘNG NAM-KHA GIẤC MỘNG HOÀNG LƯƠNG

Hỏi: Tôi thường nghe nói có ba chữ “giấc mộng” để khuyên người đời: “giấc mộng Nam-kha”, “giấc hoè” và “giấc Hoàng-lương”. Có phải ba điển-tích này cũng chỉ là một? Và ý khuyên rằng đời người ngắn lắm, bon-chen tranh đua làm gì cho lao-tâm khổ trí rồi cũng hoàn tay không?

Trương Văn Rung
Montréal

Đáp: Các “giấc” này thật ra là ba tích khác nhau: giấc mộng Nam-kha, giấc mộng Hoàng-lương và giấc mộng lâu Tần.

Giấc Nam-kha, chính là *giấc hoè* (giấc mộng dưới gốc cây hoè), do điển Hoè-an mộng. Nam kha là cành hoè quay về hướng nam (Nam: hướng nam; kha: nhánh cây).

Điển này xuất-xứ từ bài *Nam-kha* ký của Lý Công Tá đời Đường. Bài ký kể chuyện Thuần Vu Phần nằm mộng thấy mình đến nước Hòe-an, được vua nước này kén làm phò-mã, bổ chức Nam-kha thái-thú. Về sau Thái-thú cầm quân thất trận, công-chúa mất-tích. Khi dẫn tàn-quân trở về bị vua nghi-ky, cách chức đuổi về làm dân. Vu Phần uất-ức tỉnh dậy thấy mình nằm dưới gốc cây hoè (tượng-trưng cho nước Hòe-an) dưới một nhánh quay về hướng Nam

(Nam-kha), và địch quân đánh bại ông ta là bày kiến trong một cái tổ.

Giấc Hoàng-lương (Hoàng lương mộng), tức “*giấc kê vàng*”, do điển Lữ-sinh đời Đường thi rớt thất-thểu trở về quán trọ, buồn nản tưởng có thể chết được. Lữ được một đạo-sĩ cho mượn cái gối, khuyên ngủ một giấc sẽ thấy nhiều chuyện lạ. Quả thật, trong mộng Lữ-sinh thấy mình đỗ tiến-sĩ, làm quan to, vâng lệnh vua cầm quân dẹp giặc lập được nhiều công-trạng. Nhân thấy Lý Lâm Phủ lộng quyền, Lữ-sinh phản-đối dâng sớ kẻ tội Lâm Phủ nhưng vua không nghe, cách chức anh ta. Trong mộng, Lữ-sinh thấy sinh được năm con trai, tất cả đều thông-minh đĩnh-ngộ, kết thông-gia với những nhà quý-tộc, và anh sống đến 80 tuổi mới chết.

Đang mơ-màng thì có tiếng động mạnh, Lữ sinh tỉnh dậy, mới biết cả cuộc đời thăng-trầm của anh vừa trải qua chỉ là một giấc mộng ngắn-ngủ, trên bếp nồi kê vẫn chưa chín.

Cả hai điển *giấc Nam-kha* và *giấc Hoàng-lương* đều ví-von rằng đời người thật ra chỉ ngắn như một giấc mộng mà thôi, chức quyền phú quý có đấy rồi mất đấy, không đáng để khổ nhọc bon-chen.

Giấc mộng lâu Tần là tích Thẩm Á Chi, đời Tần. Thẩm Á Chi một hôm ra thành Trường-an, đang trưa nằm ngủ trong quán trọ, thấy Tần Mục Công cho vời đến, gả con gái và cấp cho cung-điện để ở. Được một năm, công chúa không bệnh mà chết, chôn vợ xong, Á Chi từ tạ xin về quê, vua Tần tiễn đến tận cửa thành. Á Chi giật mình tỉnh dậy thấy vẫn nằm trong quán trọ.

“SIC”

Hỏi: 1) Chữ “sic” trong ngoặc đơn sau một câu văn, thường chỉ cho biết là câu vừa nêu không đúng sự thật. Chữ này do đâu mà ra. Trong Anh hay Pháp-văn có dùng chữ này không?

2) Xin cụ chép cho bài thơ của Tú Xương (?) có hai câu: “Khôn

nghe cờ bạc là khôn dại; Dại chôn văn-chương ấy dại khôn.”

3) Xin cho biết sơ-lược tiểu-sử Pythagore.

Võ Văn Mỹ
Georgia, Hoa-kỳ

Đáp: 1) Nghĩa đen của “sic” là “y như vậy”, “nguyên-văn”, xác-định rằng câu vừa nêu đúng y với điều mà người nào đó đã nói, đã viết, tuy có thể sai-lầm và vô-lý, nhưng đã được trích-dẫn chính-xác theo nguyên-văn.

Chữ “sic” này thường đặt sau khi trích-dẫn một câu nói hay câu văn ..“cà-chớn” nào đó mà người thuật lại muốn nhấn mạnh là “thằng cha đó đã viết láo-lếu như vậy, tôi xác-định là tôi lặp lại nguyên-văn, không thêm bớt.”

Thí-dụ: Trên báo H.L., Khánh Trường gọi các cựu quân-nhân Việt-nam Cộng-hòa là những “hình nộm răn-rỉ” (sic).

BC biết, một số tác-giả ở hải-ngoại đã dùng chữ “sic” này theo cách hiểu sai-lạc của họ, khiến nhiều độc-giả hiểu sai theo.

Trong Anh và Pháp văn vẫn dùng “sic” có nghĩa là “như thế”, “như vậy”, “nguyên văn”.

2) Trọn bài thơ như sau:

DẠY KHÔN

Thế sự đua nhau nói đại khôn
Biết ai là đại biết ai khôn
Khôn nghe cờ bạc là khôn dại,
Dại chôn văn chương ấy đại khôn.
Mấy kẻ nên khôn đều có dại,
Làm người có dại mới nên khôn.
Cái khôn ai cũng khôn là thế,
Mới biết trần gian kẻ đại khôn.

Trần Tế Xương

3) Pythagore (Pythagoras) và nhà toán-học, triết-gia Hi-lạp. sinh năm 580 mất năm 500 trước Tây-lich tại Samos, Ionia (thuộc Hi-lạp, gần biên-giới Thổ-nhĩ-kỳ). Năm 532 (trước Tây-lich) và mở trường tại tại Croton (nay là Crotona). ●

chuyện lạ xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn



Chuyện lạ văn học

Món ăn đổi khác, nên người dọn xin có lời thưa cùng thực khách.

Thức ăn dù có ngon, nhưng cứ ăn mãi một món thì thế nào cũng chán. Vả lại, những mẫu tin văn học không chắc luôn luôn là những điều thú vị cho tất cả bạn đọc. Nhận định như vậy, nên kể từ nay, toà soạn thu xếp để chúng tôi hầu chuyện các bạn theo cách thay đổi nội dung, kỳ này với những mẫu chuyện lạ, kỳ sau với những mẫu tin văn học.

Và nhân đây, chúng tôi cũng xin nói rõ về hai chữ *xứ người*. Người viết đang sống tại Canada, *Làng Văn* đặt toà soạn tại Canada, một số độc giả cũng đang ngồi tại Canada mà đọc, nhưng tin của Canada, chuyện của Canada, lại được gọi là tin và chuyện của xứ người. Gọi như thế, có thể coi là không chính về địa lý, nhưng thiết tưởng rất chính về tâm lý. Dù đang sống ở đâu, dù bao lâu nữa, *xứ mình* của chúng ta vẫn là Việt Nam. Ngoài Việt Nam ra, tất cả đều là xứ người. Chỉ có điều đáng buồn là chúng ta chưa được cùng nhau ngồi ở quê hương để kể cho nhau nghe những điều thú vị của xứ khác. Cùng nhau chia sẻ chút tâm sự đó, một lúc nào các bạn thấy trên mục này có tin hoặc chuyện của Việt Nam, thì xin đừng đọc như đọc chuyện xứ người.

Gọi là lạ, nhưng là chuyện thật. Là vì những con số kia đối với chúng ta to lớn quá. Không phải to lớn gấp bội theo cách nói thông thường, mà có thể gấp ngàn, gấp vạn lần. Chúng tôi muốn đề cập đến những ấn phẩm của nhà xuất bản *Reader's Digest*, mà chúng tôi sẽ mượn tài liệu để viết bài cho mục *chuyện lạ* này.

Đầu tiên, tại Hoa kỳ, vào năm 1922, tạp chí *Reader's Digest* được DeWitt Wallace và vợ là Lila Acheson sáng lập với một số vốn ít ỏi. Tờ báo phát triển lần lần, cho đến năm 1934, bắt đầu đăng những tác phẩm mới xuất bản được rút gọn. Rồi về sau, tờ báo thêm trang và tăng cường về nội dung, có gần đủ các mục mà các báo khác không có. Ngoài phần sách rút gọn, bài của *Reader's Digest* phần nhiều là những bài đã được đăng ở các báo khác, họ mua để đăng lại. Nhưng vì là bài chọn lọc, nên vẫn có nhiều người thích đọc. Muốn thấy cách làm ăn của họ đúng hay sai, chúng ta chỉ cần để ý những con số sau đây:

Cho đến nay, tạp chí *Reader's Digest* đã xuất bản liên tục trong 72 năm, và đã có mặt trên hầu hết mọi quốc gia. Về nội dung, chỉ có phần

chính giống nhau; những phần kia, tùy theo địa phương mà thay đổi cho phù hợp thị hiếu của độc giả. Cứ mỗi tháng ra một lần, biên soạn bằng 17 thứ ngôn ngữ khác nhau, lại thêm một ấn bản tiếng Anh bằng chữ Braille dành cho người mù biết tiếng Anh.

Về con số phát hành, theo tự điển bách khoa Britannica, mỗi kỳ *Reader's Digest* in ra 30 triệu tờ. Về con số bán được, tờ tạp chí này tự khai là mỗi tháng bán được trên 28 triệu số. Trong khi đó, tạp chí tiếng Việt ở hải ngoại, có tờ mỗi kỳ chỉ dám in chừng vài ngàn số mà vẫn không bán hết.

Công ty *Reader's Digest* còn xuất bản những loại sách rút gọn đóng chung thành tập; mỗi tập bốn, năm cuốn. Ai có ít thì giờ mà muốn biết được nhiều cốt truyện, thì loại sách này rất tiện dụng. Ngoài ra, lâu lâu họ lại cho ra những quyển sưu tầm đặc biệt về một bộ môn nào đó, như thơ, kịch trường, phim ảnh, dã thú, hoa... và những chuyện dị thường, bí ẩn. Từ những chuyện chưa giải thích được đó, chúng tôi sẽ chọn ra những chuyện lý thú hơn hết, kể các bạn nghe, để tùy các bạn giải thích.

Giấc chiêm bao của Mark Twain

Mark Twain là đại văn hào Mỹ, tên thật là Samuel Langhorne Clemens, sinh năm 1835, mất năm 1910. Hồi còn trẻ, vì nhà nghèo, ông và người em trai là Henry Clemens phải làm thủy thủ trên những chuyến tàu xuôi ngược trên sông Mississippi, khoảng giữa St. Louis và New Orleans.

Một đêm, Mark Twain đang ngủ nhờ tại nhà người chị ở St. Louis, bỗng mơ một giấc mơ kỳ dị. Ông thấy xác của Henry được đặt trong một cái quan tài bọc kẽm, để giữa phòng khách nhà người chị. Trên ngực Henry có một bó hoa, giữa bó hoa là một cái hoa màu đỏ thắm.

Khi Mark Twain tỉnh dậy, ông cứ tưởng là Henry đã chết, và xác đang

để ở phòng khách. Ông mặc quần áo, định đi viếng em, nhưng lại đi ra ngoài. Đi được một đoạn ngắn, ông mới nhớ ra vừa rồi chỉ là chiêm bao, liền quay trở về kể cho người chị nghe.

Hai tuần sau đó, Mark Twain và Henry gặp nhau tại New Orleans, rồi theo hai chiếc tàu khác nhau để đi St. Louis. Henry làm việc trên tàu Pennsylvania. Khi tàu này chạy gần tới Memphis, thì nổi hơi nổ. Nhiều người chết, riêng Henry bị thương nặng, được chở tới Memphis để chữa, nhưng chỉ sống thêm được vài ngày.

Hầu hết nạn nhân của tai nạn này đều được đặt nằm trong những chiếc quan tài bằng gỗ. Riêng Henry, thì một số phụ nữ tại địa phương thương hại cậu ta còn quá trẻ, đã chung tiền mua cho cậu một cái hòm bọc kẽm. Khi Mark Twain tới viếng em, ông thấy em nằm trong một chiếc hòm giống y như trong giấc mộng, duy chỉ thiếu bó hoa. Nhưng ngay khi ông còn đứng đó, một cô gái bước vào, đặt trên ngực Henry một bó hoa, giữa bó là một đoá hồng đỏ.

Tiểu thuyết hay là sấm truyền?

Năm 1896, nhà văn Mỹ Morgan Robertson cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết nhan đề là *The Wreck of the Tian* (Tàu Khổng Lồ đắm). Cuốn sách kể lại chuyến vượt Đại Tây Dương lần đầu của chiếc thương thuyền sang trọng có tên là Titan. Theo câu chuyện trong sách, đây là chiếc tàu to nhất, tiện nghi nhất, an toàn nhất, nghĩa là không thể chìm được. Nhưng chiếc tàu đã chìm khi đụng phải băng trôi, ngay trong chuyến hải hành đầu tiên, gây tổn thất nhân mạng rất lớn. Tất nhiên, toàn thể câu chuyện đều là hư cấu.

Mười bốn năm sau, chiếc Titanic (Khổng Lồ), một chiếc thương thuyền của anh, to và sang trọng vào bậc nhất lúc bấy giờ, được quảng cáo rùm beng là không bao giờ chìm được, đã chìm ngay trong chuyến đi

đầu. Chiếc tàu khởi hành từ cảng Southampton, Anh; định đi New York, Mỹ. Trong đêm 14 rạng 15 tháng 4.1912, khi tàu đang chạy ngang phía nam cách Newfoundland, Gia nã đại, chừng 600 cây số, thì đụng nhằm một băng sơn. Tàu chìm, làm chết 1.513 người.

Sau đây là những điểm giống nhau, hoặc gần giống nhau giữa hai chiếc tàu, thật và tưởng tượng (xem cuối trang).

Giấc mơ của Giám mục Joseph Lanyi

Giám mục Joseph Lanyi nguyên là thầy học của Francis Ferdinand, khi vị hoàng thân này còn nhỏ. Francis Ferdinand là hoàng thân nước Áo, đã bị ám sát cùng với phu nhân ngày 28.6.1914, tại Sarajevo, Nam Tư. Vụ ám sát này là nguyên nhân trực tiếp gây ra cuộc thế chiến thứ nhất. Nhưng chuyện này chỉ nhấm kể lại mối giao cảm tâm linh do tình thầy trò tạo ra mà thôi.

Sáng sớm ngày ghi trên, Giám mục Lanyi giật mình tỉnh dậy sau một giấc mộng hãi hùng. Ông kể:

Tôi thấy tôi đi ra chỗ bàn giấy của tôi lúc sáng sớm để xem có thư từ gì không. Phía trên chõng thư có một phong bì có viền đen, có một đen, và có huy hiệu của hoàng thân Ferdinand. Tôi nhận ra ngay đó là thư của hoàng thân. Tôi lại nhìn thấy trên đầu tờ giấy viết thư màu xanh, một bức hình thường thấy trên những tấm bưu thiếp. Trong bức hình, có một con đường lớn và một con đường hẻm. Hoàng thân

Ferdinand cùng phu nhân đang ngồi trong một chiếc xe, phía đối diện là một viên tướng, bên cạnh người lái xe là một sĩ quan. Hai bên đường có rất đông người. Hai người thanh niên xông lại, bắn vào hoàng thân và phu nhân. Phía dưới bức hình, tôi đọc được những dòng này: *Thưa ngài Lanyi, tôi xin thông báo là tôi và vợ tôi vừa bị ám sát trong một âm mưu chính trị. Xin ngài hãy cầu nguyện cho chúng tôi. Sarajevo, 3 giờ 15 sáng ngày 28 tháng 6. Hoàng thân Franz.*

Tôi tỉnh dậy, vừa run vừa khóc. Nhìn đồng hồ, tôi thấy nó chỉ đúng 3 giờ 15. Tôi chạy ra thư phòng, và ghi ngay những điều vừa thấy trong chiêm bao vào sổ tay. Đến khoảng gần 6 giờ sáng, người giúp việc bước vào thư phòng, thì thấy tôi đang đọc kinh, mặt mày tái ngắt, nên hỏi tôi có bệnh không. Tôi bảo anh ta đi mời mẹ tôi và người khách đang có mặt trong nhà vào, để tôi cầu nguyện cho hoàng thân và phu nhân. Tôi kể cho mẹ tôi và người khách nghe giấc chiêm bao, cầu nguyện xong, rồi đi vào ngồi một mình trong nhà nguyện. Nhưng tôi vẫn không bình tâm được chút nào, cứ mãi hồi hộp và lo sợ. Đến 3 giờ rưỡi chiều, tôi nhận được điện tín báo tin vụ ám sát.

Đối chiếu kỹ, giấc chiêm bao của Giám mục Lanyi có hai chi tiết không khớp với sự thật: chỉ có một kẻ sát nhân chứ không phải hai; và viên sĩ quan không ngồi bên cạnh người lái xe, mà đứng trên bàn đạp. Người này đã đổi vị trí, sau khi một trái mìn nổ giết hụt hoàng thân Ferdinand.

Chi-tiết về tai-nạn:	Chiếc Titan trong sách:	Chiếc Titanic thật:
Tháng bị chìm:	Tháng tư	Tháng tư
Số xuồng cứu đắm:	24 chiếc	20 chiếc
Trọng tải:	75.000 tấn	66.000 tấn
Chiều dài tàu:	245 thước	270 thước
Số chân vịt:	3 cái	3 cái
Tốc độ khi đụng băng:	46 cây số/giờ	42 cây số/giờ

Những con người cổ đại to lớn như thế nào?

Đây không phải là những lý thuyết khoa học khó hiểu, mà chỉ là những dấu vết đơn giản.

- Năm 1896, viện Hàn lâm Khoa học tiểu bang Ohio (Mỹ) nhận được một tảng đá, trên đó có hằn dấu vết rõ ràng một bàn chân của con người. Chiều dài dấu bàn chân là 37 phân.

Tảng đá được tìm thấy ở một ngọn đồi phía bắc thị trấn Parkesburg thuộc tiểu bang West Virginia.

Chỉ cần biết bàn chân của một người Bắc Âu (loại to con nhất thế giới) cũng chỉ dài chừng 28 phân, thì hình dung ngay ra được con người có bàn chân dài 37 phân kia to đến mức nào. Cao trên 3 thước chẳng?

- Trong cuốn *American Antiquities* (Đất Mỹ Cổ Thời) xuất bản từ thế kỷ trước, Josiah Priest cho biết có những dấu vết ngựa, gà tây và người, trên đá cứng ở vùng thượng lưu sông Tennessee, phía nam thị trấn Braystown, tiểu bang North Carolina. Trong số dấu vết ấy, có dấu một bàn chân người dài 40 phân, chỗ các ngón chân rộng 33 phân, ở gót rộng 13 phân. Con người có bàn chân này có lẽ còn to lớn hơn con người trên kia. Ngoài ra, còn có những dấu chân 6 ngón.

- Những dấu vết sau đây lại càng khổng lồ hơn, nhưng không chắc động vật để dấu lại là con người.

Năm 1931, một công chức làm việc tại tiểu bang New Mexico, tình cờ nhận thấy có nhiều dấu vết của con người cổ đại tại vùng sa mạc Great White Sands. Qua năm sau, một phái đoàn khoa học được cử tới điều tra. Phái đoàn tìm được 13 dấu chân trên đá. Mỗi dấu dài từ 40 đến 55 phân, rộng từ 20 đến 30 phân, khoảng cách mỗi bước là 1 thước rưỡi, hai bàn chân dẹt ra 6 tấc.

Vào các năm 1972, 1974, 1981, các nhà khoa học đã trở lại chỗ ấy, và lần nào cũng tìm thêm được dấu vết.

Nền đá có in dấu không cứng lắm. Trong lần khảo sát đầu tiên (1932), các nhà khoa học nhận thấy các dấu chân sâu hơn mặt đá cỡ 6 phân; nhưng sau 42 năm, trong lần khảo sát năm 1974, họ nhận thấy những vết ấy lồi cao hơn mặt đá xung quanh gần 4 phân. Gió và nước đã bào mòn mặt đá mềm, nhưng không bào mòn được những chỗ đã bị bàn chân của giống động vật khổng lồ kia nén xuống.

Sau mấy lần khảo sát, các nhà khoa học đều xác quyết những dấu vết kia là dấu chân của một loài động vật. Nhưng họ không khẳng định là của con người. Có người nghĩ đó là dấu chân của lạc đà chở quân dụng trong quân đội Mỹ khoảng thập niên 1850. Có người lại cho đó là dấu chân của giống lạc đà, hoặc voi ma-mút để lại đó ít ra cũng trên 10 ngàn năm. Nhưng có một điểm khiến các nhà khảo cổ đau đầu: khoảng cách giữa hai bàn chân trái mặt khi bước đi, rõ ràng là của một giống vật hai chân. Nhưng nếu là của con người, thì con người ấy phải cao đến trên 4 thước sao?

Ngày nguyệt kỵ của vua Louis 16

Theo tục lệ cũ của dân quê Việt Nam, mỗi tháng âm lịch có ba ngày nguyệt kỵ là mồng năm, mười bốn, và hai mươi ba. Trong những ngày đó, người ta tránh khỏi đầu làm những công việc quan trọng. Đôi khi, nếu hoãn qua ngày khác được, thì việc thường, những người mê tín dị đoan cũng tránh. Có câu "*Mồng năm, mười bốn, hăm ba; dù là viếng mẹ thăm cha cũng đừng*". Hoặc: "*Mồng năm, mười bốn, hăm ba; đi chơi còn lỗ hổng là đi buồn*".

Đối với một số người Tây phương, ngày nguyệt kỵ lại là ngày 13 mỗi tháng. Đại kỵ là những ngày 13 thứ sáu.

Nhưng đối với vua Louis 16, thì ngày nguyệt kỵ lại là ngày 21 (trong khi đó, một số dân quê ta trước kia lại nghĩ ngược lại: *hăm một tốt*

ngày).

Louis 16 làm vua nước Pháp liên trước cuộc Cách mạng Tư sản Dân quyền 1789. Ông sinh năm 1754, chết năm 1793, làm vua được 17 năm.

Hồi Louis còn nhỏ, một nhà chiêm tinh đã dặn cậu phải hết sức đề phòng những ngày 21 mỗi tháng. Louis rất tin thuật chiêm tinh, nên đã kiếm cố tránh làm những việc quan trọng trong những ngày 21.

Nhưng Louis chỉ có thể đề phòng được khi còn cầm quyền, còn chỉ phối được vận mạng của mình. Sau khi nhà vua mất quyền, những biến cố lớn xảy ra cho ông, đều xảy ra đúng ngày 21: Ngày 21.6.1791, nhà vua và hoàng hậu Marie Antoinette bị bắt giữ khi đang toan tính bỏ trốn; ngày 21.9.1792, phe cách mạng tuyên bố hủy bỏ định chế quân chủ; ngày 21.1.1793, nhà vua bị hành quyết. (Hoàng hậu bị hành quyết sau đó, ngày 16.10 cùng năm).

Không đồng sinh, nhưng cộng tử

Các bạn có nhớ ngày xưa người Tàu họ hay thề nguyện như thế nào không? Là vợ chồng, thì họ nguyện: *Sinh đồng tịch đồng sàng, tử đồng quan đồng quách* (Sống chung giường chung chiếu, chết chung hòm chung mồ). Là anh em kết nghĩa, thì họ nguyện: *Bất khả đồng sinh, ninh nguyện đồng tử* (Không được sinh cùng ngày, xin được chết cùng ngày).

Nhưng trường hợp John Adams và Thomas Jefferson thì không cầu nguyện mà cũng được.

Adams sinh năm 1735, chết năm 1826, là tổng thống thứ nhì của Hoa kỳ (1797-1801), kế vị Washington. Jefferson sinh năm 1743, chết năm 1826, là tổng thống thứ ba của Hoa kỳ (1801-1809), kế vị Adams. Jefferson là tác giả bản Tuyên ngôn Độc lập, và Adams là một trong những người nhiệt thành xưng tụng bản tuyên ngôn trong thời gian cầm quyền.

Sau khi mãn nhiệm (1801), tuy không đóng một vai trò nào trong chính quyền nữa, Adams vẫn giữ liên lạc mật thiết với Jefferson.

Thế rồi, vào ngày 4.7.1826, ngày Độc Lập thứ 50 của Hoa kỳ, cả hai người cùng qua đời, John Adams đi sau Thomas Jefferson chỉ 4 tiếng đồng hồ.

Lại những ngẫu nhiên

- Augustus J.C. Hare (1834-1903) là một nhà văn Anh được nhiều người biết tiếng trong thời kỳ Victoria. Ông viết cũng nhiều, nhưng đáng kể hơn hết là những cuốn hồi ký. Ông đã dành những năm cuối đời để viết quyển tự truyện *The Story of My Life* (Chuyện đời tôi), gồm 6 tập, xuất bản liên tục từ 1896 đến 1900. Trong quyển tự truyện này, có một chi tiết thật lạ. Hare kể:

Từ khi mới được 14 tháng, tôi được một bà cô nhận làm con, và sống xa cha mẹ ruột từ đó. Rồi về sau, tôi sang lục địa sống luôn, và cũng ít khi trở về Anh. Nhưng vào năm tôi được 19 tuổi, để kỷ niệm ngày nhận tôi làm con, cô tôi đưa tôi và cả nhà tới Mannheim (Đức), là chỗ tôi đã được trao cho bà. Đúng ngày mà 17 năm trước cô tôi bỗng tôi lên xe lửa, chúng tôi đang đứng trên sân ga Mannheim chờ xe, thì trông thấy một người đàn bà ăn mặc rách rưới, bỗng trên tay một hài nhi. Thấy bà ta khóc, cô tôi lại gần hỏi thăm và an ủi. Người đàn bà ấy kể: *Đứa bé này là con tôi. Cháu chỉ mới 14 tháng. Nhưng tôi nghèo quá, phải đem cháu cho cô nó nuôi. Hôm nay, cô nó đi xe lửa tới đón nó. Tôi sắp mãi mãi xa con, nghĩ buồn tủi, nên tôi khóc...*

- Trong cuộc nội chiến của Hoa kỳ (1861-1865), có lần một số tù binh thuộc quân đội miền Bắc, lẻ ra trốn được, lại bị bắt trở lại, vì một duyên cớ thật hiếm có: Họ được chở trong một toa xe lửa để đưa tới một trại giam khác. Họ toàn là những người gốc Thụy Sĩ, lại nguyên ở

cùng tỉnh, nên dùng thổ ngữ của mình, để bàn tính âm mưu đào thoát. Họ sắp đặt khi tàu đến ga kế, thì họ nhau khống chế tên lính gác duy nhất trên toa, mặt mũi non choẹt kia, rồi cùng nhau bỏ chạy. Không ngờ khi tàu gần tới ga, họ vừa đứng dậy, thì cửa toa bật mở, rồi xung quanh họ, đầy súng cấm lười lè chìa vào.

Không may cho đám tù binh, tên lính gác 17 tuổi kia, tên là Beverley Tucker, cũng chính là người gốc Thụy Sĩ, và là người duy nhất trong quân đội miền Nam, hiểu được thổ ngữ của họ.

- Vào năm 1872, tại Pháp, Bá tước Rodemire de Tarazone bị một người tên là Claude Volbonne ám sát. Trong cuộc điều tra, cảnh sát nhận ra một chi tiết rất lạ: 21 năm trước, người cha của ông bá tước này cũng bị ám sát, hung thủ cũng mang tên Claude Volbonne. Mà giữa hai vụ giết người không có liên hệ gì, và hai kẻ sát nhân cũng không có họ hàng gì hết.

Một ông vua và một ông chủ quán

Các bạn có nhớ chuyện này trong lịch sử nước không? Chuyện rằng: Khi biết không thể đánh thắng quân ta được, vua Càn Long nhà Thanh đành phải phong cho vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương, rồi giáng chỉ vời vua ta sang Yên Kinh (Nam Kinh) châu. Vua Quang Trung bèn chọn một người có dung mạo giống mình là Phạm Công Tri đi thay. Có lẽ vua quan nhà Thanh cũng biết, nhưng hồi ấy nước ta đang ở thế mạnh, nên họ đành phải làm như không biết, để giữ thể diện. Cùng đi theo vua giả, có nhiều người, nhiều ngựa và voi, khiến cho quan quân Tàu dọc theo lộ trình, phải đưa đón thật khổ cực. Riêng Tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An và Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh phải đích thân đưa vua giả lên tận Yên Kinh. Vua giả họ Phạm trước đó làm gì thì không thấy

sử nói rõ, nhưng đến lúc này, được hai đại thần của thiên triều phục dịch, kể cũng vinh hạnh một đời!

Và các bạn có biết những sách tướng số, những sách tử vi giải thích như thế nào không, về trường hợp hai người sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, mà kẻ kia thì rất mực giàu sang, còn người này thì lại hết cỡ nghèo hèn? Sách trả lời rất tinh táo: Vì một người sinh ban ngày, một người sinh ban đêm.

Còn sau đây là chuyện một người giống một người, nhưng là chuyện bên Ý.

Cuối tháng 7 năm 1900, vua nước Ý là Umberto I phải đến thành phố Monza phía bắc nước Ý, để chủ tọa buổi lễ phát giải thưởng cho các lực sĩ điền kinh. Người tùy tùng nhà vua là tướng Emilio Ponzio Vaglia. Họ đến nơi từ chiều hôm trước, và tối hôm đó, hai người giả dạng thường dân tới ăn tại một ngôi quán nhỏ. Khi người chủ quán ra hỏi họ dùng gì, nhà vua và viên tướng đều giật mình, vì ông chủ quán rất giống nhà vua, gương mặt cũng như vóc dáng. Nhà vua liền kéo ông chủ quán ngồi xuống nói chuyện. Không biết đó là hoàng đế của mình, ông chủ quán trò chuyện rất tự nhiên. Sau vài phút, cả hai, nhà vua và ông chủ quán, khám phá ra rằng họ có rất nhiều điểm giống nhau: cùng sinh một ngày (14.3.1844), cùng sinh ở Turin (Piedmont, Ý), cùng có tên Umberto; cùng cưới vợ ngày 22.4.1868, hai người vợ đều tên là Margherita, cùng có con trai tên là Vittorio, cùng làm nên một ngày: Umberto vua lên ngôi, Umberto chủ quán khai trương ngôi quán nhỏ.

Khi vua Umberto I tỏ ý thắc mắc tại sao từ trước hai người chưa lần nào gặp nhau, thì ông chủ quán Umberto (lúc này đã biết người đối thoại là hoàng đế) nói:

- Tàu bệ hạ, thật ra trước đây chúng ta đã gần như gặp nhau hai lần, khi cả bệ hạ và tôi cùng được thượng cấp gắn huy chương về thành tích chiến đấu trong quân đội. Lần đầu, bệ hạ là đại tá, tôi là binh nhì;

lần sau, bệ hạ được thăng lên tư lệnh quân đoàn, còn tôi được thăng cấp trung sĩ.

Hết chuyện để nói, ông chủ quán lo đi dọn bữa ăn. Nhà vua quay lại nói với viên tướng hầu cận:

- Ngày mai, trăm sẽ phong cho người này tước Hiệp sĩ Hoàng gia. Khanh nhớ mời ông ta tới chỗ buổi lễ.

Nhưng ngày hôm sau, khi vua Umberto I hỏi đến ông chủ quán, thì được biết ông ta vừa mới chết do một viên đạn lạc. Rất xúc động, nhưng nhà vua vẫn bình tĩnh dặn tướng Ponzio Vaglia phải tìm biết đích xác ngày giờ đưa tang ông chủ quán để nhà vua đến dự.

Nhà vua đã không hề ngờ rằng ngay sau đó, ba viên đạn bắn vào ông, viên đầu trật, nhưng hai viên sau ghim đúng tim, khiến ông ngã chết tức khắc. Hung thủ tên là G. Bresci, một người theo chủ nghĩa vô chính phủ.

Những cái chết bí ẩn

Trong lịch sử án mạng của Việt Nam ta, cũng có những vụ giết người bằng lửa. Nổi tiếng nhất có lẽ là vụ cô Quờn giết chồng vì ghen. Nhưng hiện tượng cơ thể con người tự nhiên bốc lửa rồi cháy tan đi, thì chưa từng nghe. Nhưng ở Âu Mỹ, đã có nhiều vụ con người tự cháy đến chết. Sau đây là những vụ nghe rất lạ, nhưng có xác tín:

- Vụ người tự nhiên bốc cháy được ghi nhận xảy ra sớm nhất là vào năm 1673. Vụ này được chép lại trong tài liệu nghiên cứu của Pierre Aimé Lair: Một người đàn bà nghèo, sống độc thân, nghiện rượu nặng đến mức trong nhiều ngày không cần ăn gì cả, chỉ uống rượu, một đêm bị cháy đến chết. Sáng hôm sau, người ta thấy trên tấm nệm rơm mà bà ta nằm, chỉ còn lại cái đầu, mấy ngón tay, và một đồng tro. Tấm nệm chỉ hơi sém.

- Vụ bà Stephens cháy xảy ra tháng 10 năm 1964, trước mắt nhiều người. Olga Worth Stephens nguyên

là kịch sĩ, lúc đó đã 75 tuổi. Hôm ấy bà đang ngồi trong một chiếc xe đậu tại thành phố Dallas, Texas, thì bị chết cháy. Xung quanh lúc bấy giờ có nhiều người trông thấy người bà bỗng nhiên bốc cháy, chạy lại tiếp cứu nhưng không cứu kịp. Hồ sơ xác nhận chiếc xe không hư hại, và trong xe không có thứ gì có thể bốc lửa. Vụ này được chép lại trong hồ sơ nghiên cứu của Michael Harrison.

- Báo *New York Times* số ra ngày 1.7.1872 có đăng một vụ người chết ngoài đường, và nêu nghi vấn: tự sát hay bị giết? Hôm ấy, người ta thấy thuyền trưởng George M. Colvocoresses nằm chết trên lề một con đường đông người qua lại ở thành phố Bridgeport, tiểu bang Connecti-cut. Bên cạnh xác chết là một cái cặp da và một khẩu súng lục. Thoạt đầu, cảnh sát cho đây là một nạn nhân bị kẻ khác bắn. Nhưng sau khi khám kỹ, họ nhận thấy không hề có lỗ đạn trên mấy lớp áo ngoài, mà quanh lỗ đạn trên sơ-mi thì có dấu cháy do thuốc súng. Chi tiết này cho phép họ suy đoán rằng họng súng đã được dút vào phía trong mấy lớp áo ngoài trước khi súng nổ. Cảnh sát cũng như nhà báo hồi ấy đã không trả lời được câu hỏi: Tại sao kẻ sát nhân lại tự tạo ra cách bắn khó khăn như vậy?

Rồi người ta đưa ra giả thuyết có thể viên thuyền trưởng tự sát, nhưng làm ra như thế, cốt là để thân nhân được hưởng tiền bồi thường của công ty bảo hiểm nhân thọ. Nhưng khi coi đến tờ di chúc, cơ quan điều tra biết là không phải. Rồi đến khi tìm hiểu kỹ về cá tính và cách sống rất chừng mực của ông ta, thì không còn ai tin vào giả thuyết tự sát nữa.

Cuối cùng nghi vấn vẫn còn nguyên là nghi vấn: Nếu do kẻ khác giết, thì tại sao hung thủ phải nhét cho được súng vào phía trong lớp áo ngoài có cài nút, rồi mới bắn? Nếu là tự sát, thì tại sao người chán đời lại chọn một nơi có đông người qua lại? Tại sao lại phải lồng súng vào trong? Và một vấn đề kỹ thuật: viên đạn xuyên tim, người tự sát đâu còn

giây nào để lấy khẩu súng bỏ ra ngoài nữa?

Chuyện của Tây phương nhiều rồi, đây chúng tôi xin kể một chuyện của Đông phương: *Chiếc kimono và thành phố Đông Kinh*. Chuyện này được ghi trong cuốn *Histoire de Tokyo* (Lịch sử Đông Kinh) của Noel Nouet.

Vào khoảng tháng 2 năm 1657, một vụ hỏa hoạn rất lớn đã xảy ra tại Đông Kinh, giết chết trên 100 ngàn người, phá hủy 61 cây cầu, khoảng 300 đền thờ và chùa, 500 dinh thự, 9.000 tiệm buôn.

Nguyên nhân vụ cháy nghe rất lạ.

Có một chiếc kimono rất đẹp, ai trông thấy cũng thích. Ba cô thiếu nữ đã nối tiếp nhau làm chủ chiếc áo truyền thống ấy, nhưng không cô nào kịp mặc. Để yên trong tủ, hoặc chỉ lấy ra ngắm nghía thì không sao, nhưng nếu định mặc đi đâu, thì chỉ vừa xỏ tay vào, cô nào cũng đột nhiên lăn ra chết, mặc dù đang khỏe mạnh. Người ta sợ, liền đem giao chiếc áo cho một đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghĩ không nên giữ chiếc áo ma quái xui xẻo ấy làm gì, liền nổi lửa đốt. Nhưng chiếc áo vừa bắt lửa, thì một trận cuồng phong nổi lên, thổi ngọn lửa lan ra khắp nơi trong chớp mắt. Khoảng ba phần tư thành phố trở thành bình địa.

Sẽ phát-hành nay mai

MÓN QUÀ CƯỚI

gồm những truyện ngắn hay nhất của Gia-nã-đại

HỒNG HUY
tuyển dịch

*Một món quà thanh-lịch
cho thân-nhân và bằng-hữu*

Làng Văn án-hành

diễn-đàn độc-giả



Huy-chương “Chống Cộng”

Trần Quang Hà
(California, Hoa-kỳ)

Tháng 10 vừa qua, báo Sài-gòn giải-phóng của CSVN đăng một bài, gọi tờ Hợp-Lưu ở California là “báo chống cộng tinh-vi.” Bài báo này được khá nhiều báo tại hải-ngoại đăng lại nguyên văn.

Bài báo của Sài-gòn giải-phóng quả là một tấm mẽ-đay cho Hợp-Lưu, nếu không phải là một trò hề chính-trị, kể tung người hứng. Chuyện gì xảy ra đằng sau tấm màn nhung sân-khấu đây?

Điều đáng lưu ý trước nhất, là xưa nay nhà nước CS chưa hề bao giờ dùng hai chữ “chống Cộng” để gọi những người không chấp-nhận xã-hội chủ-nghĩa. Đối với họ, xã-hội chủ-nghĩa bao giờ cũng bách chiến bách thắng, là thành trì vô sản, tượng trưng cho cuộc cách-mạng ngoan-cường. Vì cộng-sản bao giờ cũng đúng nên không ai chống. Chỉ có những thế-lực phản-động và bọn tư-bản thâm độc là không ưa. Khi đề-cập đến bọn này, CS không dùng chữ “chống cộng”. Ngôn-ngữ do ban Tư-tưởng Trung-tương Đảng đề ra để gọi những người ấy là “phần-tử phản-động”, “bọn phản cách-mạng”.

Phản-động và phản-cách-mạng chia ra nhiều hạng. Hạng nguy-hiểm nhất thì gọi là “phần-tử phản-cách-mạng cực-kỳ thâm-độc.” Đây là lần đầu-tiên cán-bộ Đảng dùng chữ “chống Cộng” để gán cho Hợp-Lưu, một tờ báo đã công-khai nói ra việc họ xin in sách để chứng-tỏ là Đảng có giao-lưu văn-hóa thực-sự.

Kế tiếp là tinh-từ “tinh-vi.” Tinh-vi có hàm ý tốt. Không ai bảo “thằng đó chửi cha tao một cách... tinh-vi.”

Ghép hai chữ “tinh-vi” vào “chống Cộng”, thành “chống Cộng tinh-vi”, rõ ràng là một lời khen, một tấm huân-chương.

Phải chăng nhà nước CSVN bày trò xảo-quyệt, gán huân-chương, đeo mặt nạ, đánh bóng Hợp-Lưu để chuẩn-bị giao-phó công-tác “báo-chí đối-lập” tại hải-ngoại?

Nếu quả vậy thì gian mà không ngoan, chiếc huân-chương “chống Cộng” ấy đã bị Đảng gán ngược, phơi cái mặt trái trơ-trẽn ra ngoài!

Tự-do ban phát, Phản-kháng giạt dây

Nguyễn Thạch Đàn
(Texas, Hoa kỳ)

Nhân dịp nghe tin ca sĩ Hương Lan về Việt Nam hát, qua đài Little Saigon trực tiếp truyền thanh về Houston, tôi xin có vài ý kiến như sau:

- Ca sĩ Hương Lan xác định là cô phải hát trước một nhóm người (?) để kiểm duyệt trước khi được hát trước đồng bào. Thế ra người dân ở thiên đàng xã hội chủ nghĩa khi nghe nhạc cũng đã chịu thanh lọc rồi, quý bạn ạ! Chỉ một yếu tố đó thôi cũng đủ thấy thực chất của cái “tự do” mà nhà nước đang quảng-cáo rầm-rĩ: thứ “tự-do” có ... kiểm-đuyệt.

- Nhìn lại thời trước 1975, phong trào thanh niên sinh viên học sinh “Hát cho đồng bào tôi nghe” (do CS

giạt dây) có xin phép ai đâu, cứ tổ chức và xuống đường là hát được rồi. Còn đồng bào có thích nghe hay muốn nghe lại là chuyện khác. Bộ Thông-tin cũng chẳng kiểm soát chi.

- Gần đây thì có “văn học phản kháng”. Nghĩ mà tội cho hai chữ “đồng bào” và “nhân dân”. Lời ca của một bài hát mà nhà nước ta còn muốn “nghe” trước khi cho lọt tới tai nhân dân, hướng chi là tác phẩm và xuất bản. Vậy mà cho tới ngày nay có người vẫn còn phong thánh cho các cán-bộ “phản-kháng”!

Hai chữ tự-do là điều mà người dân Việt sẽ vẫn phải tiếp tục chiến đấu mà giành lại chứ không thể trông đợi nhà nước ban phát được.

Gửi sư đi du-thuyết

Diệu Không
(Sydney, Úc)

Gần đây có một hiện-tượng đáng chú-ý, ngoài việc gửi các khuôn mặt đối-lập cuội ra nước ngoài để chứng-minh là nhà nước VN tôn-trọng dân-chủ, còn có hiện-tượng một số tăng ni đi ra ngoài thuyết-pháp.

Cứ lòng ngay mà nói, tại hải-ngoại với 2 triệu người Việt, hiện đã quá đủ (nếu không nói là quá dư) tăng ni, so với 70 triệu dân trong nước. Muốn truyền-bá đạo pháp, nhà nước nên cho phép tăng ni đi thuyết-pháp ngay trong nước, chứ không cần phải tốn thì giờ, tiền bạc để đưa họ ra ngoại-quốc.

Tôi tin là quý vị tăng-ni thực-sự vì đạo, không ai hưởng-ứng chiến-dịch du-thuyết này, vì làm như vậy là vô-tình giở áo cà-sa cho tà-ma chun vô núp, lấy đó làm bệ phóng để “bắn” tư-tưởng độc-hại vô đầu Phật-tử và đồng-bào. Sẽ không ai dám phản pháo, vì bắn VC lại chính là bắn sư. Ném chuột sợ võ tượng Phật!

Cái kế của Hà-nội, khiêng bàn Phật ra hải-ngoại để rao truyền “dân-chủ tự-do” quả là thâm độc! ●



đầu làng cuối xóm

Mỗ (Làng Văn)

NHỮNG KẺ Ở PHÍA SAU VOI CỦA "ĐỨC ÔNG"

Cán-bộ văn-hóa của Đảng, Diệp Minh Tuyên, trên báo *Sài-gòn giải-phóng* hồi tháng 10 vừa qua, đã rửa mặt rửa mũi cho báo *Hợp-lưu*, tờ báo nổi tiếng ... thối nhờ chủ-trương theo đuôi vận-động "hòa-hợp hòa giải" cho cộng-sản.

Hợp-lưu in hai tháng một kỳ, đến nay đã ra được 18 số, tức 3 năm. Trong 18 số báo của 3 năm trời rông-rã, cán-bộ Đảng soi kính hiển-vi tìm kiếm và sao lục ra được tới... bốn đoạn có tính-cách "chống Cộng" và kết-luận rằng *Hợp-lưu* chống Cộng kiểu mới, "tinh vi" hơn những người chống Cộng kiểu cũ.

Họ Diệp cố-tình lờ đi hàng chục bài báo *Hợp-lưu* lăng-mạ khối người Việt quốc-gia tại hải-ngoại, gọi giới cựu quân-nhân và thành-phần H.O. là "những hình nộm rần-rỉ", gán cho những người biểu-tình chống Cộng

là bọn vô công rồi nghề, đi biểu tình để kiếm năm, mười đồng; gọi các em sinh-viên đang đàn chát-vấn cán-bộ du-thuyết của VC, là những kẻ "nô-lệ có căn-tính."

Về việc tự nguyện làm tay sai cho Cộng-sản, trên báo *Hợp-lưu* số 16, qua bài *Bạch-hóa*, Khánh Trường (người chủ-trương *Hợp-lưu*) cho thấy anh ta đã nhiều lần xin đầu lưng với CSVN để hóa giải cộng-đồng người Việt quốc-gia tại hải-ngoại. Anh ta đã công-khai-hóa việc anh ta ôm chân cán-bộ Hoàng Lại Giang (nhà xuất-bản Văn-học Hà-nội), van-xin thăm-thiết để được xuất-bản tại Việt-nam một tuyển-tập gọi là "văn-chương hải-ngoại".

Khánh Trường nói rõ mục-đích của anh ta: "vì đó là **VŨ-KHÍ DUY NHẤT** của chúng tôi, nhằm đối đầu với các thế-lực cực-đoan ở hải-ngoại, mà cũng là **VŨ-KHÍ DUY NHẤT** của các anh (tức VC) nhằm hóa-giải được rất nhiều định-kiến không tốt

về các anh đã ăn sâu, bám rễ trong đầu óc của Việt-kiều hải-ngoại." (trích nguyên-văn, trang 205).

Thật rõ-ràng như một với một là hai, *Hợp-lưu* và "các anh" CSVN cùng sử-dụng chung một thứ **VŨ-KHÍ**, để đối đầu với bọn "cực-đoan hải-ngoại." Khánh Trường đã nói huých-toẹt ra, ai là bạn, ai là thù của *Hợp-lưu*, và một mực xin chung lưng với cộng-sản để chống kẻ thù chung.

Nhưng, khôn thay, trước một kẻ chạy lại thành-tâm van-nài thống-thiết như vậy, đảng và nhà nước Việt-nam vẫn lạnh-lùng "từ-chối".

Nguyên-tắc không dôi-đổi của cộng-sản, là chỉ có những gì do đảng và nhà nước đưa ra mới được công-nhận. Muốn làm văn-nghệ "phản-kháng" cũng phải đúng bài bản. Muốn "giao-lưu văn-hóa" cũng phải có lớp-lang. Báo "*Hợp-lưu*" mua báo xuất-bản trong nước mang về cốp bài đăng phứa-phứa lên cho đầy báo, khỏi phải trả tiền nhuận-bút, nhà nước VC có thể bỏ qua, nhiều khi còn khuyến-khích, vì nó phù-hợp với chủ-trương "giao-lưu" theo... chiêu ra của Đảng. Còn chiêu vào, khi cần biểu-diễn tí-ti cho ra vẻ dân-chủ, vừa lừa hải-ngoại, vừa bịp quốc-nội, Đảng đã có Ủy ban Việt-kiều trung-ương và tạp-chí *Quê-hương* lo-liệu, ai khiến mấy chú *Hợp-lưu* thày-lay?

Tất cả những kẻ tự biên tự diễn, dù làm lợi cho Đảng, sau khi qua sông, Đảng vẫn cứ *dám b. vào sông* như thường.

Đại-đức Trí Quang "làm lợi cho cộng-sản" như thế, phá-hoại quốc-gia đến thế, mà vẫn bị cộng-sản cho vào tù, vì ông ta không phải là cán-bộ do Đảng đào-tạo.

Vũ Ngọc Nhạ, mặt ngoài làm tới cố-vấn cho Nguyễn Văn Thiệu, thế mà khi VC chiếm được Sài-gòn, vẫn được thăng chức và ca-ngợi hết lời, vì Nhạ là cán-bộ Đảng.

Cùng một hành-động vượt biên, nếu đăng-ký đi bán chính-thức thì được công-an đưa ra đến tận bãi, còn đi "chui", bị bắt sẽ mang tội "phản-quốc", bị giam đôi ba năm là chuyện

thường...

Qua bài báo trên *Sài-gòn giải-phóng*, Diệp Minh Tuyên đã nhắc lại cho những kẻ tự nguyện “nổi điều” một bài học cay đắng mà Nguyễn Hoàng Huấn đã viết trên báo *Quân-đội nhân-dân* (18.5.1991) sau khi Nhật Tiến và Đỗ Hữu Tài cho in cuốn *Trăm hoa vẫn nở trên quê-hương*, ca-tụng những “anh-hùng phản-kháng”... cuối trong nước.

Huấn khẳng-định, “những kẻ đã từng làm bồi-bút phục-vụ thực-dân mới của Mỹ ở miền Nam trước đây” đừng có lối-bịch đòi “làm bạn đồng-hành” với “những người cầm bút trong nước, từng vào sinh ra tử vì sự sống còn của dân-tộc.”

Thật là nhục-nhà! Muốn đi chung voi với “đức ông”, đánh công không chính, suốt đời chỉ được hót phân!

Tin tức... cười trong tháng

. Trong quyển hồi-ký vừa phát-hành, bà Barbara Bush, nguyên đệ nhất phu-nhân Hoa-kỳ, kể lại chuyện vui bà trao-đổi với Hoàng-đế Hirohito của Nhật khi ông này còn tại-thế. Trong một dạ tiệc tại Đông-kinh, bà Bush gọi chuyện với Hoàng-đế Nhật, hỏi chuyện gì đã xảy ra làm sụp cả cung-điện của hoàng-tộc nhà ông thế kia. Hoàng-đế Nhật-bản đáp tình khô: “Thì chính vì quý vị ném bom chứ ai vô đó!”

Vị đệ nhất phu-nhân Huê-kỳ quên khuấy đi mất là hoàng-gia Nhật từng ăn bom Mỹ trong thời đệ nhị Thế chiến. Sau chiến-tranh, họ sửa-chữa lại một phần, và lưu lại một phần ...làm kỷ-niệm (kiểu Câu-Tiến nằm gai nếm mật). Bà Bush xúi quẩy lắm mới trở đúng cái vết thương cố-tình không băng-bó ấy mà hỏi “cơ sự làm sao?” Kể ra thì cũng tên thật!

. Tòa án Thunder Bay ở Gia-nã-đại đã tuyên-bố tha phạt cho bà Donna Bond, 43 tuổi, một bà mẹ độc-thân, về tội để dành được 22.527 gia-kim (khoảng 16.500 mỹ-kim), trong khi bà đang hưởng trợ cấp xã-

hội. Theo luật Phúc-lợi gia-đình, những người hưởng trợ-cấp xã-hội chỉ được phép để dành tối-đa 6.050 gia-kim mỗi năm. Tuy tha phạt, nhưng tòa cho án treo 6 tháng, và ra

lệnh cho bà Bond phải dạy cho các bà mẹ không chồng khác cách-thức chất-chiu dành-dựm mà bà đã thành-công.

thu tha hương

Xa quê mưa rớt hiên ngoài
Cơn đau còn giữ thương hoài chốn xưa
Nằm nghe tiếng vông buồn đưa
Hồn đau từ độ thu vừa mới sang
Bình nghiêng rượu hết đêm tàn
Điêu hieu cõi mộng bằng hoàng cõi mơ
Lòng buồn từng nhịp nắng mưa
Quê người sao mãi sớm trưa héo sầu
Vườn xưa lá cũng phai màu
Tiếc thương cảnh mọn dải dàu tháng năm.

nguyễn bỉnh lộc

tình thu

Tôi đứng bên bờ thu nước trong
Thời gian vẫn thế, cứ xoay vòng
Tiễn thu năm trước, giờ thu đến
Duyên nợ ân tình chưa trả xong.

Thì thôi, mình cứ đứng bên nhau
Cứ kể cho nhau những nỗi sầu
Em kiếp giang hồ đi bốn hướng
Tôi đời lưu lạc gánh thương đau.

Những chuyện hôm xưa, những chuyện
nay,

Nhiều như xác lá ngổn ngang bay
Như mây u gợn trời tâm tưởng
Xin kể cho nhau những đắng cay.

Trông kia, hồ biếc vẫn mênh mông
Vẫn đợi em soi tấm áo hồng
Tháng Mười, đúng hẹn, rừng phong đỏ
Cuốn lịch đời tôi cũng sắp xong.

Tâm sự rồi mai em sẽ đi
Tôi về gói ghém tuổi xuân thì
Món quà lưu niệm dâng tri kỷ,
Mỗi cuộc tao phùng, mỗi biệt ly.

b.h.t.

nói với bầy cá mùa thu

ngủ đi em, tuyết rụng đầy
qua cơn rét mướt
lại bầy xuân tươi
tàn đông sáng rọi bên trời
câu ca hạnh ngộ
tặng người dưới băng.

cung vũ

cảm ơn

Cảm ơn em
những nụ cười
Cảm ơn em
quãng đời đầy mộng mơ
Cảm ơn em
những vần thơ
Cảm ơn em
cả hững hờ hôm nay.

thiên di

gian nan

hồn bầm
tim toé máu tươi
chiều nay
Chúa bước xuống đời hân hoan
dấu dính thuở gánh tội trần
còn thơm tội lỗi ân cần cõi ta

bé ơi
vết cắn ngọc ngà
bầm gan
nát ruột
tím da
kiếp này.

hoàng chính

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:	70\$ (máy bay); 50\$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không: 70 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ: 50 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không: 80 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy: 50 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:

- GK: giá-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 35 bảng / hàng-không 60 bảng.
Bỉ:	đường thủy 1777 quan / hàng-không 2800 quan
Đan-mạch:	đường thủy 400 đan-kim / hàng-không 550 đan kim
Đức:	đường thủy 95 đức mã / hàng-không 150 đức mã.
Hòa-lan:	đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.
Na-uy:	đường thủy 400 krone / hàng-không 600 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 5500 yen / hàng-không 9000 yen
Pháp:	đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.
Úc:	đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quí độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Đan-mạch
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Bà Đặng Văn Nhâm
Postfach 104122	C/o Nguyễn Châu Tùng	Hallandsparken 150
44041 Dortmund	Ulsholtbvn 14	2630 H. Taastrup
(ĐT: 656-949)	1053 Oslo	Denmark
	(ĐT: 047-22-302562)	(ĐT: 45-43-71-31-87)
Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:	
Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc	
Lyster 77	P.O. Box 225	
1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177	
(ĐT: 02290-31666)	(ĐT: 02-823-6129)	

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "U", Tcronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VN Lab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự-thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

CÁO LỖI

1) Báo số 123, ấn-bản Montréal: có một số bị đóng thiếu trang, hoặc trùng trang; tòa soạn đã gửi bù theo yêu-cầu. Xin tạ lỗi về tai-nạn kỹ-thuật này.

2) Số 124, tháng 12.1994 và số Xuân, tháng 1.1995:

Hai số báo này đến tay bạn đọc trễ hơn thường lệ khoảng một tuần đến mười ngày, do ảnh-hưởng từ bưu-điện ứ-đọng trong dịp lễ Giáng-sinh. Kính mong quý độc-giả lượng-thứ.

NHẮN CHUNG

1) *Tự truyện Gandhi:*

Quý vị độc giả nào đã mua cuốn *Tự truyện Gandhi* bị thiếu một số trang chót, xin gửi về tòa soạn đổi cuốn khác. Thông-báo này có giá-trị trong 6 tháng, từ 1.12.1994 đến 1.5.1995.

2) *Xin ghi tên quốc-gia:*

Quý độc giả mới, xin ghi đầy đủ tên quốc gia trong địa chỉ gửi báo (nhất là các nước Âu-châu) để tránh thất-lạc vì tòa-soạn có thể nhầm-lẫn trong lúc cho đủ-kiện vào hệ-thống vi-tính.

3) *Sách đã quảng cáo, chưa in xong:*

Có một số tựa sách đã quảng cáo trong Thư Mục 1994 1995 nhưng chưa in xong. Tòa soạn sẽ lưu hồ sơ và gửi ngay cho quý độc giả khi sách về đến tòa soạn:



- *Nhìn lại một thập niên* (Nguyễn Ngọc Ngạn).

- Các tuyển tập *Trông vời quê cũ* (Nam, Bắc).

- *Tuyển tập truyện ngắn giải Văn học nghệ thuật Làng Văn 1992.*

Xin kính cáo lỗi cùng quý độc giả. Sau khi in xong, tòa soạn sẽ đăng quảng cáo trên báo.

4) *Xin gửi ảnh và tiểu sử:*

Quý vị có bài đăng trên *Làng Văn* từ 1984 đến nay, dù thường xuyên hay không, xin gửi ảnh và tiểu sử về tòa soạn để đăng vào đặc phẩm *Mười năm Làng Văn*, phát hành đầu năm 1995.

NHỜ CHUNG

Tòa-soạn cần tìm hai tài liệu sau, xin quý bạn đọc xa gần nếu biết, xin vui lòng mách cho, xin vạn tạ:

- Cuốn *The Future of Humanity* của Krishnamurti.

- Bài thơ *Màu dân-chủ* của Quách Thoại (mở đầu: *Ta ngưỡng mộ hôm nay trời lý-tưởng, Ngát màu xanh xanh thắm của yêu thương...*)

BÁO BỊ TRẢ VỀ:

Trong tháng qua, tòa soạn nhận một số báo trả về. Xin quý độc giả có tên sau đây liên-lạc gấp để cập-nhật địa-chỉ mới; tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại:

Nguyễn Tăng Đang (St. Laurent),
Ung Thị Mai (Đan mạch), Cánh én
(Đức), Tuấn Đặng Tang (MS 3087,

Mỹ), Vinh An Nguyễn (MS 2959, Mỹ); Hoàng Kim, Montréal); Vương Thu Ma (CA, Mỹ).

Ông Ngô Văn Luận, Nam Dương: Những điều ông thấy, không tốt đâu. (Giữa ban ngày, thấy chim đỗ từ trên mình bay ra, thần tiên giáng thế làm vũ-trụ xoay ngược, Địa tạng vương hiện hình, v.v.) Những ảo-giác đó do việc chặn các mạch máu lên óc mà ra. Nên chấm dứt phương pháp nguy hiểm ấy để tránh hại óc, có thể gây ra hôn mê vĩnh viễn.

Thi sĩ Lâm Thúy, MD: Giữa đời sống tất bật này mà còn làm thơ được (mà lại hay) như bạn, thật quý! Bài thơ năm chữ bắt đầu bằng câu "*Ta như hoa hướng dương*" chưa có tựa. Xin đặt tựa và gửi qua. Đừng nhờ NH, nó sẽ có ngay một cái tên là... *Không đề!* Thân.

Bé Lê Như Nguyễn, San Jose: Bé mới chín tuổi mà đã có lòng tốt như vậy, hay lắm. Tuy nhiên mười đồng bé gửi bác Nguyễn Chí Thiện để "mua cà-phê uống, lấy hứng làm thơ" cho bé đọc, cô không chuyển được.

Trước đây, Văn Bút Ontario nhờ sứ-quán Gia-nã-đại chuyển cho nhà thơ một món tiền nhưng không tới. Cô gửi lại bé chi-phiếu mười đồng, chúc bé học chữ Việt càng ngày càng tiến. Bác Nguyễn Chí Thiện biết cháu học giỏi, bác cũng sẽ vui và làm thơ hay hơn. Thương.

Lộc Quy, Hoa Kỳ: Quả thật là hai năm rồi không đi trại hè, nhớ các cháu và không khí trại lắm chứ. Nhưng, không biết năm tới có đi được không. Hứa xa quá lỡ không làm được, các cháu phong chúc Nữ vương... lèo cho cô, kỳ chết.

Này, hỏi nhỏ: "*Bao giờ em lấy chồng?*" Thân.

Nhà văn Việt Thao, San Jose: Cảm ơn ông đã gửi tiểu sử. Đúng lúc lắm. Kính.

Thi sĩ Băng Đình, KS: Họa sĩ chính của *Làng Văn* cũng là cựu trung tá Không quân, nhưng không phải là ông Nghi Cao-Nguyên.

Cảm ơn ông về các bài thơ chuyển. Kính.

Nhà văn Xuân Vũ, Hoa Kỳ: Đã gửi địa chỉ LAVAS cho ông. Địa chỉ này đăng mỗi kỳ ngay trong phần *Tin Tị nạn*. Cảm ơn ông về bài viết và sự tin cậy. Kính.

Bà Ứng Thị Mai, Đan Mạch: Cuốn *Nhìn lại một thập niên* chưa in xong, vì tác giả chưa viết xong phần thêm. Đã gửi trái phiếu cùng với sách ngày 20.9, xin bà xem lại. Kính.

Thi sĩ Nguyễn Bảy Lộc, Emporia: *Chiều lưu lạc* không thất lạc, chỉ chậm tí thôi. Kính.

Thi sĩ Nguyễn Hữu Nhật, Na-uy: Đã nhận được sách *Na Uy và (nhà) tôi*, cảm ơn anh chị. Tuy nhiên, chưa thể phát hành được vì không biết giá. Lật cả trang trước trang sau bìa trong bìa ngoài, xem kỹ thư kèm, lục cả thư cũ, đều không thấy giá. Xin anh chị viết thêm cho vài chữ. Thân kính.

BS Nguyễn Thị Nhuận, CA: Cảm ơn chị đã gửi cho tập chương trình *Đêm Ngàn khơi*, in rất đẹp, bên trong có nhiều tài liệu hình ảnh đáng giữ. Tiếc vì tin đến trễ quá (tin tháng 10, bây giờ là báo tháng 12) nên không “xào nấu” kịp. Lần sau, xin gửi bằng “fax” ngay cho, khi có tin.

Ngoài ra, nếu tiện, xin bà Giám đốc gửi cho một cuốn băng hình thu *Đêm Ngàn khơi* để làm tài liệu. Bếp Mập NHN muốn nghe lại giọng Alto Nguyễn Thị Nhuận xem có còn sót lại chút nào “chất” du ca Mùa Xuân không. Mong.

Nguyễn Linh Giang, Paris: Cảm ơn cháu về các bức ảnh. Đẹp đấy, nhưng chưa được. Nên tìm sách ảnh nghệ thuật để đọc thêm. Gắng lên!

Anh Phạm Vũ Dũng, Winnipeg: Thực tình thì bài vở gửi về làng, phần lớn đều có giá trị cao, nhưng không đăng hết được vì trang báo có hạn, tòa soạn phải chọn những bài đáp ứng được một số nhu cầu nào đó (thời gian, chủ đề, v.v.) Tòa soạn luôn luôn nhắc các bạn mới, nếu không được chọn, đừng nản, hãy gửi cho các báo khác, và khi nào có bài hết sức ưng ý, hãy “thử” lại với *Làng Văn*.

Sau 1992, *Làng Văn* tạm ngưng tổ chức giải Văn học nghệ thuật vì công việc tòa soạn quá đa đoan, phần khác vì ngân sách thiếu hụt vì phải chi di nhiều vụ khác (chuyển lửa về quê hương, gửi báo cho đồng bào tị nạn, v.v.) Khi tình hình kinh tế khá hơn, tòa soạn sẽ tiếp tục tổ chức lại giải này.

Hiện nay, không còn chỗ cho các trang ca-nhạc.

Các bài dịch cũng đã khá nhiều. Tuy nhiên, nếu anh thấy “được”, cứ gửi. Kèm theo mỗi bài dịch nên có tiểu sử của tác giả, và nếu có thể, nói qua về hoàn cảnh sáng tác.

Thư cho ông Tự Tình, anh cứ gửi về tòa soạn, NH sẽ chuyển.

Anh Phan Thanh Khiết, Na Uy: Cảm ơn anh đã mách cho địa chỉ thư viện trong vùng. NH sẽ thử.

Nguyễn Ngọc Dung, BC: Muốn tìm các tài liệu ấy, xin bạn liên lạc: Ông Phạm Duy Tuệ, Hội Người Việt Toronto, 1364 Dundas St. West, Toronto, Ontario. Chúc bạn toại ý.

Nguyễn Khanh, Na Uy: Quả thật, “bài sẽ đăng”, chắc chắn “sẽ đăng.” Các bài thơ được chọn của Nguyễn Khanh đã được xếp chữ và chuyển cho ông Bếp từ ...nửa năm trước, chỉ chờ có chỗ thích hợp là mang ra trình làng ngay. Đừng sốt ruột nghe!

Ngô công tử, Đức: Đồng ý, trong số văn thi-sĩ, rất nhiều người thật dễ mến nhưng cũng có một số thật “bệnh hoạn tâm lý”. Có vậy, mới là

đời sống chứ. *C'est la vie!* Khi nào đảo cái lượng số “một số” ấy lên trước, thay cho “rất nhiều người”, tui mình sẽ kiếm nghề khác làm ăn. Đồng ý? Thân.

Anh Trương Phước Hưng, Đức: Về tài liệu Nguyễn An, xin anh viết thư cho GS Zeng Sen, tòa soạn sẽ chuyển hộ.

Thi sĩ Phan Thịnh, CA: Đã nhận được sách, cảm ơn anh, sẽ giới thiệu trên số tới. Không có *Trình thử*. Chờ đón xa giá của Phan công tử và “bề trên”. Thân.

Thi sĩ Cao Tiêu, Cam thành: Cảm ơn thi sĩ về bài thơ *Cổ tích* cho số Xuân. Sẽ xem và sửa lại phần tiểu sử theo yêu cầu. Kính.

Thi sĩ Bùi Hữu Trí, SD: Anh không khai hết, nhưng NH cũng đoán lờ mờ. Thôi thì *sau cơn mưa trời lại sáng*. Mọi việc sẽ lại đầu vào đầy mà. Thân.

Ông Nguyễn Hùng Nhân, Úc: Tòa soạn chỉ miễn phí cho đồng bào tại các trại khi cần *Nhắn tin tị nạn*. Đối với các đồng bào đã định cư tại hải ngoại, xin vui lòng thi hành “nghĩa vụ” đóng góp chi phí. Tòa soạn rất cần tiền để lo giúp những người đi sau. Xin thông cảm và, đa tạ!

Hoàng Nga, Đức: Đã nhận được cái chuyện buồn cho báo Xuân. Quả tình, tết lưu vong, *vui là vui gương*, còn buồn thì cứ nấu ruột ra.

Cố gắng lên, bạn nhỏ! NH đặt kỳ vọng ở bạn đấy, đừng “cảm thấy mình nhỏ bé” nữa! Thân.

Nguyễn Thị Kim Vinh, Montréal: Đã chuyển câu hỏi của cháu đến tác giả bài mè xúng. Về chữ “bánh khoái” hay “bánh khoái”, theo sự trình bày của cháu và của tác giả, cô nghĩ, cũng chỉ có tính cách suy luận mà thôi, chưa thể khẳng định. Có người bảo, *khoái là nhanh*.

Bánh khoái là loại bánh làm nhanh, ăn nhanh. Lại thêm một suy luận nữa!

Thi sĩ Vạn Lam, Montréal: Cảm ơn ông về các bài thơ, cả sáng tác lẫn bài dịch. Quả thật, thơ dịch mỗi năm chỉ đăng đôi lần, thường vào dịp tết. Người đọc thơ cổ ngày càng thưa vắng. Lớp độc giả mới, họ đọc thông chữ Việt là đã mừng rồi, nói chi cổ thi! Kính.

Anh Thảo Nguyên, Hương Cảng: Vụ ông Tổng thống đầu hàng gia nhập “Mặt Trận Tổ-quốc” có vẻ là tin vịt. Bên ngoài này không ai biết. Nhưng, có ai đưa dấm tinh thần vào mấy con hạc gỗ ấy bao giờ! Nó rã mục hay... vỗ cánh bay thì đã sao? Thân.

Hoàng Như Phương Bối, Lethbridge: Gửi biếu ông hai số 117, 118. Lệ thường, khi đăng thơ, tòa soạn gửi biếu số báo có bài, ngoại trừ trường hợp không tìm ra địa chỉ.

Cảm ơn ông đã mách cho địa chỉ thư viện địa phương. Tại Gia-nã-đại hình như không có hai tổng hội ông hỏi. Riêng cựu quân nhân thì hầu hết thành phố lớn nào cũng có, và họp thành liên hội.

Nguyễn Thạch Đàn, TX: Sẽ đăng thư em vào mục *Diễn đàn*. Công việc và gia đình lúc này ra sao? Mong tin.

Nhà văn Hoàng Chính, Kitchener: Xuân thái bình sẽ đăng. Bài vẫn còn nguyên, không mất đâu. Chuyện quà cáp lặt vặt, đừng quá bận tâm. Anh em văn nghệ gặp nhau là vui rồi. Thân.

Nhà văn Bùi Tinh, Bỉ: Không lạc đâu. Văn phòng bên Đức đang lúng túng vì hai điều: quỹ hơi hụt, và chưa biết chuyển cách nào. Tòa soạn đang tìm cách giải quyết, xin anh nán đợi. Thân.

Nhạc sĩ Lê Dinh, Montréal: Ông gửi thư mời về hộp thư cũ nên đến tòa soạn đúng hai ngày sau khi báo *Nghệ Thuật* đã ra mắt xong. Xin chúc muộn vậy! Kính.

Nhạc sĩ Vy Hùng, Montréal: Cái ảnh chụp cây đàn ghi-ta trên tấm nhung đỏ, lộng lẫy như một tấm bưu thiếp, sao không in thành bưu thiếp hay thiếp Giáng sinh?

Các ô nhỏ quảng cáo trên bìa 2 Montréal đã hết. Sẽ chuyển qua bìa 3, bắt đầu từ số Xuân. Thân.

Bà Già Trầu, Troyes: Đang làm bìa cho *Bãi gió cồn trắng*. Bìa *Đêm xanh huyền hoặc* in xong rồi, chỉ còn chờ in ruột. Trông “huyền hoặc” lắm, bắt mắt hơn *Tạp chủng* đấy!

Về bản dịch *Dạ vũ thu đăng*, xin lão thái nhân Bạch Phát tú tài gửi cho xem thử một đoạn rồi mới dám trả lời. Thân.

Ác bà bà, CA: Nhóm chữ “thiên tài bạc hạnh” NH dùng trên mấy số trước không có ý ám chỉ ông thi sĩ đa tình, xin bà bà yên tâm. Cảm ơn đã cho đọc bản sao thư gửi bạn. Đọc xong, NH cảm thấy mình sao... già quá!

Thi sĩ Trần Văn Lệ, CA: Đã nhận được thiếp xuân con heo 1995. Thi sĩ quả là vô địch chạy nước rút! Đa tạ.

Việt Kulli, Nga: Muốn “trả nợ” cho làng, em nhân danh độc giả *Làng Văn*, rán dốc sức giúp xây dựng Làng Việt Nam bên ấy. Đó là điều mà anh em bên này muốn mà chưa làm được, em hãy làm thay phần nào. Đó cách tốt nhất để “đền ơn đáp nghĩa”, nếu thực tình cảm thấy nợ nần nhau. Về việc “Mạc-tư-khoa, Mác-xơ-va, Moscou hay Moscow...” chị đã chuyển cho cụ Bút Chì. Thân.

Thi sĩ Tuệ Nga, CA: Đã nhận được thơ và tem, xin cảm ơn chị. Mùa thu năm nay quả dài thật. Thà

vào đông hân, tuyết phủ đầy trời, lại bớt ảm đạm hơn! Mong có dịp gặp lại chị và cháu. Thân kính.

Nhà văn Đặng Trần Huân, CA: Đã gửi kèm địa chỉ bà bạn văn của cô ông, kèm trong phong bì gửi báo. Kính.

Phạm Th. Châu, VA: Truyện được, kết hay, đề nghị đọc lại và tóm lược các chi-tiết rườm rà rồi cho NH xem lại. Mong.

Vũ Hoàng Hải, Thái Lan: Đã nhận được các bài thơ. Chúc em khoẻ mạnh và may mắn.

Nguyễn Hoàn Nguyên, Hòa Lan: Đã nhận được hai bản tiểu sử củ anh và của NLHH. Xin cảm ơn. Chúc nhà xuất bản mới phát triển mạnh.

Thi sĩ Chi Điền Hoàng Duy Từ, Hoa Kỳ: Cảm ơn ông về bài giới thiệu. Nếu đăng, tòa soạn sẽ gửi báo biếu. Kính.

Nhà văn Phan Lạc Tiếp, Dan Diego: Đã nhận được tem thư, cảm ơn ông. Cũng cảm ơn ông cho biết “*Nguyễn Phong nổi tiếng tại quê nhà còn hơn ở hải ngoại.*” khiến NH được vui lây. Không phải chỉ vì người làng nổi tiếng, mà còn vì những điều tác giả muốn gửi gắm, đã được đón nhận ân cần. Mặt khác, để “đáp lại” chiến dịch giao lưu chỉ có chiều ra, ít ra phe ta cũng đã đánh thông được chiều vào một cách đường hoàng mà không phải quỵ lụy van xin kẻ mạnh! Vui chứ!

Nhà văn Phùng Nhân, Úc: Tòa soạn không đọc được Việt chương “VN Key”. Xin anh gửi cho đĩa khác viết bằng VN Lab hoặc VNI, và xin nhớ kèm bài đã được in ra. Đa tạ.

Nữ sĩ Vân Nương, Pháp: Đã tìm đủ tài liệu để làm sáng tỏ vụ “Thế Nhật” dựng đứng chuyện “*TTKH Nàng là ai?*” để mưu lợi bất chính.

NH tin rằng những người lương thiện ở hải ngoại sẽ không nhận in, phát hành mớ giấy lộn văn học này. Kính.

Thiên Di, Thái Lan: Muốn tránh kiểm duyệt khi gửi thư từ Việt Nam sang *Làng Văn*, em có thể dùng địa chỉ các văn phòng đại diện tại các nước khác ngoài Gia Nã Đại. Thư sẽ đến muộn khoảng một tuần, nhưng an toàn hơn. Chúc em may mắn.

Nhà văn Hồng Huy, Winnipeg: Món quà cưới đã in xong bìa. Phần ruột và đóng gáy sẽ xong sau Giáng sinh, trước Tết.

Số Xuân sẽ in vào giữa tháng 12.94. Bài xuân xin bỏ vào thùng thư trước ngày 5.12 mới kịp. Trễ hơn, sẽ phải xếp vào số tân niên, in vào giữa tháng 1.1995.

Tòa soạn không đọc được Việt chương Việt Vũ. Việt chương VNU có một số khuyết điểm (một số nguyên âm viết hoa, khi thêm dấu sẽ trở thành chữ thường), hiện tòa soạn vẫn phải dùng tạm như vậy, chịu tổn thêm chút công đổi dạng cho riêng chữ ấy từ thường thành hoa.

Đĩa nhỏ "đi đường" an toàn hơn đĩa lớn, chỉ cần gói kỹ một chút. Kính.

Tiểu Thu, Montréal: Cảm ơn bạn hiền đã góp tem chuyển lửa. Bước sang tuổi vàng là một niềm vui lớn, sao lại "thở dài áo nã." Ở tuổi này mà mang ba-lô ngược, mới thật là xui tận mạng, chớ đại! Cứ tính đến lúc cụ bà bảy mươi mấy rồi mà con cái vẫn chưa xong đại học, chưa yên bề gia thất, chắc cụ khó mà an hưởng tuổi già.

Muốn học thêm từ bà, cứ học, chả ai tóm cụ bà về nước... cống Hồ đâu, bảo ông đốc đừng có lo. Thân.

Ông Nguyễn Khắc Thế, MA: Đã gửi *Ngọc sáng trong hoa sen* từ 26.9, xin ông xem lại. Kính.

Bà Madeleine Huỳnh, Úc: Sách gửi ngày 10.9, đi đường thủy, khoảng

10.12 sẽ đến Úc, xin bà yên tâm chờ. Kính.

Ông Trần Tiến, Hương Cảng: Ông đặt vấn đề: "*Trước sau, Làng Văn vẫn là trụ cột, là lực lượng tiên phong với sự cống hiến đầy sáng tạo nghệ thuật trong tiến trình Dân chủ hóa nước nhà, và truyền bá ý thức hệ nhằm tháo gỡ tai họa cộng sản; vậy nếu vẫn giữ tên "Làng Văn", liệu có bị bó hẹp trong một phạm-vi không?*"

Thực tình, là không. *Làng Văn* (hay *Văn-xã*, theo Hán Việt, và Writers' Circle, theo Anh văn) là một tập hợp của văn nghệ sĩ. Dưới tôn chỉ *văn dĩ tải đạo* in ngoài bìa, làm nền cho từng số báo, người làng biết mình là ai, và phải làm gì. Chúng ta (tòa soạn, cộng tác viên và bạn đọc) mặc nhiên đồng ý với nhau rằng, văn nghệ sĩ trước hết là một *con người* (hiểu theo nghĩa cao đẹp nhất của nó) trong cộng đồng nhân loại, là *công dân* trong một nước (có bốn phận và nghĩa vụ đối với quốc dân), và thêm vào đó, có *chức năng nghệ sĩ* để giúp mình hoàn thành đạo làm người và bốn phận công dân.

Văn nghệ sĩ không phải một loại "siêu nhân", có quyền đứng trên hay tự tách rời ra khỏi xã hội. Văn nghệ sĩ phải là một thành phần của xã hội. Văn nghệ sĩ chỉ khác người khác, là họ có tài năng và dùng tài năng ấy để làm cho xã hội tốt hơn, đẹp hơn.

Do những quan niệm trên, *người Làng Văn* không nhất thiết chỉ được nói chuyện văn chương. Họ cũng có đầy đủ bốn phận như tất cả mọi người, và văn chương là một khả năng giúp họ thi hành bốn phận ấy một cách hiệu quả hơn. Thế thôi.

Chúc anh may mắn, và sớm nhận được gói báo đang bị giữ, chờ kiểm duyệt. Kính.

Bạn Tăng Sở Dương, Hương Cảng: Xin nhờ địa chỉ người khác để nhận báo. Tên bạn vô sổ xám của Hương Cảng rồi, bao nhiêu báo chí, sách vở gửi sang đều bị câu lưu hết.

Tòa soạn có dùng một bức ảnh của bạn, in trong cuốn sách *Những*

điểm nóng trên thế giới sau chiến tranh lạnh. Sẽ gửi sách biểu sang, khi có địa chỉ mới.

(Xin nhờ quý thân hữu của Tăng Sở Dương trong trại chuyển hộ tin này đến đương sự. Đa tạ).

Ông Lê Văn Hà, Georgia: Cảm ơn ông về phần tin, sẽ khai thác. Kính.

Ký giả Phan Hoàn Sinh, TX: NH giữ lại chi phiếu, chưa đăng quảng cáo cho cuốn *Chuyện tình TTKH, Chàng và nàng là ai?* (Phan Hoàn Sinh biên soạn). Sẽ liên lạc với ông, để chắc chắn rằng cuốn sách ông quảng cáo không căn cứ trên tài liệu sai lạc của "Thế Nhật" trong "vụ án văn học Văn Nương" đăng trong số này. Kính.

Thi sĩ Lê Dã Sử, Phần Lan: Cảm ơn anh đã báo tin về hai bài thơ ấy. NH sẽ xem lại, và để qua một bên, nếu có trong thùng "bài sẽ đăng" để tránh in trùng. Kính.

Bà Trần Thanh Trúc, Hòa Lan: Đã gửi báo từ lâu. Nếu vẫn chưa nhận được, xin cho biết. Kính.

Ông Trúc Sơn, Nhật: Xe bị đụng bẹp dí chỉ còn một mẫu mà tài xế Trúc Sơn vẫn cứ y nguyên một miếng (chỉ nằm bệnh viện hai năm) thì quả phúc lộc đôi dào thật.

Đã gửi sách *Trông vời quê cũ* (miền Trung) và một năm báo làm quà. Chúc ông chóng viết lại được, và viết còn hay hơn trước, sau một thời gian dài tịnh dưỡng. Kính.

Anh Khổng Trọng Hình, CA: Đã nhận được phần đầu loạt bài Phong thủy. Trông chuyên nghiệp lắm. Anh có định đổi nghề không đấy? Xin anh cho xem nốt đoạn cuối sau khi xong. Thân.

Thi sĩ Hoài Việt, Phi Luật Tân: Đã nhận được các bài thơ mới. Cảm ơn anh. Có "dự định văn nghệ" nào định làm, nên làm ngay trong những

ngày đợi danh sách lên máy bay. Sang tới nước thứ ba là đầu tắt mặt tối ngay, ít nhất trong hai, ba năm đầu không làm gì được đâu. Thân.

Nhà văn Việt Tiến, Toronto: Không đọc được VN Key. Anh tìm cách chuyển sang VNI hoặc VNU và cho tòa soạn đĩa khác nhé. Thân chúc thành công trong chương trình phát thanh.

Anh nhờ, thì NH chuyển lời khen và thăm hỏi của anh đến Nguyễn Văn Thông, Lưu Hải Sơn, Nguyễn Mạnh An Dân, Trương Mỹ Vân và Ngô Nguyên Dũng, ngay tại đây cho nó... nhanh. Thân.

Thi sĩ Võ Hữu Quyền, WA: Đồng ý để *Góp gió* trích đăng tin tức, thời sự và các bài viết có chiến đấu tính trên *Làng Văn*, theo thể-lệ ghi trong "lệ làng." Khi có bài trích, xin anh gửi cho tòa soạn một số để lưu chiếu.

Chúc anh và các anh em cùng chí hướng chóng góp đủ gió, làm thành bão lớn để cuốn phăng chế độ độc tài đảng trị CSVN cho dân tộc Việt (và cả thế giới) được nhờ. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Phạm Thị Châu, Phùng Nhân (4), Phạm Vũ Dũng (2), Thảo Nguyên, Xuân Vũ, Diên Khánh, Hồng Huy, Hoàng Nga (2), Băng Đình, Nguyễn Việt, Hà Tiên, Phạm Đình Chính, Trần Công Tuyền, Phan Thịnh (2), Mai Anh.

Thơ: Vạn Lam (5), Thảo Nguyên (6), Xuân Đài (10), Huỳnh Liễu Ngạn (3), Vân Nương (2), An Hà (2), Thiên Di (3), Đan Hà (5), Vạn Giả (2), Anh Hạ (3), Lâm Thúy (5), Lê Dã Sử (2), Phan Long Yên (2), Trần Thạch Thảo (4), Hàn Giang, Trần Văn Lệ (12), Hoàng Như Phương Bối (4), Bạch Dương (2), Sử Khắc Hoàn (2), Nguyễn Văn Cường (3), Hoài Việt (5), Cao Tiêu (2), Thanh Thủy, Phạm Anh Tuấn (4),

Anh Hoa (3), Lê Phụng An, Nguyễn Tuấn Sơn (2), Nguyễn Khanh (2), Trương Ái Minh (2), Tuệ Nga (2), Kha Huyền, Đặng Thị Quế Phượng, Cao Hoàng Nhân, Nam Chi Thượng Nhân (2), Nguyễn Bảy Lộc (3), B.H.T. (7), Trần Tiến (3).

Ảnh: Cổ Ngư.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Bóng mát (NV), Ngọc và đá.. hậu (BD), Hội nhập, Một đời không cùng (HN), Tết, con heo và... (DK), Nhân dịp đầu năm (HH), Đọc GTVV (XV).

Thơ: Mấy đóa trăm kha (AH), Em bé nghèo, Biệt thự bên đường, Chị công nhân... (HV), Một ngày trong đời, Thu trên phố cũ, Bi quan (BHT), Đợi (NBL), Xuân tha hương (TAM), Tâm cảnh (ĐTQP), Đã bao lần sắp Tết (KH), Biển nhớ (TN), Xin chiều đừng qua, Dài những mùa đông (NK), Tà áo xuân (TTT), Từ một góc rừng (LPA), Màu trời đang say, Xuất hành (NVC), Em, gọi chim (HNPB), Hẹn, Đường mai (VG), Ý cũ, Ôi xuân, Khai bút (TVL), Còn gì nữa đây anh (PLY), Thân phận, Canh bạc, Nghi vấn

(LT), Hong nằng (TD), Sao nghe lòng đã xuân, Cuối năm, Qua sông (HLN), Cô gái phương đông, Ước gì (VN), Đường xưa, Khi qua đó, Đêm cuối năm... (VL).

nhắn tin tị-nạn

Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Phạm Thị Nụ, tức Quỳnh, cháu ông Trần Uy Nghi và bà Phạm Thị Bích, trước ở 11 Trần Hoàng Quân, Chợ Lớn, vượt biên năm 1979, đến Mỹ năm 1980, nay ở đâu, xin liên-lạc **Trần Uy Hùng**, PST 1110 House B2/6 Sikiew Camp, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok, 10501 Thailand.

Cựu đại-tá **Nguyễn Hiền Diễm**, tùy-viên quân-sự tại Washington, sang Mỹ tu-nghiệp năm 1971, nay ở đâu, xin vui lòng liên-lạc về: **Đỗ Văn Bon**, số nhà 56/9, ấp 6, xã Tân-thạch, huyện Châu-thành, tỉnh Bến Tre, Việt-nam, rất cần sự giúp-đỡ. Bà con ai biết Đại-tá Diễm, xin vui lòng mách giúo, cảm ơn.

ĐÃ PHÁT-HÀNH

QUA CÁC NỂ ĐƯỜNG QUÊ

Tập truyện của **XUÂN TƯỚC**

Tựa: *Xuân Vũ*; bìa: *Lê Quang Xuân*

- Những nét đặc-thù về đồng quê Nam-kỳ
- Những chuyện thật ly-kỳ về bùa Lỗ Ban, ngải Huyết-nhân, bùa chim Gõ kiến, rắn Vú-nàng, rắn Lục-cườm...
- Những chuyện lý-thú về nếp sống ở nông-thôn với các ông Xã, ông Hương, ông Tổng và nhiều phong-tục của một thời đã qua.

Sách dày 364 trang, giá 14 mỹ-kim

Nhà xuất-bản **Trời Nam**

P.O. Box 1075

Bellaire, TX 77402, U.S.A.

Điện thoại: 713-955-5010

THƯ-MỤC BỔ-TÚC

Sách do Làng Văn phát-hành

(dùng kèm Thư-mục 1994, in trên số 116)

6 bí quyết dưỡng sinh người có tuổi

BS Võ Tấn Hưng

US\$8.00 - CA\$11.50

15 gương phụ nữ

Nguyễn Hiến Lê

US\$6.50 - CA\$9.50

100 lời giải đáp sinh lý

Điệp Mẫn

US\$7.00 - CA\$10.00

200 món nấu ăn chay

Trần Văn Quý

US\$8.00 - CA\$11.50

3.000 năm một kiếp luân-hồi

Sách thiền

US\$8.00 - CA\$11.50

Án ma chân pháp

Phương pháp tác động

kinh huyết để trị bệnh

Hoàng Vũ Thăng

US\$10.00 - CA\$14.50

Alice vào xứ thần tiên

Sách thiếu nhi bằng

tranh Anh Việt

US\$5.00 - CA\$7.50

Anh Việt ngôn ngữ y

học đàm thoại

BS Nguyễn Hoàng Mai

US\$10.00 - CA\$14.50

Anh Việt Tự Điển

Xã Hội Học

BS Nguyễn Hoàng Mai

US\$30.00 - CA\$43.50

Bạc Liêu xưa và nay

Địa phương chí

Huỳnh Minh

US\$10.00 - CA\$14.50

Bát lăm quần thơ

Bói toán, địa lý

Thái Kim Oanh

US\$8.00 - CA\$11.50

Bát môn thần khoá

Bói toán, địa lý

Thái Kim Oanh

US\$8.00 - CA\$11.50

Bát tự lữ tài

Bói toán, xem giờ tốt

xấu

Thái Kim Oanh

US\$8.00 - CA\$11.50

Bên kia bờ đại dương

Thơ, Kha Huyền

US\$7.00 - CA\$10.00

Bệnh tiểu đường

Kiến thức phổ thông

BS RDG. Leslie, Hoàng

Minh Hùng dịch

US\$7.00 - CA\$10.00

Bí quyết trường thọ

Thiếu Lâm Tự

Đức Kiểm & Đức Viên

US\$8.50 - CA\$12.50

Cái chết của Lâm Bưu

Tài liệu Ng. Vạn Lý

US\$11.00 - CA\$16.00

Cấm nang xoa bóp trị bệnh

BS A. de Sambusy

US\$7.50 - CA\$11.00

Cấm nang xuất nhập cảng

Kiến thức phổ thông

US\$14.00 - CA\$20.00

Căn duyên tiền định

Bói toán, xem giờ tốt

xấu, Dương Công Hầu

US\$14.00 - CA\$20.00

Cây khế vàng

Truyện thiếu nhi bằng

tranh Anh Việt

US\$5.00 - CA\$7.50

Con mèo đi hia

Truyện thiếu nhi bằng

tranh Anh Việt

US\$5.00 - CA\$7.50

Con ngỗng vàng

Truyện thiếu nhi bằng

tranh Anh Việt

US\$5.00 - CA\$7.50

Cốt tủy khoa tử vi (Tuổi Tí)

Bói toán, Yên Tử Cư Sĩ

US\$15.00 - CA\$21.50

Cuộc tình đã lỡ

Tập truyện ngắn

Viên Lương

US\$11.00 - CA\$11.50

Cường lưu (Truyện dài)

Điệp Mỹ Linh

US\$17.00 - CA\$24.50

Cười chanh ớt

Truyện cười

US\$7.50 - CA\$11.00

Dòng sông định mệnh

Truyện dài

Doãn Quốc Sỹ

US\$6.00 - CA\$9.00

Đất lề quê thói

Phong tục, Nhất Thanh

US\$16.00 - CA\$23.00

Đồng không mông quanh

Truyện dài

Hồ Trường An

US\$14.00 - CA\$20.00

Đường về xứ Phật

Sách tôn giáo

Pasadika, Thích Minh

Châu và Thích Thiện

Châu dịch

US\$8.00 - CA\$11.50

Em bé bay

Truyện thiếu nhi bằng

tranh Anh Việt

US\$5.00 - CA\$7.50

Gánh hàng hoa

Truyện dài, Nhất Linh

& Khái Hưng

US\$6.50 - CA\$9.50

Giai thoại và sấm ký

Trạng Trình

Tài liệu, Phạm Đan Quế

US\$8.00 - CA\$11.50

Giải đáp những thắc

mắc về tình dục

Kiến thức phổ thông

US\$16.00 - CA\$23.00

Giang Thanh Mao

Trạch Đông, Tinh dục

và quyền lực

Tài liệu, Ng. Vạn Lý

US\$17.00 - CA\$24.50

Góp nhặt cát đá

Giai thoại thiền

Muju - Đỗ Đình Đồng

US\$7.00 - CA\$10.00

Hậu trường sân khấu

cải lương (Tập văn)

Trần Trung Quân

US\$15.00 - CA\$22.00

Hồ sơ mật Tân Đức

Quốc Xã (Tài liệu)

US\$14.00 - CA\$20.00

Kỷ niệm trên đồi

Truyện ngắn

Phan Thanh Giản

US\$12.00 - CA\$17.50

Khám phá những bí mật của bàn tay bạn gái

Bói toán, J. Ranald

US\$8.00 - CA\$11.50

Làm mai, lãnh nợ

Truyện ngắn

Nguyễn Văn Ba

US\$10.00 - CA\$14.50

Làng xưa phố cũ III

Tuyển tập thơ, truyện

Nhiều tác giả

US\$18.00 - CA\$26.00

Lạnh lùng

Truyện dài, Nhất Linh

US\$6.00 - CA\$9.00

Liều trai chí dị

Cổ văn Đào Trinh Nhất

US\$10.00 - CA\$14.50

Linh mục Damien giữa

thế giới người cùi

Tài liệu, Hoàng Quý

US\$10.00 - CA\$14.50

Lối cũ chẳng sao quên

Tập bút, Bích Huyền

US\$12.00 - CA\$17.50

Luận ngữ

Biên khảo, Ng. Hiến Lê

US\$13.00 - CA\$19.00

Ma thuật trắng, ma

thuật đen

Tài liệu

Đoàn Văn Thông

US\$14.00 - CA\$20.50

Màng lưới Hán Thành-

Mafia-Hoa Thịnh Đón

Tiểu thuyết

Trần Hồng phóng tác

US\$14.00 - CA\$20.50

Mầm xanh trong đá

Thơ, Tô Giang

US\$8.00 - CA\$11.00

Milarepa con người

siêu việt (Sách thiền)

Đỗ Đình Đồng dịch

US\$10.00 - CA\$14.50

Một chút hạnh phúc

nhỏ (Truyện ngắn)

Nguyễn Thị Ngọc Lan

US\$12.00 - CA\$17.50

Mùa đông quanh vắng

Truyện ngắn

Nguyễn Bá Đình

US\$10.00 - CA\$14.50

Mùa thu cuối cùng

Truyện ngắn

Hoàng Chính

US\$10.00 - CA\$14.50

Năm chàng kỳ dị

Truyện thiếu nhi bằng

tranh Anh Việt

US\$5.00 - CA\$7.50

Nông trại súc vật

Truyện dịch, G. Orwell,

Đỗ Khánh Hoan

US\$7.00 - CA\$10.00

Nghệ thuật coi tướng mặt

Bói toán, Thanh Hiền

US\$6.00 - CA\$9.00

Nghệ thuật bói bài

Bói toán

US\$6.00 - CA\$9.00

Nghệ thuật tạo hình

dân gian Việt Nam

Biên khảo

Huỳnh Hữu Ủy

US\$18.00 - CA\$26.00

Ngọc sáng trong hoa sen

Sách thiền

Nguyễn Phong

US\$20.00 - CA\$28.50

Nguyễn Tuân toàn tập

Nguyễn Tuân

US\$10.00 - CA\$14.50

Người Việt đất Việt

Phong tục, Toan Ảnh &

Cứu Long Giang

US\$16.00 - CA\$23.00

Nhà giáo họ Khổng

Biên khảo

Nguyễn Hiến Lê

US\$8.00 - CA\$11.50

Những bí ẩn đằng sau các cuộc thánh chiến tại VN

Nhận định, Lữ Giang

US\$20.00 - CA\$29.00

Những điểm nóng trên thế giới sau chiến

tranh lạnh (Thời sự)

Đào Trường Phúc

US\$12.00 - CA\$17.50

Những câu Anh văn thông dụng
Sách học Anh văn
Trần Ngọc Dung
US\$16.00 - CA\$23.00

Những con mèo quý phái
Truyện thiếu nhi bằng tranh Anh Việt
US\$5.00 - CA\$7.50

Những chuyện luân hồi hiện đại (Tài liệu)
Thích Tâm Quang
US\$10.00 - CA\$14.50

Những kinh nghiệm về khoa xem chỉ tay
Bói toán
Đoàn Văn Thông
US\$14.00 - CA\$20.00

Những năm tháng ấy
Hồi ký Vũ Ngọc Phan
US\$16.00 - CA\$23.00

Những ngày cuối cùng của JFK (Tài liệu)
US\$12.00 - CA\$17.50

Những người đàn bà bốc lửa (Tài liệu)
Đoàn Văn Thông
US\$14.00 - CA\$20.00

Những người đàn bà còn ở lại
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Ngạn
US\$12.00 - CA\$17.50

Những món ăn mới trong gia đình
Sách dạy nấu ăn, Anh Hoa Việt
Triệu Thị Chơí
US\$10.00 - CA\$14.50

Ở chốn không quen
Truyện ngắn
Nguyễn Ý Thuần
US\$10.00 - CA\$14.50

Phép xuất hồn
Sách tâm linh
Đỗ Thuần Hậu
US\$7.00 - CA\$10.00

Phong tục Việt Nam
Phong tục
Toán Ánh
US\$16.00 - CA\$23.00

Phù Tang tạp lục
Tập văn
Vi An
US\$10.00 - CA\$14.50

Quay trong cơn lốc
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Ngạn
US\$22.00 - CA\$32.00

Quê mẹ
Truyện ngắn
Thanh Tịnh
US\$6.00 - CA\$9.00

Sài gòn tap-pín-lù
Tập văn
Vương Hồng Sển
US\$15.00 - CA\$21.50

Số đỏ
Truyện dài
Vũ Trọng Phụng
US\$7.00 - CA\$10.00

Sau bức cấm thành nhà Nguyễn
Tài liệu
Hứa Hoàn
US\$12.00 - CA\$17.50

Tây Du Ký
Cổ văn (3 cuốn)
Ngô Thừa An dịch
US\$28.00 - CA\$41.00

Tây Tang huyền bí
Sách thiên
Nguyễn Phong dịch
US\$8.00 - CA\$11.50

Tí cô nương
Truyện thiếu nhi bằng tranh Anh Việt
US\$5.00 - CA\$7.50

Tiếng gọi nơi hoang dã
Truyện thiếu nhi bằng tranh Anh Việt
US\$5.50 - CA\$8.00

Tiếng Mỹ dễ nói
Sách học Anh văn
US\$12.00 - CA\$17.50

Tiếng Việt tuyệt vời
Nhận định văn học
Đỗ Quang Vinh
US\$13.00 - CA\$19.00

Tìm hiểu thánh kinh
Sách tôn giáo
US\$15.00 - CA\$21.50

Tình đẹp đất Long Hồ
Truyện dài
Hồ Trường An
US\$15.00 - CA\$21.50

Tình yêu và hôn nhân
Kiến thức phổ thông
US\$7.00 - CA\$10.00

Tha hương
Truyện ngắn
Ngô Du Trung
US\$10.00 - CA\$14.50

Thạch lưu hoa
Truyện dài
Quỳnh Dao
US\$6.50 - CA\$9.50

Thành Cát Tư Hãn, cuộc đời và sự nghiệp
Tài liệu
Nguyễn Trọng Khanh
US\$7.00 - CA\$10.00

Thủy linh
Truyện dài
Quỳnh Dao
US\$6.50 - CA\$9.50

Trà đạo
Kiến thức phổ thông
Okakura, Bảo Sơn dịch
US\$7.00 - CA\$10.00

Trang trại thần tiên
Truyện dài
Hồ Trường An
US\$14.00 - CA\$20.00

Trăm nghề làm giàu
Kiến thức phổ thông
Thanh Hiền
US\$12.00 - CA\$17.00

Trông vời quê cũ (miền Trung, tập I)
Tuyển-tập truyện ngắn quê-hương, 17 tác-giả
US\$12.00 - CA\$17.00

Truyện cười song ngữ Anh Việt
Đức Tài
US\$6.00 - CA\$9.00

Tự do Ki-tô giáo
Sách tôn giáo
US\$8.00 - CA\$11.50

Tử vi đẩu số
Bói toán
Vân Đăng Thái Thứ Lang
US\$11.00 - CA\$16.00

Tự điển Anh-Việt
Khổ lớn, 2.000 trang, 150.000 từ
US\$60.00 - CA\$87.00

Tự điển Truyện Kiều
Bìa cứng, chữ mạ vàng
Đào Duy Anh
US\$22.00 - CA\$32.00

Tuyển tập Hoàng Đông Phương
12 truyện ngắn, 12 tác giả
US\$10.00 - CA\$14.50

Tượng kỳ hậu vệ
Sách cờ tướng
Trọng Nhân dịch
US\$7.00 - CA\$10.00

Văn học Trung quốc hiện đại (Biên khảo)
Nguyễn Hiến Lê
US\$14.00 - CA\$20.00

Việt Nam binh sử võ đạo
Biên khảo
Cao Thế Dung
US\$25.00 - CA\$36.00

Việt Nam dưới mắt du khách
Du khảo
US\$14.00 - CA\$20.00

Việt Nam máu lửa quê hương tôi
Hồi ký Đỗ Mậu
US\$32.00 - CA\$46.50

Việt Nam quê hương tôi (Sách ảnh)
70 bức ảnh màu quê-hương, khổ lớn, giấy láng
Lê Quang Xuân
US\$42.00 - CA\$55.00

Việt Nam Quốc Dân Đảng
Tài liệu
Hoàng Văn Đào
US\$16.00 - CA\$23.00

Việt ngữ lớp 1
Nhóm Lửa Việt
US\$7.00 - CA\$10.00

Việt ngữ lớp 2
Nam Sơn
US\$7.00 - CA\$10.00

Việt ngữ lớp 5
Nhóm Lửa Việt
US\$7.00 - CA\$10.00

Vùng thôn trang diêm ảo (Truyện dài)
Hồ Trường An
US\$14.00 - CA\$20.00

Xếp Al Capone V
Truyện dài
Trường Sơn Lê Xuân Nhị
US\$25.00 - CA\$36.00

Xóm Nhị Tỳ
Truyện dài
Phùng Nhân
US\$15.00 - CA\$21.50

. Độc-giả tại Hoa-kỳ và Gia-nã-dại:

- Mua dưới 100 mỹ-kim (140 gia-kim): được bớt 10%.

- Mua trên 100 mỹ-kim (140 gia-kim): được bớt 15%.

- Mua trên 700 gia-kim (500 mỹ-kim): được bớt 20%.

. Độc-giả tại các nước khác (ngoài Hoa-kỳ và Gia-nã-dại):

- Mua dưới 50 mỹ-kim: xin trả thêm 10% tiền cước.

- Mua trên 50 mỹ-kim: miễn trả cước.

- Mua trên 100 mỹ-kim: miễn cước, được bớt 10%.

- Mua trên 500 mỹ-kim: miễn cước, được bớt 15%.

. Thư-từ, chi-phiếu xin đề:

Làng Văn
P.O. Box 218
Station "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada

MỖI
GIA-ĐÌNH
MỘT
TỦ SÁCH
VIỆT-NAM

Thông-báo của ASIA ENTERTAINMENT INC.

Gần đây có một nhóm người mạo-danh đại-diện các trung-tâm băng nhạc nhằm làm lũng-đoạn thị-trường nhạc Việt-nam bằng cách bán ra nhiều CD giả-mạo.

Do đó chúng tôi xin thông-báo đến các cửa hàng có sản-phẩm của ASIA nên thận-trọng và chỉ mua những mặt hàng chính-thức của công-ty để bảo-đảm phẩm-chất kỹ-thuật và giá-trị cho người tiêu-thụ.

Nếu quý tiệm có những mặt hàng bất-hợp-pháp, quý vị sẽ chịu hoàn-toàn trách-nhiệm về việc bồi-thường mọi tổn-thất trước pháp-luật

Asia Entertainment, Inc.

12832 Garden Grove Blvd., Ste. C, Garden Grove, CA 92643 (714) 636-6594

Ngày 25 tháng 7, năm 1994.

Kính Thưa Quý Vị,

Tôi, Vanessa Bach, nguyên giám-đốc của công-ty Asia Entertainment Inc., nơi đây, trao quyền cho ông Nguyễn Hữu Tài, đồng thời được biết dưới danh hiệu Vietnam Video Productions, để ông này nhân danh công-ty Asia Entertainment Inc., mà toàn quyền liên-hệ pháp-lý. Những quyền mà ông Tài được trao, gồm có quyền thương thuyết, truy tố, biện hộ mọi vấn-đề pháp-lý liên quan đến sự xâm phạm bản quyền tác giả của các mặt hàng của công-ty Asia tại Canada, kể cả về mặt dân sự cũng như là hình sự của luật-pháp Canada.

Công-ty Asia Entertainment cũng xác nhận rằng:
Vietnam Video Productions, địa chỉ:

6591 Lacordaire, Montréal, Québec, H1T 2K2, nguyên là đại-lý chính thức có quyền buôn bán những sản-phẩm của công-ty Asia.

Ký tên: (Vanessa Bach)
Giám đốc.

Tôi dưới đây chứng thực rằng Vanessa Bach đã đích thân trình diện trước mặt tôi, và chữ ký hiện lên tài-liệu này, chính là chữ ký của Vanessa Bach.

Ngày 26, tháng 7, năm 1994.

Ký tên: (Denis W. Whitney)
Lãnh sự Canada tại Los Angeles.

(Dấu mộc: Tổng Lãnh Sự Canada tại Los Angeles).

Tôi chứng thực rằng đây là bản dịch trung thực của tài liệu chính viết bằng Anh ngữ.

NGUYỄN ĐÔNG-PHỐ, chứng-khê

Nguyễn Đông-Phổ notaire

Asia Entertainment, Inc.

12832 Garden Grove Blvd., Ste. C, Garden Grove, CA 92643 (714) 636-6594

July 25, 1994

To Whom It May Concern:

I, Vanessa Bach, president of Asia Entertainment, Inc. hereby assign Mr. Huu Tai Nguyen also known as Vietnam Video Productions, the right to pursue all legal matters on behalf of Asia Entertainment, Inc. Such rights shall include the rights to negotiate, prosecute, litigate all legal matters relating to infringement of Asia's Copyrighted products in Canada in civil as well as criminal aspect of Canada law.

Asia Entertainment also acknowledged that Vietnam Video Productions, address 6591 Lacordaire Montreal PQ H1T2K2, shall be an authorized agent representing Asia in distribution of Asia's products.

Vanessa Bach 7/26/94
Vanessa Bach Date
President

I hereby certify that VANESSA BACH appeared personally before me and that the signature appearing on this document is respectively the signature of the said Vanessa Bach:

dated July 26, 1994

DENIS W. WHITNEY
GENERAL CONSOLE IN LOS ANGELES



Mọi chi-tiết về cassette, CD, băng video của công-ty ASIA tại Canada xin liên-lạc:

Ông NGUYỄN HỮU TÀI

Điện-thoại: (514) 597-7175

Đại-diện chính-thức và hợp-pháp cho ASIA ENTERTAINMENT INC.
trên toàn cõi Canada.

Một lần nữa ASIA ENTERTAINMENT đã đi tiên-phong trong lãnh-vực Video nhằm mang lại cho khán-thính-giả trên hoàn-cầu món quà Noël độc-đáo chưa từng có trong video Việt-nam tại hải-ngoại:

VIDEO **Đêm Sài-Gòn 5**

Đặc-biệt Giáng-sinh

Chủ-đề: Giáng-Sinh và Tình-huyền

. Thành-phần nghệ-sĩ:

Ngọc Lan - Công Thành & Lyn - Nguyễn Cao Kỳ Duyên
NiNi - Uyên My - Hạ Vy - Duy Quang - Don Hồ
Thanh Lan - Trizzie Phương Trinh - Trung Hành
Nhu Quỳnh - Mạnh Đình - Quỳnh Hương - Tuấn Ngọc
Kenny Thái - Lâm Thúy Vân - Thùy Dương - Julie
Sơn Tuyền - Lâm Nhật Tiến - Elvis John

. **Đặc-biệt Điều-khiển chương-trình:** Do tất cả các nghệ-sĩ đảm-trách.

. Quí vị sẽ được dịp thưởng-thức một mùa Noël ấm-cúng trong không khí gia-đình ASIA do Công Thành và Nguyễn Cao Kỳ Duyên điều-hợp.

. Lần đầu-tiên với sự hợp-tác của tất cả các nghệ-sĩ từ đầu đến cuối chương-trình.

. Món quà Noël vô cùng giá-trị mà tất cả các gia-đình Việt-nam không thể thiếu trong Đêm Giáng-Sinh

Xin liên-lạc:

ASIA ENTERTAINMENT tại Canada, qua:

Việt-Nam Video

Độc-quyền phát-hành toàn cõi Canada

6591 Lacordaire

Montréal, PQ H1T 2K2

Tel: (514) 597-7175 / (514) 256-7912

Giá bán:

\$25.00

một bộ 2 cuốn

(kể cả cước-phí)

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Nhà văn AN KHÊ NGUYỄN BÌNH THỊNH

đã tạ-thế ngày 9 tháng 11 năm 1994 tại Marignane, Pháp-quốc, hưởng thọ 72 tuổi,

chúng tôi vô cùng thương-tiết; xin chia buồn cùng chị An Khê, các cháu và quý tang-quyển. Kính chúc hương linh anh sớm về miền Cực-lạc.

ÔB Văn Lang Trần Văn Ân (Pháp)
ÔB Lãng Nhân Phùng Tất Đắc (Anh)
ÔB Hương Giang Thái Văn Kiếm (Pháp)
ÔB Hồ Trọng Khôi (Pháp)
ÔB Hoài Việt Nguyễn Văn Hương (Pháp)
ÔB Phạm Đình Tín, Thanh Phương (Paris)
ÔB Đình Văn Khai (Gia-nã-đại)
ÔB Huyền Vũ (Hoa-kỳ)
Quả-phụ Nguyễn Ang Ca
ÔB Đặng văn Nhâm (Đan-mạch)
ÔB Bạch Thái Hà (Pháp)
ÔB Huỳnh Tâm (Pháp)
ÔB Yên-tử Trần Đại Sỹ (Pháp)
ÔB Phạm Thắng (Gia-nã-đại)
Ô Hồ Trường An (Pháp)
Gia-đình Nguyễn Thị Khánh Hòa (Pháp)
ÔB Hiếu Đệ (Hoa-kỳ)
ÔB Lê Quang Xuân (Gia-nã-đại)
Ô Ngô Nguyên Dũng (Đức)
ÔB Nguyễn Văn Ba (Gia-nã-đại)
Nguyễn Hương, Nguyễn Hữu Nghĩa
Tạp-chí Làng Văn (Gia-nã-đại)

CHIA BUỒN

Nhận được tin trẽ

Anh HOÀNG PHÚC

đã qua đời tại Montréal, Gia-nã-đại ngày 21 tháng 10 năm 1994, hưởng thọ 50 tuổi,

xin thành-kính phân-ưu cùng chị Kim Tuấn và quý tang-quyển; chúc hương hồn anh sớm về nơi an-nghỉ đời đời.

Đào Trường Phúc
Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn

Quả-phụ PHẠM HƯƠNG Khuê danh Mattha Nguyễn Thị Lý

đã tạ-thế ngày 28 tháng 10 năm 1994 tại Los Angeles, hưởng thọ 82 tuổi,

Kính chúc linh-hồn Bà sớm hưởng nhan thánh Chúa.

Thành-kính phân-ưu cùng:

các cậu:

Phạm Hậu (nhà thơ Nhất Tuấn)

Phạm Huấn (nhà văn)

Phạm Long

Phạm Hùng

các cô:

Phạm Kim Thoa

Phạm Kim Thủy

và toàn-thể tang-quyển.

Cháu ở xa,
Gia-đình Nguyễn Hữu Ngũ
Canada

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Nhà văn NGỌC KHÔI (Lưu Uyên Khôi)

đã qua đời tại Pháp ngày 17.10.1994, hưởng dương 34 tuổi,

Xin chia buồn cùng quý tang-quyển và chúc hương hồn anh sớm về nước Chúa.

Ô Hồ Trường An (Pháp)

Ô Ngô Nguyên Dũng (Đức)

ÔB Nguyễn Văn Ba (Gia-nã-đại)

Nguyễn Hương, Nguyễn Hữu Nghĩa

Tạp-chí Làng Văn (Gia-nã-đại)

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-diễn Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-dông, Quan-thoại, Việt-ngữ,... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,... Tiểu-thuyết, truyện ngắn,... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mỹ, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-diễn, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI



**Homelife Realty
Centre Corp.**

Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative

(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VU TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



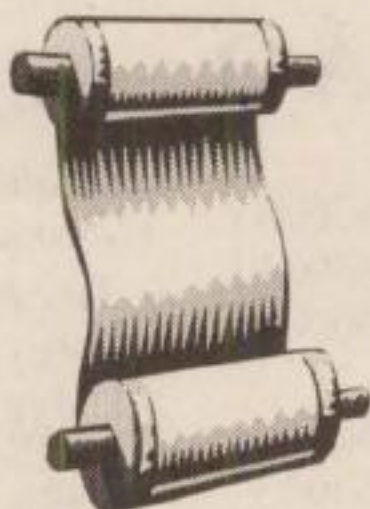
2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
Res: (905) 455-2716
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-9344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

**ĐẾN TORONTO, XIN MỜI QUÍ KHÁCH
GHÉ QUA NHÀ HÀNG THANH-LỊCH NHẤT:**



RESTAURANT

South VIET NAM

444 Spadina Ave. (góc College St., ngay phố tàu)
ĐT: (416) 960-2032

- ☐ Thức ăn thuần-túy VN
- ☐ Có sàn nhảy
- ☐ Có thực-đơn riêng cho đám tiệc

☐ **Hệ-thống Karaoke**

☐ **Đặc-biệt: tiệc cưới.**

sinh-nhật, họp bạn, giáng-sinh, tất-niên (thực-đơn 9 món sang-trọng, giá mỗi bàn 10 người từ 200\$ đến 250\$; có thể bớt món, bớt tiền)



**CUỐI TUẦN: CHÁO LÒNG DÒI, CHÁO CÁ,
BÁNH CANH CUA, BÁNH XÈO.**

Mở cửa 7 ngày:

Chủ-nhật - Thứ năm: 12g trưa - 10g tối
Thứ sáu, Thứ bảy: 12g trưa - 11g tối

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LƯƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

ÔNG LANG Bướm VÀNG

ĐÔNG Y-SĨ, TỬ-VI GIA

đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn

1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA

Điện-thoại: (408) 926-5770 - Fax: (408) 926-5770



1994, 83 tuổi, 44 năm kinh-nghiệm Gần 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cảm ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bệnh:

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.

- Mồ hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bệnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.

- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rã, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.

ĐƯỜNG VÀO MỸ DỄ NHẤT



Bằng cách xin vào để học Anh-ngữ. Chúng tôi có đầy đủ tin-tức về các viện giảng dạy Anh-ngữ cho sinh-viên

ngoại-quốc: địa-chỉ, học-phí, điều-kiện và cách làm visa,... Xin thư về, kèm theo *international money order* US\$50.00 (năm mươi) mỹ-kim:

Mr. HO

P.O. Box 5499

Winter Park, FL 32793, USA



BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA?

Dọn Đường Về Nước

Bình-luận thời-sự chính-trị của Nguyễn Hữu Nghĩa

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 kỳ: US\$800

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang: 1 kỳ: US\$40 3 kỳ: US\$30/kỳ

1/4 trang: 1 kỳ: US\$70 3 kỳ: US\$50/kỳ

1/2 trang: 1 kỳ: US\$120 3 kỳ: US\$85/kỳ

1 trang: 1 kỳ: US\$200 3 kỳ: US\$150/kỳ

2 trang: 1 kỳ: US\$300 3 kỳ: US\$210/kỳ

dài hạn: US \$300/kỳ

dài hạn: US\$300/kỳ

dài hạn: US\$500/kỳ

dài hạn: US\$25/kỳ

dài hạn: US\$40/kỳ

dài hạn: US\$75/kỳ

dài hạn: US\$120/kỳ

dài hạn: US\$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THỂ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.

- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.

- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

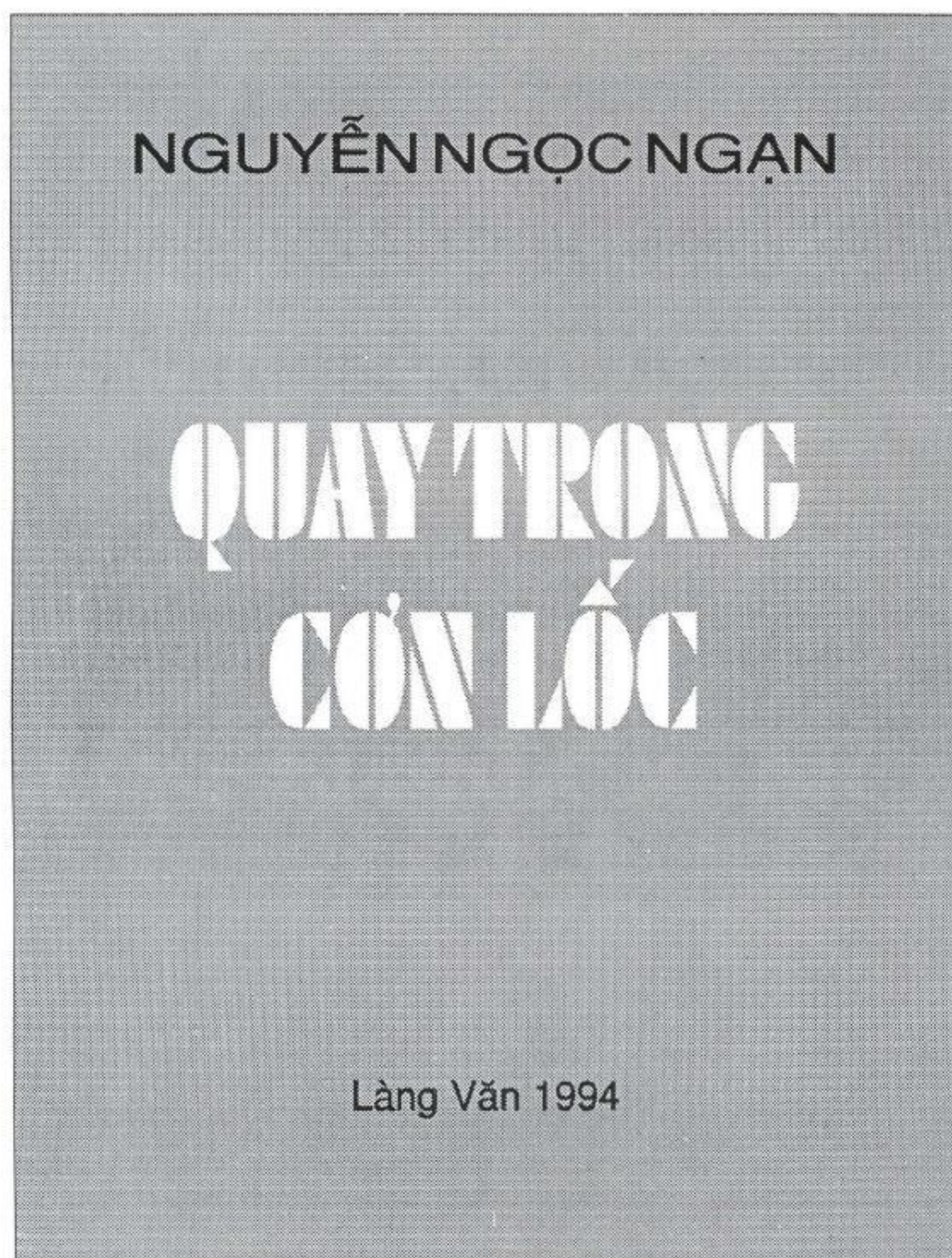
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada

(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

120 làng văn

Đã phát-hành khắp nơi
truyện dài mới nhất của
NGUYỄN NGỌC NGẠN



giá 22 mỹ-kim (132 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

(độc-giả dài hạn được bớt 10%)

BENLUX
P A R I S

DUTY FREE

BENLUX

TIỆM BÁN ĐỒ MIỄN THUẾ
LỚN NHẤT PARIS

BENLUX
P A R I S

ĐẶC-BIỆT
CHO
NGƯỜI VIỆT-NAM
-25% TỚI -40%

174 RUE DE RIVOLI, 75001 PARIS

Tél: 42-96-89-44 – Métro: Palais Royal

*Trung tâm bán mỹ-phẩm và đồ trang-sức nổi tiếng
rẻ và đẹp nhất
của thủ-đô Pa-lê*

Giảm giá đặc-biệt cho khách hàng Á-đông
từ **-25%** đến **-40%**



Đến **BENLUX**, quý vị sẽ tìm thấy những mỹ-phẩm như: dầu thơm, son phấn, đồng hồ, kính mắt, hộp quẹt, viết máy, ví xách tay, cà-vạt, khăn choàng, quần áo với các hiệu nổi tiếng như Cartier, Chanel, Christian Dior, Hermès, Guy Laroche, Givenchy, Nina Ricci, Yves Saint Laurent, Lancôme, Sisley, v.v.

Cho người Á-đông với giá thật rẻ và hàng tốt mà quý vị sẽ không tìm thấy ở nơi khác.

Đến **BENLUX**, quý vị sẽ được đón-tiếp niềm-nở và sẵn-sàng phục-vụ với các nữ tiếp-viên nổi tiếng Hoa, Việt, Thái, Lào và Cam-bốt. Quý khách mang theo quảng-cáo này sẽ được một tặng-phẩm.

Đến **BENLUX**, quý vị sẽ có dịp so-sánh giá và phẩm-chất, những sản-phẩm mà quý vị cần mua.